

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

KỶ YẾU

ĐỀ TÀI KHOA HỌC CẤP CƠ SỞ
(1998 - 1999)

NGHIÊN CỨU MỘT SỐ TÁC PHẨM KINH ĐIỂN
CỦA C.MÁC, PH.ĂNGGHEN VÀ V.I.LÊNIN
TRÊN CƠ SỞ NHẬN THỨC MỚI
VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

Chủ nhiệm đề tài : TS. PHAN THANH KHÔI

Cơ quan chủ trì : VIỆN CHXHKH

Hà Nội - 2000

3599

26/6/2000

MỤC LỤC

1. C.Mác và Ph.Ăngghen - Tuyên ngôn của Đảng cộng sản GS, TS. Trịnh Quốc Tuấn	1
2. C.Mác - Đấu tranh giai cấp ở Pháp TS. Nguyễn Văn Oánh	24
3. C.Mác - Ngày 18 tháng Sương mù của Louis Bonaparte TS. Nguyễn Văn Oánh	33
4 - C.Mác - Nội chiến ở Pháp GS.TS. Trịnh Quốc Tuấn	56
5. C.Mác - Phê phán cương lĩnh Gôtha TS. Phan Thanh Khôi	70
6. Ph.Ăngghen - Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ không tưởng thành khoa học TS. Nguyễn Thanh Tuấn	84
7. Ph.Ăngghen - Nguồn gốc của gia đình của chế độ tư hữu và của nhà nước. Th. sĩ Dương Thị Minh	103
8. Ph.Ăngghen - Vấn đề nông dân ở Pháp và ở Đức Th. sĩ Nguyễn Hoàng Cẩm	117
9. V.I.Lênin - Hai sách lược của Đảng dân chủ - xã hội trong cách mạng dân chủ TS. Nguyễn Quốc Phẩm	129
10. V.I.Lênin - Về quyền dân tộc tự quyết Th. sĩ Nguyễn Thị Ngân	141
11. V.I.Lênin - Nhà nước và cách mạng TS. Phan Thanh Khôi	156
12. V.I.Lênin - Những nhiệm vụ trước mắt của chính quyền xô viết TS. Nguyễn Quốc Phẩm	178
13. V.I.Lênin - Đại hội VIII Đảng cộng sản (b) Nga PGS. TS. Nguyễn Đức Bách	187

14. V.I.Lênin - Kinh tế chính trị trong thời đại chuyên chính vô sản	198
TS. Nguyễn Văn Oánh	
15. V.I.Lênin - Bàn về thuế lương thực	204
PGS, TS. Nguyễn Đức Bách	
16. V.I.Lênin - Bàn về chế độ hợp tác	212
PGS, TS. Nguyễn Đức Bách	
17. V.I.Lênin - Thà ít mà tốt	218
PGS, TS. Nguyễn Đức Bách	

"TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN"

C.Mác - Ph.Ăngghen

(C.Mác - Ph.Ăngghen: Tuyển tập, Nxb. Sự thật, Hà nội, 1993, t.1)

I- HOÀN CẢNH RA ĐỜI TÁC PHẨM

Tác phẩm "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" do C.Mác và Ph.Ăngghen cùng soạn thảo vào cuối năm 1874 và được xuất bản lần đầu tiên vào khoảng tháng 3 năm 1848.

Sự ra đời của tác phẩm này đánh dấu những bước ngoặt vĩ đại:

- Đó trước hết là bước ngoặt trong quá trình phát triển của các tư tưởng xã hội chủ nghĩa từ không tưởng trở thành khoa học.

- Đó còn là bước ngoặt trong phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân từ tự phát tới tự giác, được hướng dẫn bởi lý luận khoa học và cách mạng, tổ chức thành chính đảng và có cương lĩnh chính trị soi đường.

Chính vì thế "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" đã gắn liền với vận mệnh của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, phong trào đấu tranh của nhân dân lao động các nước và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới. Qua thử thách của thực tiễn, giá trị của Tuyên ngôn càng được thời gian khẳng định.

42 năm sau khi Tuyên ngôn ra đời, Ph.Ăngghen cho biết, nó đã trở thành "tác phẩm phổ biến hơn cả có tính quốc tế hơn cả, trong tất cả các văn. phẩm xã hội chủ nghĩa" và nó đã là "cương lĩnh chung của hàng triệu công nhân tất cả các nước từ xi-bia đến california" [525]

Từ thực tiễn thời đại mình, V.I.Lênin nhận xét: "Cuốn sách mỏng ấy có giá trị bằng hàng bộ sách, tinh thần của nó đến bây giờ vẫn cổ vũ và thúc đẩy toàn thể giai cấp vô sản có tổ chức và chiến đấu trong thế giới văn minh. (V.I.Lênin: C.Mác và chủ nghĩa Mác, Nxb Sự thật, Hà nội, 1956, tr.11). Vậy "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" đã ra đời trong điều kiện và hoàn cảnh nào?

1- Tác phẩm xuất hiện trong điều kiện chủ nghĩa tư bản còn trên đà phát triển, nhưng mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất mang tính xã hội và quan hệ sản xuất dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa đã bộc lộ gay

gắt, cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân chống lại giai cấp tư sản bước sang giai đoạn mới.

Vào khoảng giữa thế kỷ XIX, chủ nghĩa tư bản ở Châu Âu đã đạt được những bước phát triển quan trọng. Cuộc cách mạng công nghiệp đã hoàn thành về cơ bản ở Anh, đang được đẩy mạnh ở Pháp và cũng bắt đầu diễn ra ở một số nước khác làm cho lực lượng sản xuất phát triển mạnh mẽ. Tiến trình ấy, một mặt, khẳng định sự chiến thắng của chế độ tư bản đối với chế độ phong kiến, nhưng mặt khác, đã đẩy hai giai cấp mới lên vũ đài chính trị: giai cấp tư sản và giai cấp vô sản hiện đại (giai cấp công nhân).

Mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất đã mang tính xã hội cao với quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa bắt đầu trở nên gay gắt với những biểu hiện mới: Khủng hoảng sản xuất thừa và nạn thất nghiệp. Tình trạng tương phản giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản bộc lộ rõ ràng hơn bất cứ thời kỳ nào trước đó. Đằng sau bộ mặt phồn vinh, xa hoa lộng lẫy của chủ nghĩa tư bản là cảnh sống cực khổ của những người lao động làm thuê. Mâu thuẫn giữa tư sản và quý tộc phong kiến chưa được giải quyết triệt để thì mâu thuẫn giữa tư sản và vô sản đã trở nên gay gắt. Những cuộc đấu tranh quyết liệt của công nhân ở nhiều nước trong những năm 30 và 40 của thế kỷ XIX đã chứng thực tình hình đó. Năm 1831, công nhân ở thành phố Ly-ông (Pháp) khởi nghĩa, với lá cờ đen ghi dòng chữ "Sống có việc làm hay là chết trong chiến đấu". Ba năm sau, cũng tại đây, công nhân lại khởi nghĩa với lá cờ đỏ và dòng chữ mang ý nghĩa kinh tế trước đây được thay bằng khẩu hiệu có ý nghĩa chính trị "Cộng hoà hay là chết". Phong trào Hiến chương của công nhân Anh kéo dài suốt 10 năm (1838-1848), thật sự là cuộc đấu tranh chính trị có quy mô toàn quốc đầu tiên của giai cấp công nhân Anh. Ở Đức, tình trạng đối kháng giai cấp cũng phát triển đến mức làm nổ ra cuộc khởi nghĩa của những người thợ dệt ở Xi-lê-di vào năm 1844, một cuộc đấu tranh mang tính quần chúng rộng rãi.

Những cuộc đấu tranh nói trên chứng tỏ rằng lúc này vai trò của giai cấp vô sản đã nổi dần trên vũ đài chính trị với tư cách là một lực lượng xã hội độc lập, đồng thời cũng báo hiệu thời kỳ giai cấp này đánh vào kẻ thù chính của mình là giai cấp tư sản.

2- Tác phẩm ra đời vào thời điểm quyết định trong quá trình chuyển biến của chủ nghĩa xã hội từ không tưởng thành khoa học, đồng thời bắt đầu thời kỳ mới chủ nghĩa xã hội khoa học đấu tranh với các trào lưu tư tưởng lỗi thời và phản động để tham nhập phong trào công nhân.

Nhìn chung vào thời kỳ này chủ nghĩa tư bản còn đang trên đà phát triển. Những mâu thuẫn vốn có của nó tuy đã bộc lộ và ngày càng sâu sắc, vẫn chưa phát triển đến mức cao nhất. Mặt khác, giai cấp công nhân cũng chỉ mới bắt đầu bước vào con đường đấu tranh tự giác chống chủ nghĩa tư bản. Vì thế trong phong trào công nhân ở nhiều nước, kể cả trong những người lao động tiên tiến, còn chịu nhiều ảnh hưởng của các học thuyết xã hội chủ nghĩa không tưởng, tiểu tư sản.

Các tư tưởng xã hội chủ nghĩa không tưởng đã xuất hiện từ rất lâu trong lịch sử, kể từ khi xã hội có mâu thuẫn đối kháng giữa kẻ giàu và người nghèo. Như V.I.Lênin đã viết: "Đã lâu rồi, đã hàng bao thế kỷ nay, thậm chí hàng ngàn năm nay, nhân loại mong ước thủ tiêu" lập tức "mọi sự bóc lột" (V.I.Lênin. Toàn tập; T.12. Nxb Tiến bộ Matxcova, 1979, tr.53) và "...xoá bỏ sự khác nhau giữa người giàu và người nghèo. Đó là một nguyên vọng có tính chất xã hội chủ nghĩa" (V.I.Lênin. Toàn tập; t.13. Nxb Tiến bộ Matxcova, 1980, tr.159)

Đến giai đoạn phát triển đầu tiên của chủ nghĩa tư bản (từ thế kỷ XVI đến những năm 40 của thế kỷ XIX) các tư tưởng xã hội chủ nghĩa không tưởng có bước phát triển mới trong đó thể hiện tâm trạng bất bình của đông đảo những người lao động trước những thủ đoạn bóc lột dã man và tàn bạo của giai cấp tư sản mới lên. Nó phê phán đánh thép những ung nhọt của chủ nghĩa tư bản, đưa ra nhiều dự đoán thiên tài về con đường phát triển của xã hội và về xã hội tương lai, khẳng định sự cần thiết phải thay thế chế độ tư bản chủ nghĩa bằng chế độ xã hội chủ nghĩa. Ba nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng vĩ đại đầu thế kỷ XIX Hăngri Xanh-xi-mông, Sác-lơ phu-ri-ê và Rô-be Ô-oen đã được C.Mác xem là những "Thủy tổ của chủ nghĩa xã hội" và học thuyết của các ông được coi là một trong ba nguồn gốc lý luận của chủ nghĩa Mác.

Song, các tư tưởng xã hội chủ nghĩa không tưởng đã có nhiều hạn chế. Những nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng không giải thích đúng bản

chất của ách bóc lột tư bản chủ nghĩa, chưa phát hiện ra quy luật phát triển của xã hội đó, chưa nhìn thấy giai cấp sẽ đi đầu trong công cuộc cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới là giai cấp công nhân. Họ muốn xây dựng một xã hội mới tốt đẹp, nhưng bằng con đường thuyết phục, giáo dục, nêu gương, chứ không phải bằng con đường đấu tranh cách mạng cải biến cách mạng.

Phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản càng phát triển, trình độ giác ngộ của giai cấp này càng chín muồi thì những hạn chế nói trên của chủ nghĩa xã hội không tưởng càng bộc lộ rõ nét.

Bên cạnh ảnh hưởng của các tư tưởng xã hội chủ nghĩa không tưởng, thời kỳ giữa thế kỷ XIX còn những người xã hội chủ nghĩa tư sản kiểu Lu-i Bơ-lăng, chủ trương điều hoà tư sản với vô sản, kiểu Pơ-ru-ông chủ trương xoá bỏ chế độ tư hữu lớn tư bản chủ nghĩa nhưng duy trì mãi mãi chế độ tư hữu nhỏ của những người tiểu sản xuất. Ngoài ra, lúc này còn có cả những người cộng sản không tưởng kiểu Vây-tơ-linh. Những người này đang có ảnh hưởng mạnh trong phong trào vô sản. Tuy họ đã nhận thức được rằng chỉ làm cải cách chính trị thì không đủ mà phải có một cuộc cải cách biến xã hội về căn bản. Song thứ chủ nghĩa cộng sản này mới được phác hoạ ra theo bản năng chứ chưa có cơ sở khoa học, chưa xuất phát từ sự hiểu biết các qui luật phát triển của xã hội, chưa thấy rõ nguyên nhân quyết định sự phát triển của xã hội là phương thức sản xuất của cải vật chất và người đi đầu trong quá trình sáng tạo ra xã hội mới là giai cấp công nhân...

Đứng trước cuộc đấu tranh giai cấp này càng gay gắt giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản, các trào lưu trên đây, do không có cơ sở khoa học và thực tiễn, đều trở nên lỗi thời và gây tác động tiêu cực, kìm hãm bước tiến của phong trào. Do đó, để thâm nhập vào phong trào công nhân, chủ nghĩa xã hội khoa học phải đấu tranh khắc phục ảnh hưởng tiêu cực của các trào lưu đó.

3- Tác phẩm ra đời khi phong trào công nhân hướng tới thành lập tổ chức quốc tế - Đồng minh những người cộng sản - và trở thành cơ sở lý luận, cương lĩnh chính trị của Tổ chức quốc tế đó.

Ngay từ 1836, tổ chức Đồng minh những người chính nghĩa đã ra đời. Tuy bao gồm những người vô sản tiên tiến thuộc nhiều dân tộc, nhưng tổ chức đó

chưa thoát khỏi vòng vây của những quan điểm xã hội chủ nghĩa không tưởng cùng những lễ thói hoạt động theo lối âm mưu, phiêu lưu, mạo hiểm của một nhóm người tách rời quần chúng. C.Mác và Ph.Ăngghen không tán thành những quan điểm xã hội - chính trị hỗn độn, mơ hồ và những mưu toan hành động lâm lạc của Đồng minh những người chính nghĩa. Bằng chứng là, cho đến trước năm 1847, C.Mác và Ph.Ăngghen từ chối tham gia Đồng minh, mặc dù hai ông vẫn có ý thức theo dõi những hoạt động của Đồng minh, tìm cách cho những quan điểm duy vật lịch sử và cộng sản chủ nghĩa đúng đắn của mình thâm nhập tổ chức ấy và những người lãnh đạo tổ chức ấy đi theo hướng đúng.

Đến mùa xuân năm 1847, Giô-dép-môn, một trong những người lao động Đồng minh, tìm gặp C.Mác và Ph.Ăngghen, tha thiết đề nghị hai ông gia nhập Đồng minh. G.Môn tỏ ý thừa nhận những quan điểm lý luận của hai ông và muốn đưa Đồng minh thoát khỏi những quan niệm lễ thói cũ. Lần này C.Mác và Ph.Ăngghen đã nhận lời vì hai ông thấy đã đến lúc có thể và cần cải tổ Đồng minh thành một tổ chức có khả năng tuyên truyền những quan điểm cách mạng đúng đắn trong giai cấp công nhân.

Mùa hè năm 1847. Đại hội lần thứ nhất của Đồng minh họp ở Luân Đôn với sự có mặt của Ph.Ăngghen, nhằm mục đích là cải tổ Đồng minh. Đồng minh những người chính nghĩa được đổi tên thành Đồng minh những người cộng sản. Khẩu hiệu có tính tiểu tư sản, siêu giai cấp "Tất cả mọi người đều là anh em" được thay bằng khẩu hiệu có tính chiến đấu và cách mạng "Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại". Đại hội đã thông qua điều lệ của Đồng minh, đã tuyên bố mục đích của Đồng minh là làm cách mạng lật đổ giai cấp tư sản, xác lập quyền thống trị của giai cấp công nhân trên cơ sở xây dựng nên một xã hội mới không có tư hữu, không còn giai cấp. Sau Đại hội lần thứ nhất này, Ph.Ăngghen đã soạn thảo ra một cách cụ thể dưới hình thức văn đáp bản Cương lĩnh của Đồng minh tức là cuốn Những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản. Nhưng bấy giờ, tác phẩm này không được xuất bản, bản thân Ph.Ăngghen cũng cho rằng đó mới là phác thảo chuẩn bị cho một bản tuyên ngôn chính thức.

Cuối tháng 11 đầu tháng 12 năm 1847 Đồng minh họp đại hội lần thứ hai.

có cả C.Mác và Ph.Ăngghen cùng tham gia. Đại hội đã thảo luận và nhất trí thông qua những nguyên lý lý luận do hai ông đề ra và bảo vệ. Trên cơ sở sự nhất trí ấy, hai ông được uỷ thác thảo ra bản tuyên ngôn chính thức. Tuyên ngôn của Đảng cộng sản đã được soạn thảo xong vào tháng 2 năm 1848 và được xuất bản ngay sau đó. Ph.Ăngghen cho biết "...Ngày Tuyên ngôn của Đảng cộng sản xuất bản rơi gần đúng vào ngày 18 tháng Ba năm 1848, ngày nổ ra những cuộc cách mạng ở Mi-lan và Bá-linh" [533]

Như vậy, Tuyên ngôn của Đảng cộng sản chẳng những là một tác phẩm lý luận mà còn là một bản cương lĩnh cách mạng đầu tiên của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. C.Mác và Ph.Ăngghen chỉ rõ: Tuyên ngôn là "một cương lĩnh của Đảng có đầy đủ chi tiết, vừa về mặt lý luận vừa về mặt thực tiễn để đưa ra công bố" [503]

4- Tác phẩm ra đời là kết quả của sự chuyển biến từ lập trường dân chủ cách mạng sang lập trường xã hội chủ nghĩa và là kết quả của sự hoạt động sáng tạo về lý luận và thực tiễn của C.Mác và Ph.Ăngghen.

Là sản phẩm của thời đại mình, C.Mác và Ph.Ăngghen đã phát huy cao độ vai trò của nhân tố chủ quan mà kết quả là hai ông đã chuyển biến từ lập trường duy tâm sang lập trường duy vật, đồng thời từ lập trường dân chủ cách mạng sang lập trường xã hội chủ nghĩa. Sự chuyển biến đó nhờ 3 điều kiện sau đây:

- Sự uyên bác về trí tuệ là "chiếc cầu" sớm hoà nhập hoạt động trí tuệ của hai ông vào "dòng tư duy của thời đại" ở thời điểm bước ngoặt của kỷ nguyên tư bản chủ nghĩa, trùng hợp với sự chuyển tiếp từ nửa thứ nhất sang nửa thứ hai của lịch sử cận đại.

- Lòng trung thành vô hạn với lợi ích của giai cấp công nhân và sự kiên định lập trường của giai cấp đó đem lại cho các ông sự cảm nhận trực tiếp nhu cầu bức thiết của một giai cấp bị áp bức, bóc lột nhất trong xã hội tư bản, phát hiện ra lực lượng xã hội có thể và cần phải đóng vai trò chủ đạo trong công cuộc đổi mới cách mạng toàn bộ xã hội. Điều đó còn tạo cho hai ông môi trường để xác định cho mình thế giới quan của một giai cấp tiên tiến mà chỉ có từ đó mới nhận thức được đầy đủ các qui luật khách quan đang vận động trong xã hội đầy mâu thuẫn và biến động.

- Sự kết hợp nhuần nhuyễn và ở mức độ mẫu mực giữa hoạt động lý luận với hoạt động thực tiễn - hướng lý luận vào thực tiễn, khái quát thực tiễn lên trình độ lý luận - đã đem lại cho các ông sự "gặt hái" cực kỳ to lớn.

Hai ông đã kế thừa một cách có phê phán và cải tạo một cách căn bản triết học cổ điển Đức, kinh tế chính trị học Anh và chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp, đồng thời, thâm nhập và khái quát kinh nghiệm thực tiễn phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân để từng bước hình thành học thuyết của mình.

Hai ông đã hoàn thành cuộc cách mạng sâu sắc nhất trong quan niệm của người ta về nội dung và xu thế phát triển khách quan của đời sống xã hội, đã giải đáp một cách khoa học những vấn đề mà các nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng đã nêu ra nhưng chưa giải đáp nổi.

Phát kiến thứ nhất của C.Mác - những quan điểm về duy vật lịch sử - đã có một ý nghĩa khoa học và cách mạng rất to lớn trong lĩnh vực ý thức xã hội.

Vận dụng một cách sáng tạo những quan điểm duy vật về lịch sử vào việc phân tích nền sản xuất tư bản chủ nghĩa C.Mác đã đi tới phát kiến lớn thứ hai - lý luận về giá trị thặng dư. C.Mác chỉ ra rằng trong quá trình bán sức lao động giai cấp vô sản đã bị bóc lột giá trị thặng dư. Lý luận về giá trị thặng dư của C.Mác chứng minh rằng việc giai cấp tư sản chiếm đoạt phần lao động không được trả công của người vô sản làm thuê là hình thức cơ bản của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Những phát hiện trên là căn cứ vững chắc để C.Mác và Ph.Ăngghen khẳng định rằng mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ngày càng phát triển và biểu hiện thành mâu thuẫn không thể điều hoà giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản. Giai cấp vô sản là lực lượng cách mạng được lịch sử giao phó sứ mệnh lãnh đạo toàn thể những người lao động trong công cuộc cải tạo xã hội tư bản thành xã hội xã hội chủ nghĩa.

Trải qua một quá trình khảo nghiệm năng động của C.Mác và Ph.Ăngghen mà hành trình tư tưởng của hai ông được ghi nhận trong hàng loạt tác phẩm thời trẻ - "Lời tựa cuốn Phê phán Triết học pháp luật của Hêghen", "Bản thảo kinh tế - triết học 1844", "Tính cách giai cấp công nhân Anh", "Gia đình thần thánh", "Hệ tư tưởng Đức", "Sự khốn cùng của Triết học", "Nguyên lý của chủ nghĩa cộng

sản"- đến 1848 Tuyên ngôn của Đảng cộng sản ra đời, đánh dấu sự hình thành về cơ bản học thuyết của các ông.

II- NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN

Trong lời tựa cho lần xuất bản bằng tiếng Đức năm 1883 tác phẩm Tuyên ngôn của Đảng cộng sản, Ph.Ăngghen đã viết: "Tư tưởng cơ bản và chủ đạo của Tuyên ngôn là: Trong mỗi thời đại lịch sử sản xuất kinh tế và cơ cấu xã hội - cơ cấu này rất yếu phải do sản xuất kinh tế mà ra - cả hai cái đó cấu thành cơ sở của lịch sử chính trị và lịch sử tư tưởng của thời đại ấy; do đó (từ khi chế độ công hữu ruộng đất nguyên thủy tan rã), toàn bộ lịch sử là lịch sử các cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa những giai cấp bị bóc lột và những giai cấp đi bóc lột, những giai cấp bị trị và những giai cấp thống trị, qua các giai đoạn của sự phát triển xã hội của họ; nhưng cuộc đấu tranh hiện nay đã đến một giai đoạn mà giai cấp bị bóc lột và bị áp bức (tức là giai cấp vô sản) không còn có thể tự giải phóng khỏi tay giai cấp bóc lột và áp bức mình (tức là giai cấp tư sản) được nữa, nếu không đồng thời và vĩnh viễn giải phóng toàn thể xã hội khỏi ách bóc lột, ách áp bức và khỏi những cuộc đấu tranh giai cấp..." [509]

Tư tưởng cơ bản ấy quán xuyên toàn bộ nội dung của Tuyên ngôn đã được C.Mác và Ph.Ăngghen trình bày theo bốn chương. Ngoài ra, trong nhiều lần tái bản Tuyên ngôn, C.Mác và Ph.Ăngghen còn viết nhiều "Lời tựa" có nội dung lý luận sâu sắc và nhiều chỉ dẫn quan trọng. Sau đây chúng ta sẽ lần lượt tìm hiểu nội dung cơ bản của tác phẩm qua từng chương.

CHƯƠNG I- TƯ SẢN VÀ VÔ SẢN

Trong chương này C.Mác và Ph.Ăngghen đã phân tích quá trình phát sinh, phát triển của chủ nghĩa tư bản, từ đó rút ra một kết luận quan trọng: Sự sụp đổ của giai cấp tư sản và sự thắng lợi của giai cấp vô sản đều là tất yếu; giai cấp vô sản là người có sứ mệnh cải tạo xã hội tư bản và xây dựng chủ nghĩa cộng sản.

C.Mác và Ph.Ăngghen khẳng định rằng so với các xã hội trước, trong xã hội tư bản đối kháng giai cấp và đấu tranh giai cấp càng trở nên gay gắt. Một trong những

đặc điểm của xã hội tư bản là đối kháng giai cấp và đấu tranh giai cấp ngày càng tập trung vào hai phe đối địch lớn: Tư sản và vô sản. Nội dung, triển vọng của cuộc đấu tranh ấy được trình bày sâu sắc trên cơ sở phân tích nguồn gốc ra đời, thái độ và xu hướng của các giai cấp gắn liền với sự xuất hiện và phát triển của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

- Về giai cấp tư sản: Xét theo quan điểm tiến hoá của lịch sử thì bản thân giai cấp tư sản cũng là sản phẩm của một loạt những cuộc cách mạng trong phương thức sản xuất và trao đổi:

"Từ những nông nô thời trung cổ, đã sinh ra những thị dân các thành thị đầu tiên, từ đám cư dân thành thị này nảy ra những phần tử đầu tiên của giai cấp tư sản" [541]

Khi lực lượng sản xuất phát triển đến mức mâu thuẫn gay gắt với quan hệ sản xuất phong kiến thì giai cấp tư sản đã tiến hành những cuộc cách mạng tư sản, thẳng tay xoá bỏ những quan hệ phong kiến kìm hãm nó và thay vào đó những quan hệ sản xuất. Lúc đó giai cấp tư sản có vai trò tiến bộ cách mạng. "Giai cấp tư sản, trong quá trình thống trị giai cấp chưa đầy một thế kỷ đã tạo ra những lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của tất cả các thế hệ trước kia gộp lại" [547]. Vai trò tiến bộ, cách mạng của giai cấp tư sản bị hạn chế, bởi vì nó là một giai cấp bóc lột. Sau khi sự thống trị của nó được xác lập thì tính chất phản động của nó cũng dần dần bộc lộ công khai, những tệ nạn xã hội do nó gây ra ngày càng phát triển. Những quan hệ sản xuất và phân phối theo kiểu tư sản dần dần tỏ ra không còn phù hợp với lực lượng sản xuất hiện đại đã phát triển đến trình độ cao, càng ngày càng mang tính xã hội. C.Mác và Ph.Ăngghen viết:

"Xã hội tư sản hiện đại, với những quan hệ sản xuất và trao đổi tư sản của nó, với chế độ sở hữu tư sản, đã tạo ra những tư liệu sản xuất và trao đổi như thế nào, thì giờ đây, giống như một tay phù thuỷ không còn đủ sức tự dùng âm binh mà y đã triệu lên..." và "những lực lượng sản xuất mà xã hội sản có không thúc đẩy quan hệ sở hữu tư sản phát triển nữa; trái lại, chúng đã trở thành quá mạnh đối với quan hệ sở hữu ấy, cái quan hệ sở hữu lúc đó đang cản trở sự phát triển của chúng..." [548]

Như vậy, chính sự phát triển của chủ nghĩa tư bản đã tạo ra những nhân tố

phủ định bản thân nó.

Tình trạng khủng hoảng sản xuất thừa và nạn thất nghiệp - chỉ đến xã hội tư bản mới xuất hiện - là biểu hiện của mâu thuẫn nói trên. Giai cấp tư sản đã dùng mọi thủ đoạn để giải quyết nạn khủng hoảng sản xuất thừa, kể cả việc huỷ hoại những sản phẩm hàng hoá và gây ra chiến tranh xâm lược. Nhưng giai cấp đó đã bất lực vì không thể khắc phục những hiện tượng đó trong khuôn khổ phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Chỉ có một phương thức giải quyết duy nhất: Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa xoá bỏ chế độ bóc lột tư bản chủ nghĩa được xây dựng trên sự chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, tách người lao động khỏi tư liệu sản xuất, xây dựng chế độ mới đảm bảo sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với lực lượng sản xuất. Tóm lại, gắn với sự phân tích xu hướng phát triển khách quan của lực lượng sản xuất, C.Mác và Ph.Ăngghen vạch ra quá trình nảy sinh, phát triển của giai cấp tư sản: Từ tầng lớp bị áp bức trở thành giai cấp thống trị, đến một lúc, cùng với sự lỗi thời của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, địa vị thống trị, vai trò quản lý của giai cấp này cũng trở nên lỗi thời về phương diện lịch sử.

- Về giai cấp vô sản: Được đại công nghiệp "tuyển lựa" từ trong các tầng lớp dân cư, giai cấp vô sản là con đẻ của nền đại công nghiệp, là người đại biểu của lực lượng sản xuất hiện đại. Do đó, sự nổi dậy của lực lượng sản xuất đòi phá vỡ quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa được biểu hiện về mặt xã hội thành sự nổi dậy của giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư sản

Địa vị của người lao động làm thuê, bị áp bức bóc lột nhất trong xã hội tư bản, tạo nên cho giai cấp vô sản tinh thần triệt để cách mạng. Nhưng không chỉ có thế, tinh thần triệt để cách mạng của giai cấp này còn bắt nguồn từ khả năng của nó vươn tới tầm thời đại về phương diện tri thức để nhận rõ xu thế tất yếu của lịch sử. Khả năng ấy bắt nguồn từ chỗ trong quá trình đấu tranh chống phong kiến để thiết lập quyền thống trị của mình, giai cấp tư sản đã từng phải kêu gọi, lôi cuốn giai cấp vô sản tham gia và buộc phải cung cấp cho giai cấp vô sản những yếu tố tri thức của bản thân giai cấp tư sản. Những tri thức đó trong tay giai cấp vô sản, giờ đây trở thành vũ khí chống lại chính giai cấp tư sản. Như vậy "giai cấp tư sản không những đã rèn vũ khí để giết nó, nó còn sinh ra những người sử dụng vũ khí ấy - những người

công nhân hiện đại, những người vô sản" [549]

Hơn nữa, khi cuộc đấu tranh giai cấp tiến gần tới giờ quyết định, người ta thấy có biểu hiện "tan rã của giai cấp thống trị" - một số phần tử thuộc giai cấp đó do nhận rõ qui luật phát triển khách quan của xã hội mà rời bỏ giai cấp xuất thân, tự nguyện tham gia vào cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản và đem lại cho giai cấp vô sản những yếu tố tri thức.

Như vậy, sự phát triển của giai cấp vô sản, cuộc đấu tranh của nó chống lại giai cấp tư sản phù hợp với nhu cầu phát triển của lịch sử và được tiến trình lịch sử thúc đẩy.

Giai cấp vô sản bị đẩy xuống đáy tận cùng của nấc thang xã hội, do đó nó trở thành "tù điểm" của mọi nguyện vọng được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột mà tất cả những người lao động có uỷ thác. Nó chỉ được giải phóng khi tất cả những người lao động trong xã hội tư bản được giải phóng. Cuộc đấu tranh giải phóng của giai cấp vô sản trùng hợp một cách khách quan với cuộc đấu tranh giải phóng xã hội.

Cuộc đấu tranh ấy được bắt đầu ngay từ lúc giai cấp vô sản ra đời, trải qua nhiều giai đoạn khác nhau, phát triển từ tự phát đến tự giác, cuối cùng kết thúc bằng cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trong đó giai cấp vô sản lãnh đạo tất cả những người lao động dùng bạo lực lật đổ quyền thống trị của giai cấp tư sản, giành lấy chính quyền.

Phong trào vô sản mang những đặc điểm khác hẳn với các phong trào khác:

+ Nó không phải là phong trào của một số ít người mưu lợi ích cho một số ít người mà là phong trào đông đảo của nhân dân lao động.

+ Nó không nhằm duy trì, củng cố chế độ tư hữu, áp bức bóc lột và thiết chế chính trị cũ mà nhằm xoá bỏ chế độ đó, thiết chế đó.

+ Mặc dù bất cứ ở nước nào, cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản trước hết được tổ chức trên địa bàn quốc gia, dân tộc nhằm chiến thắng giai cấp tư sản nước đó, dân tộc đó, nhưng cuộc đấu tranh đó bao giờ cũng mang bản chất quốc tế, là một bộ phận của cuộc đấu tranh chung của giai cấp vô sản quốc tế chống giai cấp tư sản là một thế lực quốc tế.

- Về các tầng lớp trung gian: Trong xã hội tư bản, các tầng lớp trung gian

cũng đấu tranh chống giai cấp tư sản là kẻ thường xuyên đe dọa sự sống còn của họ. Nhưng lúc đầu họ đứng trên lập trường bảo vệ sở hữu nhỏ để đấu tranh chống giai cấp tư sản. Chỉ khi bị sự phát triển của chủ nghĩa tư bản đẩy vào tình trạng phá sản, có nguy cơ rơi xuống địa vị của người vô sản, họ mới chuyển sang lập trường của người vô sản để đấu tranh chống giai cấp tư sản, tức là đấu tranh để "Bảo vệ lợi ích tương lai của họ, chứ không phải bảo vệ lợi ích hiện tại của họ". Trong xã hội tư bản, xu hướng khách quan của các tầng lớp trung gian là ngả dần về phía giai cấp vô sản, bởi vì lợi ích của họ và tương lai tồn tại của họ tạo nên xu hướng phủ định chủ nghĩa tư bản. Nhưng điều đó không chắc chắn diễn ra ngay từ đầu và theo con đường thẳng tắp. Hiểu được điều đó, có ý nghĩa quan trọng đối với giai cấp vô sản khi nó đóng vai trò giai cấp lãnh đạo cách mạng.

CHƯƠNG II- NHỮNG NGƯỜI VÔ SẢN VÀ NHỮNG NGƯỜI CỘNG SẢN

Trong chương này C.Mác và Ph.Ăngghen phân tích mối quan hệ giữa giai cấp vô sản và Đảng cộng sản, vạch rõ tính chất, nhiệm vụ trước mắt, mục đích cuối cùng của Đảng cộng sản, những biện pháp cách mạng để thực hiện những nhiệm vụ và mục đích ấy. Nói một cách khác, chương này chủ yếu trình bày cương lĩnh và sách lược của Đảng cộng sản, đồng thời bác bỏ những lời vu khống, xuyên tạc của giai cấp tư sản đối với những người cộng sản.

- C.Mác và Ph.Ăngghen chỉ ra rằng Đảng cộng sản là bộ phận không thể tách rời của giai cấp vô sản. Mục đích và lợi ích của Đảng cộng sản và của giai cấp vô sản là thống nhất. Vì cả lý luận và thực tiễn, Đảng cộng sản luôn luôn đại biểu cho quyền lợi của giai cấp vô sản cũng như của nhân dân lao động. Đảng cộng sản đại diện cho lợi ích chung của toàn bộ phong trào cộng sản, của toàn thể giai cấp công nhân quốc tế, không phân biệt ngành nghề, địa phương, dân tộc. Vậy Đảng cộng sản chẳng những mang tính giai cấp của giai cấp vô sản, mà còn mang tính vô sản quốc tế nữa.

- Nhưng điều đó không có nghĩa là Đảng cộng sản và giai cấp vô sản chỉ là một, sự khác nhau giữa Đảng cộng sản và giai cấp vô sản là ở chỗ: "Những người cộng sản là bộ phận kiên quyết nhất trong các Đảng công nhân ở tất cả các nước, là bộ phận cổ vũ tất cả những bộ phận khác; về mặt lý luận, họ hơn bộ

phần còn lại của giai cấp vô sản ở chỗ là họ hiểu rõ những điều kiện, tiến trình và kết quả chung của phong trào vô sản" [558]

Về nhận thức, nếu tách Đảng cộng sản ra khỏi giai cấp vô sản, hoặc ngược lại, lẫn lộn Đảng cộng sản với giai cấp vô sản đều là sai lầm, đều có nghĩa là phủ nhận sự tồn tại của chính Đảng vô sản.

- Mục đích cuối cùng của những người cộng sản là thực hiện chủ nghĩa cộng sản. Nhưng "giai đoạn thứ nhất trong cuộc cách mạng công nhân là giai đoạn giai cấp vô sản tự xây dựng thành giai cấp thống trị, là giai đoạn giành lấy dân chủ" [567]. Khi cuộc đấu tranh cách mạng đã đến thời kỳ chín muồi, thì giai cấp vô sản cần giành lấy chính quyền "bằng cách lật đổ giai cấp tư sản bằng bạo lực." [555]

Hai mươi ba năm sau, thực tiễn của công xã Pari đã cho C.Mác và Ph.Ăngghen thấy rằng nếu cần bổ sung vào Tuyên ngôn một điểm nào đó có tính chất nguyên lý, thì điểm đó là: "Giai cấp công nhân không thể chỉ nắm lấy bộ máy nhà nước sẵn có và bắt nó hoạt động phục vụ mình" [504]. Trái lại, phải đập tan, phải phá huỷ bộ máy nhà nước cũ và trên cơ sở đó xây dựng một bộ máy nhà nước mới để phục vụ cho mục đích của mình.

- Sau khi giành được chính quyền, nhiệm vụ của Đảng cộng sản là lãnh đạo giai cấp công nhân và nhân dân lao động sử dụng chính quyền như một công cụ có hiệu lực nhất để cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới.

+ Với bộ máy nhà nước trong tay, nhiệm vụ của giai cấp công nhân là từng bước xoá bỏ chế độ tư hữu - nguồn gốc gây ra mọi đau khổ và bất hạnh của quần chúng lao động. Trên ý nghĩa ấy C.Mác và Ph.Ăngghen viết: "...những người cộng sản có thể tóm tắt lý luận của mình thành công thức duy nhất này là: Xoá bỏ chế độ tư hữu" [559]

Nhưng như thế không có nghĩa là những người cộng sản chủ trương xoá bỏ chế độ sở hữu nói chung. Họ không chủ trương xoá bỏ sở hữu của những người sản xuất nhỏ, bởi vì như C.Mác và Ph.Ăngghen đã chỉ ra, lịch sử đã không cần đến những người cộng sản làm việc đó. Chính nền công nghiệp lớn tư bản chủ nghĩa và giai cấp tư sản đã làm cho những người sản xuất nhỏ bị phá sản hàng loạt và trở thành những người lao động làm thuê. Điều đó càng không có

nghĩa là những người cộng sản muốn xóa bỏ sở hữu của những người công nhân làm thuê như các nhà tư sản đã xuyên tạc. Chủ nghĩa cộng sản "không tước bỏ của ai cái quyền chiếm hữu những sản phẩm xã hội cả. Chủ nghĩa cộng sản chỉ tước bỏ quyền dùng sự chiếm hữu ấy để nô dịch lao động của người khác" [562]

Những người cộng sản muốn thay thế tình trạng đông đảo những người lao động bị áp bức, bóc lột bằng một tình trạng hoàn toàn khác hẳn, trong đó những người lao động có quyền làm chủ tư liệu sản xuất và những kết quả lao động của họ, nhờ đó mà đời sống của họ ngày càng sung túc và phong phú. Để hiện thực hoá mong muốn đó, phải thủ tiêu cái xã hội trong đó "lao động sống chỉ là một thủ đoạn để tăng thêm lao động đã được tích lũy", phải xây dựng một xã hội mới, trong đó "lao động tích lũy chỉ là một thủ đoạn mở rộng, làm phong phú và đẹp thêm đời sống của những người lao động"; phải thủ tiêu cái xã hội trong đó "quá khứ thống trị hiện tại", tức là lao động đã kết tinh thống trị lao động sống, tư liệu sản xuất và tư liệu sinh hoạt thống trị con người, phải xây dựng một xã hội mới trong đó "hiện tại thống trị quá khứ", tức là những người lao động làm chủ được máy móc và chỉ phối được những sản phẩm do họ làm ra.

Rốt cuộc, xóa bỏ chế độ tư hữu chỉ có nghĩa là xóa bỏ chế độ chiếm hữu của những người tư sản.

+ Cùng với việc xóa bỏ ách áp bức giai cấp, những người cộng sản đấu tranh để xóa bỏ chế độ chiếm hữu của những người tư sản.

+ Cùng với việc xóa bỏ ách áp bức giai cấp, những người cộng sản đấu tranh để xóa bỏ ách nô dịch dân tộc. Về điều này C.Mác và Ph.Ăngghen chỉ rõ: "Hãy xóa bỏ nạn người bóc lột người thì nạn dân tộc này bóc lột dân tộc khác cũng sẽ bị xóa bỏ, khi mà sự đối kháng giữa các giai cấp trong nội bộ dân tộc không còn nữa thì sự thù địch giữa các dân tộc cũng đồng thời mất theo" [565]

Điều mà những người cộng sản luôn luôn quan tâm là phải gắn liền vấn đề dân tộc với vấn đề dân chủ và vấn đề chủ nghĩa xã hội. Giai cấp vô sản muốn tự mình trở thành dân tộc, muốn tự xây dựng thành giai cấp thống trị trong dân tộc thì phải lật đổ giai cấp tư sản, giành lấy chính quyền, giành lấy dân chủ và tiến lên chủ nghĩa xã hội.

+ Khi chế độ chiếm hữu tư sản bị xóa bỏ thì toàn bộ những quan hệ xã

hội chính trị và những sản phẩm văn hoá tinh thần nảy sinh trên cơ sở ấy cũng sẽ từng bước thay đổi.

Cùng với việc xoá bỏ những yếu tố tiêu cực, phản động của nền văn hoá tư sản, trên cơ sở kế thừa có chọn lọc tất cả những thành tựu văn hoá mà loài người đã tạo ra, những người cộng sản sẽ từng bước làm cho hệ tư tưởng của giai cấp công nhân trở thành hệ tư tưởng của toàn xã hội và xây dựng nền văn hoá mới.

+ Cuộc cách mạng chính trị của giai cấp vô sản nhằm đánh đổ giai cấp tư sản và giành lấy chính quyền nhà nước chỉ là bước đầu của quá trình cách mạng vô sản (cách mạng xã hội chủ nghĩa). Sau đó giai cấp vô sản sử dụng quyền lực chính trị của mình như một đòn bẩy để tiến hành công cuộc cải tạo xã hội tư sản và xây dựng xã hội cộng sản. Do đó, cuộc cách mạng vô sản không chỉ là một cuộc cách mạng chính trị, mà còn là, và về thực chất là một cuộc cách mạng về kinh tế nhằm xoá bỏ chế độ tư hữu tư bản và "tăng thật nhanh số lượng những lực lượng sản xuất lên" [567]

Về những nét cơ bản của xã hội cộng sản chủ nghĩa C.Mác và Ph.Ăngghen viết: "... nếu giai cấp vô sản thông qua con đường cách mạng mà trở thành giai cấp thống trị và, với tư cách là giai cấp thống trị, nó dùng bạo lực tiêu diệt chế độ sản xuất cũ, thì đồng thời với việc tiêu diệt chế độ sản xuất ấy, nó cũng tiêu diệt luôn cả những điều kiện của sự đối kháng giai cấp, nó tiêu diệt cả sự thống trị của giai cấp mình.

Thay cho xã hội tư sản cũ, với những giai cấp và đối kháng giai cấp của nó, xuất hiện một liên hợp, trong đó "sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người" [569]

Qua những nét cơ bản trên, chúng ta thấy rõ tư tưởng của Tuyên ngôn về một xã hội cộng sản tương lai mà loài người nhất định sẽ đi tới. Trong xã hội sẽ không còn giai cấp và đấu tranh giai cấp, do đó nhà nước với cái nghĩa là một bộ máy thống trị giai cấp cũng sẽ không còn nữa. Một hình thức liên hiệp của những người lao động phát triển toàn diện sẽ xuất hiện. Một sự kết hợp hài hoà lợi ích cá nhân với lợi ích toàn xã hội sẽ được thực hiện. Con người sẽ được làm chủ và sống tự do trong môi trường của một xã hội văn minh.

CHƯƠNG III- VĂN HỌC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ CỘNG SẢN CHỦ NGHĨA

Tuyên ngôn của Đảng cộng sản là một tác phẩm lý luận của chủ nghĩa cộng sản khoa học đồng thời là bản cương lĩnh đầu tiên của giai cấp công nhân thế giới. Nó đại diện cho hệ tư tưởng của giai cấp vô sản cách mạng. Nhiệm vụ của nó - ngay từ lúc mới ra đời - chẳng những phải bác bỏ sự xuyên tạc của các thế lực chính trị phản động đối với những người cộng sản, mà còn nhằm phân biệt rõ ranh giới giữa chủ nghĩa cộng sản khoa học và các thứ văn học xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa phi mác-xít còn đang gây ảnh hưởng tiêu cực vào phong trào công nhân lúc bấy giờ.

- Chính vì thế, trong Tuyên ngôn C.Mác và Ph.Ăngghen đã dành cả chương III để phân tích và phê phán các trào lưu tư tưởng phi mác-xít này.

Trước hết C.Mác và Ph.Ăngghen vạch trần tính chất phản động và lối bịch của chủ nghĩa xã hội phong kiến và kèm theo nó là chủ nghĩa xã hội của bọn thầy tu. Tính chất phản động của nó thể hiện ở chỗ nó buộc tội giai cấp tư sản chỉ vì giai cấp này đã để cho giai cấp vô sản phát triển và sẽ làm nổ tung tất cả trật tự xã hội cũ, đã làm nảy sinh một giai cấp vô sản cách mạng chứ không phải một giai cấp vô sản cam phân làm nô lệ. Như vậy, chủ nghĩa xã hội phong kiến kèn án giai cấp tư sản thì ít, mà lên án giai cấp vô sản thì nhiều. Chủ nghĩa xã hội tiểu tư sản và cái gọi là chủ nghĩa xã hội "chân chính" ở Đức lúc ấy cũng là những thứ văn học phản động. Tính chất phản động của chủ nghĩa xã hội tiểu tư sản bộc lộ ở chủ trương muốn duy trì chế độ sản xuất và chế độ sở hữu nhỏ, muốn quay về với chế độ phường hội trong công nghiệp và chế độ gia trưởng trong nông nghiệp. Còn tính chất phản động của cái gọi là chủ nghĩa xã hội "chân chính" thì được thể hiện ở những quan điểm phủ nhận đấu tranh giai cấp vì lợi ích của giai cấp vô sản. Nó phản đối cuộc vận động cho tự do, bình đẳng tư sản là những thứ mà cuộc cách mạng dân chủ tư sản đang chín muồi ở Đức cần thực hiện.

Trong thời kỳ này, C.Mác và Ph.Ăngghen chưa coi chủ nghĩa xã hội tư sản là phản động. Hai ông xem nó như một thứ văn học xã hội chủ nghĩa bảo thủ về mặt lịch sử. Vì những quan điểm của nó là nhằm duy trì chủ nghĩa tư bản chứ không phải là nhằm kéo lùi lịch sử trở lại, như cái thứ văn học xã hội chủ nghĩa

tiểu tư sản. Nó bày ra những đơn thuốc hòng chữa bệnh cho xã hội tư sản, đưa ra những lý lẽ bào chữa cho chế độ tư bản theo kiểu "Sở dĩ những người tư sản là những người tư sản, đó là vì lợi ích của giai cấp công nhân" [580]

Đối với chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản phê phán không tưởng, C.Mác và Ph.Ăngghen đã nêu lên những giá trị của nó, đồng thời cũng chỉ ra những hạn chế mà hoàn cảnh lịch sử đã quy định một cách khách quan. Điều đáng lưu ý là hai ông chỉ ra rằng: "Ý nghĩa của chủ nghĩa xã hội không tưởng phê phán và của chủ nghĩa cộng sản không tưởng phê phán là theo tỷ lệ nghịch với thời gian" [582]. Khi đấu tranh giai cấp càng trở nên gay gắt thì những ảo tưởng muốn vượt lên cuộc đấu tranh ấy, thái độ đối lập một cách ảo tưởng với cuộc đấu tranh ấy đã mất hết căn cứ lý luận và thực tiễn, trở thành chướng ngại trên con đường phát triển của lịch sử.

Đáng lưu ý là vào năm 1888 trong lời tựa cho Tuyên ngôn của Đảng cộng sản xuất bản bằng tiếng Anh, Ph.Ăngghen viết: "Hiển nhiên là việc phê phán những văn phẩm xã hội chủ nghĩa (phi mác-xít, phản động TQT) chưa được đầy đủ". Ông nhận thấy cần có thái độ phê phán các trào lưu đó về bản chất và mọi biểu hiện chi tiết của chúng.

- Chủ nghĩa cộng sản khoa học - xét về tính chất - khác hẳn với các thứ văn học xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa phi mác-xít. C.Mác và Ph.Ăngghen viết: "Những quan điểm lý luận của những người cộng sản tuyệt nhiên không dựa trên những ý niệm, những nguyên lý do một nhà cải cách thế giới nào phát minh hay phát hiện ra.

Những nguyên lý ấy chỉ là biểu hiện khái quát của những điều kiện thực tại của một cuộc đấu tranh giai cấp hiện có, của một phong trào lịch sử đang diễn ra trước mắt chúng ta" [558]

Chủ nghĩa cộng sản khoa học, từ sau khi hình thành, đã trải qua một quá trình đấu tranh quyết liệt chống lại mọi trào lưu phi mác-xít.

CHƯƠNG VI- THÁI ĐỘ CỦA NHỮNG NGƯỜI CỘNG SẢN ĐỐI VỚI CÁC ĐẢNG ĐỐI LẬP

Chương IV của Tuyên ngôn được dành để nói về lập trường cách mạng

không ngừng, tinh thần cách mạng triệt để, sách lược liên minh, đoàn kết và đấu tranh của những người cộng sản đối với các Đảng dân chủ tư sản và tiểu tư sản là những đảng đối lập với các thế lực phản động cầm quyền trong thời kỳ ấy ở các nước.

- C.Mác và Ph.Ăngghen khẳng định: "Những người cộng sản chiến đấu cho những lợi ích và những mục đích trước mắt của giai cấp công nhân, nhưng đồng thời trong phong trào hiện tại, họ cũng bảo vệ và đại biểu cho tương lai của phong trào" [584]. Đây là một nguyên tắc có ý nghĩa chiến lược của những người cộng sản. Xuất phát từ thực tế nước Đức và một số nước khác ở châu Âu lúc bấy giờ, người ta hiểu rằng "những lợi ích và những mục đích trước mắt của giai cấp công nhân" chính là thực hiện quyền tự do, dân chủ chính trị. Còn "tương lai của phong trào" thì không phải cái gì khác hơn là cuộc cách mạng vô sản.

Trong từng giai đoạn cách mạng, chính đảng vô sản cần xác định rõ nhiệm vụ chủ yếu của cách mạng, xác định rõ kẻ thù, những lực lượng cách mạng khác, những đảng phái cần liên hiệp nhằm đánh vào những thế lực phản động thống trị. Muốn thế những người cộng sản phải "phấn đấu cho sự đoàn kết và sự liên hợp của các đảng dân chủ ở tất cả các nước" [586]

Nhưng trong khi liên hiệp và đoàn kết với các đảng dân chủ về một mục đích chung trước mắt, những người cộng sản "vẫn dành cho mình cái quyền phê phán những lời nói suông và những ảo tưởng" [585] của những đảng phái ấy. Họ ủng hộ những đảng phái ấy với điều kiện những đảng phái ấy thật sự đấu tranh chống những thế lực phản động, nhằm thực hiện tiến bộ xã hội, nhưng đồng thời họ luôn luôn giữ vững tính độc lập về tư tưởng, chính trị, tổ chức và về mục đích chiến lược của mình. Họ giữ vững nguyên tắc đoàn kết nhưng có đấu tranh. Căn cứ vào tình hình nước Đức lúc bấy giờ, C.Mác và Ph.Ăngghen nhấn mạnh: "Không giờ phút nào, Đảng cộng sản lại quên gây cho công nhân một ý thức sáng suốt và rõ rệt về sự đối kháng kịch liệt giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản, để khi có thời cơ thì có bao nhiêu điều kiện chính trị và xã hội do chế độ tư sản tạo ra, công nhân Đức biết đổi thành bấy nhiêu vũ khí chống lại giai cấp tư sản, để ngay sau khi tiêu diệt xong những giai cấp phản động ở Đức, là có thể tiến hành

đấu tranh chống lại chính ngay giai cấp tư sản" [585]

Tư tưởng về cách mạng không ngừng, về hai giai đoạn của cách mạng và sự chuyển từ giai đoạn cách mạng thứ nhất sang giai đoạn cách mạng thứ hai, được C.Mác và Ph.Ăngghen diễn đạt sáng tỏ khi nói về nước Đức: "Nước Đức đang ở vào đêm hôm trước của cách mạng tư sản" nhưng những điều kiện khách quan và chủ quan đã làm cho cuộc cách mạng tư sản Đức trở thành "màn đấu trực tiếp cho một cuộc cách mạng vô sản" [585]

Tư tưởng ấy có ý nghĩa chỉ đạo hết sức lớn về phương diện chiến lược đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế từ trước đến nay.

III - Ý NGHĨA THỜI ĐẠI CỦA TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN

Đã trên 150 năm, kể từ khi Tuyên ngôn của Đảng cộng sản ra đời và khoảng thời gian ấy có nhiều biến đổi đã diễn ra trên thế giới. Nhưng thời gian và sự kèn càng khẳng định thêm giá trị bền vững của các nguyên lý được nêu ra trong Tuyên ngôn.

- Qua sự biến động đầy kịch tính diễn ra trên thế giới ngày nay, người ta vẫn thấy dự báo thiên tài về sụp đổ của chủ nghĩa tư bản được chứng minh. Kể từ sau khi mất địa vị thống trị độc tôn trên thế giới bởi sự ra đời của Liên Xô và nhiều nước xã hội chủ nghĩa khác và mất chỗ đứng chân trực tiếp ở "sân sau" bởi sự ran rã của hệ thống thuộc địa, quá trình suy thoái của hệ thống chủ nghĩa tư bản đã là hiện thực khách quan. Thế nhưng, hiện nay chủ nghĩa tư bản vẫn còn khả năng tự điều hoà để làm dịu đi những mâu thuẫn nội tại và còn dựa vào nguồn của cải đồ sộ bóc lột từ mấy thế kỷ nay để tiếp tục làm giàu và tiếp tục đưa vào cơ thể những kích thích tố giúp nó tạm thời vượt qua cơn khủng hoảng. Trong thực tế, giai cấp tư sản vẫn còn có thể điều chỉnh được quan hệ sở hữu trong phạm vi tư bản chủ nghĩa để thích ứng tạm thời với mức độ xã hội hoá đã đạt tới của lực lượng sản xuất. Hơn thế nữa, xét trên phạm vi thế giới trình độ xã hội hoá của lực lượng sản xuất diễn ra không đều, sự thấp kém của nó ở nhiều khu vực tư bản chủ nghĩa vẫn còn là mảnh đất cho sự tồn tại của quan hệ sở hữu tư bản chủ nghĩa ở những mức độ khác nhau... Nhưng, mọi biện pháp mà giai cấp tư sản thực hiện đều có tính chất tạm thời; bởi vì trong khi đem lại lợi ích

cho giai cấp tư sản, những biện pháp đó là sự chối bỏ những yêu cầu căn bản nhất của sự tiến bộ xã hội nhằm giải phóng những người lao động. Mọi mâu thuẫn vẫn tồn tại nguyên vẹn trong xã hội tư bản và mỗi bước phát triển của chủ nghĩa tư bản đều làm sâu sắc thêm những mâu thuẫn đó. Richard Berheron trong cuốn "Phản phát triển - cái giá của chủ nghĩa tự do" đã phân tích lời của Edgar Morin: "Trong các nền văn minh gọi là phát triển của chúng ta, tồn tại một tình trạng kém phát triển thảm hại về văn hoá, trí não, đạo đức và tính người" (Richard Berheron: Phản phát triển - cái giá của chủ nghĩa tự do - Nxb Chính trị quốc gia; 1995, tr.338)

Quan sát các nước tư bản trong một bức tranh tổng thể, nữ học giả người Mỹ Joyce Kolko trong cuốn sách nổi tiếng "Cải cách cơ cấu nền kinh tế thế giới" vạch ra thảm trạng của những người lao động: "Thất nghiệp đang tàn phá thoả thích cuộc sống hiện tại của các gia đình giai cấp công nhân, đồng thời cản trở tương lai của các gia đình giai cấp trung lưu... mọi đặc điểm của sự nghèo khổ đang tăng lên - đói kém, các cuộc phát chuẩn, không nhà cửa, lạm dụng ma túy, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và các cuộc tự sát" (Joyce Kolko: Cải cách cơ cấu nền kinh tế thế giới. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. 1991, t.2, tr.273)

Lucien Séve, nhà triết học mác-xít người Pháp trong cuốn "Chủ nghĩa cộng sản - Làn sinh khí thứ hai (xuất bản tại Pari, 1990) cho rằng: chủ nghĩa tư bản ngày càng đồng hoá với sự tha hoá không bờ bến... Do đó, không chỉ riêng giai cấp công nhân, mà cả nhiều tầng lớp lao động khác tập hợp lại thành toàn bộ những lực lượng lao động và sáng tạo tham gia cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản.

Trải qua thời kỳ cao trào những năm 60-70, bước vào thời kỳ thoái trào hiện nay, giai cấp công nhân thế giới vẫn không ngừng phát triển và đang thực hiện sứ mệnh lịch sử giao phó. Hiện nay cơ cấu nội tại của giai cấp vô sản ở các nước tư bản chủ nghĩa đang diễn ra sự biến đổi theo hướng: Bộ phận vô sản gắn với các ngành nghề truyền thống giảm đi rõ rệt trong khi bộ phận vô sản làm trong các ngành nghề mới, hiện đại tăng lên; Những người vô sản làm công việc lao động giản đơn giảm đi, trong khi đội ngũ những người vô sản có tay nghề tăng lên; bộ phận vô sản trong các ngành dịch vụ tăng nhanh. Nhìn chung giai

cấp vô sản thế giới vẫn tăng lên về số lượng - nếu năm 1885 tổng số vô sản thế giới là 10 triệu, năm 1950: 290 triệu, 1960: 335 triệu, 1970: 475 triệu, 1980: 515 triệu, thì đến năm 1990 đã lên tới 615 triệu (Số liệu của Tổ chức công đoàn thế giới); đồng thời với sự tăng lên về số lượng, chất lượng giai cấp vô sản cũng tăng lên xét về trình độ văn hoá, nghề nghiệp, sự hiểu biết sâu và rộng các vấn đề xã hội. Đó là sự đảm bảo chắc chắn nhất để giai cấp vô sản thực hiện sứ mệnh mà lịch sử giao phó. Dĩ nhiên, nhân tố chủ quan có ý nghĩa quyết định để giai cấp vô sản thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình là nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản, củng cố mối liên hệ giữa Đảng và giai cấp, để qua đó đoàn kết toàn thể những người lao động xung quanh Đảng theo tinh thần Tuyên ngôn đã nêu ra.

- Trong công cuộc đổi mới, cải cách ở nhiều nước xã hội chủ nghĩa hiện nay, hàng loạt nguyên lý được Tuyên ngôn nêu ra đang được vận dụng sáng tạo.

+ Tư tưởng xoá bỏ chế độ tư hữu tư sản như là phương tiện để giai cấp này nô dịch các giai cấp khác mà Tuyên ngôn đã diễn đạt chặt chẽ đang được các Đảng cộng sản ở các nước xã hội chủ nghĩa nhận thức đúng đắn, đầy đủ hơn trong công cuộc đổi mới (hoặc cải cách). Từ đó, một mặt, khắc phục khuyết điểm "tả" khuynh, duy ý chí một thời biểu hiện ở việc triển khai công việc xoá bỏ chế độ tư hữu một cách tràn lan với ảo tưởng có thể hoàn thành triệt để trong một thời gian ngắn; mặt khác, tìm ra những hình thức sở hữu phong phú thích hợp với môi trường của nền kinh tế sản xuất hàng hoá nhiều thành phần có định hướng xã hội chủ nghĩa, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Điều quan trọng là các hình thức sở hữu đó có tác động gắn kết người lao động với tư liệu sản xuất, kích thích tính tích cực lao động của họ nhằm tạo ra nhiều của cải xã hội. Các hình thức sở hữu mang tính chất xã hội chủ nghĩa sẽ từng bước phát triển trên cơ sở chín muồi của lực lượng sản xuất và các điều kiện kinh tế xã hội khác. Mỗi bước tiến của chúng đều góp phần xác lập, củng cố thêm địa vị làm chủ của người lao động.

+ Tư tưởng về củng cố nhà nước được thành lập sau thắng lợi của cách mạng vô sản như là công cụ sắc bén để giai cấp công nhân và nhân dân lao động thực hiện công cuộc cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới mà Tuyên ngôn đã khẳng định với tinh thần cơ bản là mở rộng và củng cố nền tảng dân chủ, lôi kéo

đồng đảo công nhân và những người lao động khác tham gia vào công việc quản lý nhà nước và quản lý xã hội đang được vận dụng vào việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Cũng theo tinh thần ấy hàng loạt nhiệm vụ trước mắt đang được giải quyết như tiến hành công cuộc cải cách hành chính, đổi mới hoạt động của hệ thống tư pháp, xây dựng quy chế công chức .v.v..

+ Tư tưởng được thể hiện trong Tuyên ngôn xem con người là mục tiêu cao nhất của sự nghiệp giải phóng, sự hài hoà giữa cá nhân và xã hội là nét đặc trưng nổi bật nhất của xã hội mới đang được đào sâu thêm về nhận thức và đẩy mạnh thêm về quá trình thực hiện hoá trong công cuộc đổi mới (cải cách) ở các nước xã hội chủ nghĩa. Thực chất của chiến lược con người - chiến lược hàng đầu, chiến lược của mọi chiến lược - là giải phóng lực lượng sản xuất, phát huy vai trò của nhân tố con người như là động lực, hướng vào phục vụ con người như là mục tiêu cao nhất.

Khía cạnh mà Tuyên ngôn khẳng định về vai trò của trí thức đối với phong trào công nhân được nhắc lại với ý nghĩa thời sự, cấp bách khi công cuộc đổi mới diễn ra trong thời đại phát triển mạnh mẽ của khoa học, công nghệ. Chiến lược giáo dục nhằm đào tạo nhân lực, nhân tài cho đất nước là kết quả của sự vận dụng sáng tạo tư tưởng đó.

Dĩ nhiên, không nên biến Tuyên ngôn của Đảng cộng sản thành một thứ "Cẩm nang vạn năng", thành một hệ thống chính trị "nhất thành nhất biến". Ngay các tác giả của bản Tuyên ngôn bất hủ này cũng không bao giờ chấp nhận một thái độ như thế. Trong các lời tựa cho các lần xuất bản Tuyên ngôn ra các thứ tiếng khác nhau, vào những năm tháng khác nhau, các tác giả của Tuyên ngôn (năm 1883 C.Mác viết, sau đó chỉ một mình Ph.Ăngghen viết lời tựa), một mặt, biểu hiện thái độ nhất quán bảo vệ các nguyên lý được nêu ra trong Tuyên ngôn, kiên quyết vạch mặt những kẻ địch "sửa chữa" Tuyên ngôn theo lối cơ hội. xét lại; mặt khác, từ sự theo dõi, tổng kết thực tiễn mà nêu ra với thái độ tự phê bình về những chi tiết sai sót, chưa đầy đủ trong Tuyên ngôn. Việc làm ấy tự nó có ý nghĩa như một lời phê phán thái độ cố chấp, bảo thủ của những kẻ chỉ biết tụng niệm Tuyên ngôn như thứ "sấm truyền" nhưng không hiểu thực chất khoa học và

cách mạng của nó.

Ở nước ta, từ những năm 1929-1930, từng trang của Tuyên ngôn đã được các chiến sỹ cộng sản ghi chép trên những mảnh giấy cuốn thuốc lá và truyền tay nhau nghiên cứu ngay trong nhà tù của thực dân Pháp. Những tư tưởng cơ bản của Tuyên ngôn được lớp cách mạng tiên bối tiếp thu với sự thể nghiệm gian khổ khi xây dựng cương lĩnh cách mạng nhằm giải phóng đất nước khỏi ách đế quốc, phong kiến.

Trong suốt tiến trình cách mạng Việt Nam, Đảng ta luôn trung thành và vận dụng sáng tạo các nguyên lý được nêu trong Tuyên ngôn vào việc giải quyết các nhiệm vụ chiến lược của từng giai đoạn cách mạng - giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và giai đoạn quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Sự trung thành và sáng tạo đó càng biểu hiện nổi bật trong công cuộc đổi mới đất nước do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, Chính điều đó giúp Đảng ta phát hiện và sửa chữa được sai lầm, nêu ra và thực hiện được các giải pháp nhằm đưa đất nước vượt qua cuộc khủng hoảng, tạo đà cho bước tiến mạnh mẽ đến mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng văn minh.

GS.TS. TRINH QUỐC TUẤN

ĐẤU TRANH GIAI CẤP Ở PHÁP 1848 - 1850 //

C.MÁC

(C.Mác và Ph.Ăngghen: Toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà nội, 1993, t.7)

I. HOÀN CẢNH RA ĐỜI CỦA TÁC PHẨM

Đấu tranh giai cấp ở Pháp 1848 - 1850 là một trong những tác phẩm lớn, quan trọng của chủ nghĩa xã hội khoa học, được C.Mác viết vào tháng 11/1850. Đó là 4 bài báo của C.Mác đăng trên báo Rê-na-ni-mốt. Năm 1895. Ph.Ăngghen cho xuất bản thành sách, với các tên nói trên. Đó là bản tổng kết cao trào cách mạng 1848 - 1849 ở Châu Âu nói chung mà trực tiếp cao trào cách mạng ở Pháp, rút ra những bài học kinh nghiệm góp phần chỉ đạo phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và phát triển nhiều nguyên lý của chủ nghĩa xã hội khoa học sau "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản".

1 - Do cuộc khủng hoảng kinh tế trên toàn Châu Âu (Bắt đầu từ nước Anh) năm 1845 - 1847 và sự thối nát của tiền đại quân chủ chuyên chế của dòng quý tộc Oóc-lê-ăng do Lu-i Phi-líp đứng đầu đã dẫn tới cuộc cách mạng tháng Hai năm 1848. Cuộc cách mạng tháng Hai lật đổ nền quân chủ tháng Bảy, thiết lập chính phủ lâm thời - thiết lập nền cộng hoà II ở Pháp.

2 - Để khuôn cuộc cách mạng tháng Hai trong khuôn khổ cách mạng tư sản (không đi quá xa, phá huỷ nền tảng xã hội tư sản, sự thống trị của giai cấp tư sản) giai cấp tư sản đã dùng hàng loạt thủ đoạn lừa bịp giai cấp công nhân và nông dân Pháp, đẩy giai cấp công nhân tới cuộc khởi nghĩa tháng Sáu năm 1848 rồi dùng bạo lực đàn áp đẫm máu, đẩy lùi cách mạng tháng Hai.

3 - Thắng lợi của Lu-i Bô-na-pác-tơ trong cuộc bầu cử Tổng thống Pháp tháng Chạp năm 1848 là thất bại của phái tư sản cộng hoà, là thắng lợi của phái tư sản quân chủ. Cách mạng tháng Hai tiếp tục bị đẩy lùi.

4 - giai cấp tư sản, cùng với những thủ đoạn tương tự, đã đẩy giai cấp tiểu tư sản thành thị mà đại biểu là phái Núi xuống đường. Nhân danh trật tự, giai cấp tư sản đàn áp giai cấp tiểu tư sản bằng cả đại bác. Tháng Sáu năm

1849. Thất bại của giai cấp tiểu tư sản cũng là thất bại của phái tư sản cộng hoà, đẩy nhanh quá trình lập lại nền quân chủ ở Pháp.

5 - Thắng lợi của giai cấp công nhân ở Pa ri, của phái Núi ở các tỉnh trong cuộc bầu bổ sung các đại biểu vào Quốc hội ngày 10/3/1850 góp phần tạo liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp tiểu tư sản và tư sản cộng hoà thành liên minh chống đại tư bản (Phái quân chủ). Phe trật tự kêu lên: "Ngày 10/3/1850 là một ngày chiến tranh và phe trật tự tìm cách tấn công trở lại. Cuộc tấn công ấy bắt đầu bằng việc công bố dự luật "Huỷ bỏ chế độ đầu phiếu phổ thông" và dự luật ấy đã được thông qua ngày 22/5/1850 ở Quốc hội với 462 phiếu thuận, 227 phiếu chống. Tiếp đó giai cấp tư sản thông qua nhiều luật mang tính chất phản động, trong đó có "Luật báo chí".

6 Cuộc đấu tranh của phe Trật tự (nắm Quốc hội) với Tổng thống và cuộc đấu tranh trong nội bộ phe Trật tự, phe Chính thống và phe Oóc-li-ăng, Lu-i Bô-na-pác-tơ lợi dụng mâu thuẫn trong phe Trật tự thực hiện âm mưu làm suy yếu phe này và tăng lực lượng của hắn như đây Hô-phun - Bộ trưởng chiến tranh đi làm thống đốc ở An-giê-ri, đây Hô-mây-e cánh tay của Săng-gác-di-e, tư lệnh cảnh sát ra khỏi Pa ri.

II. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TÁC PHẨM

Tư tưởng cơ bản của tác phẩm (mục đích tác phẩm)

Mác đã vận dụng chủ nghĩa duy vật lịch sử để phân tích một thời kỳ lịch sử sôi động nhất (Cao trào cách mạng năm 1848 - 1849 và thoái trào 1850 - 1851) ở một địa bàn lịch sử sôi động nhất - Nước Pháp. Qua đó, Mác rút ra nhiều kết luận bổ sung, phát triển nhiều nguyên lý của chủ nghĩa xã hội khoa học, đồng thời qua thực tiễn lịch sử cách mạng Pháp năm 1848 - 1850, Mác cũng đưa ra được kết luận quan trọng là: Đến giữa thế kỷ XIX giai cấp tư sản đã bộc lộ rõ rệt tính chất phản động của nó nhưng chưa hết vai trò lịch sử; giai cấp công nhân đã trở thành lực lượng chính trị-xã hội to lớn trực tiếp uy hiếp sự tồn tại của xã hội tư bản, của giai cấp tư sản, nhưng về mọi phương diện giai cấp công nhân chưa đủ điều kiện để thực hiện sự nghiệp của mình - sự nghiệp xã hội chủ nghĩa. Do đó các cuộc cách mạng của giai cấp công nhân

khó tránh khỏi thất bại. Các cuộc cách mạng công nhân có thể bị thất bại nhưng sự nghiệp xã hội chủ nghĩa của giai cấp công nhân thì không thể bị tiêu diệt.

Vì vậy, quá trình cách mạng của giai cấp công nhân sẽ là và chỉ có thể là một quá trình cách mạng không ngừng.

C.Mác viết: "Trừ vài chương ra không kể, còn thì mỗi phần ít nhiều quan trọng trong biên niên sử của cách mạng từ năm 1848 - 1849 đều mang cái tiêu đề là: Sự thất bại của cách mạng. Nhưng trong các cuộc thất bại đó, không phải là cách mạng bị tiêu diệt. Bị tiêu diệt là những tàn dư cổ truyền ... những sản phẩm của các quan hệ xã hội chưa phát triển ... những con người, những ảo tưởng, những khái niệm, những dự án mà đảng cách mạng chưa trút bỏ được trước khi xảy ra cuộc cách mạng tháng Hai, và chỉ có thể trút bỏ được, không phải nhờ vào thắng lợi của cách mạng tháng Hai, mà chỉ nhờ vào một loạt những thất bại...

...Những bài viết sau đây là nhằm chứng minh cho điểm nói trên." [17]

1 - Về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

Thứ nhất: Mác chỉ ra rằng giai cấp công nhân đã đi đầu trong cuộc đấu tranh lật đổ sự thống trị của dòng Bôc Bông tháng Bảy năm 1830 góp phần dựng lên nền quân chủ tư sản và chính giai cấp công nhân trong những ngày tháng Hai lại đi đầu trong cuộc đấu tranh lật đổ nền quân chủ tư sản, góp phần quyết định lập lại nền cộng hoà tư sản.

- Giai cấp công nhân Pa ri khi nhận ra những hậu quả đem đến cho họ, nên đã quyết tâm xuống đường đấu tranh và đã bị giai cấp tư sản đàn áp đẫm máu. bởi vì "Công nhân không còn có đường nào để lựa chọn nữa: hoặc phải chết đói, hoặc phải tiến hành đấu tranh". [45] Mác ca ngợi tinh thần chiến đấu anh dũng của giai cấp công nhân. Rằng "công nhân không có lãnh tụ, không có kế hoạch hành động chung, không có phương tiện và hầu hết là không có vũ khí, thế mà với lòng dũng cảm và tài trí vô song, họ đã chống cự được suốt 5 ngày với quân đội ... ở Pa ri và ... ở các tỉnh đổ về, ... hơn 3000 tù binh đã bị sát hại [45].

Mác đã phân tích tính chất cách mạng, tính triệt để của cuộc khởi nghĩa tháng Sáu năm 1848. Đó là cuộc "Giao chiến lớn đầu tiên đã diễn ra giữa 2 giai cấp đối lập trong xã hội hiện đại giai cấp công nhân và giai cấp tư sản- đó là cuộc đấu tranh để duy trì hoặc để tiêu diệt chế độ tư sản" (trang 45).

- Mác phân tích sự khác biệt về chất giữa cuộc cách mạng tháng Sáu năm 1848 với tất cả các cuộc cách mạng trước đó. Tất cả các cuộc cách mạng trước đó (1793, 1830, 1848) đều bảo vệ "Trật tự tư sản"; trái lại cuộc khởi nghĩa tháng Sáu năm 1848 phá hoại "trật tự tư sản". Mác viết: "Từ năm 1789, không có cuộc cách mạng nào... làm phương hại đến trật tự cả, bởi vì tất cả những cuộc cách mạng ấy đều duy trì sự thống trị của giai cấp tư sản, tình trạng nô lệ của công nhân - duy trì trật tự tư sản - dù cho hình thức chính trị của sự thống trị ấy, và của tình trạng nô lệ ấy có luôn thay đổi đi nữa. Tháng Sáu đã đụng chạm đến trật tự ấy. [45] Khẩu hiệu chiến đấu của giai cấp công nhân tháng Sáu là "Lật đổ giai cấp tư sản; chuyển chính cách mạng của giai cấp công nhân" [47].

Tóm lại: Chỉ có giai cấp công nhân là giai cấp có bản chất xã hội chủ nghĩa, có tinh thần cách mạng triệt để.

Hai là: Mác chỉ ra những hạn chế của giai cấp công nhân Pa ri lúc đó, tựu trung là phong trào công nhân mang tính tự phát. công nhân sớm say sưa với thắng lợi của cách mạng tháng Hai, say sưa với nền cộng hoà II, coi đó là nền cộng hoà của chính mình. Giai cấp công nhân bị giai cấp tư sản mê hoặc bởi việc được thành lập "Bộ lao động" do Lu-i Blăng và Anbe phụ trách có trụ sở ở Lú-xăm-buốc, ngoại ô Pa ri. Thế là giai cấp công nhân đã bị đẩy ra khỏi trụ sở của chính phủ. Mác gọi "Lú-xăm-buốc" một cách hài hước là "Giáo đường xã hội chủ nghĩa" [27,28], Giai cấp công nhân bị giai cấp tư sản đánh lừa bằng việc thành lập các "Công xưởng quốc dân" một sự đánh tráo và lừa bịp giai cấp công nhân do chính phủ lâm thời tung ra và xuyên tạc. Công xưởng quốc gia ấy thực chất chỉ là những lò gạch thủ công lao động buồn tẻ và đồng lương rẻ mạt: 23 xu; đặt ra "thuế phụ thu 45 xăng-tin" thực chất đánh vào giai cấp nông dân và "Chính nông dân là những người phải gánh chịu

những chi phí của cách mạng tháng Hai"... Từ đó trở đi "Nông dân coi giai cấp vô sản Pa-ri là kẻ tiêu xài phung phí đã hưởng lạc bằng tiền của nông dân" [36]. Chính phủ lâm thời thành lập 24 tiểu đoàn cận vệ lưu động với 24000 người từ 15 - 20 tuổi, phần đông thuộc tầng lớp vô sản lưu manh. Điều đó làm cho "giai cấp vô sản lầm tưởng họ là những chiến sĩ tiên phong là đội cận vệ vô sản đối lập với đội cận vệ quốc gia của giai cấp tư sản" [39].

"Bộ lao động", "Công xưởng quốc gia", "Thuế phụ thu 45 xu", "Sự phá phách của bọn vô sản lưu manh trong cái gọi là: đội vệ binh vô sản" do giai cấp tư sản nặn ra, xuyên tạc đã gây nên sự phẫn nộ của xã hội Pháp (từ phái tư sản công nghiệp, đến tiểu tư sản thành thị, và nông dân) đối với giai cấp công nhân. Tiếp đến giai cấp tư sản khiêu khích và tung tin là "Giai cấp công nhân đã tụ tập ở Quảng trường Mác-xơ ... do Lu-i-Blăng, Blăng-ki, Ca-bê và Ra-xpai chỉ huy để lật đổ chính phủ lâm thời và thành lập chính phủ cộng sản" [41]. Thế là giai cấp vô sản không còn cách nào khác là phải đấu tranh nhưng các yếu tố bảo đảm cho giai cấp tư sản chiến thắng đã được giai cấp tư sản chuẩn bị đầy đủ: giai cấp vô sản - biểu thị một lực lượng không lồ, con voi vô sản - đã bị giai cấp tư sản dè bẹp bằng cuộc *đánh áp*... đẫm máu.

Ba là: Mác chỉ ra nguyên nhân thất bại của giai cấp vô sản Pa-ri, bao gồm "Về khách quan là nền đại công nghiệp chưa phát triển đến độ cao, mâu thuẫn tư sản và vô sản chưa trở thành phổ biến, nổi lên hàng đầu và có tính gay gắt; về chủ quan: Giai cấp vô sản chưa đủ giác ngộ, chưa có chính đảng độc lập; không có đồng minh, không có vũ khí ..." [45]. Mác viết: "Công nghiệp ở Pháp ... còn là một hiện tượng cục bộ, cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân làm thuê trong công nghiệp với tư sản công nghiệp còn là một hiện tượng cục bộ ..." ... "giai cấp công nhân Pháp không tiến hành một cuộc nghiên cứu lý luận nào về nhiệm vụ của chính nó cả". Tóm lại "Giai cấp công nhân Pháp chưa đạt được đến chỗ đó, nó chưa có khả năng thực hiện cuộc cách mạng của chính nó" [29, 30].

2 - Cách mạng vô sản và chuyên chính vô sản

+ Trên thế giới quan duy vật, Mác đã cho thấy nguyên nhân của ^{các} cuộc cách mạng đều bắt nguồn từ kinh tế và sản xuất qua phân tích của các cuộc cách mạng 1789, 1830 và đặc biệt sự phân tích rất sâu sắc nguyên nhân dẫn tới cuộc cách mạng tháng Hai năm 1848. Đó là "Cuộc khủng hoảng công nghiệp và thương nghiệp ở Anh (1845 - 1847), nạn mất mùa trong nông nghiệp 1845-1846, tình trạng giá cả tăng vọt năm 1847; sự thiếu hụt tài chính đi liền với sự sa hoa, trụy lạc của chính quyền Pháp do Lu-i Phi-líp đứng đầu..."

+ Mác phân tích rất sâu tính chất của cuộc cách mạng tháng Hai và chỉ ra rằng, đó là cuộc cách mạng tư sản, một cuộc cách mạng đem lại sự thống trị cho toàn bộ giai cấp tư sản và củng cố nhà nước tư sản dưới hình thức mới "Nền cộng hoà tư sản".

+ Mác phân tích tính chất của cuộc cách mạng (khởi nghĩa) tháng Sáu năm 1848, và chỉ rõ: Bản chất giai cấp công nhân, tính triệt để của nó so với tất cả các cuộc cách mạng trước đây. "Tháng Sáu đã đụng tới trật tự ấy - trật tự tư sản" [47]; khẩu hiệu của cuộc cách mạng là "Lật đổ giai cấp tư sản, chuyên chính của giai cấp công nhân" [48].

+ Mác cũng phân tích sự khác nhau về chất giữa 2 cuộc khởi nghĩa: Khởi nghĩa tháng Sáu năm 1848 và tháng Sáu năm 1849 cuộc khởi nghĩa của quần chúng tiểu tư sản do phái Núi đứng đầu. Mác viết "Mỗi cuộc khởi nghĩa đều mang đầy đủ tính chất của giai cấp tiến hành cuộc khởi nghĩa ấy" [88].

+ Mác phân tích những nội dung cơ bản của cách mạng vô sản. Bao gồm các cuộc cách mạng diễn ra trên lĩnh vực chính trị, kinh tế, tư tưởng, văn hoá. Do đó cả một quá trình lâu dài, giai đoạn quá độ tất yếu đi tới cuộc cách mạng triệt để. Đó là "Lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản, thiết lập sự thống trị của giai cấp vô sản. Mác viết: "Lật đổ giai cấp tư sản, chuyên chính của giai cấp công nhân" [48]. Rằng: "Chủ nghĩa xã hội ấy là lời tuyên bố cách mạng không ngừng là chuyên chính giai cấp của giai cấp vô sản, coi đó là giai đoạn quá độ tất yếu để đi đến xoá bỏ những sự khác biệt giai cấp nói chung,

xoá bỏ tất cả những quan hệ sản xuất làm cơ sở cho sự khác biệt ấy, xoá bỏ những mối quan hệ xã hội thích ứng với những quan hệ sản xuất đó, để đi đến cải biến tất cả những tư tưởng nảy sinh từ những quan hệ xã hội đó [126].

+ Mác cũng chỉ rõ khả năng bùng nổ và thắng lợi của các cuộc cách mạng ở các nước kinh tế lạc hậu hơn. Mác viết: " Dĩ nhiên là trước lúc lan tới ~~tím~~ thì các cuộc bùng nổ dữ dội phải xảy ra ở tứ chi của cơ thể tư sản, vì ở tim, khả năng giữ được thăng bằng có nhiều hơn ở tứ chi" [136]. Ông viết tiếp về mối quan hệ giữa trung tâm và ngoại vi rằng: "Mặt khác, mức độ ảnh hưởng của các cuộc cách mạng ở lục địa đối với nước Anh cũng đồng thời là "cái phong vũ biểu chỉ rõ rằng các cuộc cách mạng ấy đã thực sự đụng chạm đến các điều kiện tồn tại của chế độ tư sản đến mức độ nào, hoặc chỉ đụng chạm đến các điều kiện tồn tại của chế độ tư sản đến mức độ nào, hoặc chỉ đang chạm đến các thiết chế chính trị của chế độ tư sản đến mức độ nào" (136, 137).

+ Phân tích thái độ mỉa mai đối với những hành động bạo lực đã man mà giai cấp tư sản đã sử dụng để đàn áp giai cấp công nhân và quần chúng lao động tiểu tư sản, cũng như thái độ mỉa mai của chúng đối với nông dân, Mác đã phê phán quan điểm say mê nghị trường nhất là quan điểm của chủ nghĩa xã hội tiểu tư sản và từ đó nêu rõ quan điểm sử dụng bạo lực cách mạng để lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản. Rằng "Các cuộc cách mạng xã hội đều là những đầu tàu của lịch sử". [119]

3 - Về bản đồng minh của giai cấp vô sản

Mác đã phân tích địa vị kinh tế xã hội của giai cấp tiểu tư sản (tiểu chủ, tiểu thương, tiểu nông...) từ đó chỉ rõ địa vị trung gian của họ. Họ luôn đứng giữa hai giai cấp đối lập trong xã hội tư sản là tư sản và vô sản. Ở địa vị xã hội ấy giai cấp tiểu tư sản luôn luôn bấp bênh, dao động và luôn mâu thuẫn trong việc giải quyết quyền lợi của mình: chống tư bản nhưng không muốn xoá bỏ chế độ tư hữu, không xoá bỏ giai cấp tư sản; lợi dụng giai cấp vô sản để chống giai cấp tư sản nhưng lại sợ giai cấp vô sản cách mạng. Tóm lại, giai cấp tiểu tư sản chống tư bản trong khuôn khổ Hiến pháp tư sản.

Mác đã phân tích tính chất lạc hậu, bảo thủ của nông dân biểu hiện qua sự kiện tháng 10 năm 1848 (Ngày bầu cử Tổng thống Pháp). Họ đã dành cho Lu-i Bô-na-pác-tơ 6 triệu phiếu; và sự kiện ngày 22-6-1848, giai cấp nông dân đã bỏ mặc cho giai cấp tư sản đàn áp đẫm máu giai cấp vô sản ở Pa ri với 3000 tù binh bị sát hại.

Mác kết luận quần chúng tiểu tư sản (cả thành thị và nông thôn) đều không thể có tinh thần cách mạng triệt để, càng không có khả năng lãnh đạo cuộc cách mạng chống tư bản. Họ là một lực lượng xã hội chỉ trở thành lực lượng cách mạng khi họ liên minh với giai cấp công nhân và thừa nhận sự lãnh đạo của giai cấp công nhân mà thôi.

Mác đã phân tích diễn biến lịch sử thời kỳ 1848 - 1850 và chỉ ra rằng tiến trình phát triển của chủ nghĩa tư bản, tiến trình cách mạng của giai cấp công nhân tất yếu dẫn tới sự liên minh ấy.

Mác viết: "Một khi giai cấp vô sản tạm bị gạt ra khỏi vũ đài, một khi nền chuyên chính tư sản đã được chính thức thừa nhận, thì các tầng lớp tiểu tư sản và nông dân ... mà tình cảnh của họ trở nên nặng nề và sự đối lập của họ với giai cấp tư sản càng trở lên gay gắt, sẽ càng phải liên minh chặt chẽ với giai cấp vô sản ... Họ nhận ra rằng nguyên nhân của sự nghèo khổ của họ là sự thất bại của giai cấp vô sản Khi họ đánh vào giai cấp vô sản như thế là họ đã tự nộp mình cho bọn chủ nô" [48 và 54].

Mác cũng chỉ rõ rằng, trong khối liên minh ấy quyền lãnh đạo thuộc về giai cấp công nhân. Mác viết: "Chúng ta đã thấy rằng nông dân, những người tiểu tư sản, các tầng lớp trung đẳng nói chung đều dần dần đứng về phía giai cấp vô sản, dần dần tập hợp xung quanh giai cấp vô sản để làm thành lực lượng quyết định của cách mạng" [123] ... "Cũng như hồi tháng Hai, đây là khối liên minh chung chống lại giai cấp tư sản và chính phủ. Nhưng lần này thì giai cấp vô sản đứng đầu khối liên minh này" [128].

III. Ý NGHĨA CỦA TÁC PHẨM

Là một tác phẩm được Mác viết ngay sau Tuyên ngôn của Đảng cộng sản vừa ra đời, nhưng trong "Đấu tranh giai cấp ở Pháp 1848 - 1850" đã chứa đựng nhiều nội dung mới của chủ nghĩa xã hội khoa học mà ngày nay vẫn còn nguyên những giá trị của nó, như: Điều kiện khách quan và chủ quan để giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình trong đó nguyên lý về sự phát triển cao của một nền công nghiệp hiện đại, việc nâng cao trình độ giác ngộ của giai cấp công nhân đòi hỏi giai cấp công nhân (đó là đội tiên phong của nó) phải tiến hành nghiên cứu lý luận một cách căn bản, có hệ thống. Cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn hiểu đường lối công nghiệp hoá, hiện đại hoá và xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam trong các văn kiện Hội nghị TW7 (Khoá VII) và văn kiện Đại hội VIII của Đảng ta; Nguyên lý về bản chất của nhà nước tư sản: đặc biệt là sự phân tích của C.Mác về tầng lớp tiểu tư sản trong đó có giai cấp nông dân. Mác chỉ rõ địa vị kinh tế và vị trí xã hội của họ, từ đó giúp chúng ta hiểu sự cần thiết củng cố khối liên minh giữa giai cấp công nhân với đông đảo quần chúng lao động tiểu tư sản, mà chủ yếu là với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

TS. Nguyễn Văn Oánh

"NGÀY MUỖI TÁM THÁNG SƯƠNG MÙ CỦA LOUIS BONAPARTE"

C.MÁC

(C.Mác và Ph.Ăngghen: Toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, H.1993, t.8.
tr.144-277)

I- HOÀN CẢNH RA ĐỜI CỦA TÁC PHẨM

Ngày hai tháng chạp năm 1851, những phần tử theo tổng thống Lu-i Bô-na-pác-tơ đã làm cuộc đảo chính, giải tán quốc hội lập hiến, thiết lập chế độ độc tài ở Pháp và sau đó một năm, Bô-na-pác-tơ tự xưng là hoàng đế Nápô-lê-ông III. Sự biến diễn ra làm cho nhiều người ngạc nhiên, bàng hoàng và dẫn tới nhiều cách giải thích sai lầm về nguyên nhân sự biến cũng như cách đánh giá nhân vật chủ yếu của sự biến. Ngay cả Vích-to-huy-gô và Pơ-ru-đông, trong cách giải thích của họ đã dẫn tới ca ngợi nhân vật chủ yếu của sự biến và đã làm cho hắn (Bô-na-pác-tơ) trở thành nhân vật vĩ đại. Chính trong lúc ấy, với một thời gian ngắn, bằng thiên tài của mình Mác đã viết một tác phẩm lớn - một trong những tác phẩm kiệt xuất của Mác - trong đó giải thích đúng đắn sự biến và vạch ra bản chất xấu xa và phản động của Bô-na-pác-tơ với thái độ hết sức khinh miệt. Mác đặt tên cho tác phẩm là "Ngày 18 tháng Sương mù của Lu-i Bô-na-pác-tơ" với ý nghĩa châm biếm.

Nhờ nắm vững lịch sử quá khứ và hiện tại của nước Pháp, nhờ nắm vững quy luật phát triển của lịch sử mà Mác không hề bị bất ngờ trước các sự biến lịch sử. Mác hiểu được thực chất về nguyên nhân và hậu quả của sự biến nên ngay khi sự biến chưa kết thúc Mác đã dự kiến kết quả của nó sẽ như thế nào. Trong tác phẩm "Đấu tranh giai cấp ở Pháp", viết năm 1850, Mác đã nói: "Nhưng cái đảng trật tự cực mạnh đó đành lấy làm xấu hổ mà phải coi trọng cái nhân vật lỗ bịch tầm thường và đáng ghét mạo danh là Bô-na-pác-tơ"; "Trong đảng trật tự thì tập đoàn này làm cho tập đoàn kia suy yếu, mất tín nhiệm và không thể làm gì được... Rằng phải kéo dài nhiệm kỳ tổng thống.

Trong tác phẩm "Ngày 18 tháng Sương mù..." Mác vạch ra rằng: "đấu tranh giai cấp ở Pháp đã tạo ra như thế nào ? những điều kiện và những tình hình một, khiến cho một nhân vật tầm thường và lỗ bịch lại đóng vai trò anh

hùng". (C.Mác và Ph.Ăngghen: Toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, H.1994, t.16, tr.478).

Vậy hoàn cảnh lịch sử châu Âu nói chung và hoàn cảnh nước Pháp nói riêng về các mặt: kinh tế, chính trị, tư tưởng... là gì? Trong những năm 1878 - 1852 ở Pháp đã diễn ra những cuộc đấu tranh giai cấp như thế nào? Những cuộc đấu tranh ấy đã tạo ra hoàn cảnh nào cho sự thắng lợi của Bô-na-pác-tơ? Là một tác phẩm viết sau "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" một thời gian ngắn, nhưng Mác đã phát triển lý luận của chủ nghĩa cộng sản khoa học như thế nào? nghiên cứu bản chất, những thủ đoạn của Bô-na-pác-tơ gọi lên những gì và liên hệ thực tiễn hiện nay?

Cũng cần nói thêm rằng, Mác viết tác phẩm "Ngày 18 tháng Sương mù của Lu-i Bô-na-pác-tơ" trong những điều kiện hết sức khó khăn về đời sống kinh tế và sức khỏe. Suốt tháng Giêng, Mác bị ốm nặng. Trong tháng Hai, Mác đã không đến thư viện làm việc được nữa. Nhưng ở nhà, Mác đã làm việc quên mình để soạn tác phẩm và đem lại cho nó một hình thức hiếm có về lời văn chải chuốt và về sức biểu hiện nghệ thuật. Nội dung của tác phẩm thể hiện tính khoa học kết hợp chặt chẽ với tính cách mạng, như Liép-nếch đã viết: Những lời trong cuốn "Ngày 18 tháng Sương mù..." là những mũi tên, ngọn giáo.... Nếu bao giờ sự căm thù, sự khinh bỉ, tình yêu nồng cháy đối với tự do được thể hiện trong lời bóng bẩy, quyết liệt, cao thượng thì đó là trong cuốn "Ngày 18 tháng Sương mù", trong đó vừa có sự nghiêm khắc căm phẫn của Ta-xít, vừa có sự đũa cọt giết người của Giuyvênam và sự căm giận thiêng liêng của Đan - tơ".

Việc xuất bản tác phẩm cũng gặp nhiều khó khăn do sự nghiêm cấm của các chính quyền phản động châu Âu lúc đó. Ngay cả những chủ hiệu sách vốn tự cho mình là người cấp tiến cực đoan cũng không dám nhận bán các nguyệt san có đăng tác phẩm trên của Mác và họ còn tỏ ra sợ hãi và coi đề nghị của Mác là không hợp thời.

1) Hoàn cảnh kinh tế của châu Âu và nước Pháp, những năm 1840 - 1850.

Cuộc cách mạng công nghiệp diễn ra từ giữa thế kỷ 18 đến giữa thế kỷ 19, mới cơ bản hoàn thành ở nước Anh, còn ở các nước khác của châu Âu (Pháp, Áo, Hung, Đức, Nga...) thì cuộc cách mạng công nghiệp đến giữa thế kỷ 19 mới diễn ra một cách mạnh mẽ. *Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa vẫn còn khả năng thúc đẩy cuộc cách mạng công nghiệp ấy. Mác viết: "... Cuộc cách mạng mà từ năm 1848 đã làm ra khắp toàn bộ châu Âu và chỉ lúc bấy giờ mới làm cho đại công nghiệp được xác lập thật sự ở Pháp, Áo, Hung, Ba Lan, và cuối cùng là ở Nga và đã thật sự biến nước Đức thành nước công nghiệp bậc nhất - tất cả đều ở trên cơ sở tư bản chủ nghĩa, nghĩa là một cơ sở còn có rất nhiều khả năng mở rộng ra nữa trong năm 1848"* (C.Mác và Ph.Ăngghen: Toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, H.1995, t.22, tr.761).

Những năm 1847 - 1848 chủ nghĩa tư bản châu Âu bước vào cuộc khủng hoảng kinh tế trong công - thương nghiệp và nạn mất mùa trong nông nghiệp. Do đó dẫn tới cao trào cách mạng 1848 trên khắp lục địa này (Pháp, Đức, Áo, Tiệp, Hung). Nhưng từ 1850 kinh tế lại bước vào thời kỳ phồn thịnh, do đó các thế lực phản động giành được địa vị thống trị.

2) Hoàn cảnh chính trị ở Pháp (quan hệ giai cấp và các cuộc đấu tranh giai cấp).

Nền đại công nghiệp đang ở thời kỳ phát triển thì giai cấp tư sản công nghiệp và giai cấp vô sản công nghiệp cũng đang ở thời kỳ phát triển. Giai cấp tư sản công nghiệp cũng như toàn thể *giai cấp tư sản Pháp cũng chưa chiếm được* địa vị thống trị. Dưới thời *Lu-i-Phi-Líp* chỉ có một bộ phận giai cấp ấy thống trị (giới quý tộc tài chính), bao gồm: bọn chủ ngân hàng, bọn chúa trùm của sở giao dịch, bọn chủ đường sắt, chủ mỏ than, mỏ sắt và một số bộ phận giai cấp địa chủ liên kết lại. Giai cấp tư sản công nghiệp chính cống là một bộ phận của phái đối lập. Bọn này cũng mâu thuẫn với bọn quý tộc tài chính và diễn ra những trận đấu tranh quyết liệt. *Đại công nghiệp còn đang phát triển, thì ở thành thị các tàn dư thời kỳ công trường thủ công còn rất nặng, ở nông thôn sản xuất nhỏ còn phổ biến*, nghĩa là tầng lớp tiểu tư sản và nông thôn còn rất đông (*nông dân 70% dân số*). do đó mâu thuẫn nông dân với tư sản, tiểu tư sản với tư sản, với quý tộc còn phổ biến và diễn ra những cuộc đấu tranh quyết liệt. Giai cấp vô sản công nghiệp đang hình thành, chiếm số lượng chưa đông

nhưng đã và đang trở thành một lực lượng chính trị độc lập, nhưng trình độ tư tưởng và tổ chức còn rất thấp. Với sự tồn tại của các giai cấp phức tạp như vậy, mâu thuẫn giai cấp càng chằng chịt và các cuộc đấu tranh giai cấp cũng diễn ra phức tạp. *Mâu thuẫn giai cấp vô sản công nghiệp với tư sản công nghiệp chưa trở thành phổ biến và chưa chiếm địa vị hàng đầu.* Tất cả các mâu thuẫn giai cấp ấy tất nhiên dẫn tới các cuộc đấu tranh giai cấp phức tạp. Mác đã tóm tắt toàn bộ diễn biến từ cách mạng tháng Hai 1848 đến tháng Chạp 1851 ở cuối chương 6 của tác phẩm [256]. Có thể tóm tắt như sau:

a) Cách mạng tháng Hai 1848: tất cả các giai cấp xã hội (vai trò chủ yếu là giai cấp vô sản) chống lại nhà quân chủ tháng Bảy, lập chế độ Cộng hoà "Cộng hoà xã hội".

b) Cuộc khởi nghĩa tháng Sáu 1848 của giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư sản bảo vệ chế độ cộng hoà. Giai cấp vô sản bị đàn áp đẫm máu, chế độ "Cộng hoà xã hội" bị thủ tiêu, giai cấp tư sản thiết lập "Cộng hoà dân chủ".

c) Cuộc đấu tranh của phái tư sản cộng hoà với phe trật tự. Phái tư sản cộng hoà tan rã, chế độ "Cộng hoà dân chủ" bị loại bỏ.

d) Cuộc đấu tranh của phái dân chủ tiểu tư sản. sự thất bại của nó trong cuộc khởi nghĩa tháng Sáu 1849.

e) Cuộc đấu tranh của phe trật tự với Bô-na-pác-tơ, phe trật tự tan rã, chế độ cộng hoà đại nghị bị thủ tiêu.

g) Cuộc đấu tranh của nông dân (Cuộc bầu cử tháng Chạp 1848 và sự im lặng của nông dân trong sự biến tháng Chạp 1851) chống lại các giai cấp xã hội khác.

h) Kết thúc bằng sự đắc thắng của Bô-na-pác-tơ trong sự biến tháng Chạp 1851.

Như vậy thấy rõ giai cấp vô sản chưa hoàn toàn trở thành một lực lượng chính trị có ý nghĩa thật sự quyết định trong quá trình phát triển của xã hội.

Chủ nghĩa Mác về cơ bản hình thành cuối năm 1847 đầu 1848 đánh dấu bằng sự ra đời của "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" thể hiện sự phát triển của phong trào công nhân bước sang thời kỳ đấu tranh tự giác, đồng thời cũng thể hiện sự phát triển của khoa học tư tưởng và lý luận của nhân loại. Song chủ nghĩa Mác chưa chiếm ưu thế, mà các thứ chủ nghĩa xã hội không tưởng tiêu

tư sản còn ảnh hưởng một cách rộng rãi và mạnh mẽ trong phong trào công nhân và chưa bị đánh bại ngay trong thực tiễn cũng như về phương diện lý luận. Nhiệm vụ của chủ nghĩa Mác còn đang phải là: cùng với thực tiễn cách mạng của giai cấp công nhân; đẩy lùi các trào lưu chủ nghĩa xã hội không tưởng ra khỏi phong trào công nhân.

Lênin đã viết "Cuộc cách mạng 1848 là một đòn ~~ch~~ ^đ đánh vào các thứ chủ nghĩa xã hội trước Mác" (Lênin: Mác - Ăngghen, chủ nghĩa Mác. Nxb Tiến bộ, M.1976, tr.61-62). Điều đó nói lên phong trào đấu tranh của nhân dân Pháp còn mang nặng tính chất tự phát. Mặt khác: giai cấp tư sản đã tỏ rõ tính chất phản bội lại những bạn đồng minh của nó - giai cấp vô sản và nông dân - cuộc đấu tranh chống chế độ phong kiến để duy trì ách thống trị của nó. Nhưng giai cấp vô sản chưa có được những điều kiện khách quan và chủ quan để thực hiện sứ mệnh lịch sử thế giới của mình. Ăngghen viết: "Lịch sử đã chỉ rõ rằng, trạng thái phát triển kinh tế trên lục địa châu Âu lúc bấy giờ còn rất lâu mới chín muồi để cho phép có thể xoá bỏ được phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa"(Sđd. tr. 61- 62)

II. NỘI DUNG CỦA TÁC PHẨM .

Nội dung của tác phẩm gồm có hai lời tựa của Mác, Ăngghen và 7 chương.

- Trong Lời tựa viết cho bản tiếng Đức xuất bản lần thứ hai. Mác *nêu lý do* Mác viết tác phẩm là theo yêu cầu của Giô-dép Vây-đơ-mây-e, người bạn thân của Mác, *nhằm giải thích một cách đúng đắn sự biến ngày Hai tháng Chạp 1851*. Mác nêu những khó khăn trong việc xuất bản và lưu hành tác phẩm. Mác phê phán cách giải thích sai lầm của Huy-gô và Pơ-ru-đông và nói rõ tác phẩm của Mác vạch rõ "*Đấu tranh giai cấp ở Pháp*" đã tạo ra như thế nào những điều kiện ^{*Bonaparte một nhà vô tài, thiếu lý trí, dốt nát, chỉ nghĩ đến quyền lợi riêng.*} và một hoàn cảnh khiến Mác khẳng định lời tiên đoán của Mác ở cuối tác phẩm là đúng đắn và đã được thực tế kiểm nghiệm."

- Trong lời tựa viết cho bản tiếng Đức xuất bản lần thứ ba. Ăngghen *nêu bật giá trị* của tác phẩm, nêu lên thiên tài của Mác trong việc đánh giá sự biến lịch sử. Cũng như đánh giá nhân vật Bô-na-pác-tơ, với thái độ hết sức khinh miệt. Ăngghen chỉ rõ *nguyên nhân* thành công của Mác là ở chỗ: Một là, Do vị trí quan trọng của nước Pháp lúc bấy giờ làm cho Mác hằng say nghiên cứu lịch sử Pháp vì vậy Mác nắm vững cả quá khứ lẫn hiện tại lịch sử

Pháp. *Hai là*. Mác là người đầu tiên khám phá ra quy luật phát triển của lịch sử - chủ nghĩa duy vật lịch sử - cụ thể là, tất cả mọi cuộc đấu tranh trong lịch sử dù diễn ra trên địa hạt chính trị, tôn giáo, triết học hay bất cứ trên địa hạt tư tưởng nào khác cũng vậy, thực ra chỉ là biểu hiện ít nhiều rõ rệt của những cuộc đấu tranh giai cấp trong xã hội và sự tồn tại của các giai cấp ấy, và do đó, cả những mối xung đột giữa những giai cấp ấy cũng vậy, đều do tình hình phát triển của kinh tế, do phương thức sản xuất và phương thức trao đổi của giai cấp ấy quyết định. *Quy luật ấy đem lại cho Mác cái ... để hiểu lịch sử Cộng hoà Pháp II*. Chính vì vậy mà Mác không bao giờ phải ngạc nhiên với các sự biến lịch sử.

Nội dung của tác phẩm được Mác viết thành 7 chương, Trong 7 chương của tác phẩm Mác đã trình bày rõ ràng và làm sáng tỏ mục đích các tác phẩm là giải đáp câu hỏi: "đấu tranh giai cấp ở Pháp đã tạo ra như thế nào những điều kiện và những tình hình khiến cho một nhân vật tầm thường, lố bịch lại đóng vai anh hùng (C.Mác - Ph.Ăngghen: Toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, H.1994, t.16, tr.487). Mặt khác, qua thực tiễn cách mạng 1848, Mác đã tổng kết bài học cách mạng thành các nguyên lý lý luận bổ xung học thuyết chủ nghĩa cộng sản khoa học. Vì vậy cần làm rõ hai nội dung trên.

10) *Diễn biến lịch sử Pháp từ cách mạng tháng Hai 1848 đến ngày Hai tháng Chạp 1851. Những điều kiện và hoàn cảnh làm cho Lu-i Bô-na-pác-tơ thực hiện được cuộc đảo chính ngày Hai tháng Chạp 1851 - lập lại đế chế ở Pháp.*

a) *Cuộc cách mạng tháng Hai và cuộc khởi nghĩa tháng Sáu - sự thất bại của giai cấp vô sản. Lần thứ nhất cách mạng đi xuống.*

Cuộc cách mạng tháng Hai là kết quả của cuộc đấu tranh giai cấp của tất cả các giai cấp ở Pháp chống lại sự thống trị của Lu-i Philip - đại biểu cho *bọn quý tộc tài chính*. Nguyên nhân trực tiếp của cuộc cách mạng là do cuộc khủng hoảng kinh tế năm 1847, do nạn mùa trong nông nghiệp và tình hình khó khăn về tài chính của nước Pháp. Cuộc cách mạng nhanh chóng giành được thắng lợi, lật đổ sự thống trị của Lu-i Phi^{líp} lập nên chế độ cộng hoà. Cách mạng tháng Hai là cuộc cách mạng tư sản nhưng giai cấp vô sản đóng vai trò chủ động *Nền cộng hoà này do giai cấp vô sản cầm vũ khí đứng lên giành được do đó giai cấp vô sản đã in dấu của mình lên nền cộng hoà đó và gọi là*

cộng hoà xã hội. Giai cấp vô sản vừa say sưa với thắng lợi, say sưa bàn tới tiền đồ vĩ đại đang mở ra trước mắt họ (C.Mác - Ph.Ăngghen: Toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, H.1993, t.7, tr.31). *Như vậy là quan hệ giai cấp đã phát triển đến trình độ là, mỗi bước tiến của cách mạng đều mang trong nó tính chất vô sản - tính xã hội chủ nghĩa.* Điều đó đối với giai cấp tư sản là không thể chấp nhận được. Do đó, các thế lực cũ của xã hội đã liên kết với nhau và tìm thấy lực lượng xã hội làm chỗ dựa là tiểu tư sản và nông dân để tiến hành một cuộc tuyển cử ngày 4 tháng 5 năm 1848 bầu *Quốc hội lập hiến.* Nhiệm vụ của Quốc hội này là giữ cho thành quả cách mạng tháng Hai trong khuôn khổ tư sản. Hiểu ra tính chất quốc hội ấy, giai cấp vô sản toan dùng vũ lực giải tán nó vào ngày 15 tháng 5 năm 1848 nhưng không thành. Giai cấp vô sản tiến hành cuộc khởi nghĩa tháng Sáu năm 1848 và bị thất bại. Mác đã phân tích nguyên nhân thất bại của giai cấp vô sản tại đây là những điều kiện thực hiện cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa chưa phát triển đến độ chín muồi: "Nội dung chung của cuộc cách mạng hiện đại đã được xác định, nội dung đó mâu thuẫn một cách hết sức dị kỳ với tất cả những gì có thể lập tức mang ra thực hiện ngay được trong tình thế và điều kiện sẵn có, mâu thuẫn với những tài liệu hiện có, cũng như mâu thuẫn với trình độ phát triển đã đạt tới của quần chúng" (Sđd, tr. 31)

Mác đã phân tích những nguyên nhân thất bại của giai cấp vô sản một số phương diện: đó là cuộc đấu tranh tự phát, giai cấp vô sản chiến đấu đơn độc... "Đứng về phía giai cấp vô sản chẳng có ai ngoài giai cấp vô sản". Đồng thời Mác nêu rõ bản chất cách mạng của giai cấp vô sản, sự hy sinh to lớn của họ, ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa tháng Sáu năm 1848 "*Cuộc nội chiến lớn nhất giữa tư sản và vô sản*" (Sđd, tr. 45) "Làm rung động cả châu Âu". Cuộc khởi nghĩa cũng chứng minh rằng: "*Chỉ có giai cấp vô sản là có bản chất xã hội chủ nghĩa*". Mác cũng nhận định rằng đứng trước sự phát triển của lịch sử giai cấp tư sản tỏ ra là lực lượng phản động và sẵn sàng dùng những thủ đoạn dã man nhất đàn áp giai cấp vô sản, như sự kiện tháng Sáu 1848 với 3000 người bị tàn sát, 15000 người bị đi đày. *Sự thất bại của giai cấp vô sản tháng Sáu 1848 làm cho lực lượng có khả năng cách mạng nhất bị đẩy khỏi vũ đài chính trị, lực lượng cách mạng bị giảm đi. Đó là bước thụt lùi thứ nhất sau cách mạng tháng Hai.*

b) Sự tan rã của phái tư sản cộng hoà và phái dân chủ tiểu tư sản chế độ "*cộng hoà dân chủ*" bị thủ tiêu - lần thứ hai cách mạng đi xuống.

Sau thất bại của giai cấp vô sản tháng Sáu năm 1848, phái cộng hoà nắm được chính quyền lập hiến, chế độ "*Cộng hoà dân chủ*". Song, giai cấp tư sản không thể giải quyết được mâu thuẫn vốn có của nó. Đứng trước cuộc đấu tranh của giai cấp của giai cấp vô sản, giai cấp tư sản tạm thời liên hiệp chống giai cấp vô sản. Nhưng sau đó, do lợi ích riêng mà tập đoàn tư bản lại đấu tranh gay gắt với nhau: *Cuộc đấu tranh giữa phái tư sản có xu hướng cộng hoà với phái tư sản có xu hướng quân chủ*.

Mác phân tích mâu thuẫn trong giai cấp tư sản nhất định sẽ tìm tới sự thất bại của phái cộng hoà, mà sự thất bại đó bắt đầu bằng sự trúng cử tổng thống của Bô-na-pác-tơ tháng Chạp 1848. Mâu thuẫn giữa phái cộng hoà và phái quân chủ tập trung ở mâu thuẫn *giữa quốc hội với tổng thống*, giữa quyền lập pháp và quyền hành pháp, trong đó Mác chỉ rõ - Quốc hội chỉ có quyền lực tinh thần còn quyền thực tế lại ở tổng thống. Mác phân tích nguyên nhân dẫn Bô-na-pác-tơ trúng cử tổng thống không phải do uy tín hay tài ba của hắn, mà đó chỉ là sự phản ứng tiêu cực của các tầng lớp, các giai cấp xã hội đối với sự bất lực của giai cấp tư sản biểu hiện ở "chế độ cộng hoà" của phái cộng hoà. Theo Mác đó là sự phản ứng của nông dân chống lại tất cả các giai cấp xã hội khác, sự phản ứng của nông thôn chống lại thành thị do chủ nghĩa tư bản bắt đầu với tay tới nông nghiệp, tới nông thôn đang dẫn nông dân tới phá sản, bán cùng, nông dân tìm ra chỗ dựa là Bô-na-pác-tơ, lòng mê tín và lạc hậu của họ, mà nông dân chiếm số đông trong dân cư lúc ấy. Quân đội hoan nghênh cuộc tuyển cử vì chế độ cộng hoà đã không đem lại vinh quang lợi lộc nào cả, giai cấp đại tư sản hoan nghênh cuộc tuyển cử vì chúng coi Bô-na-pác-tơ là cái cầu dẫn tới nền quân chủ, ~~giai cấp~~ giai cấp vô sản và tiểu tư sản hết sức hoan nghênh cuộc tuyển cử vì họ coi Bô-na-pác-tơ là kẻ sẽ trừng trị Ca-vai-nhắc, tên tướng đã đàn áp đẫm máu cuộc khởi nghĩa của giai cấp vô sản hồi tháng Sáu 1848.

Chính Bô-na-pác-tơ nắm được tâm lý này mà đến tháng Chạp 1851 trước khi hết nhiệm kỳ tổng thống, hắn đã dám thực hiện và thực hiện chót lốt cuộc đảo chính ngày Hai tháng Chạp 1851.

Sự đắc thắng của Bô-na-pác-tơ trong cuộc bầu cử tổng thống 1848 bắt đầu sự tan rã của phái tư sản cộng hoà. Giai cấp tư sản phân vào hai phái bảo hoàng và hợp thành hai phe trật tự. Phe trật tự hợp với Bô-na-pác-tơ và nhiệm vụ tiếp theo của nó là thủ tiêu hẳn phái cộng hoà.

Sau thất bại của phái "Tư sản cộng hoà" là cuộc đấu tranh của phái dân chủ tiểu tư sản mà đại biểu là "Phái Núi" trong quốc hội. Mác đã phân tích nguyên nhân thất bại của "Phái Núi" là ở chỗ: nó đại biểu cho tầng lớp trung gian trong xã hội tư sản, do đó nó luôn luôn có thái độ bấp bênh, dao động. Mác đã viết: "Điều làm cho họ (Phái Núi) trở thành đại biểu của giai cấp tiểu tư sản, chính là vì bộ óc của họ không thể vượt qua được giới hạn mà bản thân người tiểu tư sản trong đời sống cũng không thể vượt qua được, và do đó về mặt lý luận, những đại biểu dân chủ bị đẩy tới cũng những vấn đề và những giải pháp mà trong thực tiễn lợi ích vật chất và địa vị xã hội của những người tiểu tư sản đã đẩy họ tới. Nói chung, mối quan hệ giữa những đại biểu về mặt chính trị và về mặt văn học của một giai cấp mà họ đại biểu là như thế đó" [183 - 184]

Thật vậy, "Phái Núi" đại biểu cho những người lao động tư hữu nhỏ nên mục tiêu đấu tranh của nó không triệt để. Phương tiện để đạt tới mục tiêu không phải là cách mạng. Nó chủ trương làm giảm nhẹ đối kháng giữa lao động và tư sản chứ không phải là thủ tiêu đối kháng ấy. Nó đấu tranh trong khuôn khổ hiến pháp tư sản, theo quan điểm tiểu tư sản, luôn do dự và luôn vấp phải mâu thuẫn. Sức mạnh của nó ở nghị trường hơn 270/720 ghế đại biểu nhưng nó lại nhảy ra đường phố. Ra đường phố mà lại không có vũ khí, lại hò hét theo kiểu nghị trường, vì thế nó tan rã nhanh chóng khi vấp phải bạo lực của giai cấp tư sản.

Mác đã phân tích ý nghĩa ngày 13 tháng Sáu 1849 - ngày khởi nghĩa và thất bại của giai cấp tiểu tư sản - coi đó là lực lượng cộng hoà dân chủ cuối cùng bị gạt ra khỏi vũ đài chính trị, làm cho lực lượng bảo vệ hiến pháp yếu đi, tức là một cách tự nhiên lực lượng hành pháp - tổng thống: Bô-na-pác-tơ - mạnh lên. "Phái Núi" đấu tranh đòi truy tố Bô-na-pác-tơ mà phe trật tự dân áp tự nhiên thất bại của phái Núi trở thành thắng lợi của Bô-na-pác-tơ, nghĩa là hấn ngòi không mà hưởng thắng lợi. Hơn nữa - Mác phân tích - ngày 13/6/1849 thuần tuý là một cuộc biểu dương hoà bình, vậy thì chống lại nó có gì là vinh quang, là chiến công to lớn, nhưng trong hoàn cảnh lúc bấy giờ (không có anh hùng, không có gì hơn) giai cấp tư sản phải thôi phòng thắng lợi coi như một trận Ô-stéc-lit-xơ thành ra càng tôn thêm vai trò của Bô-na-pác-tơ.

Nói đến cuộc đấu tranh của tầng lớp trung gian phải tính đến thái độ của nông dân Pháp lúc ấy. Với lực lượng đông đảo trong dân cư (70%) lại mang tính bảo thủ, mê tín họ trở thành cơ sở xã hội cho các lực lượng phản động. Chính vì sự mê tín Na-pô-lê-ông, chính bị tuyên truyền xuyên tạc về giai cấp vô sản mà họ đã bỏ phiếu cho Bô-na-pác-tơ hồi tháng Chạp 1848, họ đã bỏ mặc cho giai cấp tư sản đàn áp vô sản hồi tháng Sáu 1848 và họ thờ ơ với cuộc đảo chính tháng Chạp 1851. Sự lạc hậu của nông dân Pháp là nguyên nhân cho sự đắc thắng của Bô-na-pác-tơ.

Sự thất bại của phái tư sản cộng hoà, và phái dân chủ tiểu tư sản là bước thụt lùi thứ hai, vì nó tiếp tục loại bỏ các lực lượng dân chủ, tạo ra sự chuyển dần tới chế độ quân chủ, là một thắng lợi mà Bô-na-pác-tơ tự nhiên được hưởng.

c) Cuộc đấu tranh của phe trật tự với Bô-na-pác-tơ. Chế độ cộng hoà đại nghị bị thủ tiêu, chế độ quân chủ trở lại thời trị. Cách mạng Pháp bị đẩy lùi về vị trí ban đầu. Nhà nước trở lại hình thái nguyên thủy của nó.

Sau khi cùng nhau liên hiệp đàn áp cuộc khởi nghĩa của giai cấp vô sản và loại bỏ phái tư sản cộng hoà, phái dân chủ tiểu tư sản ra khỏi vũ đài chính trị, thì phe trật tự trở lại tiếp tục cuộc đấu tranh với Bô-na-pác-tơ.

Ngay trong khi đang cần phải tập trung lực lượng chống Bô-na-pác-tơ thì phe trật tự lại bị chia rẽ và đấu tranh với nhau một cách gay gắt. Đó là cuộc đấu tranh giữa hai phái bảo hoàng: Bảo hoàng Óc-lê-ăng và Bảo hoàng chính thống. Mác đã phân tích nguyên nhân sâu xa của cuộc đấu tranh này và hậu quả của nó.

Về nguyên nhân, Mác chỉ ra rằng cuộc đấu tranh của hai phái bảo hoàng trong phe trật tự không phải do sự khác nhau về cái gọi là "nguyên tắc" mà do chính những điều kiện sinh hoạt vật chất của họ, do hai loại sở hữu khác nhau, do đối kháng lâu đời giữa nông thôn và thành thị, do sự cạnh tranh giữa tư bản và địa chủ... và... cả một kiến trúc thượng tầng do những cảm giác, những ảo tưởng, những lối suy nghĩ và những quan niệm triết học riêng biệt cấu thành đã được xây dựng lên trên những hình thức sở hữu khác nhau và lên trên những điều kiện sinh hoạt xã hội khác nhau ấy". Tóm lại chính hai lợi ích lớn khác nhau đã làm chia rẽ giai cấp tư sản trong phe trật tự thành hai phái và

cuộc đấu tranh đó của hai phái ấy với nhau trong một liên minh là không thể tránh khỏi.

Về diễn biến: "Chúng chống nhau trên báo chí, trong nghị trường và ngoài nghị trường... bên nào cũng muốn giành ưu thế thống trị về mình và làm suy yếu bên kia, bắt bên kia phụ thuộc vào mình.

Về hậu quả của các cuộc đấu tranh ấy, làm cho cả hai phái suy yếu. Phe trật tự không đủ sức thắng Bô-na-pác-tơ. Cuộc đấu tranh làm cho nước Pháp luôn bị đảo lộn, căng thẳng. Nó làm cho tất cả các giai cấp xã hội kể cả giai cấp tư sản đều oán ghét "quốc hội lập pháp và đều mong muốn chấm dứt tình trạng căng thẳng ấy, thà chịu: "Một kết thúc khủng khiếp còn hơn một sự khủng khiếp không bao giờ kết thúc" [249]. Như vậy là mưu toan hợp nhất hai phái Bảo hoàng trong phe trật tự không thành. Phe trật tự bị phân rẽ thành những bộ phận cấu thành của nó. Nó bị chia rẽ trong nghị trường, ngoài nghị trường và cả quân chúng của nó cũng rời bỏ nó. Thế là cả quốc hội cộng hoà lẫn hiến pháp tự nó mòn mỏi và đi tới tan rã. Do đó, Bô-na-pác-tơ dễ dàng giành thắng lợi.

Tuy mâu thuẫn với nhau rất sâu sắc, nhưng cả hai phái bảo hoàng vẫn phải liên minh với nhau trong một chính thể cộng hoà để duy trì địa vị thống trị của toàn bộ giai cấp tư sản. Mác viết: "Chế độ cộng hoà đại nghị không phải chỉ là miếng đất trung lập mà trên đó hai phe cánh của giai cấp tư sản Pháp - phe chính thống và phe Oóc-lê-ăng, phe địa sản và phe công nghiệp - có thể cùng sống bên cạnh nhau với những quyền ngang nhau, mà nó còn hơn thế nữa, là điều kiện tất yếu để hai phe cánh đó đều thống trị chung, là hình thức nhà nước duy nhất trong đó lợi ích giai cấp chung của họ có thể chi phối cả những tham vọng của các phe cánh khác nhau ấy, lẫn tất cả các giai cấp khác trong xã hội. Nhưng về mặt bảo hoàng thì họ lại rơi vào tình trạng đối kháng nhau, lại rơi vào tình trạng đấu tranh giành bá quyền giữa địa sản và tiền bạc"¹.

Cuộc đấu tranh giữa phe trật tự và Bô-na-pác-tơ : Mâu thuẫn giữa phe trật tự và Bô-na-pác-tơ xuất hiện ngay từ tháng Chạp 1848 khi Bô-na-pác-tơ trúng cử tổng thống. Nhưng đứng trước cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản và tầng lớp tiểu tư sản, hai thế lực này phải tạm ăn ở hoà thuận với nhau. Sau khi

¹ Mác-Angghen tuyển tập, tập I, Sự Thật, H. 1962, tr. 488 - 489

thanh toán xong các đối thủ trên chúng trở lại chống nhau quyết liệt. Biểu hiện ra bên ngoài của cuộc đấu tranh ấy là cuộc đấu tranh giữa quyền lập pháp (Quốc hội, phe trật tự) và quyền hành pháp (tổng thống, Bô-na-pác-tơ). Trong cuộc đấu tranh, chưa kể đến sự chia rẽ của phe trật tự, thì phe trật tự cũng đã yếu hơn, vì theo Mác "Quốc hội chỉ có cái quyền lực tinh thần" còn "quyền lực thực tế" lại trong tay tổng thống. Mâu thuẫn trong phe trật tự đã dẫn nó đến những cuộc đấu tranh nội bộ và dẫn tới những quyết định hết sức sai lầm. Đúng trước tội trạng của Bô-na-pác-tơ Quốc hội lấy làm thoả mãn với việc làm nhục tổng thống mà không cách chức hắn, đem hắn ra truy tố, hoặc quyết định xét lại hiến pháp. Mác phân tích hậu quả và nguyên nhân của quyết định đó là "Phe trật tự không biết đường thống trị, cũng không biết đường phục tùng, không biết đường sống cũng không biết đường chết... Phe trật tự không giải quyết được mâu thuẫn, nó mòn mỏi dân trong cuộc đấu tranh và đi đến chỗ hoàn toàn bất lực.

Ngược lại. Bô-na-pác-tơ đã lợi dụng những mâu thuẫn và cuộc đấu tranh nội bộ phe trật tự, hắn bưng lễ củng cố vị trí của mình, tăng cường phương tiện tấn công, lựa chọn vũ khí v.v... để thực hiện âm mưu đảo chính của hắn. Đảo chính luôn luôn là tư tưởng cố định của hắn. Càng gần đến ngày tháng hết nhiệm kỳ tổng thống thì âm mưu ấy càng được thực hiện một cách khẩn trương:

Một là: Tuỳ theo tương quan lực lượng mà hắn thay đổi những nội các có lợi cho hắn. Từ nội các "phi đại nghị" tháng Một 1849 đến nội các "siêu đại nghị" tháng Giêng 1851, đến nội các "phản đại nghị", tháng Tư 1851. Đến đây Bô-na-pác-tơ coi Quốc hội đã hoàn toàn tiêu diệt và hắn chuẩn bị bản tuyên ngôn sau đảo chính. Vì vậy, Mác ví nội các như cái hàn thử biểu đo sinh lực của Quốc hội.

Hai là: Hắn tăng cường nắm lấy quân đội bằng việc lợi dụng quyền lực tổng thống điều động các viên tư lệnh Pari có lợi cho hắn (Trong khi Quốc hội cứ hoài công thảo luận xem ai có quyền điều động quân đội). Bô-na-pác-tơ còn mua chuộc quân đội bằng việc tăng lương cho hạ sĩ quan và tổ chức các cuộc chiêu đãi quân đội bằng rượu và lap sườn". Vì vậy, quân đội ngày càng ngả về phía hắn.

Ba là: Hẳn tổ chức các cuộc tuần du khắp nước Pháp, trong đó hẳn sử dụng bọn vô sản lưu manh trong cái "Hội Mười tháng Chạp" làm lực lượng tiên hô, hậu ủng hoan nghênh hẳn. Hẳn lợi dụng những tâm lý và nguyện vọng của các tầng lớp, các giai cấp xã hội Pháp lúc đó mà thực hiện chính sách mị dân. Đối với giai cấp tư sản công - thương nghiệp, hẳn tự tay gắn những tấm huy chương vàng làm giải thưởng cho cuộc triển lãm công nghiệp ở Luân-Đôn và trong diễn văn hẳn nhằm vào nguyện vọng của giai cấp này là yên ổn phát triển công thương nghiệp và đưa vào những lời hứa "... nước nhà sẽ được yên tĩnh..." và hẳn được giai cấp tư sản ủng hộ bằng những tràng vỗ tay nhiệt liệt, cũng nghĩa là giai cấp tư sản tán thành một cách dễ dàng cuộc đảo chính ngày Hai tháng Chạp 1851. Đối với công nhân hẳn đưa ra những lời lừa bịp "thành lập công xưởng quốc dân", "giải quyết công ăn, việc làm". Đối với nông dân hẳn lợi dụng lòng mê tín của họ mà nấp sau bộ mặt sắt của Na-pô-lê-ông, do đó, nông dân đã mù quáng bỏ phiếu cho hẳn hồi tháng Chạp 1848 và không hành động gì nhằm chống lại hẳn trong ngày Hai tháng Chạp 1851.

Đó là toàn bộ diễn biến của cuộc đấu tranh giai cấp ở Pháp tạo ra những điều kiện và hoàn cảnh dễ Bô-na-pác-tơ, một tên bịp bợm, phiêu lưu, tâm thường và lối bịch đóng vai anh hùng. Theo Mác thì những cuộc đấu tranh giai cấp ấy phản ánh những đối kháng giai cấp ở Pháp đã đạt tới một giai đoạn mà mọi sự phát triển hơn nữa của cách mạng sẽ kéo theo sau nó việc thực hiện những nội dung và biện pháp xã hội chủ nghĩa. Vì vậy giai cấp tư sản đã từ chối những hình thức thống trị trực tiếp và thuần túy của nó như "chế độ cộng hoà tư sản" và để bảo vệ chế độ bóc lột, giai cấp tư sản đã giao chính quyền vào tay một tập đoàn phản động của những phần tử phiêu lưu trắng trợn nhất. Mác coi cuộc đảo chính ngày Hai tháng Chạp 1851 là một hậu quả có tính chất quy luật của sự tăng lên tính phản động của giai cấp tư sản. Nó là kết quả của sự so sánh lực lượng trong đó giai cấp tư sản không đủ sức thống trị bằng phương pháp thông thường của nó nữa, còn giai cấp vô sản cũng chưa đủ sức giành lấy thắng lợi quyết định. Chính vì thế mà cách mạng tư sản từ nửa sau thế kỷ 19 có xu thế đi xuống, Mác đã viết: "Trong cuộc cách mạng Pháp lần thứ nhất... cách mạng tiến triển theo một con đường đi lên"...

Trong cuộc cách mạng 1848 tình hình lại xảy ra trái hẳn thế. Đảng vô sản hồi này chỉ là vật phụ thuộc vào đảng dân chủ tiểu tư sản. Nó bị đảng tiểu

tư sản dân chủ phản bội và bỏ rơi trong những ngày 16 tháng Tư, 15 tháng Năm và sự biến tháng Sáu. Đảng dân chủ thì lại dựa vào vai đảng cộng hoà tư sản. Đảng cộng hoà tư sản vừa cảm thấy mình có một cơ sở vững chắc, thì đã vội từ bỏ người bạn đường bất hợp thời của mình và đi dựa vào phe trật tự. Phe trật tự né tránh làm cho đảng cộng hoà tư sản bị đổ nhào và đến lượt nó lại dựa vào vai quân đội.... Mỗi đảng đều đá hậu cái đảng muốn đẩy mình lên phía trước và dựa lưng vào cái đảng đẩy lùi mình về phía sau.... Như vậy cách mạng đã theo một con đường đi xuống".

Trong khi trình bày và luận giải các dự kiện lịch sử từ 1848 đến 1851 nhằm giải đáp câu hỏi Mác đã nêu ra ở đầu tác phẩm, đồng thời Mác tổng kết các bài học kinh nghiệm cách mạng, nêu lên những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản khoa học trên các vấn đề: Số mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp vô sản; cách mạng vô sản... trong đó nổi bật nhất là nguyên lý phải đập tan bộ máy nhà nước của giai cấp thống trị cũ và nguyên lý liên minh công- nông.

1- Về số mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp vô sản.

Trong tác phẩm này Mác đã phân tích những nguyên nhân thất bại của giai cấp vô sản Pháp sau cách mạng tháng Hai và cuộc khởi nghĩa tháng Sáu 1848. Những nguyên nhân đó, xét đến cùng, chính là vào những năm 40 - 50 của thế kỷ 19 chưa có những điều kiện khách quan và chủ quan để giai cấp vô sản có thể hoàn thành sứ mệnh lịch sử thế giới của mình là xoá bỏ phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, xây dựng xã hội mới. Điều kiện khách quan là sự phát triển của nền sản xuất đại công nghiệp, điều kiện chủ quan là trình độ phát triển của giai cấp vô sản là cả về số lượng, nhận thức lý luận và trình độ tổ chức còn chưa đầy đủ.

Mác và Angghen đã nhiều lần chỉ ra rằng, đại công nghiệp chính là phương tiện vật chất để xoá bỏ chế độ tư hữu nhưng đến giữa thế kỷ 19 cuộc cách mạng công nghiệp ở Pháp chưa hoàn thành. Nền sản xuất lớn tư bản chủ nghĩa chưa hoàn toàn chiến thắng sản xuất nhỏ nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp và trong lĩnh vực công nghiệp, thì những tàn dư thời kỳ công trường thủ công vẫn còn rất nặng nề. Đại công nghiệp chưa phát triển đầy đủ có nghĩa là giai cấp vô sản hiện đại - sản phẩm của nền đại công nghiệp - chưa đông. Mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản công nghiệp với vô sản công nghiệp và cuộc đấu tranh của hai giai cấp ấy chưa được đẩy lên hàng đầu. Các cuộc đấu

tranh của quần chúng lao động chống lại nhà nước chưa mang lại một mục đích chung là chống lại giai cấp tư sản .

Mác đã phân tích nguyên nhân chủ quan làm cho giai cấp vô sản thất bại đó là trình độ giác ngộ và tổ chức của giai cấp vô sản còn thấp. Cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản còn ở trình độ tự phát vì "Công nhân không có lãnh tụ", "công nhân rất mơ hồ về nền cộng hoà tháng Hai". Sau cách mạng tháng Hai "công nhân chưa có ý niệm gì về phương hướng phát triển tiếp theo". Công nhân còn ảnh hưởng chủ nghĩa xã hội không tưởng của Lu-i Bơlăng. Và nói chung là vì "Đảng vô sản còn là vật phụ thuộc vào đảng dân chủ tiểu tư sản". Cũng chính năm 1850, trong "Thư của Ban chấp hành Trung ương gửi Đồng minh những người cộng sản" Mác đã viết: "Cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản chỉ có thật sự là cuộc đấu tranh giai cấp khi nào thành lập chính đảng của mình đối lập với tất cả chính đảng của giai cấp hữu sản khác".

Mác đã nêu bật bản chất cách mạng của giai cấp vô sản, về sự hy sinh to lớn của giai cấp vô sản, Mác coi đây là cuộc nội chiến lớn nhất giữa giai cấp vô sản và tư sản không chỉ ảnh hưởng ở Pháp mà còn ảnh hưởng toàn bộ châu Âu lúc đó. Sau này, đánh giá cuộc khởi nghĩa tháng Sáu 1848 Lênin viết: "Chỉ có giai cấp vô sản là có bản chất xã hội chủ nghĩa" (Lênin: Mác, Ăngghen, chủ nghĩa Mác, Nxb Tiến bộ, M.1976, tr. 61 - 61)

Mác và Ăngghen đã nhiều lần chỉ ra rằng cách mạng xã hội là kết quả của quá trình giải quyết mâu thuẫn gay gắt giữa lực lượng sản xuất với quan hệ sản xuất. Cách mạng xã hội chủ nghĩa là kết quả quá trình giải quyết mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất xã hội hoá cao với quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, biểu hiện về mặt xã hội là giải quyết mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản . Trong tác phẩm này, Mác đã phân tích và chỉ ra rằng đến giữa thế kỷ 19 chỉ mới có nước Anh hoàn thành cuộc cách mạng công nghiệp còn ở lục địa châu Âu thì cuộc cách mạng đó mới chỉ mới đang diễn ra. Cuộc cách mạng kinh tế diễn ra sau những năm 1848 đã làm cho công nghiệp được xác lập ở Pháp, Áo, Hung, Ba Lan và sau cùng là ở Nga và làm cho nước Đức trở thành nước có công nghiệp phát triển bậc nhất, rằng "ở đây, bước tiến trẻ trung và bông bột của sản xuất còn có một thế giới mới để chinh phục, nên đã không có cơ hội để phá huỷ cái thế giới tinh thần cũ" (C.Mác - Ph.Ăngghen: Toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, H.1995, t.22, tr.761).

Mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất với quan hệ sản xuất chưa phát triển cao thì về mặt xã hội mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản công nghiệp với giai cấp tư sản công nghiệp cũng chưa trở thành chủ yếu. Ở đây các giai cấp đang hình thành và phát triển trong những mối quan hệ giai cấp hết sức phức tạp. Mác viết : Ở đây các giai cấp đã được cấu thành, nhưng chưa được cố định, trái lại, luôn luôn cải biến và thay đổi các bộ phận cấu thành của nó

Mác đã phân tích những nguyên nhân khác dẫn giai cấp vô sản đến thất bại hồi tháng Sáu 1848, đó là sự vắng mặt của một chính đảng độc lập của giai cấp vô sản; sự liên minh giữa giai cấp vô sản với quần chúng lao động khác, nhất là với nông dân chưa có điều kiện hình thành "Đứng về phía giai cấp vô sản chẳng có ai ngoài bản thân giai cấp vô sản".

Trong tác phẩm này, Mác đã phân tích xu hướng phát triển của cuộc cách mạng tư sản với cách mạng vô sản, Mác chỉ ra rằng, cuộc cách mạng tư sản thế kỷ 18 có xu hướng đi lên, còn những cuộc cách mạng tư sản thế kỷ 19 có xu hướng đi xuống. Điều đó phản ánh tính hạn chế, tính không triệt để của cách mạng tư sản. Trái lại những cuộc cách mạng vô sản thì luôn luôn tự phê phán, gạt bỏ những ảo tưởng, chế độ những sự yếu đuối rụt rè của mình và luôn vươn tới những mục tiêu cách mạng bao la và tận của mình. Điều đó phản ánh tính chất triệt để và tính không ngừng của cách mạng vô sản. Vì vậy, nếu như các cuộc cách mạng vô sản thế kỷ 19 có thất bại, đó chỉ là tạm thời chứ không phải cách mạng bị tiêu diệt. Chính qua những thất bại tạm thời đó mà giai cấp vô sản có thể khắc phục được những sai lầm, những ảo tưởng của thời kỳ tiền cách mạng, từ đó mà tiếp tục tiến lên, quá trình đấu tranh của giai cấp vô sản chỉ có thể là một quá trình cách mạng phát triển không ngừng.

2- Về vấn đề nhà nước

Mác đã phân tích quá trình phát triển và không ngừng hoàn thiện của bộ máy nhà nước tư sản từ cuộc cách mạng 1789, qua các giai đoạn 1793 - 1795, 1815 - 1830, 1848 - 1851, Mác rút ra kết luận về bản chất của nhà nước tư sản dù dưới hình thức quân chủ hay dưới hình thức Cộng hoà thì bản chất của chúng vẫn là một đó là "chuyên chính tư sản". Mác đã phân tích tính chất quan liêu ăn bám của nhà nước tư sản (nửa triệu quan lại với nửa triệu quân đội). Nó sống như vật ký sinh trên cơ thể xã hội. Mác cũng chỉ rõ thái độ của

giai cấp vô sản đối với nhà nước đó phải như thế nào?. Mác chỉ ra rằng, trong các cuộc cách mạng sắp tới của giai cấp vô sản không phải là giành lấy và hoàn thiện bộ máy nhà nước sẵn có, mà là: Phải đập tan bộ máy nhà nước thống trị của giai cấp tư sản, phải tập trung lực lượng phá huỷ nó đi.

Nguyên lý "Phải đập tan bộ máy nhà nước của giai cấp thống trị cũ" nêu trong tác phẩm "Ngày 18 tháng Sương mù..." là sự tổng kết kinh nghiệm của cuộc cách mạng 1848 - 1851. Lý luận về nhà nước đã có một bước tiến dài so với "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản". Trong "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản", Mác và Ăngghen chỉ mới đề cập một cách chung nhất là: "Nhà nước, tức là, giai cấp vô sản được tổ chức thành giai cấp thống trị"; "Bước thứ nhất của cuộc cách mạng công nhân là việc biến giai cấp vô sản thành giai cấp thống trị, là việc giành lấy dân chủ". Ở đây, tư tưởng "Chuyên chính vô sản đã hình thành rõ rệt và theo ~~lẽ~~ tất nhiên phải dẫn đến kết luận "Đập tan, phá huỷ bộ máy nhà nước của giai cấp thống trị cũ". Song, "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" ra đời vào đêm trước của cuộc cách mạng 1848, do vậy, về mặt thực tiễn chưa đủ làm rõ nguyên lý trên, và sau cách mạng 1848 trên cơ sở thực tiễn ấy Mác rút ra nguyên lý đó trong tác phẩm "Ngày 18 tháng Sương mù". Trong thư gửi Cu-ghe-n-man ngày 12/4/1871 Mác đã viết: "Nếu anh liếc đọc chương cuối cùng trong quyển "Ngày 18 tháng Sương mù" của tôi, anh sẽ thấy tôi ~~đã nói~~ rằng, cố gắng tiếp theo của cuộc cách mạng Pháp không phải là chuyển giao bộ máy quân phiệt quan liêu từ tay ~~người này sang tay người khác~~ như ~~đã xảy ra~~ xảy ra từ trước đến nay mà là đập tan bộ máy ấy, và đó là điều kiện tiên quyết cho mọi cuộc cách mạng nhân dân thật sự ở lục địa" (C.Mác - Ph.Ăngghen: Toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, H.1997, t.33, tr.280).

Trong lời tựa viết cho "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" Ăngghen cũng viết: Sau 20 năm nếu nói cái gì phải bổ sung thì chính là nguyên lý "giai cấp công nhân không thể chỉ nắm lấy bộ máy nhà nước sẵn có và bắt nó phục vụ mình" (C.Mác, - Ph.Ăngghen: Toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, H.1995, t.21, tr.524).

Mặt khác trong cuộc cách mạng 1848 chỉ mới đủ để cho Mác đi đến kết luận phá huỷ bộ máy nhà nước thống trị cũ cả về bộ máy lập pháp lẫn bộ máy hành pháp. Ở đây, Mác chưa nêu đập tan những phương diện nào? Lấy gì thay thế nó? Sau Công xã Paris 1871 Mác đã tổng kết thực tiễn và rút ra những kết luận trên những vấn đề đó trong các tác phẩm "Nội chiến ở Pháp".

3- Về bản đồng minh của giai cấp vô sản-liên minh công nông

Nếu như trong "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" Mác và Angghen chỉ mới đề cập một cách chung nhất khả năng và sự cần thiết giai cấp vô sản phải đoàn kết với quần chúng lao động bị bóc lột để chống lại giai cấp tư sản nhằm giải phóng mình đồng thời giải phóng toàn xã hội và giải phóng toàn nhân loại là điều kiện giải phóng triệt để giai cấp công nhân, thì trong tác phẩm này Mác đã phát triển và cụ thể hoá thành nguyên lý "Sự liên minh giữa hai giai cấp công nhân và nông dân" cùng chống tư bản.

Một là, Mác đã nêu khái niệm và những đặc điểm của "tiểu nông". Tiểu nông là một khối quần chúng rộng lớn mà tất cả các thành viên của họ đều sống trong hoàn cảnh như nhau nhưng lại không có mối quan hệ ràng buộc với nhau, phương thức sản xuất của họ không làm cho họ liên kết với nhau mà trái lại làm cho họ tách rời nhau.

- Về kinh tế; Mỗi gia đình nông dân là một đơn vị kinh tế gần như tự túc hoàn toàn, tự mình sản xuất ra đại bộ phận những cái mình tiêu dùng, tự cung cấp cho mình những tư liệu sinh hoạt bằng cách trao đổi với tự nhiên nhiều hơn là trao đổi với xã hội.

Về xã hội: Do điều kiện kinh tế như vậy nên nông dân vừa là một giai cấp vừa không phải là một giai cấp. Họ là một giai cấp nếu ta tính sinh hoạt kinh tế của họ giống nhau, trình độ chính trị, tư tưởng của họ giống nhau, khác với các giai cấp khác và những gia đình hợp thành làng, xã, quận, tỉnh. Nhưng họ không hợp thành giai cấp khi xét họ chỉ có những mối liên hệ địa phương chứ không có mối liên hệ toàn quốc và rộng hơn nữa.

- Về chính trị tư tưởng: Sống trong những điều kiện kinh tế và xã hội như vậy, nên trình độ văn hoá của nông dân thấp kém, tư tưởng bảo thủ và họ không có hệ tư tưởng riêng. Họ không có khả năng tổ chức ra những tổ chức chính trị của riêng mình. Họ không có khả năng đại biểu cho lợi ích của chính họ, mà họ cảm phải có người khác đại biểu cho họ. Người đại biểu của họ đồng thời cũng là chủ của họ, lực lượng xã hội này được họ coi như là quyền uy tối cao của xã hội.

Tóm lại, trong xã hội tư bản nông dân là tầng lớp trung gian. họ có thể ngã theo vô sản và cũng có thể ngã theo tư sản. Vấn đề là trên thực tế ai đem lại và bảo vệ lợi ích của họ.

Hai là, Mác phân tích sự thống nhất lợi ích giữa nông dân và tư sản khi chủ nghĩa tư bản đang lên và sự mâu thuẫn lợi ích giữa nông dân và tư sản khi chủ nghĩa tư bản đi xuống, khi giai cấp tư sản trở thành lực lượng phản động.

- Về chế độ sở hữu đối với nông dân: Trong chế độ phong kiến, nông dân là những người không có ruộng đất, phải đi làm thuê cho địa chủ phong kiến. Quan hệ sản xuất phong kiến không chỉ kìm hãm sự phát triển của những lực lượng sản xuất trong công nghiệp, trong thương nghiệp mà cả trong nông nghiệp nữa. Vì chính người nông dân, lực lượng sản xuất trong xã hội phong kiến lại là người nô lệ, người không có quyền sở hữu ruộng đất.

- Cách mạng tư sản đã xoá bỏ chế độ sở hữu phong kiến, giải phóng sản xuất nói chung và trong nông nghiệp nói riêng, nghĩa là nông dân được giải phóng. Cách mạng tư sản Pháp đã đem lại cho nông dân Pháp những lợi ích nhất định. Nó biến người nông dân nửa nông nô thành người nông dân tự do, thành người sở hữu ruộng đất. Chủ nghĩa tư bản trong buổi bình minh của nó đã tạo ra những điều kiện làm cho người nông dân khai thác những mảnh đất vừa rơi vào tay họ. Nhưng khi chủ nghĩa tư bản đã thò bàn tay của nó đến nông nghiệp, nghĩa là chủ nghĩa tư bản vươn ra khỏi thành thị, thì chính chế độ sở hữu mảnh đất nhỏ ấy lại trở thành nguyên nhân làm cho nông dân bị bán cùng và phá sản. Mác đã viết: "Hình thức sở hữu theo lối "Na-pò-lê-ông" hồi đầu thế kỷ thứ 19 là điều kiện cần thiết để giải phóng và làm giàu cho dân cư nông thôn Pháp, thì ngược lại, suốt thế kỷ này đã biến thành nguyên nhân chính làm cho họ bị nô dịch và bán cùng hoá [268].

Thật vậy chế độ sở hữu mảnh đất nhỏ chỉ phù hợp với thời thanh xuân của chủ nghĩa tư bản và khi chủ nghĩa tư bản phát triển vào lĩnh vực nông nghiệp, chủ nghĩa tư bản đi xuống thì mảnh đất con của người nông dân chỉ còn là cái cớ cho tên tư bản có thể bòn rút lợi nhuận, lợi tức và địa tô; đẩy người nông dân vào tình trạng cầm cố, nợ nần. Trên ý nghĩa đó Mác nói rằng 16 triệu nông dân Pháp đã trở thành người ăn lông ở lỗ.

- Về nhà nước tư sản đối với nông dân: Mác đã chỉ ra rằng, nhà nước tư sản (trong đó có quân đội) là công cụ, là người lính canh, trong coi mảnh đất con vừa mới được hình thành, thì về sau chính cái nhà nước ấy lại trở thành công cụ bảo vệ chế độ bóc lột tư bản chủ nghĩa ở nông thôn, trở thành con quỷ hút máu người nông dân. Vào cái nôi luyện vàng của tư bản. Nhà

nước là công cụ mà giai cấp tư sản sử dụng để đẩy người nông dân ra khỏi đồng ruộng của họ, biến họ thành người phá sản và kéo nhau lang thang ra thành phố.

- Về chế độ thuế khoá đối với nông dân: Thuế khoá là nguồn sống của bộ máy quan liêu, của quân đội, bọn giáo sĩ và của cả triều đình tư sản. Thuế khoá để nuôi cả bộ máy ăn bám xã hội của bọn tư sản mà bộ máy này ngày càng tăng lên, do đó thuế khoá đổ lên đầu người nông dân tư hữu ngày càng nặng nề.

Tóm lại, chủ nghĩa tư bản khi mới ra đời đã tạo ra những điều kiện giải phóng sức sản xuất nói chung và trong nông nghiệp nói riêng, điều đó phù hợp với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, phù hợp với lợi ích của giai cấp tư sản và chính do lợi ích của giai cấp tư sản đòi hỏi. Do đó lúc đầu lợi ích của giai cấp tư sản còn phù hợp trong chừng mực nhất định với lợi ích của nông dân. Chính vì thế mà giai cấp tư sản đã có thể lôi kéo được nông dân theo mình chống lại và lật đổ sự thống trị của bọn phong kiến, thậm trí nó có thể lôi kéo nông dân chống lại giai cấp vô sản như hồi tháng Sáu 1848. Nhưng khi chủ nghĩa tư bản phát triển vào lĩnh vực nông nghiệp thì như Mác viết: "lợi ích của nông dân không còn phù hợp với lợi ích của giai cấp tư sản, với tư bản như dưới thời Na-pô-lê-ông nữa, mà lại mâu thuẫn với lợi ích của giai cấp tư sản, với tư bản. Bởi vậy người nông dân mới nhận thấy rằng, người bạn đồng minh, người lãnh đạo tự nhiên của mình là giai cấp vô sản thành thị, giai cấp có nhiệm vụ lật đổ chế độ tư sản" [269].

Ngay từ đầu, Mác đã nêu rõ: Liên minh công nông phải do giai cấp công nhân lãnh đạo chứ không thể là sự chia sẻ quyền lãnh đạo.

Ba là: Mác đã phân tích tính tất yếu giai cấp vô sản phải liên minh với nông dân trong cuộc đấu tranh chống tư bản. Mác đã chỉ ra rằng sở dĩ giai cấp tư sản đã thắng giai cấp vô sản trong cuộc khởi nghĩa tháng Sáu 1848 - cuộc nội chiến lớn nhất giữa giai cấp vô sản ^{vô sản cấp tư sản} ở châu Âu lúc đó - là vì tất cả các giai cấp và tầng lớp trung gian đã ủng hộ giai cấp tư sản. Còn đứng về phía giai cấp vô sản thì chẳng có một ai ngoài giai cấp vô sản. Cuộc khởi nghĩa tháng Sáu của giai cấp vô sản bị chìm trong bể máu của hàng ngàn quân chủng vô sản. Cuộc thất bại ấy đã đẩy giai cấp vô sản Pa ri lùi lại phía sau vũ đài chính trị rất lâu. Vì thế Mác đã viết: Nếu không có được bài đồng ca này (liên minh

chiến đấu của hai giai cấp công nhân và nông dân) thì, trong tất cả các quốc gia nông dân, bài đơn ca của cách mạng vô sản sẽ trở thành một bài ai điếu"

Nhận định trên của Mác, sau đó 24 năm, lại được chứng minh qua thực tiễn thất bại của Công xã Pa ri 1871.

Trong tác phẩm này, Mác đã chỉ ra tính tất yếu của liên minh công nông là ở chỗ hai giai cấp có kẻ thù chung là giai cấp tư sản. Mác cũng chỉ rõ trong khối liên minh ấy quyền lãnh đạo thuộc về giai cấp công nhân là khách quan, khi Mác trình bày những đặc điểm kinh tế, xã hội, chính trị, tư tưởng của nông dân, làm cho họ không có khả năng lãnh đạo cách mạng. Vấn đề liên minh công nông còn được Angghen và Lênin phát triển trong các tác phẩm "Vấn đề nông dân Pháp và Đức", "Hai sách lược của đảng xã hội-dân chủ trong cách mạng dân chủ" ...

III - Ý NGHĨA CỦA TÁC PHẨM

Tác phẩm "Ngày 18 tháng Sương mù" của Lu-i Bô-na-pác-tơ là một trong những tác phẩm lớn và rất quan trọng của chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong những tác phẩm kiệt xuất của Mác, trong đó Mác đã giải đáp một cách khoa học những sự kiện lịch sử hết sức phức tạp và đã phát triển nhiều nguyên lý của chủ nghĩa xã hội khoa học.

Một là: Mác chỉ rõ điều kiện khách quan để giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của mình là sự phát triển cao của nền công nghiệp hiện đại, về điều kiện chủ quan là trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa cao và trình độ tổ chức của giai cấp công nhân biểu hiện tập trung ở đội tiên phong của nó là "Chính đảng của giai cấp công nhân độc lập với tất cả các đảng hữu sản khác", cùng với sự liên minh giữa giai cấp công nhân với các giai cấp, các tầng lớp lao động khác mà chủ yếu là nông dân.

Nguyên lý cơ bản ấy của chủ nghĩa xã hội khoa học, do Mác nêu ra, cách đây 150 năm, vẫn còn nguyên những giá trị. Sự tan rã của một loạt nước xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu đã chứng minh điều đó. 3 thập kỷ (50 - 80) các nước xã hội chủ nghĩa đã không phát triển lực lượng sản xuất đạt trình độ cao của nhân loại - Trình độ tự động hoá một cách phổ biến, để thua chủ nghĩa tư bản về năng xuất lao động, hiệu quả kinh tế kéo theo những khó khăn về đời sống của toàn xã hội. Trình độ giác ngộ và tổ chức của giai cấp công nhân bị giảm sút nghiêm trọng biểu hiện ở sự mơ hồ tính chất giai cấp

của các chính đảng của nhà nước, ảo tưởng vào sự hào phóng của giai cấp tư sản và xa rời quần chúng công nhân, nông dân và trí thức yêu nước.

Nắm vững và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo toàn dân tiến hành đổi mới đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước đưa đất nước ra khỏi cuộc khủng hoảng trong thập kỷ 80, từng bước ổn định toàn diện đời sống, kinh tế, xã hội, tạo bước phát triển liên tục 7 năm (1991 - 1998) với tốc độ cao (8,2%/năm). Đại hội VIII đã khẳng định đất nước chuyển sang thời kỳ mới - thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong đó tập trung công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn ở thời kỳ đầu. Xây dựng và chỉnh đốn Đảng, đảm bảo Đảng là Đảng mang bản chất giai cấp công nhân, có bản lĩnh chính trị vững vàng có đạo đức và lối sống trong sáng, gần bó mật thiết với giai cấp công nhân và nhân dân lao động tạo khối đại đoàn kết toàn dân tộc mà lòng cốt là khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức; luôn nêu cao cảnh giác chống lại các nguy cơ (tụt hậu, tham nhũng, chệch hướng và đặc biệt là chống âm mưu và thủ đoạn diễn biến hoà bình của chủ nghĩa đế quốc".

Hai là: Nguyên lý về "đập tan, phá huỷ bộ máy nhà nước của giai cấp thống trị cũ là nội dung cơ bản của cách mạng xã hội chủ nghĩa", cái nguyên lý, mà sau này Angghen cho rằng, cần bổ sung trong "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản", đến nay vẫn còn nguyên giá trị của nó: "Nhà nước là vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng". Thực tiễn những năm cuối thế kỷ XX này cho thấy, các nhà tư sản hiện đại dù đạt tới trình độ hoàn thiện đến đâu, dù nó mở rộng chức năng xã hội đến đâu, dù mang những tên rất hay "Nhà nước nhận dân", "Nhà nước phúc lợi chung"... thì vẫn đúng như Mác khẳng định, cách đây 150 năm, rằng "Bản chất của nó vẫn là nhà nước tư sản - chuyên chính tư sản". Do đó, giai cấp công nhân không thể dùng nhà nước tư sản phục vụ mục đích của mình được - mục đích xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Thực tiễn cuộc tiến công bằng diễn biến hoà bình của chủ nghĩa đế quốc vào các nước xã hội chủ nghĩa cũng cho thấy tính khoa học mà Mác đã nêu ra cách đây 150 năm là chủ nghĩa đế quốc đã lợi dụng xu hướng dân chủ trong quá trình cải tổ, cải cách, đổi mới ở các nước xã hội chủ nghĩa để tuyên

truyền chủ nghĩa tự do tư sản và chủ nghĩa dân tộc tư sản với việc tuyệt đối hoá cơ chế đa đảng, đa nguyên chính trị, cơ chế tam quyền phân lập, dân chủ và nhân quyền tư sản làm biến đổi bản chất giai cấp công nhân các Đảng cộng sản cầm quyền, biến đổi bản chất giai cấp công nhân của các nước xã hội chủ nghĩa và chuyển hoá thành các nhà nước tư sản. Trông cậy hoàn toàn vào sự viện trợ của các nước tư sản để xây dựng chủ nghĩa xã hội là một sự lặp lại ảo tưởng của Phu-ri-ê nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng của Pháp đầu thế kỷ XIX.

Ba là: Sự phân tích về đặc điểm của giai cấp nông dân và nguyên lý liên minh giai cấp công nhân với đông đảo quần chúng lao động tiểu tư sản, mà chủ yếu là nông dân vẫn giữ nguyên giá trị đối với các nước đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nền nông nghiệp còn là phổ biến và cơ cấu giai cấp xã hội chủ yếu là nông dân như nước ta.

Vận dụng sáng tạo nguyên lý trên, trong thời kỳ đổi mới, Đảng ta khẳng định phải "Lấy nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, phải thực hiện 3 mục tiêu chương trình: lương thực, thực phẩm - hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu; thời kỳ đầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá (1986 - 2000) phải tập trung "công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn, phải phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, chăm lo đời sống của nông dân; xây dựng khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nòng cốt cho khối đại đoàn kết dân tộc tạo cơ sở vững chắc của chế độ ta, Nhà nước ta."

Bốn là: Mác cung cấp cho chúng ta cơ sở lý luận phương pháp nghiên cứu khoa học, nhờ nó có thể giải thích đúng đắn những sự kiện lịch sử hết sức phức tạp như thời kỳ 1848 - 1851, xác định nguyên nhân khách quan và chủ quan đưa tới những sự kiện đó. Nhờ đó chúng ta có lòng vững tin vào con đường chủ nghĩa xã hội mà chúng ta đã lựa chọn ngay cả khi chủ nghĩa xã hội tạm thời bị thất bại với quy mô lớn ở Liên Xô và Đông Âu.

Người thực hiện
PTS Nguyễn Văn Oánh

"NỘI CHIẾN Ở PHÁP"

C.Mác

(C.Mác và Ph.Ăngghen : Tuyển tập, t.17 Nxb Chính trị quốc gia Sự thật,
Hà nội 1994, trang 417-487)

I- HOÀN CẢNH RA ĐỜI CỦA TÁC PHẨM

1- Vào cuối những năm 60, đầu những năm 70 của thế kỷ XIX, chủ nghĩa tư bản ở Pháp và thế giới đã ở vào điểm chót của giai đoạn tự do cạnh tranh và bắt đầu chuyển sang giai đoạn độc quyền, tức là giai đoạn đế quốc chủ nghĩa.

Xét theo quan điểm lịch sử toàn thế giới, đây là lúc kết thúc thời kỳ đầu của lịch sử cận đại, trong đó nổi bật mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản đang lên với giai cấp phong kiến suy tàn để bước vào thời kỳ sau của lịch sử cận đại, trong đó nổi bật mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản

Đây là thời kỳ giai cấp vô sản đã trở thành lực lượng chính trị độc lập, dũng cảm bước lên vũ đài chính trị. Trên vũ đài đó, cuộc đấu tranh giữa giai cấp tư sản và giai cấp phong kiến lùi dần về phía sau, nhường chỗ cho sự đụng đầu quyết liệt giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản

Như C.Mác và Ph.Ăngghen đã nhận xét, ở nước Pháp - từ trước đến lúc này - cuộc đấu tranh giai cấp thường diễn ra dưới những hình thức quyết liệt nhất và dẫn tới những kết quả triệt để nhất. Các sự kiện diễn ra thời kỳ này càng chứng minh cho nhận xét đó.

Đế chế II của Lu-i Bô-na-pác-tơ (hay Na-pô-lê-ông III) thực chất là chế độ độc tài quân sự phục vụ bọn chủ ngân hàng, bọn đầu cơ chứng khoán và bọn đại tư bản công nghiệp Pháp. Đế chế này đã thực hiện những chính sách đối nội và đối ngoại cực kỳ phản động.

Về đối nội: Áp bức, bóc lột rất nặng nề giai cấp công nhân và các tầng lớp lao động khác.

Về đối ngoại: Tiếp sau những cuộc chiến tranh xâm lược Mê-hi-cô, Việt Nam, Trung Quốc... giữa tháng 7-1870 Na-pô-lê-ông III đã tuyên chiến với nước Phổ.

Do lực lượng yếu và chỉ huy quá tồi, đầu tháng 9 Na-pô-lê-ông III và quân đội bị quân Phổ bao vây ở Xơ-đăng và đã phải kéo cờ trắng đầu hàng.

Nghe tin thất bại đó, công nhân và lao động Pari liền khởi nghĩa đòi lập lại chế độ cộng hoà. Nhưng vì trình độ giác ngộ và tổ chức còn non yếu, họ đã để cho giai cấp tư sản giành lấy chính quyền từ tay đế chế II vừa sụp đổ. Chính phủ lâm thời do giai cấp tư sản vừa lập ra tự gọi mình là chính phủ "Quốc phòng". Nhưng chẳng bao lâu sau đó, nó đã bộc lộ nguyên hình là một chính phủ phản quốc.

Vì sợ giai cấp công nhân cách mạng hơn là sợ kẻ thù dân tộc, chính phủ "Quốc phòng" đã ký với Phổ hiệp định đình chiến ngày 28-1-1871.

Tiếp đó, quốc hội Pháp được bầu ra dưới lưới lệ của quân đội Phổ lại phải chấp nhận những điều kiện nhục nhã: dâng cho Phổ hai tỉnh An-dát và Lo-ren và bồi thường cho Phổ 5 tỉ phơ-răng chiến phí.

Sau khi giai cấp tư sản cầm quyền đã thực tế đầu hàng, 200 tiểu đoàn quân Vệ quốc ở Pari - gồm phần lớn là công nhân, thợ thủ công- đã quyết định tiếp tục chiến đấu.

Đêm 17 rạng sáng ngày 18-3-1871 Chi-e - thủ tướng Pháp ra lệnh cho một đơn vị quân thường trực kéo lên gò Mông-mác-tơ-rơ hùng tước vũ khí của quân Vệ quốc, tức là tước vũ khí trong tay giai cấp công nhân. Nhưng 300.000 quân Vệ quốc cùng với nhân dân lao động Pari đã nổi dậy đập tan âm mưu đen tối của Chi-e. Cùng với quân đội của chúng, những kẻ cầm đầu trong giới cầm quyền tư sản đã vội vã tháo chạy về Véc-xây.

Chiều 18-3 quân Vệ quốc chiếm được tất cả các cơ quan hành chính ở thủ đô Pari. Lần đầu tiên trong lịch sử, bộ máy thống trị của giai cấp tư sản bị lật đổ, chính quyền ở Pari chuyển về tay uỷ ban Trung ương quân Vệ quốc, do công nhân và thợ thủ công được vũ trang bầu ra.

Ngày 26-3 Hội đồng công xã Pari được chính thức thành lập, bao gồm những đại biểu của nhân dân lao động, trong đó công nhân giữ vai trò nòng cốt.

Công xã đã thủ tiêu bộ máy cảnh sát cũ; công nhân vũ trang tự đảm nhận việc giữ gìn trật tự trị an.

Hội đồng công xã đã ban bố nhiều sắc luật mới và tổ chức ra 10 uỷ ban để thi hành những sắc luật đó.

Tất cả những người đảm đương các chức vụ hành chính, tư pháp, giáo

dục... đều được lựa chọn qua tuyển cử và có thể bị bãi miễn bất cứ lúc nào nếu tỏ ra thiếu năng lực và phẩm chất.

Công xã quyết định xoá bỏ các hình thức bóc lột tàn tệ đối với người lao động, ra sắc lệnh kiểm kê các xí nghiệp của chủ tư bản và giao cho công nhân quản lý dưới hình thức tổ chức hợp tác.

Trong hoàn cảnh bị bao vây, công xã dùng khinh khí cầu để chuyển tới nông dân lời kêu gọi: "Thắng lợi của chúng tôi là hy vọng duy nhất của các bạn". Công xã tự xem lá cờ của mình là "lá cờ của nền cộng hoà thế giới" và thi hành một số biện pháp nhằm tỏ rõ đường lối hoà bình, hữu nghị giữa các dân tộc.

Nhưng, do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, Công xã Pari chỉ tồn tại được 72 ngày (từ 18-3 đến 28-5). Tuy vậy, khí phách "xông lên chọc trời" của các chiến sỹ công xã, sự nghiệp quang vinh và những bài học kinh nghiệm của công xã còn sống mãi.

C.Mác và Ph.Ăngghen luôn nhìn nhận công xã Pari là sự kiện điển hình nhất, tấm gương lớn nhất của phong trào công nhân thế kỷ XIX và thực tiễn sinh động của công xã đã được C.Mác tổng kết trên nhiều phương diện để bổ sung cho hệ thống lý luận của mình.

2- Trong vòng 23 năm, từ 1948 đến 1871, riêng C.Mác đã viết 3 tác phẩm lớn:

- Đấu tranh giai cấp ở Pháp (1850)
- Ngày 18 tháng sương mù của Lu-i Bô-na-pác-tơ (1852)
- Nội chiến ở Pháp (1871)

Tác phẩm "Nội chiến ở Pháp" là sự tổng kết một thời kỳ lịch sử ngắn nhưng trọng đại của phong trào công nhân Pháp, đồng thời cũng là của phong trào công nhân quốc tế.

Cũng như đối với 2 tác phẩm trước đó, để viết tác phẩm "Nội chiến ở Pháp" không những C.Mác cần có sự hiểu biết đặc biệt về tình hình kinh tế, xã hội, chính trị của nước Pháp mà còn cần vận dụng một cách nhuần nhuyễn những quan điểm duy vật lịch sử để phân tích những sự biến lịch sử phức tạp, rút ra những kết luận về bản chất và dự đoán một cách khoa học những điều gì có thể xảy ra trong tương lai.

Những quan điểm duy vật lịch sử sau khi được hình thành về cơ bản và có hệ thống đã được C.Mác và Ph.Ăngghen vận dụng để viết nhiều tác phẩm. Ph.Ăngghen nói rằng: C.Mác đã thông qua việc phân tích lịch sử để khảo nghiệm những quy luật về duy vật lịch sử do ông đã khám phá và thực tế chứng minh rằng những cuộc khảo nghiệm đó đã thành công rực rỡ. Khi bộ "Tư bản" ra đời thì - như V.I.Lênin đã nói - chủ nghĩa duy vật lịch sử không còn là một giả thiết mà đã là một học thuyết được chứng minh trên những cơ sở khoa học và thực tiễn. Chính vì thế Ph.Ăngghen coi những quan điểm duy vật lịch sử là "cái chìa khoá" để khám phá những điều bí ẩn của lịch sử.

Cũng theo Ph.Ăngghen, tác phẩm Nội chiến ở Pháp là một trong những mẫu mực tuyệt vời về thiên tài của C.Mác, nhờ đó C.Mác có thể nhận rõ được tính chất, ý nghĩa và những hậu quả tất nhiên của các sự biến lịch sử trọng đại, ngay khi những sự biến đó đang diễn ra hoặc vừa mới diễn ra xong. Thật vậy, thiên tài đó đã được thể hiện rõ trong quá trình C.Mác viết tác phẩm này: Chỉ 4 ngày sau khi xảy ra chiến tranh Pháp - Phổ, C.Mác đã có thể thông qua trước uỷ ban Trung ương Hội liên hiệp công nhân quốc tế bản Tuyên ngôn thứ nhất. Chỉ 5 ngày sau khi chiến tranh phòng ngự của Phổ chuyển thành chiến tranh xâm lược nước pháp và nền cộng hoà thứ III ra đời, C.Mác đã có thể thông qua bản Tuyên ngôn thứ hai. Đặc biệt là C.Mác đã hoàn thành bản Tuyên ngôn thứ ba trong hai tháng 4 và 5-1871, tức là trong thời gian đang diễn ra cuộc nội chiến ở Pháp để có thể báo cáo trước Uỷ ban Trung ương Hội liên hiệp công nhân quốc tế chỉ sau Tuần lễ đẫm máu ở Pari có 2 ngày.

Yếu tố nào đã giúp C.Mác hoàn thành tác phẩm một cách khẩn trương kịp thời như vậy? Có thể nói rằng: đây không chỉ là kết quả của trí tuệ, của khoa học mà còn là kết quả của sự kết hợp chặt chẽ giữa lý trí cách mạng và tình cảm cách mạng, giữa hoạt động khoa học với hoạt động thực tiễn, giữa bản thân C.Mác với phong trào công nhân.

Từ Công xã Pari 1871 đến nay, trong toàn bộ khối lượng khổng lồ những tác phẩm viết về cuộc Nội chiến ở Pháp, về Công xã Pari, không có tác phẩm

nào có thể so sánh nổi với tác phẩm của C.Mác cả về phương diện khoa học lịch sử và cả về phương diện tư tưởng.

II- NHỮNG NỘI DUNG LÝ LUẬN CẦN KHAI THÁC.

1- Tìm hiểu mục đích của C.Mác khi viết tác phẩm này

a- Những điều thôi thúc C.Mác viết tác phẩm

- "Nội chiến ở Pháp" được viết sau khi quốc tế I được thành lập với cương lĩnh và điều lệ của nó. Do đó, "Nội chiến ở Pháp" không chỉ là một tác phẩm nghiên cứu lịch sử, cũng không chỉ là một sự khảo nghiệm về chủ nghĩa duy vật lịch sử mà còn là những "Tuyên ngôn chính trị" gửi cho tất cả các hội viên của Hội liên hiệp công nhân quốc tế ở Châu Âu và Châu Mỹ. Với tư cách là một trong những người lãnh đạo của Hội liên hiệp công nhân quốc tế, C.Mác có trách nhiệm chỉ đạo phong trào công nhân lúc đó. Hơn nữa, tác phẩm "Nội chiến ở Pháp" sau khi được hội nghị của Ban chấp hành Trung ương Hội liên hiệp công nhân quốc tế thông qua, nó trở thành tác phẩm chung của Quốc tế I.

- Khác với bối cảnh lịch sử khi tác phẩm "Đấu tranh giai cấp ở Pháp" và "Ngày 18 Tháng sương mù của Lu-i Bô-na-pác-tơ" ra đời, tác phẩm "Nội chiến ở Pháp" ra đời trong bối cảnh bùng nổ chiến tranh Pháp - Phổ. Chiến tranh là sự thử thách lớn nhất đối với các quốc gia dân tộc, các giai cấp...Đoàn kết vô sản quốc tế hay để cho các lực lượng vô sản các nước đi theo giai cấp tư sản: chủ nghĩa quốc tế vô sản hay chủ nghĩa sô-vanh và chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi. Chính trong hoàn cảnh chiến tranh mà các vấn đề đó bộc lộ tính cấp bách của chúng.

Như vậy, điều mà C.Mác và Quốc tế I quan tâm lúc này là làm sao giữ vững được ngọn cờ đoàn kết vô sản trong hoàn cảnh có chiến tranh. Đó là một trong những lý do thôi thúc C.Mác viết tác phẩm này.

- Khi nổ ra cuộc cách mạng 18-3-1871 và thành lập Công xã Pari ở nước Pháp chưa có một đảng mác-xít thống nhất, chính phủ tư sản chuẩn bị đầu hàng, kẻ thù dân tộc (quân đội Phổ) đang ở cửa ngõ Pari, vấn đề to lớn và rất phức tạp đặt ra cho giai cấp vô sản Pari là phải hành động như thế

nào để vừa làm tròn nghĩa vụ dân tộc vừa không trái với sự nghiệp giải phóng giai cấp. Cùng một lúc, lịch sử đề ra cho giai cấp vô sản Pari nhiệm vụ phải kết hợp giải quyết hàng loạt vấn đề thuộc về sứ mệnh lịch sử của mình. Kết hợp lợi ích dân tộc và lợi ích giai cấp thế nào? Giữ vững dũng khí thế nào trước mặt kẻ thù bên trong và bên ngoài, sách lược đấu tranh thế nào để ít bị tổn thất nhất? v.v.

Và, sau khi Công xã Pari thất bại, kẻ thù reo mừng thắng lợi, xuyên tạc cách mạng, vu khống bĩ ổi các chiến sỹ công xã Pari, vu khống Hội liên hiệp công nhân quốc tế. Tên Chi-e khát máu vừa thắng tay đàn áp cách mạng vừa vu cáo các chiến sỹ công xã phạm tội đốt nhà, bắt người làm con tin v.v.. Tất cả các chính phủ ở Châu Âu đều lên tiếng phụ hoạ "Hội liên hiệp công nhân quốc tế là nguồn gốc chủ yếu của mọi tai hoạ..." và kêu gọi "phải tiêu diệt Hội liên hiệp công nhân quốc tế"...

Trước tình hình ấy, đối với C.Mác, trách nhiệm đặt ra là phải lên án giai cấp tư sản, bảo vệ thanh danh của các chiến sỹ công xã, đề cao ý nghĩa lịch sử trọng đại của công xã, quyết không để cho giai cấp tư sản và bọn bồi bút của chúng bóp méo lịch sử, đảo lộn trắng đen, xoá nhòa tội ác tày trời của chúng đối với lịch sử.

- Công xã Pari là tượng trưng cho tinh thần anh dũng tuyệt vời của giai cấp vô sản Pari, những người đã dám "xông lên chọc trời". Đồng thời, công xã còn là thực tiễn vĩ đại, bao gồm những nhân tố lịch sử mới, những bài học kinh nghiệm bổ ích cho phong trào công nhân quốc tế. Do đó, C.Mác thấy cần thiết phải viết tác phẩm này để vừa ca ngợi dũng sỹ của các chiến sỹ công xã, vừa từ thực tiễn của công xã mà khảo nghiệm, khẳng định thêm, bổ sung thêm học thuyết của mình.

b- Mục đích của C.Mác khi viết tác phẩm "Nội chiến ở Pháp ":

Một là, giáo dục giai cấp vô sản về tinh thần đoàn kết quốc tế, chống lại chủ nghĩa sô-vanh tư sản, chống chiến tranh xâm lược phi nghĩa, kết hợp đúng đắn lợi ích dân tộc với lợi ích giai cấp, lợi ích trước mắt và lợi ích lâu dài của giai cấp vô sản, giữ vững niềm tin vào thắng lợi cuối cùng của chủ nghĩa cộng sản.

Hai là, vạch trần sự thối nát và bản chất phản động của giai cấp tư sản trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản chuyển thành chủ nghĩa đế quốc, lên án chúng; bào chữa và ca ngợi tinh thần anh dũng và sáng tạo của Công xã Pari; thông qua phân tích sự kiện lịch sử mà khẳng định rằng giai cấp vô sản phải giành lấy chính quyền và quản lý xã hội nhằm xây dựng một xã hội mới; chính đảng của giai cấp vô sản là yếu tố quyết định bảo đảm cho giai cấp vô sản hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình.

Ba là, khảo nghiệm, khẳng định thêm, bổ sung và phát triển lý luận của chủ nghĩa xã hội khoa học, về các vấn đề: qui luật đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản, liên minh công- nông; cách mạng vô sản và chuyên chính vô sản; chiến tranh và hoà bình; dân tộc và giai cấp; chính đảng của giai cấp vô sản.v.v.. Quan trọng nhất là thực tiễn đấu tranh của giai cấp vô sản Pháp, của Công xã Pari đã cho C.Mác những cơ sở cụ thể để phát triển một cách đầy đủ hơn về nguyên lý đập tan bộ máy nhà nước cũ và thiết lập chuyên chính vô sản.

2- Kết cấu của tác phẩm và những nội dung cần ghi nhận theo trình tự nêu trong tác phẩm.

Tác phẩm gồm 3 Tuyên ngôn.

Những nội dung chính được đề cập trong Tuyên ngôn I:

- Về mục đích chính trị, tính chất giai cấp của chiến tranh xâm lược và thái độ của giai cấp vô sản đối với loại chiến tranh đó.

- Vấn đề đoàn kết quốc tế của giai cấp vô sản

- Vấn đề quan hệ giữa dân tộc và giai cấp, giữa chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế vô sản.

- Những tiên đoán thiên tài của C.Mác về sự sụp đổ của đế chế II, về hậu quả của cuộc chiến tranh xâm lược của Phổ đối với chính giai cấp công nhân nước đó; về một xã hội tương lai - xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

Nghiên cứu Tuyên ngôn I cần làm rõ:

- Làm thế nào để xác định được, lấy gì làm tiêu chuẩn để xác định tính chất của cuộc chiến tranh.

- Cuộc chiến tranh của Phổ (lúc đầu) có phải là chiến tranh chính nghĩa không, có nên ủng hộ nó vô điều kiện không?

- Tại sao dưới chế độ tư bản, vào năm 1871 không còn chiến tranh dân tộc? Thế nào là chiến tranh dân tộc?

- Sự khác nhau căn bản giữa tinh thần dân tộc của giai cấp tư sản với tinh thần dân tộc của giai cấp vô sản là ở chỗ nào?

Những nội dung chính được đề cập trong Tuyên ngôn II:

- C.Mác khẳng định rằng hai lời tiên đoán của mình về sự sụp đổ của đế chế II và về sự chuyển biến của chiến tranh tự vệ của Phổ thành chiến tranh xâm lược nước Pháp đã được chứng thực.

- C.Mác phê phán chính sách xâm lược của đế quốc Phổ - một chính sách được biện hộ bằng các luận điệu: thu hồi đất đai cũ, vì an ninh Tổ quốc - nhưng thực chất là muốn đẩy các nước khác vào cuộc xung đột để đứng ngoài trục lợi.

C.Mác tiên đoán về hậu quả của chính sách mở rộng xâm lược mà nền quân chủ Phổ thực hiện và tỏ sự thông cảm với giai cấp vô sản Phổ đã không thể ngăn cản được bọn quân chủ nước này xâm lược Pháp lúc nó đang hăng say chiến thắng.

- C.Mác hoan nghênh sự ra đời của nền cộng hoà mới của Pháp, coi đó là một sự tiến bộ về mặt lịch sử, nhưng C.Mác cũng nhận định rằng "chính phủ quốc phòng" ở Pháp chỉ là một chính phủ tư sản phản động.

- C.Mác khuyên vô sản Pari không nên manh động, phải khôn khéo, bình tĩnh, củng cố tổ chức để có thể làm tròn nghĩa vụ dân tộc mà không trái với mục tiêu giải phóng giai cấp của mình.

Nghiên cứu Tuyên ngôn II cần làm rõ:

- Chính sách xâm lược thuộc về bản chất của chủ nghĩa đế quốc, vậy cơ sở kinh tế, chính trị của nó là gì?

- Lời khuyên của C.Mác đối với vô sản Pari - không nên manh động - dựa trên cơ sở khoa học và thực tiễn nào.

Những nội dung chính được đề cập trong Tuyên ngôn III:

Phần I: Vạch trần tính chất phản động của chính phủ Chi-e, nhất là của cá

nhân Chi-e. Đây là lần đầu tiên C.Mác vạch ra một cách cụ thể, toàn diện bản chất xấu xa, phản động của giai cấp tư sản Pháp trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản cạnh tranh tự do chuyển thành chủ nghĩa tư bản lũng đoạn.

C.Mác khẳng định rằng kẻ gây ra nội chiến trước tiên, thủ phạm chính là chính phủ Chi-e, đại diện cho đại tư sản và quý tộc địa chủ phản động.

Phần II: Vạch trần những hành động gây nội chiến của chính phủ Chi-e, C.Mác đồng thời cũng nêu ra những dẫn chứng xác nhận rằng công xã quá rộng lượng với kẻ thù, những công xã càng rộng lượng thì kẻ thù càng tăng cường bạo lực, càng lấn tới.

Phần III: Là trọng tâm của tác phẩm, trong đó C.Mác chỉ rõ rằng quá trình phát triển của nhà nước và tính độc đáo của chế độ II chứng tỏ chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh đã chuyển sang chủ nghĩa tư bản độc quyền và vấn đề đập tan bộ máy nhà nước tư sản là một tất yếu.

Đặc biệt, C.Mác chỉ rõ Công xã Pari là một hình thức của chuyên chính vô sản với bản chất, tính chất, nhiệm vụ, cơ cấu, nguyên tắc tổ chức của nó. Tính ưu việt của công xã làm cho nó khác hẳn với sự thối nát của bộ máy nhà nước ở Véc-xay.

Phần IV: Lên án âm mưu và hành động chống cách mạng của Chi-e cùng chính phủ của y, tội ác của Quốc hội địa chủ và chính phủ tư sản trong tuần lễ đẫm máu; vạch trần những luận điệu vu khống, xuyên tạc của giai cấp tư sản đối với các chiến sỹ công xã và đối với

Hội liên hiệp công nhân quốc tế; khẳng định rằng sự xuất hiện và phát triển của chính đảng vô sản là một tất yếu, không thế lực nào có thể ngăn cản và tiêu diệt được.

Nghiên cứu Tuyên ngôn III cần làm rõ:

- Bản chất phản động xấu xa của chính phủ Chi-e chứng minh gì về thực trạng của chủ nghĩa tư bản Pháp lúc đó.

- Cơ sở khách quan làm cho bạo lực cách mạng trở thành một qui luật phổ biến và ý nghĩa quan trọng của việc đập tan bộ máy nhà nước tư sản.

- Bản chất, chức năng, nhiệm vụ của chuyên chính vô sản được thể hiện như thế nào qua hiện thực của Công xã Pari?

như thế nào qua hiện thực của Công xã Pari?

- Dựa trên cơ sở nào để khẳng định sự ra đời và phát triển chính Đảng của giai cấp vô sản là một tất yếu khách quan?

3- Trên giác độ của bộ môn chuyên ngành chủ nghĩa cộng sản khoa học, cần đi sâu vào những nội dung sau:

a- Vấn đề chiến tranh và hoà bình:

Từ sự phân tích về cuộc chiến tranh Pháp - Phổ C.Mác đã làm rõ:

- Căn cứ để xác định tính chất giai cấp của chiến tranh là mục đích của chiến tranh và giai cấp nào phát động, tiến hành cuộc chiến tranh đó.

Chiến tranh là tiếp tục của chính trị bằng những thủ đoạn khác.

Nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội trong vấn đề phân loại các cuộc chiến tranh là căn cứ vào tính chất của chiến tranh chứ không phải căn cứ vào cái gì khác. Chiến tranh bắt nguồn từ chế độ tư hữu, từ tình trạng người áp bức, bóc lột người; chỉ có cách mạng vô sản (cách mạng xã hội chủ nghĩa) mới xoá bỏ được chế độ tư hữu, tình trạng người áp bức bóc lột người, tức là xoá bỏ được nguồn gốc của chiến tranh để xác lập một nền hoà bình thực sự và bền vững.

- Khi mà mâu thuẫn giai cấp đã sâu sắc, sự phân hóa trong nội bộ dân tộc đã quá rõ ràng và khi mà giai cấp tư sản không còn đại diện cho lợi ích của dân tộc nữa thì chiều bài "chiến tranh dân tộc chỉ thuần là sự lừa bịp" của các chính phủ tư sản. Mục đích của sự lừa bịp đó là trì hoãn đấu tranh giai cấp.

Do đó, cần giáo dục cho những người vô sản thấy rõ họ không thể bảo vệ lợi ích của mình bên cạnh lợi ích của giai cấp tư sản. Giai cấp vô sản phải đoàn kết lại để chống lại cuộc chiến tranh phi nghĩa, vì một nền hoà bình chân chính. Sự nghiệp đó gắn liền với cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh cách mạng.

b- Về mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp.

- Thực tế diễn ra ở Pháp năm 1870-1871 đã chứng minh rằng giai cấp tư sản là kẻ phản bội dân tộc, chỉ có giai cấp vô sản mới tiêu biểu cho quyền lợi dân tộc.

Năm 1870-1871, khi phải lựa chọn giữa quyền lợi giai cấp và quyền lợi dân tộc, giai cấp tư sản đã hy sinh quyền lợi dân tộc, nó đầu hàng kẻ thù dân tộc rồi lại cấu kết với kẻ thù dân tộc để đàn áp kẻ thù giai cấp của nó là giai cấp vô sản. Sự kiện tiêu biểu này đánh dấu bước ngoặt thoái hoá của giai cấp tư sản vào

thời điểm chuyển biến của lịch sử cận đại từ giai đoạn I sang giai đoạn II.

Ngược lại, giai cấp vô sản Pari đã kiên quyết chiến đấu và chính trong cuộc chiến đấu ấy họ kết hợp được tinh thần giai cấp với tinh thần dân tộc.

- Do đó, cần phân biệt rõ chủ nghĩa sô-vanh, tư sản, chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi của những người tiểu tư sản với chủ nghĩa yêu nước chân chính và chủ nghĩa quốc tế của giai cấp vô sản.

Chủ nghĩa yêu nước chân chính thống nhất với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp vô sản do sự kết hợp hai nhiệm vụ dân tộc và nhiệm vụ giai cấp mà Công xã Pari là tượng trưng. Sự thống nhất đó được C.Mác diễn đạt như sau: "Nếu công xã là đại biểu chân chính của tất cả những thành phần lành mạnh của xã hội Pháp, và do đó là chính phủ dân tộc chân chính, thì do chỗ công xã đồng thời là một chính phủ của công nhân, là người chiến sỹ dũng cảm đấu tranh để giải phóng lao động, nên công xã cũng hoàn toàn có đầy đủ tính chất quốc tế. Trước mắt quân đội Phổ, cái quân đội đã sáp nhập hai tỉnh của nước Pháp vào nước Đức, Công xã đã sáp nhập công nhân toàn thế giới về phía nước Pháp" [450]

Thực tế, Công xã Pari cũng chứng tỏ rằng giai cấp vô sản phải trở thành dân tộc và nó đã trở thành dân tộc sau khi đập tan bộ máy nhà nước tư sản, giành lấy chính quyền, thiết lập chuyên chính vô sản (tức công xã)

c- Về đấu tranh giai cấp, cách mạng vô sản và chuyên chính vô sản.

- Thực tế, Công xã Pari chứng tỏ rằng cuộc đấu tranh giai cấp giữa giai cấp vô sản với giai cấp tư sản nhất định diễn ra trong đó giai cấp vô sản phải dùng bạo lực cách mạng đập tan bộ máy nhà nước tư sản.

Tư tưởng đập tan bộ máy nhà nước tư sản đã được C.Mác nêu trong tác phẩm "Ngày 18 Tháng sương mù của Lu-i Bô-na-pác-tơ". Trong tác phẩm này, dựa trên thực tiễn của Công xã Pari, C.Mác giải đáp vấn đề: phải làm gì để đập tan bộ máy nhà nước tư sản, đập tan nó như thế nào và phải lấy gì để thay thế bộ máy nhà nước tư sản đã bị đập tan đó.

Ý nghĩa của việc đập tan bộ máy nhà nước tư sản là ở chỗ: nó là điều kiện không thể thiếu để thiết lập chuyên chính vô sản, là điều kiện để "không những có thể huỷ bỏ được hình thức quân chủ của sự thống trị giai cấp, mà còn

huỷ bỏ được chính ngay cả sự thống trị giai cấp nữa" [449]

- Công xã chính là một hình thức của chuyên chính vô sản, là cái thay thế nhà nước tư sản đã bị đập tan.

Do đó, C.Mác đã chỉ rõ bản chất của công xã: là chính phủ của công nhân, là kết quả của cuộc đấu tranh giai cấp, là hình thức chính trị có thể thực hiện việc giải phóng giai cấp công nhân về mặt kinh tế.

Xét về tính chất, công xã biểu hiện nổi bật tính nhân dân, tính giai cấp, tính dân tộc và tính quốc tế. Rất cần lưu ý tư tưởng của C.Mác xem Công xã là một hình thức tổ chức đảm bảo sự lãnh đạo của giai cấp công nhân đối với giai cấp nông dân: "Chế độ công xã hình như đã đặt được những người sản xuất ở nông thôn dưới sự lãnh đạo tinh thần của các thành thị chủ yếu trong mỗi địa khu và đảm bảo cho họ có thể coi công nhân các thành thị là người đại biểu tự nhiên cho lợi ích của họ" [453]

Cũng cần chú ý tư tưởng nổi bật và rất đặc sắc của C.Mác nói rằng: "Công xã đã cung cấp cho nền cộng hoà cái cơ sở của những thiết chế thật sự dân chủ" [3] và "những phương hướng phát triển của quản lý nhân dân do nhân dân đảm nhiệm".

Về nguyên tắc tổ chức của công xã, C.Mác nhấn mạnh: Công xã gồm những đại biểu công nhân hoặc được giai cấp công nhân thừa nhận qua phổ thông đầu phiếu; những đại biểu không còn được nhân dân tín nhiệm sẽ bị bãi miễn; Thực hiện nguyên tắc tiền lương của các viên chức nhà nước xấp xỉ lương công nhân ; Tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ.

d- Các vấn đề liên minh giai cấp, liên minh công nông và về tính tất yếu hình thành chính đảng của giai cấp công nhân cũng được C.Mác đề cập trong tác phẩm này khi phân tích những thành tựu cũng như những thiếu sót khuyết điểm của công xã, những bài học rút ra từ thực tiễn của Công xã.

III - Ý NGHĨA CỦA TÁC PHẨM

Công xã Pari, qua sự phân tích của C.Mác trong tác phẩm "Nội chiến ở Pháp" đã cống hiến cho loài người những bài học lớn và những bài học đó ngày nay vẫn còn nguyên giá trị.

Thứ nhất, đó là bài học về sự kết hợp chặt chẽ cuộc đấu tranh cứu nước của giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân lao động khác chống kẻ thù dân tộc với cuộc đấu tranh chống kẻ thù giai cấp của giai cấp công nhân nhằm giải phóng giai cấp mình đồng thời giải phóng toàn xã hội.

Với Công xã Pari, lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng thế giới nhiệm vụ giải phóng dân tộc và nhiệm vụ giải phóng xã hội được tiến trình khách quan của các sự biến đặt lên vai giai cấp công nhân.

46 năm sau đó, hiện tượng trên tái diễn ở nước Nga trong cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười (1917).

Chính sự kết hợp độc đáo cuộc đấu tranh đòi giải phóng của giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân lao động Nga với sự vùng dậy đòi quyền bình đẳng và tự quyết của các dân tộc bị áp bức trong đế quốc Nga đã tạo nên sức mạnh to lớn, đưa cách mạng tới thắng lợi.

Ngày nay sự kết hợp trong một tiến trình thống nhất cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và cuộc đấu tranh giải phóng giai cấp - sự kết hợp mà Công xã Pari là hiện thực đầu tiên - đã trở thành một chân lý thời đại: độc lập dân tộc chân chính không tách rời con đường phát triển đất nước theo hướng tiến bộ, con đường của chủ nghĩa xã hội.

Cách mạng Việt Nam đã kế thừa và phát triển sáng tạo vào hoàn cảnh cụ thể Việt Nam bài học quý báu của Công xã Pari và của Cách mạng Tháng Mười về việc kết hợp sự nghiệp giải phóng dân tộc với sự nghiệp giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội. Thể hiện kết tinh của kết hợp đó là đường lối dương cao ngọn cờ độc lập và chủ nghĩa xã hội của Đảng ta. Đường lối đó đã đem lại cho cách mạng nước ta những thắng lợi to lớn. Hiện nay, đường lối đó đang được Đảng ta vận dụng trong công cuộc đổi mới đất nước nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng văn minh, từng bước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Thứ hai, Công xã Pari, qua sự phân tích của C.Mác trong tác phẩm "Nội chiến ở Pháp" cung cấp cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động bị áp bức bài học về sự cần thiết phải có thái độ kiên quyết sử dụng bạo lực cách mạng đập tan ách thống trị của giai cấp cầm quyền đang áp bức, bóc

lột mình, giành lấy chính quyền, thiết lập một nhà nước dân chủ và sử dụng nhà nước đó để tiến hành công cuộc cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. Phải làm cho nhà nước thực sự là nhà nước của dân, do dân, vì dân bằng cách nghiên cứu những nguyên tắc mà công xã Pari đã nêu lên và được thực tiễn cuộc sống từ đó đến nay kiểm nghiệm và xác nhận là đúng đắn và vận dụng sao cho phù hợp với hoàn cảnh hiện nay.

Thứ ba, bài học về việc giải quyết vấn đề chiến tranh, hoà bình và cách mạng được C.Mác nêu lên từ sự tổng kết thực tiễn của công xã Pari cần được nghiên cứu và vận dụng đúng đắn và sáng tạo vào hoàn cảnh hiện nay, khi vấn đề chiến tranh và hoà bình vẫn đang có ý nghĩa to lớn, cấp bách, liên quan đến vận mệnh toàn nhân loại.

GS.PTS Trịnh Quốc Tuấn

“PHÊ PHÁN CUƠNG LĨNH GOTHA”

C.MÁC

(C.Mác và P. Angghen: Tuyển tập, Nxb Sự thật, Hà Nội 1983, t.IV, tr.463-497)

I. HOÀN CẢNH RA ĐỜI TÁC PHẨM

C. Mác viết tác phẩm ngày 5/5/1875. Thời kỳ sau Công xã Pari này, phong trào công nhân phát triển mạnh ở Đức (mặc dù ở đây chế độ Bismarck mang tính độc đoán cảnh sát và chủ nghĩa quân phiệt). Điều này có vai trò của Đảng DC-XH Đức (hay Đảng công nhân Đức hoặc Đảng (phái) Aidenác). Đó là đội ngũ mạnh nhất và có tổ chức nhất của phong trào XHCN quốc tế. Đảng này giành được sự kính trọng của công nhân các nước và được thừa nhận như là đội tiên phong của giai cấp vô sản quốc tế.

Thành tích của Đảng DC-XH Đức rất lớn. Trong những năm chiến tranh Pháp Phổ, Đảng đã thể hiện rõ lập trường quốc tế của mình. Trong thời kỳ Công xã Pari Đảng đã đấu tranh anh dũng để bảo vệ Công xã. Ở trong nước, dù thường xuyên bị khủng bố nhưng Đảng đã hoạt động rất linh hoạt và có kết quả trong lãnh đạo công đoàn: tổ chức xuất bản báo chí của Đảng; tham gia bầu cử Quốc hội 1874 đạt thắng lợi lớn: 7 đại biểu được đắc cử (trong đó có 2 lãnh đạo đảng là Beben và Lipnéc); đã sử dụng khéo léo diễn đàn trong Quốc hội để vạch trần chế độ độc tài Bismarck, tuyên truyền cho tư tưởng CNXH cách mạng.

Nhưng cũng thời gian này, phong trào công nhân Đức có sự phân liệt bởi cùng tồn tại bên cạnh Đảng công nhân DC-XH Đức là tổ chức Hội công nhân toàn Đức (phái Lát xan). Hai tổ chức chính trị này lại kình địch nhau làm chia rẽ phong trào đang lớn mạnh.

Tình hình nữa là, không phải chỉ có Hội công nhân mới ảnh hưởng tư tưởng Lát xan mà cả Đảng công nhân DC-XH Đức cũng bị ảnh hưởng, kể cả một số lãnh đạo Đảng.

Phécđinan Lát xan (1825 - 1864) là lãnh tụ của phong trào công nhân Đức và điển hình về mặt lãnh tụ cơ hội chủ nghĩa. Ông ta, trên cơ sở quan điểm triết học của mình là không nói đến đấu tranh giữa các mặt đối lập mà chỉ nói điều hoà những mặt đối lập đó, nên đã chủ trương thoả hiệp giữa giai cấp công nhân Đức và chế độ quý tộc - tư sản phản động. Ông ta cho

rằng, nhà nước quân chủ Phổ là nhà nước đứng trên giai cấp. Do vậy đã ủng hộ chính sách của Bismarck; hy vọng giành lấy phổ thông đầu phiếu là có thể khắc phục được sự thống trị của tư sản; chủ trương sáng lập ra những “Hội sản xuất” của công nhân do chính phủ Phổ trợ cấp, để từ đó sẽ có CNXH... Những tư tưởng cơ hội đó ảnh hưởng rất lâu dài đến phong trào công nhân Đức và quốc tế sau này.

Trước tình hình phân biệt của phong trào công nhân Đức ấy, đã có nhiều ý kiến yêu cầu thống nhất hai tổ chức trên. Thế là hai tổ chức này đã đi đến quyết định thống nhất lại. Để chuẩn bị cho đại hội thống nhất sẽ diễn ra tại Gôtha, các nhà lãnh đạo hai tổ chức đã soạn thảo một Cương lĩnh. Bản soạn thảo này có gửi cho C.Mác góp ý.

C.Mác và Ph.Engghen lúc đó đang ở Anh, nhưng các ông rất quan tâm đến phong trào công nhân Đức. Hai ông không ngừng chăm lo đến xây dựng Đảng DC- XHĐức trở thành đảng có tính quần chúng và vững vàng về tư tưởng để xứng đáng vị trí quốc tế là niềm tin của giai cấp công nhân thế giới. Sự chăm lo và quan tâm đó của hai ông bằng nhiều hình thức: động viên thắng lợi của phong trào, tuyên truyền lý luận CNXHKH vào Đức, đưa ra đòi hỏi cao và nghiêm khắc đối với các lãnh tụ đảng, không bỏ qua mà góp ý thẳng thắn đối với những sai lầm trong sách lược đường lối của Đảng...

Lần này, nhận được đọc dự thảo cương lĩnh thống nhất của hai Đảng, C.Mác đã nhận thấy Cương lĩnh này đầy rẫy những sai lầm. Bản thân Cương lĩnh cũ của Đảng DC-XH còn nhiều thiếu sót, thì bản Cương lĩnh dự thảo mới này lại sai lầm hơn nữa. Bởi nó ảnh hưởng và thoả hiệp nhiều tư tưởng cơ hội của phái Lát xan, xa rời những quan điểm khoa học của phong trào vô sản. C.Mác nói “một Cương lĩnh mà tôi tin chắc là hoàn toàn vô dụng và đang làm cho đảng bị mất tinh thần” [468].

Do vậy, C.Mác đã khuyên công nhân Đức không nên vội vã thống nhất tổ chức. Thống nhất lực lượng, thống nhất lãnh đạo phong trào là cần thiết, xong chưa đúng thời điểm. Bởi vì, thực hiện lúc này là mang tính chất hình thức chứ không đem lại sự đoàn kết thực sự. Nó thể hiện sự nhượng bộ, thoả hiệp với chủ nghĩa cơ hội về nguyên tắc và về tư tưởng trong cương lĩnh chung. Lúc này, hay nhất là chỉ nên ký một bản thoả hiệp hợp đồng chung chống kẻ thù của hai đảng mà thôi. Từ sự khuyên nhủ này, C.Mác đã có một nhận định nổi tiếng: “Một bước tiến của phong trào thực sự còn quan

trọng hơn một tá cương lĩnh" [396] (tức cương lĩnh sai lầm kiểu Cương lĩnh thống nhất hai đảng mà ông đang xem).

Một mặt khuyên nhủ như vậy, mặt khác ông đã viết lời nhận xét vào bản dự thảo Cương lĩnh mà hai đảng gửi tới.

Bất chấp khuyên nhủ của C.Mác, hai đảng vẫn tổ chức Đại hội thống nhất của mình tại Gôtha vào ngày 22-27/5/1875 với bản Cương lĩnh dự thảo và rất ít chú ý đến những nhận xét của C.Mác.

Bản nhận xét của C.Mác ấy đã trở thành một tác phẩm nổi tiếng bút chiến chống chủ nghĩa cơ hội, với cái tên: "Phê phán cương lĩnh Gôtha", là tài liệu kinh điển quan trọng của chủ nghĩa Mác nói chung (cả về mặt triết học, kinh tế và chính trị - xã hội).

Mãi đến năm 1891 tác phẩm mới có dịp được in. Ăngghen viết lời nói đầu. Vì lý do kiểm duyệt nên một vài chỗ (ít thôi) phải thay bằng các dấu chấm. Một đôi chỗ phải sửa cho lời văn ôn tồn hơn (những chỗ ấy để trong móc nhọn <>).

II. NỘI DUNG CỦA TÁC PHẨM

Tác phẩm chia thành 4 đoạn. Qua phê phán các quan điểm sai lầm của Cương lĩnh Gô tha (Cương lĩnh), đã đem lại cho chúng ta những nội dung lý luận đáng lưu ý sau (vì ở mỗi đoạn mang những chủ đề khá tập trung nên chúng tôi giới thiệu phần nội dung này trình tự theo các đoạn của tác phẩm).

1. Lao động và phân phối sản phẩm của lao động - sự bất bình đẳng trong xã hội TBCN.

Cương lĩnh viết "Lao động là nguồn gốc của mọi của cải và mọi văn hoá, và vì lao động có ích thì chỉ có thể có được trong xã hội và do xã hội, cho nên thu nhập do lao động đem lại thuộc về tất cả mọi thành viên trong xã hội một cách không bị cắt xén" [470]. Ở đây, theo C.Mác là không đầy đủ và không đúng.

"Lao động là nguồn gốc mọi của cải" đó là cách nói thông thường "trong sách vở lòng" và với điều kiện nhất định thì được, chứ trong Cương lĩnh của một đảng XHCN thì không được, hơn nữa đó là câu nói "tư sản rỗng tuếch". Theo C.Mác, tâm của cương lĩnh phải diễn đạt là "Giới tự nhiên, cũng như lao động là nguồn gốc của những giá trị sử dụng" [470]. Lao

động chỉ có thể có được khi có điều kiện nhất của nó, những yếu tố của giới tự nhiên mà con người chiếm được, sở hữu được. Chúng bao gồm: tư liệu lao động, đối tượng lao động. Cho nên, trong “tư bản luận”, C.Mác có định nghĩa rất hay về lao động: “Lao động trước hết là một quá trình xảy ra giữa người và tự nhiên, một quá trình trong đó bản thân con người đóng vai trò môi giới, điều tiết và giám sát trong sự trao đổi vật chất giữa người và tự nhiên”. Nhưng trong xã hội, những điều kiện này lại do một số người nắm, còn những người khác chỉ độc có sức lao động đã trở thành nô lệ - phụ thuộc vào những người có (sở hữu) điều kiện vật chất của lao động.

Giai cấp tư sản thích gán cho lao động sức sáng tạo siêu nhiên - giống như Cương lĩnh nói trên, là có lý do, từ đó, tức che dấu sự bất bình đẳng trong sở hữu tư liệu sản xuất.

Lao động (kiểu lao động có sự bất bình đẳng về sở hữu) càng phát triển xã hội càng phân hoá: nghèo khổ phát triển ở phía người lao động, của cải và văn hoá phát triển ở kẻ không lao động (nhưng lại nắm đối tượng lao, động công cụ lao động). C.Mác nói: “Đó là quy luật của toàn bộ lịch sử từ xưa đến nay” [473].

Chính ra, một Cương lĩnh XHCN, khi nói về lao động, phải thể hiện được những vấn đề trên và hơn nữa chỉ ra điều kiện nào để người lao động “đập tan cái tai hoạ lịch sử” (sự phân hoá) thì Cương lĩnh chẳng nói gì cả. Cương lĩnh lại đòi “thu nhập của lao động thuộc về tất cả mọi thành viên trong xã hội một cách không bị cắt xén, không những quyền ngang nhau”. C.Mác cho rằng khái niệm “thu nhập của lao động” là rất mơ hồ: là sản phẩm của lao động hay giá trị sản phẩm lao động? Nếu là giá trị sản phẩm, thì là toàn bộ giá trị sản phẩm ($C+V+M$ tức tổng sản phẩm xã hội) hay chỉ là phần giá trị mà lao động đã thêm vào giá trị của những tư liệu sản xuất ($V+M$ tức thu nhập quốc dân)?

Nếu tạm coi “thu nhập của lao động” là tổng sản phẩm xã hội thì trong thực tế phải khấu đi: 1) Phần để thay thế những tư liệu sản xuất đã tiêu dùng; 2) Phụ thêm để mở rộng sản xuất; 3) Quỹ dự trữ hoặc bảo hiểm (để phòng tai nạn, những rối loạn do các hiện tượng tương tự gây ra...). Còn lại mới giành cho vật phẩm tiêu dùng. Nhưng trước khi tiến hành phân phối cho cá nhân lại phải khấu đi: 1) Chi phí quản lý chung, không trực tiếp thuộc về sản xuất; 2) Chi phí cho nhu cầu chung (trường học, y tế...); 3)

Quý cần thiết nuôi những người không có khả năng lao động ... Sau đó, còn lại mới đem phân phối cho cá nhân người sản xuất.

Do vậy, đòi phân phối “cho mọi thành viên không bị cắt xén theo những nguyên tắc ngang nhau” là không thể có được. Là quan điểm mị dân của các tầng lớp bóc lột.

Lý luận trên về lao động và phân phối sản phẩm lao động của C.Mác đã vạch trần sự bất bình đẳng trong CNTB.

2. Đối tượng cách mạng và lực lượng cách mạng.

Cương lĩnh có ghi “Trong xã hội hiện nay, tư liệu lao động là độc quyền của giai cấp các nhà tư bản” [47]. Theo C.Mác: thật ra, nước Đức lúc này tư liệu lao động là độc quyền của cả tư bản và cả bọn địa chủ (sự độc quyền sở hữu ruộng đất). Xác định như Cương lĩnh là không đầy đủ và bỏ sót đối tượng cách mạng.

Theo Cương lĩnh “Việc giải phóng lao động phải là sự nghiệp của giai cấp công nhân, đối diện với giai cấp này, tất cả các giai cấp khác chỉ hợp thành một khối phản động” [48]. C.Mác cho rằng sự khái quát này của Cương lĩnh thật “phi lý”. Mỗi giai cấp có vị trí xã hội nhất định và mang tính lịch sử. Lúc này giai cấp tư sản đại biểu cho nền đại công nghiệp được coi là giai cấp cách mạng so với bọn phong kiến và bộ phận trung gian nào đó cố bám lấy phương thức sản xuất lỗi thời. Nhưng giai cấp vô sản lại cách mạng hơn so với giai cấp tư sản, vì bản thân nó là con đẻ của đại công nghiệp, muốn giải phóng lực lượng sản xuất ấy - tức muốn cho “nền sản xuất trút bỏ cái tính chất tư bản chủ nghĩa” mà giai cấp tư sản đang cố duy trì vĩnh viễn. Còn các đảng cấp trung gian ngả nghiêng, có khả năng trở thành cách mạng trong chừng mực điều kiện nào đó.

Do vậy gộp tất cả tư sản, phong kiến, nông dân, thợ thủ công... là ~~phản~~ ^{thực} động và phi lý, nhất là ở Đức, đất nước đông đảo nông dân: là không xác định đúng đối tượng cách mạng và lực lượng cách mạng.

3. Chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân

C.Mác cho rằng, phong trào công nhân về nội dung mang tính quốc tế nhưng về hình thức thì trước hết phải mang tính dân tộc. Người nói: “Còn nhiên là nói chung muốn có thể đấu tranh được thì giai cấp công nhân, với tư cách là một giai cấp, phải tự bỏ chức lại ở trong nước họ, và vũ đài trực

tiếp của cuộc đấu tranh của họ là ở trước. Chính vì thế mà cuộc đấu tranh giai cấp của họ có tính chất dân tộc, không phải về mặt nội dung của nó, mà là “về mặt hình thức của nó” [483].

Tính chủ nghĩa quốc tế của phong trào vô sản là một tất yếu, bởi vì CNTB cũng mang tính quốc tế cả về mặt kinh tế và chính trị (liên kết quốc tế chống giai cấp vô sản) [484]. CN quốc tế của giai cấp vô sản không chỉ thể hiện bằng tinh thần, lời nói “tình hữu nghị” suông như cương lĩnh nêu ra mà phải có “chức năng quốc tế” - phải có sự phối hợp hành động thực tế [484].

✦ Lý luận về tiền công và sự cần thiết phải xoá bỏ chế độ làm thuê

Cương lĩnh có ghi: “Xuất phát từ những nguyên lý đó. Đảng công nhân Đức dùng mọi thủ đoạn hợp pháp để đấu tranh thành lập một nhà nước tự do - và - xã hội XHCN; xoá bỏ chế độ tiền công cùng với cái quy luật sắt về tiền công - và - xoá bỏ sự bóc lột dưới mọi hình thức của nó: thủ tiêu mọi sự bất bình đẳng về xã hội và chính trị” [485]. Theo C.Mác “Quy luật sắt về tiền công” là quan điểm của Lát xan. Nhưng thật ra lại theo tinh thần của chủ nghĩa Man tuýt tức là hệ thống quan điểm phản khoa học mang tên linh mục Man tuýt (1766-1834) - nhà kinh tế học tư sản tâm thường người Anh. Ông ta cho rằng sự bần cùng của nhân dân trong CNTB là do người ta sinh đẻ nhanh hơn lượng tư liệu sinh hoạt có thể tăng lên - nghĩa là do bản thân giới tự nhiên, chứ không phải do chế độ TBCN gây ra. Phương tiện chủ yếu để ngăn ngừa dân số tăng lên là bệnh dịch, nạn đói, lao động nặng nhọc và chiến tranh huỷ diệt bớt dân số.

Tinh thần trên của Man tuýt tác hại rất lớn. Nó đánh lạc hướng giai cấp công nhân trong cuộc đấu tranh cách mạng chống chế độ làm thuê: để cho lực lượng phản động che dấu âm mưu của chúng về việc hạ thấp mức sống của người lao động, về việc gây ra chiến tranh...; trốn tránh trách nhiệm của chúng đối với đời sống khổ cực, đói rét, bệnh tật của người lao động. Nếu theo “Quy luật sắt về tiền công” mức lương của công nhân không thể vượt quá tư liệu sinh hoạt tối thiểu của mình và gia đình họ. Từ đó khuyên người ta rằng đấu tranh đòi tăng lương là không có ý nghĩa gì cả. Bởi vì, nâng cao tiền lương quá mức đó sẽ làm tăng con số kết hôn và sinh đẻ, mà nhân khẩu tăng sẽ bị dẫn tới hạ thấp mức lương, điều đó lại dẫn đến phải giảm bớt sinh đẻ...

C.Mác cho rằng nếu quả có “quy luật sắt về tiền công” này thật, nó sẽ chi phối mọi chế độ xã hội thì xoá bỏ thế nào được, mà nêu ra trong cương lĩnh. Qua đây chúng tỏ Lát san “không hiểu tiền công là gì và theo đuổi những nhà kinh tế học tư sản, ông ta đã lấy biểu hiện bên ngoài làm bản chất của sự vật”. Trong khi đó lý luận khoa học về tiền công lao động đã được Mác nêu ra và được nhiều đảng viên tiếp nhận. Thế mà, Cương lĩnh của một đảng lại vẫn rơi vào quan điểm sai lầm của Lát san thì đó là một “sự thụt lùi thật đáng công phẫn” [78].

Theo khoa học về tiền công lao động của Mác, thì tiền công ấy không phải là cái mà nó biểu hiện ra bên ngoài tức không phải là giá trị hay giá cả của lao động. Nhìn bề ngoài thì tưởng là thế. Và nếu thế thì không thấy được sự bóc lột trong chế độ làm thuê TBCN vì người ta sẽ lầm tưởng rằng toàn bộ lao động của công nhân đã được cả công. Thật ra, tiền công đó là biểu hiện bằng tiền của giá trị sức lao động hoặc là giá cả của sức lao động của người công nhân.

Sức lao động là hàng hoá đặc biệt. Quá trình lao động của công nhân - tức hàng hoá này được sử dụng, không ngừng tạo ra giá trị bằng giá trị của chính nó (sức lao động) còn tăng thêm giá trị. Đó chính là giá trị thặng dư - lao động không công mà nhà tư bản chiếm đoạt. Nhà tư bản lại luôn tìm cách chiếm đoạt nhiều hơn giá trị thặng dư. Mác viết rằng “toàn bộ hệ thống sản xuất tư bản chủ nghĩa đều xoay quanh cái trục là kéo dài lao động không công ấy bằng cách nâng cao năng suất, bằng cách buộc sức lao động phải hoạt động căng thẳng hơn...” [487]. Mác còn cho hay, dù cho sức sản xuất của xã hội ngày càng phát triển, lương của công nhân dù nhận được cao hay thấp thì chế độ nô lệ làm thuê, sự bóc lột ngày càng khắc nghiệt [487].

Do vậy, phải tiến tới xoá bỏ chế độ làm thuê [485] chứ không phải xoá bỏ cái “quy luật sắt về tiền công” mà cương lĩnh đã nêu ra.

5. Lý luận về phương pháp cách mạng (hay con đường để có xã hội mới XHCN).

Cương lĩnh ghi: “Để dọn đường cho việc giải quyết vấn đề xã hội. Đảng công nhân Đức yêu cầu thành lập những hội sản xuất, với sự giúp đỡ của nhà nước, dưới sự kiểm soát dân chủ của nhân dân lao động. Đối với công nghiệp và nông nghiệp, các hội sản xuất cần được tổ chức với một

khối lượng khiến cho việc tổ chức toàn bộ lao động theo kiểu XHCN sẽ xuất hiện từ những hội sản xuất ấy" [488].

C.Mác cho rằng Đảng công nhân Đức phải thực hiện đấu tranh giai cấp, thì ở đây lại chỉ nói đến "giải quyết vấn đề xã hội" nghĩa là đã xa rời quan điểm đấu tranh giai cấp, là nói theo công thức "kiểu nhà báo" chứ không phải của một cương lĩnh chính trị. Chính ra phải nói đến "quá trình cải biến cách mạng" đối với xã hội để có CHXH, thì Cương lĩnh lại đưa ra biện pháp tổ chức các hội sản xuất của người lao động, dưới sự giúp đỡ của nhà nước tư sản thì thật là không tưởng và ngây thơ: "Tưởng rằng người ta có thể xây dựng một xã hội mới bằng những khoản tiền giúp đỡ của nhà nước cũng dễ dàng như xây dựng một con đường sắt mới thì đó quả thật là một điều xứng đáng với sự tưởng tượng của Lassalle" [488]. Và cùng thật là vô lý khi đưa ra phương án ấy kèm theo yêu cầu bên cạnh giúp đỡ của nhà nước tư sản là "sự kiểm soát dân chủ của nhân dân lao động". Vô lý ở hai ý: Một là: Hai từ "dân chủ" theo tiếng Đức có nghĩa là "nhân dân nắm chính quyền". Nhưng ở Đức thì nhân dân không nắm chính quyền, nên không thể nói đến sự kiểm soát dân chủ của nhân dân đối với xã hội đối với nhà nước được. Hai là: Lúc này ở Đức, nhân dân đa số là nông dân, hơn nữa nông dân chưa giác ngộ nghĩa là "chưa trưởng thành để nắm chính quyền" [489].

Con đường hoà bình chủ nghĩa: chỉ dựa vào dân chủ tư sản, vào nhà nước tư sản, xây dựng tổ chức sản xuất theo kiểu XHCN - nghĩa là hòng xây dựng quan hệ sản xuất CNTB để từ đó có CNXH là quan điểm viển vông, phản khoa học và không hiện thực. Vấn đề đặt ra là phải hoạt động để "lật đổ những điều kiện sản xuất hiện nay", từ đó giai cấp công nhân tạo ra điều kiện sản xuất tập thể trên quy mô toàn xã hội. (và trước tiên ở nước mình) mà không cần đến nhà nước của giai cấp tư sản [489].

6. Lý luận về nhà nước, giáo dục, tôn giáo, phụ nữ và trẻ em.

Do Cương lĩnh đưa ra khái niệm "nhà nước tự do", coi nhà nước là "một thực tại độc lập" có những "cơ sở tinh thần, đạo đức và tự do" riêng của nó [489]. Vì vậy dẫn đến sai lầm nhìn nhà nước Đức như là có tính nhân dân đại diện cho lợi ích toàn xã hội để cải tạo xã hội thành CNXH (như trên đã nói). C.Mác chỉ ra rằng: nhà nước nào cũng hình thành trên một cơ sở nhất định và mang bản chất của chế độ xã hội hiện tồn. Có nhiều kiểu nhà nước tư sản nhưng đều "có đặc điểm chung là được xây dựng trên miếng đất của xã hội tư sản hiện đại, chỉ có điều là phát triển ít hay nhiều

theo phương thức tư bản chủ nghĩa. Vì vậy, những nhà nước ấy cũng đều có chung một số tính chất căn bản" [491]. Nghĩa là không thể có nhà nước phi giai cấp trong xã hội TBCN.

Sai lầm nữa của Cương lĩnh là họ không nói gì đến trong xã hội tiếp theo xã hội tư sản tức xã hội XH CN mà mình vươn tới cần có nhà nước như thế nào.

C.Mác cho rằng không có nhà nước tự do độc lập với cơ sở xã hội cũng không có nhà nước chung chung. Nếu xã hội tư sản bị tiêu diệt, xã hội mới ra đời thì phải có một kiểu nhà nước mới đó chính là nhà nước CCVS: "Giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa là một thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội nó sang xã hội kia. Thích ứng với thời kỳ ấy, là một thời kỳ quá độ chính trị, và nhà nước của thời kỳ ấy không thể là cái gì khác hơn là nền chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản. Thế mà bản Cương lĩnh không dả động gì đến vấn đề chuyên chính vô sản, cũng chẳng nói gì đến chế độ nhà nước tương lai trong xã hội cộng sản chủ nghĩa [491].

- Về giáo dục: C.Mác cho rằng, trong xã hội tư sản với nhiều giai cấp và giai cấp đối kháng thì không thể đòi việc giáo dục như nhau cho tất cả các giai cấp được (như Cương lĩnh đòi hỏi). Chính ra, Đảng phải đấu tranh đòi nhà trường gắn với các trường kỹ thuật (tức học gắn với hành, lý thuyết với thực hành); đòi "gạt bỏ ảnh hưởng của chính phủ cũng như của giáo hội đối với nhà trường" [494].

- Về tôn giáo: C.Mác cho rằng trong khuôn khổ xã hội tư sản, Đảng cần đấu tranh cho tự do tín ngưỡng: "Mỗi người phải được thỏa mãn những nhu cầu tự nhiên của mình về tôn giáo và về thể xác mà cảnh sát không được chõ mũi vào" [495]. Đồng thời, Đảng phải thấy rằng, giai cấp tư sản đã lợi dụng mọi thứ tôn giáo, còn quan điểm của mình là phải "ra sức giải thoát lương tri của con người khỏi bóng ma tôn giáo" [495].

- Về phụ nữ và trẻ em theo, theo C.Mác, trong Cương lĩnh khi bàn về phụ nữ ngoài đấu tranh cho lợi ích lao động của phụ nữ thì phải nói rõ: đấu tranh để loại bỏ lao động của phụ nữ ra khỏi những ngành sản xuất đặc biệt có hại cho cơ thể họ hoặc về giới tính không hợp đạo đức. Còn về trẻ em, nếu đòi cấm lao động trẻ em một cách hoàn toàn như Cương lĩnh nêu ra thì không thể được và thật là "trống rỗng" trong một xã hội công nghiệp. Chính

ra phải đòi quy định tuổi tham gia lao động và có thời gian lao động thích hợp, công việc thích hợp, bảo vệ và dự phòng sức khỏe... cho trẻ em: “Việc sớm kết hợp lao động sản xuất với việc giáo dục là một trong những biện pháp mạnh nhất để cải biến xã hội hiện nay”[496].

7. Lý luận về hai giai đoạn của hình thái kinh tế - xã hội CSCN

Từ những đoạn viết trên của C.Mác, có một nội dung lý luận nổi bật lên, làm mờ những mặt phê phán khác - trở thành đặc trưng của tác phẩm này và của chủ nghĩa xã hội Mác nói chung. Đó là: Dự đoán về xã hội cộng sản tương lai - lý luận về hai giai đoạn của hình thái kinh tế - xã hội CSCN.

C.Mác cho biết xã hội tương lai thay thế xã hội TBCH là xã hội CSCN. Xã hội đó “Tổ chức theo nguyên tắc của chủ nghĩa tập thể, dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất ” [477]. Xã hội này phát triển qua hai giai đoạn: “giai đoạn đầu” [480] không phải là một hay xã hội xã hội cộng sản chủ nghĩa đã phát triển trên những cơ sở của chính nó” hoặc “là một xã hội cộng sản chủ nghĩa vừa thoát thai từ xã hội tư bản chủ nghĩa (Lênin cho rằng “giai đoạn đầu” mà Mác nói chính là CNXH); và “giai đoạn cao” hay “xã hội cộng sản chủ nghĩa đã phát triển trên những cơ sở của chính nó” [477].

C.Mác đã dự đoán những đặc điểm của giai đoạn đầu của CNCS đó là một xã hội mà về mọi phương diện kinh tế, đạo đức, tinh thần.... còn mang “những dấu vết” của xã hội cũ mà nó đã lột lòng ra” [477]. Điển hình là trong phân phối. Ở giai đoạn đầu, sự phân phối cho người lao động sau khi đã khấu hao và trừ đi những đóng góp cần, thiết thì thực hiện theo chế độ phân phối theo lao động [478]. Đó là kiểu phân phối tiến bộ hơn sự phân phối trước nó. Nhưng trong thực tế sự bình đẳng này vẫn nằm trong “khôn khổ tư sản”, “quyền tư sản” [478]. Nghĩa là còn “thiếu sót” [79] còn chưa thật “ngang nhau”, vẫn tạo ra sự phân hoá xã hội nhất định. C.Mác viết: “Như vậy, với một công việc ngang nhau và do đó, với một phần tham dự như nhau vào quỹ tiêu dùng của xã hội thì trên thực tế, người này vẫn lĩnh nhiều hơn người kia, người này vẫn giàu hơn người kia...” [479]. Bởi vì, con người với tính cách là cá nhân, khác nhau về cái mà Mác gọi là “đặc quyền tự nhiên” - những gì khách quan, bên ngoài, ngẫu nhiên chi phối: thể chất tinh thần người này khác người kia, năng khiếu, năng lực lao động khác nhau... Từ đó, làm cho người ta lao động với những kết quả khác nhau.

Hoặc người này có gia đình người kia chưa, người này có nhiều con người kia ít con... Thành ra làm bằng nhau, thu nhập bằng nhau mà không hưởng thụ như nhau. Kiểu phân phối này, muốn tránh thiếu sót phải tiến lên thực hiện phân phối theo nhu cầu nghĩa là ở giai đoạn cao của CNCS. Còn giai đoạn thấp thì “không thể tránh khỏi” những thiếu sót của phân phối theo lao động [480].

Về phân kỳ, giai đoạn thấp là thời kỳ quá độ nằm “giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa” (giai đoạn cao). Nhiệm vụ lịch sử của nó “là một thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội nọ sang xã hội kia”.

Về mặt chính trị, là thời kỳ quá độ chính trị - nghĩa là “nhà nước chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản” - CCVS [491].

Giai đoạn cao của xã hội CSCN, C.Mác dự đoán khái quát rằng: “Trong một giai đoạn cao hơn của xã hội cộng sản chủ nghĩa, khi mà sự phụ thuộc có tính chất nô dịch của họ vào sự phân công lao động không còn nữa và cùng với sự phụ thuộc đó, sự đối lập giữa lao động trí óc với lao động chân tay cũng không còn nữa; khi mà lao động trở thành không những một phương tiện để sinh sống mà bản thân nó còn là một nhu cầu bậc nhất của sự sống; khi mà cùng với sự phát triển toàn diện của các cá nhân, năng suất của họ cũng ngày càng tăng lên và tất cả các nguồn của cái xã hội đều tuôn ra dồi dào, - chỉ khi đó người ta mới có thể vượt hẳn ra khỏi giới hạn chật hẹp của cái quyền tư sản và xã hội mới có thể ghi trên lá cờ của mình: Làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu!” [480].

Còn về nhà nước ở giai đoạn này như thế nào, thì C.Mác thận trọng cho biết, chắc chắn nó sẽ biến đổi. Còn biến đổi ra sao, có chức năng nào giống như chức năng của nhà nước hiện nay, thì cần phải giải đáp một cách khoa học, chứ không thể tùy tiện trả lời, tùy tiện ghép vào đó bất kỳ tính từ nào [491].

III. Ý NGHĨA CỦA TÁC PHẨM

a) “Phê phán Cương lĩnh Gôtha” vẫn là một tác phẩm quan trọng của chủ nghĩa Mác - Lênin nói chung. Với số trang không lớn nhưng đã đem lại nhiều nội dung lý luận. Và những nội dung đó cơ bản trong đó vẫn còn giá trị, nhất là về mặt phương pháp luận.

b) Đó là tác phẩm mẫu mực về luận chiến khoa học, kiên quyết và thể hiện tấm gương không nhân nhượng về lý luận trước những quan điểm phi mác xít.

c) Tác phẩm nhắc nhở công tác xây dựng đảng rằng: thống nhất các tổ chức Đảng để thống nhất lực lượng là rất cần thiết nhưng phải đúng lúc và có nguyên tắc. Sự thống nhất đó phải trên cơ sở nhận thức đúng và thống nhất về quan điểm lý luận chính trị của Đảng. Nếu chưa đạt được điều đó - thể hiện trong Cương lĩnh, thì hãy khoan đã và chỉ nên ký kết một bản thoả hiệp hành động nào đó mà thôi.

Cương lĩnh thống nhất không thể hiện tính nguyên tắc đúng và thống nhất sẽ phải “trả một giá đắt cho phong trào” [469]. Cương lĩnh sai lầm trong Đại hội thống nhất hai tổ chức Đảng ở Đức này, chủ yếu do ảnh hưởng tư tưởng cơ hội chủ nghĩa của những người lãnh tụ phong trào công nhân Đức (trước đó là Lát-xan) và vì lý do trực tiếp là các lãnh tụ đảng lúc đó (Bê-ben, Lip-nếch và Hép-nơ) không được tôi luyện đầy đủ về mặt lý luận. Từ đấy, chúng ta càng nhận thấy vai trò quan trọng của lãnh tụ, của công tác cán bộ nói chung đối với sự phát triển của một đảng cách mạng.

d) Trong những nội dung lý luận của tác phẩm, hiện nay, chúng ta cần chú ý một số vấn đề cụ thể sau đây của C.Mác.

- Ở tr.487, trong lý luận về tiền công C.Mác kết luận, dù cho sức sản xuất xã hội ngày càng phát triển, tiền công của công nhân đã nhận được cao hay thấp, thì trong CNTB chế độ nô lệ làm thuê, sự bóc lột ngày càng khắc nghiệt. Kết luận này vẫn là phương pháp luận khoa học sát thực cho việc nhìn nhận quan hệ giữa giai cấp tư sản và công nhân hiện nay, mà một số người lầm tưởng rằng, trong đó giai cấp công nhân đã không còn bị bóc lột, hoặc ít bị bóc lột hơn.

- Thế giới đang đứng trước nguy cơ “bùng nổ” dân số và những hậu quả của nó, có người vận vào và cho rằng “quy luật sắt của tiền công” là có thật. Như vậy là lại “giả” vào sai lầm của Man-tút, Lat-xan... về giải thích nguồn gốc vấn đề và cách giải quyết mang tính phản động.

Sự thật về sự tăng dân số không phải từ việc lương cao, giàu có lên của người lao động; ngược lại, hiện nay nơi có tỷ lệ sinh cao nhất lại là những vùng đói kém, chậm phát triển nhất. Tinh thần chung ở nhiều nơi trên thế giới là tích cực hạn chế sinh đẻ, ổn định dân số là nhằm nâng cao chất

lượng sống và được thực hiện bằng tổng thể các biện pháp mang tính nhân văn và khoa học.

- Hoà bình và hợp tác quốc tế là một xu hướng của thời đại ngày nay. Nhưng không phải vì thế mà lại rơi vào quan điểm “hoà bình chủ nghĩa” mà C.Mác đã phê phán trong tác phẩm. Sự nghiệp giải phóng giai cấp công nhân và nhân dân lao động chỉ có thể bằng con đường cách mạng với những dạng cụ thể khác nhau của con đường cách mạng bạo lực hay con đường cách mạng hoà bình (khác với “hoà bình chủ nghĩa”), hoặc kết hợp giữa chúng.

- Lý luận về hai giai đoạn hay phân kỳ xã hội CSCN mang ý nghĩa phương pháp luận cao. Trên cơ sở đó, mà các Đảng cầm quyền cần có sự phát triển lý luận và đường lối trong việc xác định những giai đoạn cụ thể đa dạng của công cuộc xây dựng XHCN ở từng nước để từng bước đi lên.

e) Trong tác phẩm của một số nội dung mà người đọc có sự nhìn nhận khác nhau:

- Khi nói về giai đoạn thấp, C.Mác dự đoán “Anh ta (tức người lao động -PTK) nhận của xã hội một cái phiếu chứng nhận rằng anh ta đã cung cấp một số lao động là bao nhiêu đó (sau khi đã khấu trừ số lao động của anh ta làm cho các quỹ xã hội) và với cái phiếu ấy, anh ta lấy ở kho của xã hội ra một số lượng vật phẩm tiêu dùng trị giá ngang với một số lượng lao động mà anh ta đã cung cấp” [478].

Trên đây chính là hình ảnh trao đổi sản phẩm trực tiếp (mặc dù trong kiểu trao đổi này, Mác cho biết vẫn dựa trên nguyên tắc đã điều tiết sự trao đổi hàng hoá tức trao đổi những giá trị ngang nhau). Kiểu trao đổi này, trong giai đoạn thấp có thể thực hiện được không (?) Theo tôi, điều đó chỉ có thể ở giai đoạn cao của CNCS.

- Ở tr.480, cho rằng giai đoạn thấp của CNCS “vừa lọt lòng từ xã hội tư bản chủ nghĩa ra, sau những cơn đau đẻ kéo dài”. Hình ảnh này có thể hiểu CNXH ra đời từ xã hội của TBCN được không (?). Trong khi đó, từ lâu chúng ta vẫn cho rằng, quan hệ sản xuất của xã hội XHCN không ra đời trong lòng xã hội TBCN.

Theo chúng tôi vấn đề này cần phải tiếp tục được nghiên cứu.

Câu nổi tiếng trong tác phẩm là “Giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa là một thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội nọ sang xã hội kia. Thích ứng với thời kỳ ấy, là một thời kỳ quá độ chính trị, và nhà nước của thời kỳ ấy không thể là cái gì khác hơn là nền chuyên chính của giai cấp vô sản” [491].

Thế “quá độ chính trị” - CCVS có tồn tại suốt trong giai đoạn thấp - xã hội XHCN không (?) Theo chúng tôi, đúng là như vậy.

- C.Mác phê phán “Cương lĩnh không dả động gì đến vấn đề chuyên chính vô sản, cũng chẳng nói gì đến chế độ nhà nước tương lai trong xã hội cộng sản chủ nghĩa” [491].

Như vậy nhà nước vẫn tồn tại ở cả giai đoạn cao của CNCS (?). Theo chúng tôi, nhà nước mà C.Mác đang nói là nhà nước CCVS trong giai đoạn thấp của CNCS mà thôi.

Hà Nội, 10/1999

PTS. PHAN THANH KHÔI

Giới thiệu tác phẩm

" SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TỪ KHÔNG TƯƠNG ĐẾN KHOA HỌC "

Ph.Ăng-ghe-n

(C.Mác - Ph.Ănghe-n: Toàn tập, T19, NXB Chính trị Quốc gia,

H. 1995, tr. 271- 333).

I. HOÀN CẢNH RA ĐỜI VÀ TƯ TƯỞNG CƠ BẢN CỦA TÁC PHẨM

Tác phẩm "Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ không tương đến khoa học" ra đời từ ba chương trong tác phẩm của Ph.Ănghe-n "Chống Duy - rinh" , được viết từ tháng 5/1876 đến tháng 7/1878. Từ tháng 1 - 3 năm 1880, theo Pôn La-phác-gơ (1845 - 1911) một lãnh tụ Đảng cộng sản Pháp và là con đẻ của C.Mác. Ph.Ănghe-n đã soạn lại ba chương của "Chống Duy - rinh", cụ thể là chương I của "Phân mở đầu" và chương II và III của phần thứ ba thành một cuốn sách phổ cập độc lập.

Thoạt đầu tác phẩm được đăng trên tờ xã hội chủ nghĩa Pháp "La Revue Socialste" dưới nhan đề: "Chủ nghĩa xã hội không tương và chủ nghĩa xã hội khoa học". Sau đó nó được xuất bản thành một tác phẩm riêng trong cùng năm và với cùng một tiêu đề. Bản tiếng Pháp là cơ sở cho bản tiếng Ba Lan (Nhà in Rạng Đông, Giơ-ne-vơ, 1882) [458-461] và bản tiếng Italia. Năm 1883, tập sách được in bằng tiếng Đức với tiêu đề : "Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ không tương đến khoa học" với lời tựa của Ph.Ănghe-n [458-461]

Khi Ph.Ănghe-n còn sống, tập sách này được dịch từ tiếng Đức ra nhiều tiếng Châu Âu khác và được lưu hành rộng rãi trong công nhân. Ở Đức, khi Ph.Ănghe-n còn sống cuốn sách đã được tái bản đến lần thứ tư vào năm 1891. So với nguyên văn trong "Chống Duy - rinh" tập sách này có những điểm khác với các chương tương ứng trong "Chống Duy - rinh", như cách sắp xếp tài liệu và một số điểm được bổ sung và sửa chữa.

Ở Việt Nam tập sách này đã được những người cộng sản nghiên cứu qua bản tiếng Pháp từ trước cách mạng tháng 8 - 1945. Từ những năm 60 trở lại đây, Nhà xuất bản Sự Thật - Hà Nội và nay là Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật đã dịch tác phẩm này từ tiếng Nga, tiếng Đức và xuất bản dưới dạng tác phẩm độc lập hoặc trong C.Mác và Ph.Ăngghen Tuyển tập hay Toàn tập. Bài giới thiệu này dựa vào công trình C.Mác và Ph.Ăngghen toàn tập gồm 55 tập được Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự Thật đã và đang xuất bản từ đầu thập kỷ 90 đến nay. Ngoài ra có thể tham khảo tác phẩm này trong: C.Mác và Ph.Ăngghen Tuyển tập, tập 5 NXB Sự Thật, H. 1983.

Như đề cập ở trên, tác phẩm này là một bộ phận của tác phẩm "Chống Đuy - rinh". Vì thế, hoàn cảnh ra đời của "Chống Đuy - rinh" cũng là hoàn cảnh ra đời của nó.

"Chống Đuy - rinh" là một trong những tác phẩm kinh điển chủ yếu của chủ nghĩa Mác (Xem: C.Mác-Ph.Ăngghen: Toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, H.1995, t.20, tr.15-450). Tác phẩm chủ yếu do Ph.Ăngghen viết. C.Mác tham gia sưu tầm tài liệu, trực tiếp viết chương X với đầu đề "Về quyền lịch sử phê phán" của phần II nói về "Kinh tế chính trị học"; và tham gia cùng viết các chương khác thuộc phần này, nhất là trong việc phân tích, phê phán những quan điểm của Đuy - rinh về lịch sử các học thuyết kinh tế.

Nhan đề cuốn sách của Ph.Ăngghen là sự mỉa mai lại tiêu đề cuốn sách của Oi-ghen các Đuy rinh (1833 - 1921) về "Kê ri đảo lộn học thuyết về kinh tế quốc dân và khoa học xã hội" (Muyn - sen, 1865). Trong tác phẩm này, Đuy - rinh tán tụng nhà kinh tế học tâm thường Kê ri. Ngoài ra trong một loạt tập sách khác, như: "Lịch sử phê phán của khoa kinh tế chính trị và của chủ nghĩa xã hội", "Giáo trình kinh tế chính trị học và chủ nghĩa xã hội", và "Giáo trình triết học" v.v... vị phó giáo sư Đại học tổng hợp Béc lin trong các năm 1863 - 1877 đã biểu lộ sự tâm thường và thô bạo của mình trong việc công kích cả ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác.

Mưu toan của Đuy rinh và những người theo phái Đuy rinh trong Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa Đức là làm dấy lên một bầu không khí xã hội chủ

nghĩa không tưởng tiểu tư sản và cơ hội chủ nghĩa, nhằm làm suy yếu phong trào công nhân Đức sau sự thất bại của Công xã Pa ri (1871) và trong điều kiện thủ tướng Đế chế Đức Ô. Bi-xmác (1815 - 1898) ban hành đạo luật đặc biệt chống những người xã hội chủ nghĩa.

Song điều đáng lo ngại hơn cả là ngay trong Đảng Công nhân xã hội chủ nghĩa Đức lúc đó, những người theo phái Duy rinh, như E.Bec-stanh (1850 - 1930) I. Mô-xơ (1846 - 1906) và Phritxơ, muốn biến lý luận của Duy rinh thành hệ tư tưởng chính thức của phong trào công nhân Đức. Thậm chí Liép nêch (1826 - 1900) và Bê-ben (1840 - 1913) là các lãnh tụ của Đảng dân chủ - xã hội Đức (Đảng Ai-dơ-nác và tích cực đấu tranh chống chủ nghĩa xét lại, chủ nghĩa cải lương, cũng chịu ảnh hưởng của phái Duy - rinh trong một thời gian ngắn Tháng 3 - 1878, với sự đồng ý của V. Lipnêch, chủ bút báo "Volksstaat" (Nhà nước nhân dân), cơ quan trung ương của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Đức, Bê-ben, đã đăng hai bình luận nói về Duy-rinh-dưới nhan đề "Người cộng sản mới". V. Lip-nêch thì biện bạch với Ph.Ăngghen rằng, Duy-rinh mặc dù có những quan điểm lộn xộn song vẫn là một con người trung thực và đứng về phía những người dân chủ - xã hội.

Việc đẩy mạnh "Chủ nghĩa Duy - rinh" và sự truyền bá chủ nghĩa đó trong một bộ phận các đảng viên của Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa Đức vừa mới được thành lập tháng 5 - 1875 tại Gô-ta dựa trên sự hợp nhất Tổng hội liên hiệp công nhân Đức của phái Lát-xan và Đảng dân chủ - xã hội, đã buộc Ph.Ăngghen với sự đồng tình của C.Mác phải phê phán phái Duy-rinh, để bảo vệ chủ nghĩa Mác là thế giới quan duy nhất đúng của Đảng vô sản.

Viết "Chống Duy - rinh" vào các năm 1876 - 1878 như Ph.Ăngghen khẳng định, không phải là kết quả của một sự "Thôi thúc nội tâm" có tính chủ quan thuần túy mà do yêu cầu khách quan của phong trào công nhân Đức lúc đó, và "Để không cho các đảng còn rất non trẻ và chỉ mới vừa thống nhất hẳn đó có cơ hội mới dẫn tới sự chia rẽ bè phái và rối loạn" [sdd, tr. 15].

E. Duy-rinh đề cập đến nhiều lĩnh vực lý luận và lĩnh vực nào cũng sai lầm mang tính chất phản động. Hệ thống lý thuyết của ông như một "Cái quạ

chưa", "Mà một khi đã ngoạm vào thì buộc phải nuốt cho kỳ hết" (sdd, tr. 16). Và hệ thống "Lý luận xã hội chủ nghĩa mới này xuất hiện như là kết quả thực tiễn cuối cùng của một hệ thống triết học mới. Vì vậy cần phải nghiên cứu nó trong mối liên hệ bên trong của hệ thống ấy, và như vậy là phải nghiên cứu bản thân hệ thống ấy" [sdd, tr. 16].

Cho nên về mặt nội dung, trong khuôn khổ "Chống Duy - rinh" công trình "Sự phát triển..." vừa là tác phẩm bút chiến, vừa là một tác phẩm trình bày tương đối hệ thống cơ sở lý luận và thực tiễn của chủ nghĩa xã hội khoa học.

1.2 - *Tư tưởng cơ bản của tác phẩm*, trước hết Ph.Ăngghen chỉ rõ rằng nguồn gốc lý luận của chủ nghĩa xã hội khoa học là chủ nghĩa xã hội không tưởng. Từ đó ông phân tích điều kiện kinh tế - xã hội cho sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học một mặt, là nền đại công nghiệp tư bản chủ nghĩa và cuộc đấu tranh giai cấp giữa giai cấp vô sản với tư sản; mặt khác là quan điểm duy vật về lịch sử và sự phát hiện quy luật giá trị thặng dư. Chủ nghĩa xã hội khoa học ra đời với tính chất là "Biểu hiện lý luận của phong trào vô sản" (sdd, tr. 333) có nhiệm vụ: "Nghiên cứu những điều kiện lịch sử và thực chất của sự biến đổi ấy, do đó làm cho giai cấp bị áp bức hiện đang có sứ mệnh hoàn thành sự nghiệp ấy, hiểu rõ được những điều kiện và bản chất của sự nghiệp của chính họ" [sdd, tr. 333]. Sự nghiệp của "Giai cấp bị áp bức", tức giai cấp vô sản là sự nghiệp giải phóng giai cấp vô sản và toàn thể nhân loại khỏi tình trạng người bóc lột người để "cuối cùng làm chủ tồn tại xã hội của chính mình thì cũng do đó mà làm chủ tự nhiên, làm chủ cả bản thân mình, trở thành người tự do" [sdd, tr. 333].

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA TÁC PHẨM

Tác phẩm được kết cấu thành 3 phần : Phần I từ trang 275 - 293; Phần II từ trang 294 - 305; Phần III từ trang 306 - 333

1 - *"Những tư liệu tư tưởng đã tích lũy từ trước" của chủ nghĩa xã hội khoa học.*

Bước vào tác phẩm, Ph.Ăngghen xác định ngay rằng. "Xét nội dung của nó, chủ nghĩa xã hội hiện đại", tức chủ nghĩa xã hội khoa học - Người giới thiệu, trước hết là kết quả của việc khảo sát:

- "Một mặt là những đối lập giai cấp đang thống trị trong xã hội hiện đại giữa những người có của và những người không có của, giữa những nhà tư bản và những công nhân làm thuê" [sdd, tr. 275].

- "Và mặt khác là tình trạng vô chính phủ đang chi phối sản xuất" [sdd, tr. 275].

"Nhưng xét hình thức lý luận của nó" - Ph.Ăngghen nhấn mạnh: "Chủ nghĩa xã hội hiện đại lúc đầu xuất hiện như một sự phát triển tiếp tục và đường như triết đề hơn những nguyên lý mà các nhà triết học khai sáng vĩ đại Pháp hồi thế kỷ XVIII đã nêu lên" [sdd, tr. 275].

Theo Ph.Ăngghen cũng tương tự như bất cứ học thuyết mới nào, trước tiên chủ nghĩa xã hội phải xuất phát "từ những tư liệu tư tưởng đã tích lũy từ trước" [sdd, tr. 275]. Và ông nhấn mạnh: "Gốc rễ của (chủ nghĩa xã hội hiện đại) nằm sâu trong những sự kiện kinh tế vật chất" [sdd, tr. 275]. Nghĩa là không nên và không được phép lẫn lộn "Nội dung" với "Hình thức lý luận", "Tư liệu tư tưởng" với "Gốc rễ" kinh tế, vật chất của chủ nghĩa xã hội khoa học; và phải xem cơ sở phát triển của chủ nghĩa xã hội từ không tưởng đến khoa học, từ những tiền đề lý luận và gốc rễ kinh tế, vật chất của chủ nghĩa xã hội.

1.1 - Chủ nghĩa xã hội không tưởng

Trong tác phẩm Ph.Ăngghen đã chỉ ra rằng, các nhà triết học khai sáng Pháp thế kỷ XVIII quan niệm lý tính của tư duy là thước đo duy nhất đánh giá mọi tồn tại xã hội. Ngoài lý tính họ không thừa nhận bất kỳ một thứ uy quyền bên ngoài nào cả. "Tôn giáo, quan niệm về tự nhiên, xã hội, tổ chức nhà nước ... tất cả đều phải ra trước toà án của lý tính và biện hộ cho sự tồn tại của mình hoặc từ bỏ sự tồn tại của mình" [sdd, tr. 275]. Theo họ, từ trước đến giờ "Thế giới chỉ toàn bị những thành kiến chi phối" [sdd, tr. 276]. Giờ đây, trong thời

đại mà thế giới đứng bằng đầu thì "đầu óc của con người và những nguyên lý do đầu óc thông qua tư duy mà phát hiện ra ... phải được dùng làm cơ sở cho mọi hoạt động của con người và cho mọi quan hệ xã hội", để loại trừ "mê tín và bất công, đặc quyền và áp bức", nhằm xây dựng một xã hội có "chân lý vĩnh cửu", "chính nghĩa vĩnh cửu" và "bình đẳng" cùng "những quyền không thể tách rời của con người" [sdd, tr. 276, 277] .

Song thực chất của sự thống trị lý tính ấy chẳng qua chỉ là sự thống trị của lý tính tư sản. Bởi lẽ "chính nghĩa vĩnh cửu đã được thực hiện trong pháp luật tư sản"; "bình đẳng rút cục lại chỉ là bình đẳng tư sản trước luật pháp"; "Những nhân quyền chủ yếu của con người" chỉ là "... sở hữu tư sản" [sdd, tr.277]. Nhà nước lý tính trong "Khế ước xã hội" mà R.Put-xô (1712 - 1778) đã khẳng định-chỉ có thể là nền cộng hoà dân chủ tư sản. Từ đó Ph.Ăngghen kết luận: "Các nhà tư tưởng vĩ đại của thế kỷ XVIII, cũng như tất cả những tiền bối của họ đã quy định cho họ".

Tuy nhiên, trong khi đấu tranh chống quý tộc thì giai cấp tư sản, trong chừng mực nào đó đã sử dụng sự đối lập chung giữa những kẻ bóc lột phong kiến và những người bị bóc lột để tự nhận là đại biểu cho các giai cấp lao động thời bấy giờ. Nhưng giữa tư sản và vô sản cũng có mâu thuẫn cho nên "trong mỗi cuộc vận động lớn của giai cấp tư sản, lại xuất hiện những phong trào độc lập của giai cấp vốn là tiền thân ít nhiều phát triển của giai cấp vô sản hiện đại" [sdd, tr. 277]. Và đi đôi với những phong trào cách mạng của một giai cấp chưa trưởng thành, ví dụ phong trào của Tô-mát Muyn-Txơ ở Đức, Ba - bốp trong Đại cách mạng Pháp v.v... còn có những biểu hiện lý luận tương ứng "Trong thế kỷ XVI và XVII có những tác phẩm không tương ứng về những chế độ xã hội lý tưởng" [sdd, tr. 278]. Theo Ph.Ăngghen, đến thế kỷ XVIII, với Mô-rê-li và Ma-bli ở Pháp vào thế kỷ XVIII, thì lý luận đã có tính chất cộng sản rõ ràng. Ví dụ yêu cầu bình đẳng không những về chính trị mà còn về kinh tế - xã hội; chẳng những cần xoá bỏ đặc quyền giai cấp mà còn phải xoá bỏ khác biệt giai cấp.

Rồi ba nhà không tưởng vĩ đại xuất hiện: Xanh-xi-mông, ngoài khuynh hướng vô sản còn giữ những ảnh hưởng nào đó của khuynh hướng tư sản. Phu-ri-ê vĩ đại bởi quan điểm của ông về các giai đoạn lịch sử xã hội. Ô-oen với các "Dự án xoá những khác biệt giai cấp". Theo Ph.Ăngghen Xanh-xi-mông (1760 - 1825) là con đẻ của Đại Cách mạng Pháp. Ông coi sự đối lập giữa đẳng cấp thứ ba và những đẳng cấp có đặc quyền mang hình thức đối lập giữa "Những người lao động" và "Những kẻ ăn không ngồi rồi". Ông đòi hỏi phải kết hợp khoa học với công nghệ bởi "Đạo Cơ Đốc mới" để lãnh đạo và thống trị xã hội. Ông tuyên bố rằng "Chính trị chỉ là khoa học về sản xuất" và nó "sẽ bị kinh tế hoàn toàn nuốt mất" [284 - 285] .

S.Phu-ri-ê (1772 - 1837) đã "phê bình chế độ xã hội đương thời bằng một sự sắc sảo đặc biệt của người Pháp mà không kém phần sâu sắc. Ông là người đầu tiên, tuyên bố rằng "trong một xã hội nhất định, trình độ giải phóng của phụ nữ là cái thước tự nhiên dùng để đo sự giải phóng chung" [285]. Nhưng sự vĩ đại nhất của Phu-ri-ê, như Ph.Ăngghen nhấn mạnh - là quan điểm về bốn giai đoạn của tiến trình lịch sử xã hội. Đó là các giai đoạn: mông muội, dã man, gia trưởng và văn minh. Chế độ văn minh mà bây giờ gọi là xã hội tư sản đã làm cho mọi tật xấu vốn tồn tại đơn giản trước đây trở nên phức tạp, ám muội, hai mặt và giả dối" [285].

R.Ô-oen (1771 - 1858) quan niệm có ba trở lực lớn ngăn cản cải cách xã hội là: Sở hữu tư nhân, tôn giáo, hình thức hôn nhân hiện có. Ông tổ chức ra những hợp tác xã (tiêu dùng và sản xuất) và tổ chức các thương trường lao động để trao đổi các sản phẩm của lao động bằng một thứ tiền giấy, lao động mà đơn vị giá trị là giờ lao động. [292]

Những khác biệt và cũng là cái đặc sắc của ba nhà không tưởng vĩ đại thế kỷ XIX theo Ph.Ăngghen chung quy đều bắt nguồn từ sự giống nhau giữa họ - đó là họ không tự coi đại biểu cho lợi ích của giai cấp vô sản mà lịch sử đã sản sinh ra trong thời kỳ đó. Giai cấp vô sản chỉ vừa mới tách ra khỏi khối quần chúng tay trắng và chưa có khả năng tự lực cánh sinh, nên nhiều lắm chỉ có thể dựa vào sự giúp đỡ bên ngoài-từ trên xuống. Và tương ứng với một nền

sản xuất tư bản chủ nghĩa chưa thành thực thì chỉ có lý luận chưa thành thực. Biện pháp giải quyết những vấn đề xã hội còn nằm kín trong quan hệ kinh tế chưa phát triển, nên phải được sản sinh ra từ đầu óc con người" [282].

Vì thế các nhà xã hội chủ nghĩa không tương giống những nhà triết học khai sáng là muốn lập tức giải phóng ngay toàn nhân loại, chứ không phải trước hết giải phóng một giai cấp nhất định. Đối với tất cả các nhà xã hội chủ nghĩa không tương "chủ nghĩa xã hội là biểu hiện của chân lý tuyệt đối, của lý tính tuyệt đối và chính nghĩa tuyệt đối, và chỉ cần phát hiện ra nó là có thể chinh phục toàn thế giới bằng lực lượng của bản thân nó; ..." [292].

Ph.Ăngghen phân tích sâu sắc rằng, cái chân lý tuyệt đối đó không phụ thuộc vào thời gian, không gian và sự phát triển của lịch sử nhân loại, cho nên việc phát hiện ra nó lúc nào và ở đâu là một việc thuần túy ngẫu nhiên. Hơn nữa chân lý tuyệt đối lại không giống nhau và còn tùy thuộc vào đầu óc chủ quan, điều kiện sinh hoạt, trình độ trí thức v.v... ở mỗi người sáng lập ra một học phái nào đó. Vì thế sự xung đột giữa các chân lý tuyệt đối chỉ có thể được giải quyết bằng một cách duy nhất là để cho chúng mài mòn lẫn nhau.

Kết cục là không thể có một cái gì khác hơn là một thứ chủ nghĩa xã hội chiết trung, "một mớ hỗn tạp đủ mọi sắc thái" quan niệm khác nhau về xã hội tương lai". "Muốn làm cho chủ nghĩa xã hội thành một khoa học - như Ph.Ăngghen kết luận, "thì phải đặt chủ nghĩa xã hội trên một cơ sở hiện thực".

1.2 - "Triết học mới ở Đức"

Theo Ph.Ăngghen, cùng với và tiếp theo triết học Pháp thế kỷ XVIII, triết học mới ở Đức đã ra đời và đạt tới đỉnh cao nhất của nó với Heghen. Công lao lớn nhất của nó là đã quay trở lại phép biện chứng, coi đó là một hình thức cao nhất của tư duy. Phương pháp biện chứng đã xuất hiện trong triết học Hy Lạp cổ đại, ví dụ A-ri-xtốt. Trong triết học cận đại cũng có những đại biểu xuất sắc của phép biện chứng, như R.đê-cac-tơ (1596 - 1650) và B.Xpi-nô-da (1632 - 1677). Nhưng triết học này do ảnh hưởng của triết học Anh, nhất là sau khi Ph.Bê-con (1561 - 1626) và G.Lôc-cơ (1632 - 1704) đem

phương pháp phân tích theo các hình thái giải phẫu từ khoa học tự nhiên sang triết học, đã dần dần sa vào phương pháp tư duy siêu hình.

Phương pháp tư duy siêu hình theo Ph.Ăngghen có thói quen xem xét sự vật và quá trình tự nhiên, xã hội trong trạng thái cô lập, ở bên ngoài mối liên hệ to lớn chung. Và do đó nó không xem xét chúng trong trạng thái vận động mà trong trạng thái tĩnh; không coi chúng là những sự vật đang biến đổi mà vĩnh viễn không thay đổi; không coi chúng trong trạng thái sống mà trong trạng thái chết [296].

Trong khi đó phương pháp biện chứng xem xét sự vật và quá trình trong mối liên hệ qua lại phổ biến giữa sự phát sinh và sự tiêu vong, giữa sự biến hoá tiến lên và sự biến hoá thụt lùi. Triết học mới ở Đức bắt đầu từ I.Can-tơ (1724 - 1804) và được hoàn thành bằng hệ thống Hê-ghe-n (1770-1831). Công lao lớn nhất của G.W.Hê-ghe-n - như Ph.Ăngghen nhấn mạnh là ở chỗ: "Ông là người đầu tiên đã coi toàn bộ thế giới tự nhiên, lịch sử và tinh thần là một quá trình - nghĩa là không ngừng vận động, biến đổi, biến hoá và phát triển; và đã thử tìm hiểu mối liên hệ nội tại của sự vận động và sự phát triển ấy" [299]. Theo quan điểm ấy, lịch sử loài người không phải là một mớ hỗn độn những biểu tượng ngẫu nhiên và những hành vi bạo lực vô nghĩa. Trái lại, nó hiện ra như một quá trình phát triển của bản thân nhân loại.

Song hệ thống của G.W.Heghen bị hạn chế bởi ba lẽ [300].

- Sự hiểu biết của bản thân ông là có giới hạn tất nhiên của nó.

- Sự hiểu biết và quan niệm của thời đại ông cũng có hạn.

- Lập trường duy tâm chủ nghĩa của ông. Đáng lẽ phải coi những tư tưởng trong đầu óc của mình là những phản ánh ít nhiều trù tượng của những sự vật và quá trình hiện thực, ông lại đảo ngược mà coi những sự vật và sự phát triển của chúng chỉ là những phản ánh của một ý niệm nào đó tồn tại ở

một nơi nào đó ngay trước khi có thế giới. Như vậy là trong học thuyết của ông, tất cả đều bị đảo ngược.

Hệ thống của G.W.Heghen chứa đựng mâu thuẫn nội tại không phương cứu chữa: Một mặt nó thừa nhận lịch sử là một quá trình phát triển - một quá trình mà xét về bản chất thì không thể coi việc nó phát hiện ra cái gọi là chân lý tuyệt đối như thành tựu tinh thần cao nhất của nó được. Nhưng mặt khác, hệ thống Hêghen lại tự coi mình là thành tựu cao nhất của chân lý tuyệt đối ấy; nghĩa là một hệ thống nhận thức vĩnh viễn không thay đổi. Một hệ thống về tự nhiên và lịch sử có tham vọng bao quát tất cả và tự cho là bất biến rõ ràng là mâu thuẫn với những quy luật cơ bản của tư duy biện chứng.

G.W.Hêghen đã giải phóng quan niệm về lịch sử khỏi phương pháp siêu hình, đem lại cho nó phương pháp biện chứng, nhưng quan niệm về lịch sử của ông, về bản chất lại là duy tâm. Tuy nhiên, bằng phương pháp biện chứng của ông có thể thúc đẩy "những bước khổng lồ từ thế hệ này qua thế hệ khác" để hiểu biết có hệ thống về thế giới bên ngoài.

2. Chủ nghĩa xã hội từ không tưởng trở thành khoa học.

2.1. Điều kiện kinh tế-xã hội cho sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học

Đến những năm 40 của thế kỷ XIX, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa phát triển thêm một bước quan trọng. "Cuộc đấu tranh giai cấp giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản đã dần dần chiếm địa vị hàng đầu trong lịch sử các nước phát triển nhất ở Châu Âu, một mặt là tùy theo trình độ phát triển của đại công nghiệp, mặt khác là tùy theo trình độ phát triển của quyền thống trị chính trị mà giai cấp tư sản mới giành được" [302].

Những cuộc đấu tranh của công nhân nổ ra ở nhiều nơi năm 1831, cuộc khởi nghĩa đầu tiên của công nhân nổ ra ở Ly-ông. Từ năm 1838 - 1840, phong trào toàn quốc đầu tiên của công nhân, tức phong trào Hiến chương ở nước Anh, đã đạt đỉnh cao nhất của nó.

Những sự thật lịch sử đó đã vạch ra sai lầm của học thuyết kinh tế tư sản cho rằng: Lợi ích của tư bản và lao động là nhất trí với nhau; cạnh tranh tự do sẽ đem lại sự hoà hợp phổ biến và hạnh phúc phổ biến.

Những sự thật lịch sử ấy theo Ph.Ăngghen đã góp phần đẩy lùi quan niệm duy tâm cũ về lịch sử, không biết có cuộc đấu tranh giai cấp dựa trên lợi ích vật chất và nói chung không biết có cả lợi ích vật chất nữa. Bởi lẽ, nó coi sản xuất và mọi quan hệ kinh tế chỉ là những nhân tố thứ yếu của "Lịch sử văn hoá". Những sự việc và quá trình kinh tế xã hội mới cho phép người ta nhận thức được rằng, toàn bộ lịch sử nhân loại, trừ trạng thái nguyên thủy, đều là lịch sử của đấu tranh giai cấp. Và các giai cấp xã hội đấu tranh với nhau luôn luôn là sản phẩm của những quan hệ sản xuất và quan hệ trao đổi, tóm lại là những sản phẩm của những quan hệ kinh tế của thời đại của các giai cấp ấy" [303]. Vì thế cơ cấu kinh tế của xã hội luôn luôn là cơ sở hiện thực, để giải thích các hiện tượng và quá trình xã hội - chính trị những quan niệm tôn giáo, triết học và các quan niệm khác mỗi thời kỳ lịch sử. Và chỉ có trong điều kiện lịch sử nhất định ấy chủ nghĩa xã hội khoa học mới có thể xuất hiện một cách thực tế và sống động.

2.2. - Quan niệm duy vật về lịch sử và sự phát hiện quy luật giá trị thặng dư của C.Mác là cơ sở lý luận của chủ nghĩa xã hội khoa học.

Chủ nghĩa duy tâm vẫn thống trị từ trước đến giữa thế kỷ XIX được mọi người nhận rõ là một chủ nghĩa hoàn toàn sai lầm. Và do đó tất nhiên phải quy về chủ nghĩa duy vật, song theo Ph.Ăngghen - không phải giản đơn là quay về chủ nghĩa duy vật siêu hình và hoàn toàn máy móc của thế kỷ XVIII. cơ sở của chủ nghĩa duy vật hiện đại là:

- Trái với quan niệm của các nhà triết học Pháp thế kỷ XVIII và Hêghen cho rằng, tự nhiên là một chỉnh thể không thay đổi, vận động trong những vòng tuần hoàn chật hẹp. chủ nghĩa duy vật hiện đại tổng hợp tất cả những thành tựu mới nhất của khoa học tự nhiên, để nói lên rằng giới tự nhiên

cũng có lịch sử của bản thân nó và vận động trong những vòng tuần hoàn có những quy mô vô cùng lớn; chủ nghĩa duy vật hiện đại về bản chất là biện chứng. Nó không cần đến bất cứ một triết học nào đứng trên các khoa học khác. Trong toàn bộ triết học trước kia, chỉ còn lại có học thuyết về tư duy và quy luật của tư duy - tức là lôgic hình thức và phép biện chứng - là còn giữ được ý nghĩa độc lập. Tất cả các khoa học khác đều quy thành khoa học thực chứng về tự nhiên và lịch sử, để nhận rõ vị trí của mình trong mối liên hệ chung của sự hiểu biết về những sự vật ấy.

- Cuộc đấu tranh giai cấp giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản đã dần dần chiếm địa vị hàng đầu trong lịch sử các nước phát triển nhất Châu Âu. Các giai cấp xã hội đấu tranh với nhau luôn luôn là sản phẩm của những quan hệ kinh tế; và do đó cơ cấu kinh tế của xã hội luôn luôn là cơ sở hiện thực mà người ta phải dựa vào để giải thích chế độ pháp quyền và chế độ chính trị cũng như các quan niệm tôn giáo, triết học v.v....

Từ những tài liệu thu được trong nghiên cứu khoa học và từ những sự kiện lịch sử, nhất là các cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân từ những năm 40 thế kỷ XIX, Ph.Ăngghen nhận thấy rằng: Chủ nghĩa duy vật hiện đại thấy lịch sử là quá trình phát triển của loài người và nhiệm vụ của nó là phát hiện ra những quy luật vận động của quá trình ấy và "người ta đã tìm thấy phương pháp lấy sự tồn tại của con người để giải thích ý thức của con người, chứ không phải lấy ý thức của con người để giải thích sự tồn tại của con người như từ trước đến nay [302].

Tiến thêm một bước nữa, C.Mác đã vận dụng những quan điểm duy vật về lịch sử để nghiên cứu phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và xã hội tư bản chủ nghĩa. Sự phát hiện ra giá trị thặng dư đã chứng minh rằng, sự chiếm hữu lao động không được trả công là hình thức cơ bản phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và của sự bóc lột công nhân do phương thức sản xuất ấy sản sinh ra. Mặc dù nhà tư bản có bỏ tiền mua sức lao động của công nhân

theo toàn bộ giá trị của nó với tư cách là hàng hoá trên thị trường, thì nhà tư bản vẫn bóp nặn sức lao động ấy được nhiều giá trị hơn số tiền bỏ ra để mua nó. Rốt cuộc, giá trị thặng dư ấy hợp thành tổng số những giá trị để ra cái khối tư bản ngày càng lớn lên và tích lũy lại trong tay giai cấp có của [304, 305] .

Như vậy, bản chất của chủ nghĩa tư bản đã được vạch trần. Từ đó, chủ nghĩa Mác có thể đi đến những kết luận vững chắc rằng: Mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản là mâu thuẫn đối kháng về phương diện kinh tế và chính trị. Và giai cấp vô sản sẽ là giai cấp thủ tiêu chủ nghĩa tư bản, xây dựng một xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. Từ đó Ph.Ăngghen kết luận: Hai phát hiện vĩ đại ấy - quan niệm duy vật về lịch sử và việc dùng giá trị thặng dư để bóc trần bí mật của chủ nghĩa tư bản. Nhờ hai phát hiện ấy, chủ nghĩa xã hội đã trở thành khoa học, một khoa học mà ngày nay, vấn đề trước hết là phải nghiên cứu thêm, trong mọi chi tiết và mọi mối quan hệ của nó. [305]

3 - Nhiệm vụ của chủ nghĩa xã hội khoa học

Chủ nghĩa xã hội khoa học có nhiệm vụ:

3.1 - Thuyết minh rõ tính tất yếu khách quan của quá trình phát sinh, phát triển, diệt vong và tính chất bên trong còn chưa phát hiện được của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa

Chủ nghĩa xã hội trước kia tuy có phê phán phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa hiện có cùng những kết quả của nó song không thể giải thích được nó, và vì thế cũng không đánh đổ được nó, mà chỉ có thể tuyên bố một cách đơn giản rằng phương thức ấy là vô dụng. Chủ nghĩa xã hội trước kia rất phần nộ đối với sự bóc lột đối với giai cấp công nhân nhưng nó không thể vạch rõ nguyên nhân của sự bóc lột ấy.

Do đó theo Ph.Ăngghen, nhiệm vụ của chủ nghĩa xã hội khoa học một mặt phải giải thích tính tất yếu của sự ra đời phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa trong mối liên hệ lịch sử của nó và tính tất yếu của nó đối với mỗi thời kỳ lịch sử nhất định cũng như tính tất yếu tiêu vong của nó; mặt khác phải vạch trần tính chất bên trong còn chưa phát hiện được của phương thức sản xuất ấy. [304]

Trong tác phẩm Ph.Ăngghen đã phác hoạ lại rằng, trong xã hội trung cổ, nền sản xuất nhỏ cá thể dựa trên quyền sở hữu của người lao động về tư liệu sản xuất. Sự phân công lao động hình thành tự phát. Sản xuất là do tiêu dùng trực tiếp của chính người sản xuất, hoặc của bọn lãnh chúa phong kiến của họ. Sản xuất hàng hoá chỉ mới đang ở quá trình phát sinh, nhưng lúc ấy nó đã chứa đựng mầm mống của tình trạng vô chính phủ trong nền sản xuất xã hội.

Cách mạng về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa diễn ra trên cơ sở tập trung và mở rộng những tư liệu sản xuất phân tán và nhỏ bé vào trong các xưởng thợ lớn; đồng thời biến chúng từ chỗ là những tư liệu sản xuất của cá nhân thành những tư liệu sản xuất xã hội, mà chỉ một số đông người cùng làm mới sử dụng được. Đó chính là vai trò lịch sử của sản xuất. Từ thế kỷ XV, giai cấp tư sản đã hoàn thành sự nghiệp ấy qua ba giai đoạn khác nhau của sản xuất: hiệp tác giản đơn, công trường thủ công và đại công nghiệp. Điều đó đã được C.Mác trình bày rất tỷ mỉ trong phần thứ tư của bộ tư bản.

Song theo Ph.Ăngghen, hình thức chiếm hữu cũ vẫn còn phát huy tác dụng. Nhà tư bản xuất hiện: với tư cách là kẻ sở hữu tư liệu sản xuất, hắn chiếm lấy sản phẩm và biến những sản phẩm ấy thành hàng hoá. Trong thời kỳ trung cổ, trong nền sản xuất cá thể, tư liệu sản xuất thuộc về người sản xuất thì sản phẩm tự nhiên trước hết thuộc về người sản xuất, vì sản phẩm là do lao động của bản thân họ làm ra. Nhưng đến khi phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã hình thành, khi tư liệu sản xuất, quá trình sản xuất và sản phẩm đã mang tính xã hội mà tư liệu sản xuất và sản phẩm vẫn còn tiếp tục bị coi là

của cá nhân dẫn rằng nó đã do lao động của người khác làm ra - thì đó là một mâu thuẫn cơ bản trong sản xuất.

Mâu thuẫn ấy thể hiện ở chỗ: tư liệu sản xuất và sản xuất về thực chất đã biến thành tính chất xã hội, nhưng chúng vẫn phải lệ thuộc vào một hình thức chiếm hữu. Bởi lẽ, trao đổi và cùng với trao đổi là sự chiếm hữu, vẫn là những hành vi cá nhân, hành vi của những người riêng biệt mà kết cục là sản phẩm của lao động xã hội bị nhà tư bản cá thể chiếm hữu. Như vậy là phương thức sản xuất phải lệ thuộc vào hình thức chiếm hữu ấy, tuy nó đã phá huỷ tiền đề của hình thức chiếm hữu ấy [311]. Đó là mâu thuẫn cơ bản, từ đó làm nảy sinh tất cả những mâu thuẫn trong lòng xã hội tư bản. Đó là: [331 - 332]

a) Tách người sản xuất khỏi tư liệu sản xuất. Giam hãm người lao động vào trong chế độ lao động làm thuê suốt đời. Từ đó gây nên sự đối lập giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản.

b) Cạnh tranh hết sức quyết liệt; và diễn ra mâu thuẫn giữa sự tổ chức có tính chất xã hội trong mỗi công xưởng và tình trạng vô chính phủ có tính xã hội trong toàn bộ nền sản xuất.

c) Một mặt - sự cải tiến máy móc như một quy luật bắt buộc đối với mọi chủ xưởng ngày càng không ngừng loại bỏ công nhân khỏi công xưởng; và làm phát sinh đạo quân công nghiệp dự trữ. Mặt khác - sự mở rộng sản xuất vô hạn cũng là một quy luật bắt buộc đối với mọi chủ xưởng. Cả hai mặt của sự phát triển chưa từng thấy ở lực lượng sản xuất đã làm cung vượt cầu, sản xuất thừa, thị trường ứ đọng, những khủng hoảng cứ 10 năm lại xảy ra và diễn ra một vòng luẩn quẩn: ở đây thì thừa tư liệu sản xuất và sản phẩm, ở kia thừa công nhân không có việc làm và không có tư liệu sinh hoạt. Hai đòn bẩy của phương thức sản xuất và của phúc lợi xã hội không thể kết hợp với nhau được. Mâu thuẫn ấy phát triển tới chỗ phi lý: phương thức sản xuất nổi loạn chống lại hình thức trao đổi. Giai cấp tư sản tỏ ra bất lực trong việc tiếp tục quản lý những lực lượng sản xuất xã hội của nó.

d) Sự thừa nhận một phần nào tính chất xã hội của những lực lượng sản xuất là điều bắt buộc đối với chính ngay những nhà tư bản. Việc các công ty cổ phần rồi đến các tư rôt, và sau cùng đến nhà nước chiếm hữu các cơ cấu lớn về sản xuất và giao thông. Giai cấp tư sản tỏ ra là một giai cấp thừa; mọi chức năng xã hội của nó hiện nay đều do người làm thuê đảm nhiệm.

Sự phát sinh, phát triển và diệt vong của chủ nghĩa tư bản như vậy là do mâu thuẫn khách quan không thể điều hoà được bên trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Và nhiệm vụ của chủ nghĩa xã hội hiện đại, như Ph.Ăngghen viết: "Không phải là một cái gì khác mà chỉ là sự phản ánh, sự xung đột có thật ấy vào trong tư tưởng; là sự phản ánh của sự xung đột ấy, dưới hình thức tư tưởng, trước hết vào đầu óc của giai cấp trực tiếp chịu đau khổ và sự xung đột ấy, tức là giai cấp công nhân" [308].

3.2 - Thuyết minh rõ tính tất yếu và nội dung bản chất của cách mạng vô sản.

Ph.Ăngghen viết: "Ngày nay chủ nghĩa xã hội không còn bị xem là một sự phát hiện ngẫu nhiên của một khối óc thiên tài nào đó mà là một kết quả tất nhiên của cuộc đấu tranh giữa hai giai cấp phát sinh trong quá trình lịch sử - giai cấp vô sản và giai cấp tư sản" [303, 304]. Do đó Ph.Ăngghen nhấn mạnh: "Nhiệm vụ của chủ nghĩa xã hội không còn là ở chỗ phải nặn ra một chế độ xã hội hết sức hoàn thiện, mà là ở chỗ nghiên cứu các quá trình kinh tế - lịch sử đã sản sinh ra các giai cấp nói trên và sự đấu tranh giữa các giai cấp ấy, cũng như tìm ra các thủ đoạn giải quyết các cuộc xung đột đó. [304]

Trong tác phẩm Ph.Ăngghen phân tích rằng phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa ngày càng biến đại đa số dân cư thành vô sản, do đó tạo ra một lực lượng bị buộc phải hoàn thành cuộc cách mạng ấy nếu không thì tiêu vong. Phương thức sản xuất này ngày càng đẩy tới chỗ biến những tư liệu sản xuất lớn đã xã hội hoá thành sở hữu nhà nước, tức là tự nó vạch ra con đường để hoàn thành cuộc cách mạng ấy. Giai cấp vô sản chiếm lấy chính quyền nhà

nước và biến tư liệu sản xuất trước hết thành sở hữu nhà nước, tức sở hữu của toàn xã hội. Và chính do đó mà giai cấp vô sản cũng tự xoá bỏ tính cách vô sản của nó. Bởi lẽ, bằng hành động ấy, giai cấp vô sản làm cho những tư liệu sản xuất thoát khỏi tính chất là tư bản như chúng vốn có trước kia, làm cho tính chất xã hội của tư liệu sản xuất được hoàn toàn tự do phát triển. Như vậy, có khả năng thực hiện nền sản xuất xã hội theo một kế hoạch định trước. Sự phát triển nền sản xuất xã hội làm cho sự tồn tại của các giai cấp khác nhau kể cả giai cấp vô sản không còn thích hợp nữa. Tình trạng vô chính phủ trong nền sản xuất xã hội càng biến mất đi bao nhiêu thì uy quyền chính trị của nó càng biến mất đi bấy nhiêu. Con người, cuối cùng làm chủ tồn tại xã hội của chính mình, và cũng do đó làm chủ tự nhiên, làm chủ cả bản thân mình, trở thành người tự do.

Cuối cùng Ph.Ăngghen kết luận: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản hiện đại là làm tròn sự nghiệp giải phóng thế giới. Và chủ nghĩa xã hội khoa học với tư cách là biểu hiện lý luận của phong trào vô sản có nhiệm vụ: nghiên cứu những điều kiện lịch sử và thực chất của những biến đổi kinh tế - lịch sử đó, để làm cho giai cấp bị áp bức hiện đang có sứ mệnh hoàn thành sự nghiệp ấy hiểu rõ được tiền đề và bản chất sự nghiệp của chính họ [333].

III. ý nghĩa của tác phẩm

Với tác phẩm "Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội không tưởng đến khoa học" Ph.Ăngghen đã trình bày tương đối hoàn chỉnh điều kiện ra đời, quá trình phát triển, giá trị lịch sử của chủ nghĩa xã hội không tưởng, đặc biệt là chủ nghĩa xã hội không tưởng phê phán của Pháp đầu thế kỷ XIX và thành tựu cũng như hạn chế của triết học mới ở Đức, mà cụ thể là triết học Hêghen. Từ đó Ph.Ăngghen phân tích điều kiện kinh tế - xã hội cho sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học và những cơ sở nhận thức lý luận bảo đảm cho chủ nghĩa xã hội phát triển từ không tưởng đến khoa học.

Ph.Ăngghen cũng vạch rõ tính tất yếu khách quan của quá trình phát sinh, phát triển, diệt vong của chủ nghĩa tư bản cũng như tính tất yếu và nội dung của cách mạng vô sản. Trên cơ sở đó ông chỉ rõ chủ nghĩa xã hội không phải là một sản phẩm ngẫu nhiên của một bộ óc thiên tài nào; trái lại nó là sự phản ánh về phương diện lý luận của phong trào vô sản. Nó có nhiệm vụ thuyết minh rõ quá trình phát sinh, phát triển và diệt vong của chủ nghĩa tư bản; và làm cho giai cấp vô sản hiểu rõ điều kiện kinh tế - lịch sử cũng như nội dung và bản chất cuộc cách mạng của họ, do họ và vì họ cũng như vì toàn thể nhân loại - đó chính là cách mạng vô sản.

Tác phẩm được Ph.Ăngghen viết sau thất bại của "Công xã Pa ri" (1871) với sự "bung ra" rất nhiều thứ quan niệm tiểu tư sản phản động và cơ hội chủ nghĩa về chủ nghĩa xã hội trong nhiều nước Châu Âu nói chung và ở Đức nói riêng. Với tác phẩm này Ph.Ăngghen đã làm sáng tỏ lập trường kiên định, mục đích và đường lối cách mạng của giai cấp công nhân quốc tế - người có sứ mệnh thủ tiêu chủ nghĩa tư bản, nhằm xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trên toàn thế giới. Vì thế, theo C.Mác "có thể gọi là một cuốn sách nhập môn về chủ nghĩa xã hội khoa học".

Ngày nay, trong bối cảnh chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Đông Âu và Liên xô cũ không còn tồn tại; từ đó xuất hiện nhiều thứ quan niệm cơ hội chủ nghĩa và phản động thì việc nghiên cứu tác phẩm này sẽ giúp chúng ta có cơ sở nhận thức, để phân biệt sự khác nhau căn bản giữa chủ nghĩa xã hội khoa học với các thứ chủ nghĩa xã hội phi mác xít - leninít.

Công cuộc đổi mới ở nước ta dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam như các văn kiện Đại hội VI, VII và VIII của Đảng khẳng định luôn luôn kiên trì chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, kết hợp với sự linh hoạt, sáng tạo trong sách lược, nhạy cảm nắm bắt cái mới để trong bất kỳ hoàn cảnh nào cũng không thay đổi mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, mà quan niệm đúng hơn về chủ nghĩa xã hội và thực hiện mục tiêu ấy bằng những hình

thức, bước đi và biện pháp phù hợp [Văn kiện Đại hội... lần thứ VIII, Nxb CTQG HCM, H. 1996, tr. 70].

Trong tinh thần này Hội nghị TW6, khoá VI (1989) đã nêu 6 nguyên tắc cơ bản để giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trên lập trường của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin. Quán triệt tư tưởng của Ph.Ăngghen cho rằng muốn làm cho chủ nghĩa xã hội thành một khoa học thì phải đặt nó trên một cơ sở hiện thực, Hội nghị Đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII của Đảng coi việc một bộ phận dân cư giàu trước là cần thiết cho sự phát triển..." trong điều kiện kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa [Đảng cộng sản Việt Nam nghị quyết hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng (khoá VII). Báo nhân dân, ngày 21/1/1994].

Trong tinh thần này có thể nói rằng, tác phẩm "Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ không tưởng đến khoa học" của Ph.Ăngghen đã và vẫn sẽ là "Sách gối đầu giường" (C.Mác), trong sự nghiệp đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

"NGUỒN GỐC CỦA GIA ĐÌNH, CỦA CHẾ ĐỘ TƯ HỮU VÀ CỦA NHÀ NƯỚC"

PH. ĂNG GHEN

(C.Mác và Ph.Ăng ghen: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, H,1995, tập 21).

I/ HOÀN CẢNH RA ĐỜI VÀ TƯ TƯỞNG CƠ BẢN CỦA TÁC PHẨM

- Giữa thế kỷ 19 khoa học chưa có đủ những điều kiện để giải thích được giai đoạn tiền sử của thời đại văn minh. Đến những năm 70 của thế kỷ 19, nhà bác học Mỹ - nhà nhân chủng học, nhà khảo cổ học và là nhà sử học nghiên cứu xã hội nguyên thủy, là đại biểu của phái chủ nghĩa duy vật tự phát - Luy xơ Hen ri Moóc gan chuyên nghiên cứu sự phát triển của xã hội đã viết tác phẩm "Xã hội thời cổ hay các cuộc khảo cứu những con đường tiến bộ của loài người từ thời đại mông muội qua thời đại dã man đến thời đại văn minh". Tác phẩm này làm sáng tỏ nhiều vấn đề về lịch sử trước khi loài người bước vào thời đại văn minh - chế độ chiếm hữu nô lệ.

- Năm 1884, sau khi C.Mác mất một năm, Ph.Ăng ghen tìm thấy bản thảo viết tay của C.Mác: "Tóm tắt tác phẩm của L.Moóc gan". C.Mác có dự định viết một tác phẩm giải thích giai đoạn dã man này nhưng chưa kịp viết. Vì thế Ph.Ăng ghen đã quyết định sử dụng các nhận xét và phê phán của C.Mác về tác phẩm của L.Moóc gan để chứng minh sự đúng đắn của C.Mác trong những quan niệm duy vật về lịch sử.

Cuối tháng 3 năm 1884 Ph.Ăng ghen bắt tay vào viết và cuối tháng 5 năm 1884 tác phẩm "Nguồn gốc của Gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước" ra đời. Tác phẩm được in ở Xuy rích (Đức) vào đầu tháng 10 năm 1884.

"Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước" là một trong những tác phẩm chủ yếu của chủ nghĩa Mác. Tư tưởng cơ bản của tác phẩm là: Qua các công trình nghiên cứu thực tế của L.Moóc gan cũng như của các nhà khoa học đương thời, Ph.Ăng ghen đã phân tích một cách khoa học lịch sử loài

người ở những giai đoạn phát triển sớm nhất của nó, làm sáng tỏ cơ sở kinh tế của quá trình tan rã chế độ công xã nguyên thủy và hình thành xã hội có giai cấp dựa trên chế độ tư hữu, vạch ra những đặc điểm chung của xã hội đó. Ph.Ăng ghen giải thích đặc điểm của sự phát triển những quan hệ gia đình ở các hình thái kinh tế - xã hội khác nhau, vạch rõ nguồn gốc và bản chất của nhà nước. Ông chỉ ra qui luật tất yếu của sự phát triển sản xuất, của sự phát triển kinh tế là sẽ tiến tới một xã hội cộng sản văn minh trong đó chế độ tư hữu, giai cấp và nhà nước không còn tồn tại.

II/ NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA TÁC PHẨM:

1- Những quan điểm lý luận về gia đình, hôn nhân và tình yêu nam nữ.

Thông qua nghiên cứu lịch sử phát triển của gia đình, Ph.Ăng ghen làm rõ vị trí của gia đình, mối quan hệ biện chứng giữa gia đình và xã hội.

Ph.Ăng ghen tán thành quan điểm của L.Moóc gan cho rằng gia đình là một yếu tố năng động, không bao giờ đứng nguyên một chỗ mà chuyển từ hình thức thấp lên một hình thức cao cùng với sự phát triển của xã hội. Những điều kiện kinh tế xã hội trong từng thời kỳ lịch sử nhất định có tác dụng quyết định đến hình thức tổ chức và kết cấu của gia đình. "Chế độ gia đình hoàn toàn bị quan hệ sở hữu chi phối"[44]. Ngược lại gia đình và trình độ phát triển của gia đình cũng có tác động rất quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội, ảnh hưởng trực tiếp đến việc tái tạo ra bản thân con người, truyền chủng để bảo vệ nòi giống cũng như tái tạo ra sức lao động cho sản xuất xã hội.

Trong lời tựa cho lần xuất bản thứ nhất năm 1884 Ph.Ăng ghen viết rằng "Theo quan điểm duy vật, nhân tố quyết định trong lịch sử, qui đến cùng, là sản xuất và tái sản xuất ra đời sống trực tiếp. Nhưng bản thân sự sản xuất đó lại có hai loại: *Một mặt* là sản xuất ra tư liệu sinh hoạt: Thực phẩm, quần áo, nhà ở... và *mặt khác* là sản xuất ra bản thân con người, là sự truyền nòi giống. Những trật tự xã hội, trong đó những con người của một thời đại lịch sử nhất định và của một nước nhất định đang sống, là do hai loại sản xuất quyết định: *Một mặt* là do trình độ phát triển của lao động và *mặt khác* là do trình độ phát triển của gia đình"[44]. Với chức năng tái tạo ra con người, gia đình đã tham gia vào cả hai loại sản xuất

của xã hội góp phần quyết định sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người nói chung cũng như ảnh hưởng rất quan trọng đến sự tồn tại và phát triển của một chế độ xã hội nhất định.

Ph.Ăng ghen vạch rõ nguồn gốc phát triển của các hình thức gia đình trong lịch sử là do sự tác động của qui luật đào thải tự nhiên và do sự phát triển của những điều kiện kinh tế - xã hội, sự phát triển của tâm lí đạo đức, tình cảm của con người. Do đó, gia đình đã chuyển từ gia đình cùng dòng máu (huyết tộc) sang gia đình Pu xa lu an (bạn thân), gia đình cặp đôi (đối ngẫu) và gia đình một vợ một chồng.

Gia đình một vợ một chồng được hình thành chủ yếu do sự phát triển của lực lượng sản xuất làm nảy sinh chế độ tư hữu và sự phân chia giai cấp trong xã hội. Gia đình một vợ một chồng trong chế độ tư hữu trở thành những đơn vị kinh tế của xã hội. Ph.Ăng ghen viết: "Việc chuyển sang chế độ tư hữu hoàn toàn được thực hiện dần dần và song song với việc chuyển từ hôn nhân cặp đôi sang chế độ một vợ một chồng. Gia đình cá thể bắt đầu trở thành đơn vị kinh tế của xã hội"[43].

Ph.Ăng ghen vạch rõ chế độ một vợ một chồng là hình thức gia đình đầu tiên không dựa trên những điều kiện tự nhiên mà dựa trên những điều kiện kinh tế - tức là trên thắng lợi của sở hữu tư nhân đối với sở hữu cộng đồng nguyên thủy và tự phát. Do vậy mục đích của gia đình một vợ một chồng trong chế độ tư hữu được "... dựa trên quyền thống trị của người chồng nhằm chủ đích là làm cho con cái sinh ra phải có cha để rõ ràng không ai tranh cãi được, và sự rõ ràng về dòng dõi đó là cần thiết, vì những đứa con đó sau này sẽ được thừa hưởng tài sản của cha với tư cách là những người kế thừa trực tiếp"[99].

Sự thống trị của người chồng trong gia đình, sự sinh đẻ ra những đứa con chỉ có thể là con của người chồng là phải được quyền thừa hưởng tài sản của người ấy, đó là những mục đích đặc biệt của chế độ một vợ một chồng kiểu gia đình phụ quyền. Cũng từ mục đích hôn nhân cá thể xuất hiện không phải là sự hoà giải giữa đàn ông và đàn bà mà gia đình dưới chế độ tư hữu xây dựng trên

quan hệ bất bình đẳng giữa vợ và chồng, giữa nam và nữ "Nó thể hiện ra là một sự nô dịch của giới này đối với giới kia... sự nô dịch của đàn ông đối với đàn bà"[104]. "Sự thống trị không hạn chế của đàn ông đối với đàn bà, ... đó là luật cơ bản của xã hội"[106].

Ngay ở trong người đàn ông cũng nắm lấy nguồn cai quản, còn người đàn bà nô dịch, bị biến thành nô lệ cho sự dâm dăng của đàn ông, thành công cụ sinh đẻ đơn thuần. Cùng với hình thức gia đình một vợ một chồng, trong chế độ tư hữu vẫn còn chế độ nhiều vợ đối với người đàn ông (quan hệ tính giao ngoài quan hệ vợ chồng, ở bên rìa chế độ hôn nhân cá thể) mà "hình thức cực đoan của nó là mãi dâm"[107]. Nó duy trì sự tự do tính giao cũ có lợi cho đàn ông. Và vì thế xuất hiện người tình thường xuyên của vợ và người chồng bị cấm sùng. Ph.Ăng ghen đã viết: "Bên cạnh hôn nhân cá thể và chế độ hệ ta-ia, tệ ngoại tình đã trở thành một thiết chế xã hội không thể nào xoá bỏ được"[95]. "Quyền ngoại tình của người chồng vẫn được đảm bảo cho đến tận ngày nay"[99].

Ph.Ăng ghen chỉ rõ những mâu thuẫn tồn tại trong gia đình dưới chế độ tư hữu, đó là hình thức thu nhỏ của những mặt đối lập những mâu thuẫn tồn tại trong xã hội có phân chia giai cấp. Sở dĩ có những mâu thuẫn tồn tại trong gia đình bởi địa vị người đàn bà là "... buộc phải phục tùng quyền lực tuyệt đối của người chồng; nếu chồng có giết vợ chẳng nữa thì cũng chỉ là thực hiện quyền của mình mà thôi"[95]. Người phụ nữ, người đàn bà trong gia đình dưới chế độ tư hữu xét cho cùng chỉ là mẹ của những đứa con kế thừa chính thức tài sản dòng dõi của chồng, là người quản gia chính của nhà chồng và là người cai quản các tài thiếp của chồng. Vì vậy chế độ một vợ một chồng có tính chất khá đặc biệt "Một vợ một chồng chỉ riêng đối với người đàn bà, chứ không phải đối với đàn ông"[101]. Nếu người vợ có muốn vượt ra ngoài khuôn khổ ấy thì lập tức họ sẽ bị lên án và sẽ bị trừng phạt nghiêm khắc hơn ở bất kì thời đại nào trước kia. Họ chỉ là một vật để lo việc gia đình, đẻ con và họ chỉ là một dây tở chính. Gia đình cá thể "... biểu lộ rõ ràng mối mâu thuẫn giữa người đàn ông với người đàn bà, kết quả của sự thống trị độc nhất của người chồng là một hình ảnh thu nhỏ của cũng những mặt đối lập và mâu thuẫn trong đó, từ đầu thời đại văn minh, xã hội chia thành giai cấp vận động, nhưng không thể nào giải quyết và khắc phục được

những mâu thuẫn và những sự đối lập ấy"[107]. Nền văn minh tư sản cũng không thể nào giải quyết và khắc phục được những mâu thuẫn và những sự đối lập trong gia đình, bởi lẽ "sự đối lập giai cấp đầu tiên xuất hiện trong lịch sử là trùng với sự phát triển của sự đối kháng giữa chồng và vợ trong hôn nhân cá thể, và sự áp bức giai cấp đầu tiên là trùng với sự nô dịch của đàn ông đối với đàn bà"[104].

Đề cập đến hôn nhân trong gia đình tư sản, Ph.Ăng ghen đã chỉ ra rằng trong tất cả các giai cấp chủ động trong lịch sử (không loại trừ giai cấp tư sản) - các giai cấp thống trị - việc quyết định một cuộc hôn nhân là một việc có tính toán lợi hại, do cha mẹ thu xếp. Kể cả trong môi trường đạo Thiên chúa hay đạo Tin lành thì hôn nhân trong chế độ tư sản "... đều dựa trên địa vị giai cấp của đôi bên, vì vậy, hôn nhân luôn luôn là hôn nhân có tính toán... Hôn nhân có tính toán đó thường thường biến thành sự mãi dâm ti tiện nhất - có khi là của cả đôi bên, nhưng thông thường nhất là về phía người vợ. Nếu ở đây, người đàn bà có khác với gái đi thường thì chỉ là vì người đó không bán thể xác mình từng thời gian một như người nữ công nhân làm thuê bán sức lao động của mình, mà là bán mãi mãi, như một nữ nô lệ"[112]. Ngay trong Đạo Thiên chúa, cha mẹ vẫn tìm vợ cho con, lựa chọn người vợ xứng đáng và vì thế đã dẫn đến kết quả "làm cho mâu thuẫn chứa đựng trong chế độ một vợ một chồng phát triển đầy đủ nhất: chế độ hệ ta-ia về phía người chồng là chế độ hệ ta-ia bừa bãi, về phía vợ, là ngoại tình lu bù"[111]. Hoặc như trong Đạo Tin lành, việc người con trai ít nhiều được lựa chọn vợ trong cùng giai cấp thì chế độ hệ ta-ia của người chồng được thực hành ít kiên quyết hơn, và tệ ngoại tình của vợ cũng ít thành lệ hơn. Song "cũng chỉ mang lại cho cuộc sống chung một nỗi buồn nặng trĩu mà người ta gọi là hạnh phúc gia đình"[112]. Theo quan niệm của giai cấp tư sản, hôn nhân là một hợp đồng, một công việc có tính pháp lý.

Không chỉ lên án xã hội tư sản và những thói nát của gia đình do chế độ tư bản chủ nghĩa sinh ra. Ph.Ăng ghen nêu ra những quan điểm về tình yêu, hôn nhân và gia đình trong xã hội tương lai: "... lần đầu tiên... chúng ta có được tình yêu cá thể hiện đại giữa trai và gái trước kia chưa hề thấy trên thế giới"[120]. Tình yêu ấy là sự tự nguyện của cả người đàn ông và người đàn bà. Đó chính là điều kiện cho sự bình đẳng nam nữ trong mối quan hệ xã hội này. "Về mặt này,

người đàn bà là người ngang hàng với người đàn ông"[109]. Tình yêu nam nữ ấy phải được thử thách qua thời gian và nó tạo ra sức mạnh vượt qua những khó khăn cản trở trên con đường đi tới hôn nhân. Và một khi không tiến hành được hôn nhân thì đó "là một điều đau khổ lớn"[124].

Với bản chất không chia xẻ, tình yêu là cơ sở cho hôn nhân một vợ, một chồng. Và cũng chỉ có hôn nhân như vậy thì tình yêu mới được duy trì và tình yêu như thế, hôn nhân như thế mới là hợp đạo đức. Trong xã hội tương lai ấy thế hệ mới sẽ lớn lên, họ được tự do yêu đương chính đáng, tự lựa chọn bạn đời: "Một thế hệ đàn ông không bao giờ phải dùng tiền hoặc dùng những phương tiện quyền lực xã hội khác để mua sự hiến thân của người đàn bà, và một thế hệ đàn bà không bao giờ phải hiến mình cho đàn ông vì một lý do nào khác ngoài tình yêu chân chính, hoặc phải từ chối không dám hiến mình cho người yêu vì sợ những hậu quả kinh tế của sự hiến thân đó"[120]. Thế hệ mới ấy sẽ vứt bỏ tất cả những điều mà theo quan niệm của xã hội cũ buộc họ phải làm bởi họ tự biết cần phải làm thế nào để chọn lựa người bạn đời để tạo ra một gia đình một vợ một chồng đúng với nghĩa ngũ nguyên của nó. Như thế rõ ràng là kết hôn vì tình yêu là quyền của con người, hơn nữa không những là quyền của đàn ông mà còn là quyền của đàn bà - sự bình đẳng trong hôn nhân giữa nam và nữ.

Trong quá trình phân tích bản chất tình yêu và gia đình một vợ một chồng xây dựng trên cơ sở tình yêu chân chính, Ph.Ăng ghen cũng có quan điểm tán thành giải quyết ly hôn khi hạnh phúc gia đình thật sự không còn nữa. Ông coi đó là điều cần thiết cho cả người đàn ông, người đàn bà và cho cả xã hội, là biểu hiện của đạo đức và là một qui tắc trong quan hệ vợ chồng mới: "nếu tình yêu đã hoàn toàn phai nhạt hoặc bị một tình yêu say đắm mới át đi, thì li hôn sẽ là điều hay cho cả đôi bên cũng như cho xã hội. Chỉ cần tránh cho người ta khỏi sa chân vô ích vào vũng bùn kiện tụng để li hôn mà thôi"[128].

Để xây dựng một chế độ hôn nhân gia đình trong xã hội mới. Ph. Ăng ghen chỉ ra những điều kiện kinh tế xã hội cần thiết tất yếu làm cơ sở cho chế độ một vợ một chồng được thực hiện trọn vẹn. Ông viết: "Hiện nay chúng ta đang tiến tới một cuộc cách mạng xã hội, trong đó các cơ sở kinh tế từ trước tới nay của chế độ một vợ một chồng cũng như cơ sở của điều bổ sung cho nó là nạn mai

dâm, đều nhất định sẽ bị tiêu diệt:... các tư liệu sản xuất mà được chuyển thành tài sản xã hội thì chế độ lao động làm thuê, giai cấp vô sản cũng sẽ biến mất, và đồng thời cũng sẽ không còn tình trạng một số phụ nữ... cần thiết phải bán mình vì đồng tiền nữa. Tệ mại dâm sẽ mất đi, và chế độ một vợ một chồng không những không suy tàn, mà cuối cùng lại còn trở thành một hiện thực - ngay cả đối với đàn ông nữa"[118].

Ph.Ăng ghen phân tích rằng cùng với việc xoá bỏ chế độ tư hữu, thực hiện công hữu hoá các tư liệu sản xuất và sự phát triển của nền đại công nghiệp sẽ tạo điều kiện giải phóng người phụ nữ, xây dựng quan hệ gia đình bình đẳng hoà thuận. Ông viết... đại công nghiệp đã giạt được người đàn bà ra khỏi nhà, đem họ ra thị trường lao động, vào công xưởng, và thường biến họ thành người nuôi dưỡng của gia đình, thì trong gia đình người vô sản, những tàn tích cuối cùng của quyền thống trị của người đàn ông đã mất mọi cơ sở..."[113]. Thật vậy, chỉ có nền công nghiệp hiện đại, là nền công nghiệp không những thu nhận lao động của phụ nữ trên qui mô lớn mà còn trực tiếp đòi hỏi phải có lao động phụ nữ và ngày càng có xu hướng biến lao động tư nhân của gia đình thành lao động ngành công nghiệp công cộng. "Cái sẽ biến mất đi một cách rất chắc chắn trong chế độ một vợ một chồng chính là tất cả những đặc trưng mà những quan hệ tài sản để ra nó, đã in lên nó. Những đặc trưng đó: thứ nhất là sự thống trị của người đàn ông, và thứ hai là tính ràng buộc vĩnh viễn của hôn nhân"[127]. Khi gia đình một vợ một chồng phát triển hơn nữa sẽ là một bước tiến đến gần sự hoàn toàn bình đẳng về quyền lợi giữa nam và nữ, giống như điều Moóc gan đã viết: "Gia đình một vợ một chồng đã được cải tiến ngay từ khi bắt đầu thời đại văn minh và được cải tiến rất rõ rệt trong thời hiện đại... hình thức đó còn có thể được hoàn thiện thêm nữa, cho tới khi đạt đến sự bình đẳng giữa nam và nữ"[129]. Quan điểm tiến bộ này của Moóc gan đã được Ph.Ăng ghen tiếp nhận để phát triển quan điểm tình yêu, hôn nhân và gia đình.

2- Nguồn gốc ra đời và tiêu vong của chế độ tư hữu và giai cấp.

Trong "Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước" Ph.Ăng ghen đã chỉ ra nguyên nhân cơ bản của quá trình hình thành, phát triển

của chế độ tư hữu và giai cấp là do sự phát triển của sản xuất và sự phân công lao động xã hội: "Việc thuần dưỡng súc vật và việc chăn nuôi các bầy gia súc đã tạo ra những nguồn của cải chưa từng thấy và đã tạo ra những quan hệ xã hội hoàn toàn mới"[88]. Để chăn nuôi và phát triển đàn gia súc, người ta cần nhiều người hơn, chính những tù binh bắt được sau các cuộc chiến đã là những món "của cải" có ích. "Những của cải ấy, một khi trở thành sở hữu riêng của các gia đình riêng rẽ và một khi đã tăng lên nhanh chóng, thì đánh một đòn rất mạnh vào xã hội dựa trên chế độ hôn nhân cặp đôi và trên thị tộc mẫu quyền"[90]. Chế độ phụ quyền đã thay thế chế độ mẫu quyền. Sản xuất phát triển, năng suất lao động tăng lên, phân công lao động xã hội thay đổi, sự trao đổi sản phẩm đã làm nảy sinh tư tưởng muốn giữ làm của riêng một phần sản phẩm mà bản thân làm ra, muốn chiếm đoạt của cải của thị tộc và của người khác. Chế độ tư hữu ra đời. Ph.Ăng ghen viết: "Chính những lợi ích thấp hèn nhất - tính tham lam tầm thường, lòng khao khát hưởng lạc thô bạo, tính bủn xỉn bản thủ, nguyện vọng ích kỷ muốn ăn cắp của công - báo hiệu sự ra đời của xã hội có giai cấp"[150].

Sự ra đời của chế độ tư hữu làm xuất hiện tình trạng bất đồng về của cải giữa các thành viên trong cộng đồng thị tộc. Trong thị tộc sinh ra những lớp người giàu nghèo khác nhau và địa vị của mỗi lớp người trong thị tộc cũng khác nhau. Sự bất đồng về tài sản đã tác động trở lại chế độ xã hội, tạo ra những mầm mống đầu tiên của các tầng lớp quý tộc, hình thành sự phân biệt giữa kẻ giàu và người nghèo, giữa chủ nô và nô lệ: "Sự chênh lệch về tài sản đã ảnh hưởng trở lại đến tổ chức quản lý bằng cách tạo ra những mầm mống đầu tiên của giới quý tộc thế tập và vương quyền thế tập; chế độ nô lệ, lúc đầu chỉ thi hành đối với tù binh, đã mở ra triển vọng nô dịch ngay cả những cùng một bộ lạc và thậm chí cả những thành viên của chính ngay thị tộc mình nữa"[163]. "Chia toàn thể nhân dân... ra làm ba giai cấp... quý tộc... người làm ruộng,... người làm nghề thủ công và... trao cho bọn quý tộc được độc quyền đảm nhiệm những chức vụ công cộng"[167] xã hội đã phân chia thành giai cấp bóc lột và giai cấp bị bóc lột. Sự phân chia ấy cứ tồn tại suốt trong thời đại văn minh.

Thực tiễn lịch sử đã cho thấy quá trình hình thành và phát triển của giai cấp gắn liền với quá trình hình thành và phát triển của chế độ tư hữu.

Cùng với việc vạch ra nguồn gốc sự phát triển của chế độ tư hữu và giai cấp, Ph.Ăng ghen còn khẳng định rằng chế độ tư hữu và giai cấp cũng nhất định sẽ mất đi. Xã hội phát triển đến một giai đoạn lực lượng sản xuất đạt tới trình độ cao, sự tồn tại của chế độ tư hữu cùng với sự tồn tại của giai cấp trở thành kìm hãm sự phát triển của sản xuất. Ông viết: "Bây giờ, chúng ta đang bước nhanh đến gần một giai đoạn phát triển sản xuất, trong đó sự tồn tại của những giai cấp nói trên không những không còn là một tất yếu nữa mà còn trở thành một trở ngại trực tiếp cho sản xuất. Những giai cấp đó sẽ không tránh khỏi biến mất, cũng như xưa kia, chúng đã không tránh khỏi xuất hiện"[257-258].

3- Điều kiện ra đời của Nhà nước và vấn đề Nhà nước tự tiêu vong.

Bằng những công trình nghiên cứu thực tế, Ph.Ăng ghen đã chỉ rõ nguyên nhân sinh ra nhà nước.

Nhà nước là sản phẩm của xã hội đã phân chia giai cấp, là kết quả của những mâu thuẫn giữa các giai cấp không thể dung hoà được là sản phẩm của sự phát triển bên trong của xã hội, là công cụ của một giai cấp nhất định - giai cấp thống trị xã hội. Do đó nhà nước có chức năng cơ bản là kiềm chế những mâu thuẫn đối kháng giai cấp, giữ cho những xung đột giai cấp ở trong vòng trật tự của sự thống trị. Song chủ yếu nhà nước là công cụ bảo vệ quyền lợi cho giai cấp thống trị, đàn áp và nảy sinh ra từ nhu cầu phải kiềm chế những sự đối lập giai cấp, nhưng vì nhà nước đồng thời cũng nảy sinh ra giữa cuộc xung đột của các giai cấp ấy, cho nên theo lệ thường, nhà nước là nhà nước của giai cấp có thế lực nhất, của cái giai cấp thống trị về mặt kinh tế và nhờ có nhà nước mà cũng trở thành giai cấp thống trị về mặt chính trị và do đó có thêm được những phương tiện mới để đàn áp và bóc lột giai cấp bị áp bức"[225].

Ph.Ăng ghen đã chỉ rõ những đặc trưng của nhà nước. Đặc điểm chung nhất của nhà nước này là phân chia thân dân của nó theo địa vực họ cư trú để dễ bề kiểm soát, quản lý được họ; đồng thời thiết lập một quyền lực công cộng để có

thể bắt tất cả những người công dân phải phục tùng. Quyền lực công cộng đó bao gồm lực lượng quân đội, cảnh binh, nhà tù và đủ các loại cơ quan cưỡng bức khác. Ph.Ăng ghen viết "Khi những mâu thuẫn giai cấp ở trong nước ngày càng trở nên gay gắt, khi những nước giáp giới nhau ngày càng rộng lớn và đông đúc hơn, thì quyền lực đó cũng ngày càng được tăng cường"[254]. Chung qui lại ở trong tất cả những thời kỳ điển hình thì nhà nước này... vẫn chỉ là nhà nước của giai cấp thống trị và trong mọi trường hợp, về căn bản vẫn là một bộ máy dùng để đàn áp giai cấp bị áp bức, bị bóc lột.

Ph.Ăng ghen còn vạch ra những biện pháp mà giai cấp thống trị sử dụng để duy trì cái công cụ bảo vệ lợi ích của họ. Đó là thuế má, công trái và những đạo luật đặc biệt được đặt lên trên xã hội. Tất cả những biện pháp đó được đặt ra để duy trì quyền lực công cộng - mà thực chất là quyền lực của giai cấp thống trị.

Nghiên cứu vấn đề tiêu vong của nhà nước, Ph.Ăng ghen khẳng định nhà nước tiêu vong cũng là một tất yếu như sự xuất hiện của nó trong điều kiện xã hội nhất định: "... nhà nước tồn tại không phải là mãi mãi từ ngàn xưa. Đã từng có những xã hội không cần đến nhà nước, không có một khái niệm nào về nhà nước và chính quyền nhà nước cả; Đến một giai đoạn phát triển kinh tế nhất định, giai đoạn tất nhiên phải gắn liền với sự phân chia xã hội thành giai cấp thì sự phân chia đó làm cho nhà nước trở thành một tất yếu. Bây giờ... sự tồn tại của những giai cấp nói trên không những không còn là một sự tất yếu nữa, mà còn trở thành một trở ngại trực tiếp cho sản xuất. Những giai cấp đó sẽ không tránh khỏi biến mất... Giai cấp tiêu vong thì nhà nước cũng không tránh khỏi tiêu vong theo. Xã hội sẽ tổ chức lại nền sản xuất trên cơ sở liên hợp tự do và bình đẳng giữa những người sản xuất, sẽ đem toàn thể bộ máy nhà nước xếp vào cái vị trí thật sự của nó lúc bấy giờ: Viện bảo tàng đồ cổ bên cạnh cái xa kéo sợi và cái rìu bằng đồng"[258].

4- Mục đích các cuộc cách mạng trong lịch sử và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Theo Ph.Ăng ghen, từ xã hội công xã nguyên thủy sang chế độ chiếm hữu nô lệ, xã hội loài người đã thực hiện được một cuộc cách mạng với mục đích kinh

tế là xác lập quyền sở hữu - quyền tư hữu - và thúc đẩy sản xuất phát triển. Ph.Ăng ghen viết "Xô-lông - ở đây, cuộc cải cách của ông ta được thực hiện... vào khoảng năm 594 trước Công nguyên... - đã mở đầu một loạt những cái mà người ta gọi là những cuộc cách mạng chính trị, bằng cách xâm phạm vào tài sản"[173].

Cuộc cách mạng này được thực hiện dần dần từ sự phát triển của sản xuất, của kinh tế đến sự thay đổi quan hệ xã hội, quan hệ gia đình, quan hệ thị tộc và cuối cùng là đến sự thay đổi về chính trị. Ph.Ăng ghen khẳng định: "Từ trước tới nay, tất cả mọi cuộc cách mạng đều là những cuộc cách mạng nhằm bảo hộ một loại sở hữu này chống lại một loại sở hữu khác. Những cuộc cách mạng đó không thể bảo hộ loại sở hữu này mà lại không làm thiệt hại đến loại sở hữu kia... Và thật vậy, tất cả những cuộc cách mạng đầu tiên đến cuộc cách mạng cuối cùng đều được tiến hành để bảo hộ sở hữu thuộc một loại nào đó, và đều được thực hiện bằng cách tịch thu, cũng còn được gọi một cách khác và ăn cắp, một loại sở hữu khác. Thật hoàn toàn đúng là từ hai nghìn năm trăm năm nay, sở hữu tư nhân chỉ có thể được duy trì bằng cách xâm phạm vào quyền sở hữu mà thôi"[173].

Chế độ phong kiến ra đời, thay thế chế độ nô lệ, theo Ph.Ăng ghen đó cũng là một cuộc cách mạng trong lịch sử mà nguyên nhân là do sự phát triển của kinh tế, với mục đích kinh tế. Đó cũng là một sự thay đổi từ chế độ sở hữu tư hữu này sang một chế độ sở hữu tư hữu khác. Bởi vì "Chế độ nô lệ đã không còn có thể là cái hình thái cơ bản của nền sản xuất xã hội, còn lao động của người dân tự do thì chưa có thể trở thành hình thái cơ bản ấy. Chỉ có một cuộc cách mạng hoàn toàn mới có thể giải quyết được bế tắc đó"[174].

Khi chế độ phong kiến đè nặng lên mọi giai tầng trong xã hội, trở thành rào cản sự phát triển sản xuất trong xã hội thì việc chế độ tư bản thay thế nó là một cuộc cách mạng lớn trong lịch sử phát triển của xã hội loài người, là sự thay đổi chế độ sở hữu phong kiến bằng chế độ sở hữu tư bản. Ph.Ăng ghen đã chỉ ra rằng: "Trong cuộc đại cách mạng Pháp, người ta hy sinh sở hữu phong kiến để cứu sở hữu tư sản"[174]. Tiếp đến Ph.Ăng ghen phân tích chế độ tư sản với những mâu thuẫn kinh tế, giai cấp, xã hội đang diễn ra thể hiện qua những cơn bão táp của những cuộc khủng hoảng thương mại theo chu kỳ. Trong xã hội đó.

con người đã trở thành hàng hoá, sức lao động con người được đem trao đổi và tiêu dùng, người lao động vẫn là con người nô lệ chỉ khác trước kia là nô lệ hiện đại mà thôi. Cùng với sự khủng hoảng về kinh tế, tình trạng mâu thuẫn giai cấp ngày càng sâu sắc và đấu tranh giai cấp không ngừng tăng lên. Nhà nước tư sản hiện đại dù được nguy trang khéo léo dưới hình thức "nền cộng hoà dân chủ" hay hình thức đầu phiếu phổ thông... thì cũng không thể che đậy được bản chất giai cấp của nó là cơ quan quyền lực của giai cấp tư sản áp bức bóc lột giai cấp vô sản, không xoá bỏ được sự đối lập của nhân dân lao động với quyền lực của nhà nước tư sản.

Từ sự phân tích trên Ph.Ăng ghen khẳng định tính tất yếu của một cuộc cách mạng mới trên cơ sở sức sản xuất phát triển cao. Cuộc cách mạng này sẽ thay đổi toàn bộ trật tự xã hội cũ: xoá bỏ chế độ tư hữu và sự phân chia giai cấp trong xã hội. Đến lúc đó nhà nước sẽ tự tiêu vong, loài người sẽ tổ chức lại nền sản xuất xã hội bằng một phương thức mới trên cơ sở liên hiệp, tự do và bình đẳng. Trong xã hội mới được thiết lập, quan hệ gia đình, quan hệ giữa người và người sẽ thay đổi. Đó là mối quan hệ bình đẳng và hữu ái. Phác hoạ xã hội mới đó, Ông nhắc lại lời của Moóc gan: "... nếu như sự tiến bộ vẫn là qui luật của tương lai, cũng như nó đã từng là qui luật của quá khứ thì việc chỉ đơn thuần tìm kiếm của cải không phải là mục đích cuối cùng của nhân loại... Dân chủ trong công việc quản lý, hữu ái trong xã hội, bình đẳng về quyền lợi, giáo dục phổ thông, tất cả những thứ đó sẽ thần thánh hoá giai đoạn cao sắp tới của xã hội, mà kinh nghiệm, lý trí và khoa học đang không ngừng vươn tới"[164-165].

III/ Ý NGHĨA CỦA TÁC PHẨM

1. Nghiên cứu tác phẩm "Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước" của Ph.Ăng ghen giúp chúng ta những căn cứ khoa học để hiểu lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học và bảo vệ nó.

Giai cấp tư sản tuyên truyền rằng chế độ tư hữu là cái thiêng liêng vốn có từ khi có xã hội loài người và nó sẽ tồn tại vĩnh viễn với xã hội loài người; rằng gia đình tư sản là hình thức gia đình vốn có từ khi có xã hội loài người và đó là gia đình bình đẳng, hạnh phúc, tự do; rằng nhà nước là cơ quan điều hoà quyền

lợi giữa các giai cấp cùng tồn tại trong một thiết chế xã hội. Và nhà nước tư sản là nhà nước có chế độ dân chủ tốt đẹp nhất cần được bảo vệ vĩnh viễn.

Nội dung tác phẩm cung cấp cho chúng ta cơ sở khoa học để vạch trần những quan điểm phản khoa học và lỗi thời nói trên của giai cấp tư sản, xây dựng cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động những quan điểm đúng đắn nhằm lật đổ trật tự tư sản, xây dựng chế độ xã hội mới, xây dựng quan hệ sản xuất mới, xây dựng nhà nước mới - nhà nước của giai cấp công nhân, xây dựng một quan hệ hoàn toàn mới trong gia đình.

2. Tác phẩm "Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước" đã bổ sung, làm phong phú những nguyên lý của chủ nghĩa xã hội khoa học.

Về cuộc cách mạng vô sản, tác phẩm đã chỉ ra rằng, cuộc cách mạng vô sản tất yếu sẽ xảy ra trên cơ sở sức sản xuất trong lòng chế độ tư bản chủ nghĩa đã phát triển cao. Cuộc cách mạng vô sản sẽ xoá bỏ quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa đang là vật cản sự phát triển của lực lượng sản xuất, xoá bỏ chế độ tư hữu và sự phân chia giai cấp trong xã hội. Cuộc cách mạng vô sản là cuộc cách mạng thực sự giải phóng con người, xây dựng xã hội mới bình đẳng và bác ái.

Về những điều kiện kinh tế xã hội để xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, tác phẩm đã cho chúng ta thấy rõ vai trò của sản xuất trong tiến trình phát triển xã hội nói chung, xã hội xã hội chủ nghĩa, xã hội cộng sản chủ nghĩa nói riêng; vai trò của việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội; vai trò của công nghiệp hoá đối với toàn bộ nền kinh tế và đời sống xã hội xã hội chủ nghĩa. Mặt khác, tác phẩm giúp chúng ta xây dựng những quan điểm đúng đắn về tình yêu, hôn nhân và gia đình trong chủ nghĩa xã hội. Không những thế, tác phẩm còn giúp chúng ta xây dựng những quan điểm đạo đức mới về lao động, về bình đẳng, bác ái giữa các dân tộc; xây dựng quan điểm đúng đắn đối với sự nghiệp giải phóng phụ nữ, xây dựng được tình cảm cách mạng, lòng tin vào sự nghiệp cách mạng của giai cấp công nhân.

3. Đọc tác phẩm "Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước" chúng ta học tập được một mẫu mực về phương pháp nghiên cứu khoa học.

Ph.Ăng ghen đã kết hợp nhuần nhuyễn phương pháp lô gích với phương pháp lịch sử, sử dụng tài liệu một cách chính xác để dựng lại hết sức tài tình, sinh động quá trình phát triển của xã hội loài người qua các thời đại trên cơ sở của sự phát triển của sản xuất.

Ph.Ăng ghen còn cho chúng ta một mẫu mực về thái độ khách quan của người nghiên cứu khoa học. Đó là sự trân trọng đối với thành quả của các nhà khoa học đương thời (Bacphen, Maclenan, Moóc gan...), tiếp thu có phê phán những kết quả của họ.

Cũng như C.Mác, Ph.Ăng ghen không bao giờ coi những quan điểm lý luận của mình là tuyệt đích, là hoàn hảo. Khi có những phát kiến mới về khoa học, ông đã nghiên cứu nghiêm túc và không ngần ngại bổ sung và sửa chữa những thiếu sót của mình. Đó là một mẫu mực về đạo đức của người làm công tác khoa học.

Trong giai đoạn hiện nay tác phẩm "Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước" vẫn còn là một tài liệu rất quý đối với chúng ta. Nó khẳng định con đường phát triển tất yếu của lịch sử là: chế độ mới - chế độ xã hội chủ nghĩa, cộng sản chủ nghĩa văn minh nhất định sẽ được thiết lập, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp giải phóng loài người, phù hợp với qui luật phát triển của lịch sử, xây dựng lòng tin vào sự tất thắng của sự nghiệp đổi mới của đất nước ta do Đảng ta lãnh đạo. Đúng như Lênin đã khẳng định: Tác phẩm này là cuốn sách gối đầu giường của những người cộng sản giác ngộ.

VẤN ĐỀ NÔNG DÂN Ở PHÁP VÀ Ở ĐỨC

PH. ĂNGHEN

(C. Mác và Ph. Ăngghen: Toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia,
Hà nội, 1995, tr. 22)

I. HOÀN CẢNH RA ĐỜI CỦA TÁC PHẨM.

Vào những năm 70 đến 90 của thế kỷ XIX ở một số nước Châu Âu đặc biệt là Pháp và Đức đã diễn ra cuộc khủng hoảng trong nông nghiệp. Nguyên nhân sâu xa của nó là do các nước nhập khẩu lúa mì từ Nam Mỹ và Ấn Độ với giá rẻ bán vào các nước miền Tây Đức làm cho nền kinh tế tiểu nông các nước này bị tổn thất nặng nề. Họ phải lao động quá sức và chịu những thiếu thốn mới về vật chất, đời sống vô cùng khổ cực.

Trước tình hình ấy, các nhà xã hội chủ nghĩa ở một số nước Châu Âu đã tìm những biện pháp và hình thức để kéo nông dân về phía mình. Đầu tiên là Đảng công nhân Pháp đã thông qua cương lĩnh ruộng đất tại Đại hội Mác-xây vào tháng 9 - 1892. Dựa vào cương lĩnh này, Đảng đã nhanh chóng giành được thắng lợi ở nông thôn. Xuất phát từ thực tế đó, Đại hội thường kỳ của Đảng công nhân Pháp họp vào tháng 9-1894 tại Nang-tơ để thông qua một cương lĩnh ruộng đất bổ sung một loạt điểm mới mà trong đó có một số nội dung đã biểu hiện khuynh hướng cơ hội, vi phạm nguyên tắc đối với cương lĩnh trước đây của Đảng. Cương lĩnh ruộng đất Nang - tơ đã tuyên bố rằng những người xã hội chủ nghĩa phải ủng hộ và bảo vệ quyền sở hữu của nông dân, thậm chí của các chủ trại và những người thuê ruộng có sử dụng lao động làm thuê. Lời tuyên bố này đã đi chệch cương lĩnh xã hội chủ nghĩa và nghiêng về chủ nghĩa cơ hội.

Liên sau Đại hội của Đảng công nhân Pháp, tháng 10/1894 Đại hội của Đảng xã hội dân chủ Đức họp ở Phơ-răng-cơ-phuốc. Trong Đại hội này cũng bàn đến vấn đề ruộng đất. Tại Đại hội đã xuất hiện những quan điểm cơ hội. Trong việc giải quyết vấn đề ruộng đất. Phái cơ hội chủ nghĩa trong Đảng xã hội dân chủ Đức đứng đầu là Phôn-ma đã dùng những thủ đoạn không

trung thực. Y tuyên bố rằng dường như bản cương lĩnh ruộng đất Năng - tơ đã được Ăng-ghe-nơ trực tiếp tán thành. Dựa vào đó, phái cơ hội chủ nghĩa đã lập lại nguyên văn những luận điểm sai lầm trong cương lĩnh Năng-tơ và còn đi xa hơn nữa. Họ còn nêu lên những luận điểm chống chủ nghĩa Mác về sự phát triển của nông nghiệp dưới chủ nghĩa tư bản. Trong báo cáo của mình Phôn-ma đã cố chứng minh rằng: khác với công nghiệp, trong nông nghiệp, do việc thâm canh ngày càng tăng cho nên con đường phát triển nông nghiệp không phải là những doanh nghiệp lớn mà ngược lại là những doanh nghiệp nhỏ có ưu thế hơn. Từ luận điểm này, họ đã đấu tranh đòi bảo vệ lợi ích của tất cả nông dân, kể cả đại nông. Theo họ, đó là con đường độc đáo của nông nghiệp phát triển thành chủ nghĩa xã hội.

Ăngghen đã đánh giá kết quả của hai đại hội này là rất xấu. Trong thư gửi cho Lô-ra Laphác-gơ và các đồng chí Pháp, Ăngghen viết: "Thật vậy các đồng chí đã để cho mình bị lôi cuốn vào phái cơ hội chủ nghĩa. Ở Năng-tơ các đồng chí đã sẵn sàng hy sinh tương lai của Đảng vì sự ngông cuồng chốc lát" (Trích lại, Ph.Ăngghen + Tiểu sử, Nxb Sự thật, Hà nội, 1979, T2, tr. 419). Đối với Đảng xã hội dân chủ Đức, Ăngghen đã thông qua thư gửi Bê-ben như sau: "Tôi phàn nàn một cách có cơ sở rằng tuy Đảng đang diễn ra quá trình tư sản hoá, đó là điều bất hạnh của tất cả các Đảng cực đoan, một khi đã đi đến cái giờ mà các Đảng ấy trở thành những đảng "khả năng". Nhưng về mặt này Đảng chúng ta không thể vượt qua một giới hạn nhất định mà lại không phản lại chính mình và tôi cảm thấy rằng ở Pháp cũng như ở Đức chúng ta đã tới gần các giới hạn ấy" [420].

Trước sự mơ hồ trong vấn đề nông dân và ruộng đất của các Đảng xã hội dân chủ ở châu Âu, Ăngghen đã viết một bài báo dưới nhan đề "Vấn đề nông dân ở Pháp và ở Đức" vào cuối tháng 10 - 1894 để đấu tranh chống lại những quan điểm cơ hội chủ nghĩa và thông qua đó đã đặt ra những cơ sở lý luận cho các Đảng vô sản trong việc giải quyết vấn đề nông dân trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.

II. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TÁC PHẨM

1. Ý nghĩa của vấn đề nông dân

Về ý nghĩa của vấn đề nông dân, Ph.Ăngghen viết: "Từ Ai-giơ len đến Si-ci-lia, từ Anda lussien đến Nga và Bun-ga-ri, người nông dân là một nhân tố rất cơ bản của dân cư, của nền sản xuất và của chính quyền" [715].

Trước đây về mặt chính trị nông dân vẫn tỏ ra thờ ơ hoặc giả thể hiện là một lực lượng phản động (như trong thời gian cuộc cách mạng 1848 - 1849), thì trong thời gian này, đã có nhiều sự thay đổi. Đó là sự phát triển của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp và cuộc khủng hoảng trong nông nghiệp dẫn nền sản xuất nhỏ đến chỗ suy tàn và diệt vong. Vì vậy thái độ thờ ơ trước đây của nông dân đối với phong trào công nhân không phải là hoàn toàn không khắc phục được. Trong khi đó phong trào công nhân ở phương Tây đang phát triển mạnh mẽ. Vì vậy: "Việc các Đảng xã hội chủ nghĩa giành chính quyền đã trở thành một việc không xa nữa. Nhưng muốn giành được chính quyền thì trước hết Đảng đó phải chuyển từ thành thị về nông thôn, phải trở thành một thế lực ở nông thôn" [717] Nghĩa là phải liên minh được, lôi kéo được nông dân.

2. Cơ cấu giai cấp - xã hội ở nông thôn và thái độ của những người xã hội chủ nghĩa đối với nông dân.

Về cơ cấu giai cấp ở nông thôn, Ăngghen đã chia nông dân ra làm ba tập đoàn chủ yếu: tiểu nông, trung nông và đại nông. Họ khác nhau về tài sản, về lợi ích và do đó có vai trò khác nhau trong cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản. Trong ba tập đoàn này Ăngghen coi thái độ đối với tiểu nông là điểm tựa trong việc giải quyết vấn đề nông dân nói chung. Ăngghen nói: "đối với Tây Âu tiểu nông không những nói chung là tầng lớp quan trọng nhất trong tất cả các tầng lớp nông dân, và đối với chúng ta còn là trọng tâm của toàn bộ vấn đề này nữa. Nếu chúng ta xác định lập trường của chúng ta đối với tiểu nông thì chúng ta sẽ có những cái mốc khiến chúng ta quyết định được thái độ của mình đối với những thành phần khác trong dân cư nông thôn" [719].

Sau khi nêu lên vị trí của tiểu nông, Ăngghen đã đi sâu phân tích về tầng lớp tiểu nông Người cho rằng. Tiểu nông nói ở đây là chỉ những người chủ ruộng đất hoặc là người tá điền mà nhất là người chủ mảnh đất không lớn hơn số đất đai mà họ thường có để cày cấy với gia đình họ và cũng không bé hơn số đất đai cần thiết để nuôi sống gia đình họ.

+ Về tương lai của tiểu nông, Ăngghen đã vạch ra quy luật phát triển của họ dưới chủ nghĩa tư bản là không thể tránh khỏi bị phá sản và tiêu vong. Ăngghen viết: "Số nông dân không thể nuôi được gia súc để canh tác tăng lên không ngừng... Thuế khoá, mất mùa, tài sản bị phân chia, kiện tụng, tất cả tình trạng đó đều làm cho người nông dân ở nông thôn lần lượt kéo nhau đến vay nợ, tên chủ cho vay cắt cổ, dần dần ai cũng mang công mắc nợ cả và nợ nần mỗi ngày càng chồng chất thêm lên, một phương thức sản xuất đã lỗi thời, người tiểu nông của chúng ta nhất định không tránh khỏi cảnh suy vong. Chính đó là người vô sản tương lai" [721]

+ Bản chất hai mặt của tiểu nông:

Từ sự phân tích kinh tế, Ăngghen đã nêu lên tính hai mặt của tiểu nông. Mặt thứ nhất, với tư cách là người lao động, tiểu nông bị bóc lột thậm tệ, do đó, trong xã hội tư bản - họ có nguy cơ bị phá sản, bị rơi xuống hàng ngũ giai cấp vô sản trong tương lai. Song mặt khác, người tiểu nông là người tư hữu nhỏ, tư liệu sản xuất vì vậy họ sợ chuyển giao ruộng đất vào tay toàn thể xã hội. Đây là hai mặt mâu thuẫn trong con người tiểu nông. Ăngghen viết: "Với tư cách như vậy đáng lẽ ra người tiểu nông phải lắng nghe sự tuyên truyền xã hội chủ nghĩa, nhưng cái tư tưởng tư hữu thâm căn cố đế của họ vẫn còn cản trở họ nghe theo sự tuyên truyền ấy" [721]

Đứng trước nguy cơ bị phá sản của tiểu nông Ăngghen đặt vấn đề "Đáng có thể đem lại được cái gì cho người tiểu nông đang bị tiêu diệt mà không tự phản lại mình". Trả lời vấn đề này Ăngghen đã phân tích cương lĩnh ruộng đất của Đảng công nhân Pháp. Người đã phê phán phần lý luận của cương lĩnh này (cương lĩnh Nãng-tơ và chỉ ra rằng nó mâu thuẫn với cương lĩnh chung của Đảng công nhân được thông qua tại Đại hội (9 - 1892) tại Mác-xây. Nội dung cơ bản của cương lĩnh chung của Đảng công nhân Pháp là chuyển sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất thành sở hữu tập thể, không chỉ trong lĩnh vực công nghiệp mà cả trong lĩnh vực tổ nông nghiệp nữa. Còn cương lĩnh Nãng-xơ thì lại xoá nhoà sự khác nhau về nguyên tắc hai hình thức sở hữu tư liệu sản xuất. Theo cương lĩnh Nãng-xơ thì cả hai hình thức (Sở hữu tư nhân và sở hữu tập thể) về tư liệu sản xuất đều được xem là tiền đề cho sự tự do của người sản xuất.

Phê phán quan điểm này, Ăngghen nêu rõ: Việc những người sản xuất riêng lẻ chiếm hữu tư liệu sản xuất hiện nay không đem lại cho họ một thứ tự do thật sự nữa....Người tiểu nông đã không đảm bảo được quyền sở hữu đối với mảnh đất của mình và cũng không còn có quyền tự do nữa. Ngay bản thân anh ta cũng thuộc quyền sở hữu của tên chủ cho vay nặng lãi giống như cái nhà, cái sân và ruộng đất của anh ta vậy... khỏi bị tịch thu, nhưng các đồng chí không thể nào đảm bảo cho anh ta không bị bắt buộc phải tự nguyện đem bán gia súc của mình đi, bán cả thể xác lẫn linh hồn của mình cho tên chủ nợ để sống thêm một khắc nữa. Các đồng chí muốn bảo hộ cho người tiểu nông giữ được tài sản của họ, thì lại không bảo hộ tự do cho họ, mà chỉ bảo hộ được cái hình thức đặc biệt của sự nô lệ của họ thôi. Ý định đó chỉ kéo dài tình trạng sống dở chết dở của họ.

Phê phán yêu sách đề ra trong cương lĩnh Năng-xơ nhằm "duy trì quyền sở hữu ruộng đất của nông dân, Ăngghen chỉ ra rằng: Những người xã hội chủ nghĩa Pháp đã buộc "chủ nghĩa xã hội làm một việc không thể thực hiện được" và đã đặt vấn đề mâu thuẫn với điều khẳng định của chính cương này nói rằng sở hữu đó "nhất định bị diệt vong". Ăngghen đã đặt câu hỏi vậy chủ nghĩa xã hội "phải dùng cách gì để bảo hộ cho, người nông dân tránh được ba kẻ thù lớn là cơ quan thuế vụ, kẻ cho vay nặng lãi, bọn chúa đất" là những công cụ mà sản xuất tư bản chủ nghĩa dùng để thực hiện cái việc làm cho chế độ sở hữu nhỏ của nông dân không tránh khỏi bị tiêu vong.

Ăngghen đặc biệt phẫn nộ khi bản cương lĩnh Năng-tơ đề ra yêu sách bảo vệ cả bọn bóc lột ở nông thôn. Người phê phán kịch liệt yêu sách bảo hộ những tá điền bóc lột lao động người khác. Lý do mà bản cương lĩnh Năng-tơ nêu ra để bảo hộ vì "họ đều cày ruộng đất của người khác... trên mức độ nào đó, họ có bị bắt buộc phải bóc lột người làm công nhật chăng nữa, thì cũng là do chỗ chính bản thân họ cũng bị bóc lột mà thôi. Phê phán nghị quyết này, Ăngghen nói: "Chủ nghĩa xã hội đặc biệt chống lại sự bóc lột của chế độ làm công". "Thế mà ở đây người ta tuyên bố với chúng rằng nhiệm vụ khẩn thiết của chủ nghĩa xã hội là bảo vệ người tá điền khi họ "... bóc lột người làm công nhật".

Ăngghen lên án bọn cơ hội khi đã đứng trên lập trường sai lầm như thế là "Trái hẳn không những với cương lĩnh của Đảng công nhân Pháp mà còn trái với cả nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa xã hội nói chung nữa".

Bảo vệ tính giai cấp của các Đảng công nhân Ăngghen đã đấu tranh chống lại một quan điểm sai lầm ghi trong những lời cam kết của đoạn dẫn luận trong cương lĩnh Nang-tơ. Ở đoạn này, cương lĩnh đã đặt ra trước Đảng xã hội chủ nghĩa nhiệm vụ: "Liên hợp tất cả những thành phần trong sản xuất nông thôn và tất cả mọi hoạt động canh tác ruộng đất của toàn quốc... cùng đấu tranh chống kẻ thù chung là chế độ phong kiến chiếm hữu ruộng đất".

Ăngghen chỉ ra rằng trong khi thừa nhận khả năng liên minh với tất cả những phần tử chống phong kiến ở nông thôn trong cuộc đấu tranh nhằm đạt tới những mục đích nhất định nào đó thì Đảng xã hội chủ nghĩa của bất cứ nước nào cũng đều không có thể kết nạp vào hàng ngũ của mình cả trung nông, phú nông, thậm chí cả những kẻ canh tác ruộng đất theo lối tư hữu chủ nghĩa. Ăngghen viết: "Nếu chúng ta có thể chấp nhận cho những cá nhân ở bất cứ giai cấp nào trong xã hội đều vào Đảng ta được, thì chúng ta không thể chấp nhận những nhóm có những lợi ích tư bản chủ nghĩa, dù là trung nông hay tư sản bậc trung" [729]

3. Con đường quá độ đưa nông dân lên chủ nghĩa xã hội.

Ăngghen phê phán quan điểm cơ hội muốn duy trì kinh tế tiểu nông, quan điểm chờ cho người tiểu nông cuối cùng phá sản mới đi lên chủ nghĩa xã hội. Người đặt vấn đề: Không có gì xấu bằng những điều tuyên bố gọi lên cảm giác cho rằng ý định của chúng ta là muốn duy trì một cách lâu dài chế độ sở hữu từng mảnh ruộng đất. Như vậy sẽ là chằng đường giải phóng nông dân. Trái lại, nhiệm vụ chủ yếu của Đảng là: "Phải không ngừng giải thích cho nông dân thấy rằng chừng nào mà chủ nghĩa tư bản đang còn nắm chính quyền thì tình cảnh của họ vẫn là tuyệt vọng mà thôi. Rằng cứ bảo tồn các chế độ sở hữu từng mảnh ruộng đất như cũ thì tuyệt đối không thể được; rằng tuyệt đối chắc chắn là nền sản xuất tư bản chủ nghĩa quy mô lớn sẽ đè bẹp nền sản xuất quy mô nhỏ, bất lực và lỗi thời của họ, cũng như tàu hoả đè bẹp một xe cút kít vậy [740].

Tuy nhiên Ăngghen cũng ủng hộ quan điểm đúng đắn của cương lĩnh Năng-tơ, cho rằng: trước sự diệt vong tất yếu của nền kinh tế tiểu nông, những người xã hội chủ nghĩa quyết không dùng sự can thiệp của mình đẩy nhanh sự diệt vong đó. Trái lại phải tùy theo khả năng của mình mà ngăn cản sự cướp bóc và lừa bịp từ phía bọn chủ lớn. Mặt khác, Ăngghen cũng bác bỏ quan điểm sai lầm cho rằng cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa chỉ có thể xảy ra khi nào người thợ thủ công cuối cùng và người tiểu nông cuối cùng trở thành vật hy sinh của nền sản xuất lớn tư bản chủ nghĩa. Theo Ăngghen, số nông dân mà chúng ta làm cho họ tránh khỏi sự rơi xuống thành giai cấp vô sản và chúng ta có thể tranh thủ được khi họ còn là nông dân... càng đông bao nhiêu thì việc cải tạo xã hội chủ nghĩa sẽ càng nhanh chóng và dễ dàng bấy nhiêu.

Về con đường đưa nông dân đi lên chủ nghĩa xã hội, theo Ăngghen đó là coi việc đưa nông dân đi vào sản xuất hợp tác hoá. Đây chính là một phương thức để người tiểu nông khỏi rơi vào cảnh vô sản và là con đường cải tạo nền kinh tế manh mún của họ thành nền kinh tế lớn xã hội chủ nghĩa. Ăngghen nói: "Dù sao thì điều chủ yếu cũng là phải làm cho nông dân hiểu rằng chúng ta chỉ có thể cứu vãn và bảo tồn được tài sản của họ bằng cách biến tài sản đó thành tài sản hợp tác xã và thành những doanh nghiệp hợp tác xã" [737]. Ăngghen chỉ ra rằng, hình thức sản xuất hợp tác sẽ không những ngăn chặn được sự phá sản của nông dân mà còn đem lại cho sản xuất nông nghiệp những điểm ưu việt của lối làm ăn quy mô lớn, tiết kiệm được sức lao động, áp dụng được máy móc vào sản xuất và chế biến nông phẩm v.v... Ăngghen cũng cho rằng, đó là khâu trung gian trong việc chuyển nền sản xuất có thể của nông dân quá độ lên chủ nghĩa xã hội không qua phát triển tư bản chủ nghĩa.

Đề cập tới những nguyên tắc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp và nông dân Ăngghen nhấn mạnh, trước hết, không được dùng bạo lực đối với nông dân. Người nói: "Chúng ta không thể hứa và cũng không thể bao giờ có thể hứa với những người nông dân có mảnh đất nhỏ rằng chúng ta sẽ duy trì quyền sở hữu tài sản cá nhân của họ và nền kinh doanh cá thể của họ". Nhưng "Khi chúng ta đã nắm được chính quyền rồi, chúng ta sẽ không thể nghĩ đến dùng bạo lực để tước đoạt tiểu nông (dù có hoặc không có bồi thường cũng vậy) nhưng chúng ta buộc phải tước đoạt bọn địa chủ. Nhiệm vụ

của chúng ta đối với tiểu nông, trước hết phải hướng người sở hữu cá thể và kinh doanh cá thể của họ vào con đường kinh doanh hợp tác, không phải bằng bạo lực mà là bằng những tấm gương và bằng sự giúp đỡ của xã hội" [730].

Nguyên tắc thứ hai là "tự nguyện". Ăngghen nói: "Chúng ta kiên quyết đứng về phía người tiểu nông, chúng ta sẽ cố tìm đủ mọi cách để làm cho số phận của họ dễ chịu hơn, để họ chuyển sang hợp tác xã được dễ dàng hơn, nếu họ quyết chuyển như thế, và thậm chí để cho họ có thời gian suy nghĩ với tư cách là người ở hữu mảnh đất của họ nếu họ không quyết định như thế" [738].

Ăngghen giải thích rõ hơn vì sao chúng ta phải thực hiện các nguyên tắc đó. *Một là* chúng ta làm như vậy không những vì chúng ta coi người Tiểu nông tự cày cấy gần như là người của chúng ta. Và sau nữa, cũng là vì lợi ích của Đảng. *Hai là*, chúng ta tranh thủ được họ khi còn là nông dân thì việc cải tạo xã hội chủ nghĩa càng nhanh chóng và dễ dàng hơn là ngồi chờ chủ nghĩa tư bản làm phá sản đến người tiểu nông cuối cùng.

Để giúp nông dân đi lên chủ nghĩa xã hội một cách thuận lợi, Ăngghen đã nêu rõ nhà nước phải có nhiệm vụ giúp đỡ nông dân trong cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa. Ăngghen chỉ ra rằng: Nhà nước vô sản nên giành một loạt ưu tiên cho hợp tác xã. Phải giúp đỡ họ không những bằng tiền, mà cả bằng máy móc, phân hoá học v.v...

Ph.Ăngghen cũng đề cập đến con đường cải tạo đối với các tầng lớp bóc lột ở nông thôn.

Người cho rằng trong điều kiện của chủ nghĩa tư bản thì trung nông và đại nông cuối cùng cũng bị sa sút và bị tiêu vong.

Thái độ của Đảng công nhân đối với đại nông và trung nông, theo Ăngghen thì: "Không được hứa hẹn với nông dân những điều gì có ngụ ý rằng chế độ làm công tồn tại mãi mãi". Và "Nếu hứa một điều như vậy đối với trung nông và đại nông, sẽ gần như là một sự phản bội trực tiếp vậy" [12]

Vậy thái độ cụ thể là đối với trung nông và đại nông như thế nào? Ăngghen đã nêu lên hai điều:

Một là: "nếu những người nông dân đó hiểu được rằng phương thức sản xuất hiện nay của họ là không tránh khỏi bị tiêu vong, và do đó mà rút ra được kết luận cần thiết, thì họ sẽ đến với chúng ta và chúng ta sẽ cố hết sức giúp họ dễ dàng chuyển qua phương thức sản xuất mới" [742].

Hai là: "Nếu không thì phải bỏ mặc họ cho số phận của họ, còn chúng ta thì chúng ta phải kêu gọi những người làm công của họ, những người này sẽ hưởng ứng chúng ta. Cả ở đây nữa, rất có thể là chúng ta cũng sẽ không nói đến việc tước đoạt bằng bạo lực và chúng ta có thể trông cậy vào sự phát triển kinh tế để mở mang cho những đầu óc có phần khó tiếp thu đó hiểu được lẽ phải" [742].

- Đối với kẻ chiếm hữu lớn về ruộng đất, Ăngghen chỉ ra rằng: "Khi mà Đảng ta nắm được chính quyền thì chỉ có việc tước đoạt tài sản của họ chiếm hữu nhiều ruộng. Cũng như tước đoạt tài sản của bọn công nghiệp lớn mà thôi. Việc tước đoạt có bồi thường hay không bồi thường... là tùy ở điều kiện khi chúng ta nắm được chính quyền và nhất là tùy cả ở thái độ của chính ngay các người chiếm hữu nhiều ruộng đất quyết định" [6.]

Ăngghen chỉ ra hướng sử dụng ruộng đất tước đoạt được của bọn địa chủ là: nên chuyển những trang trại lớn đã kinh doanh theo lối tư bản chủ nghĩa sang ngay kinh doanh xã hội chủ nghĩa, dưới sự kiểm soát của xã hội. (sở hữu toàn dân)

III. Ý NGHĨA CỦA TÁC PHẨM

Tác phẩm "Vấn đề nông dân ở Pháp và ở Đức" tác phẩm đầu tiên Ăngghen bàn nhiều đến vấn đề nông dân trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa. Mặc dù, tác phẩm ra đời đã hơn 100 năm nhưng vẫn còn giữ nguyên ý nghĩa của nó.

Thứ nhất: Vấn đề nông dân ở Pháp và ở Đức là một tác phẩm có tính chất luận chiến, trực tiếp góp phần quan trọng đấu tranh chống lại những tư tưởng, quan điểm cơ hội trong phong trào công nhân ở Châu Âu, đặc biệt là ở Pháp và ở Đức lúc bấy giờ.

Thứ hai: Điều có nghĩa lớn lao hơn là tác phẩm đã nêu ra được một số nguyên lý kinh điển trong việc giải quyết vấn đề nông dân và liên minh công nông trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Qua đó, đặt cơ sở lý luận cho các Đảng công nhân, trong quá trình tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa, sau khi đã giành được chính quyền. Những vấn đề lý luận đó là:

+ Vị trí của vấn đề nông dân và tính tất yếu của liên minh công nông.

Ăngghen chỉ ra rằng ở lục địa Châu Âu lúc đó, chỗ nào người nông dân cũng đều là yếu tố rất quan trọng, đối với dân cư, với sản xuất và với chính quyền. Vì vậy giai cấp công nhân muốn giành được chính quyền thì Đảng tiên phong của nó không những chỉ gây cơ sở và tổ chức giai cấp công nhân thành thị mà còn phải chuyển về nông thôn, giác ngộ, bênh vực quyền lợi và lôi cuốn nông dân về phía mình tạo thành một thế lực ở nông thôn.

+ Về khả năng liên minh công nông, Ăngghen đã chỉ ra rằng, nếu trước đây giai cấp tư sản đã đưa lại một phần ruộng đất cho nông dân, nên trong cuộc đấu tranh của công nhân chống giai cấp tư sản, nông dân thường tỏ ra thờ ơ, thậm chí thể hiện là lực lượng phản động, thì ngày nay đã có nhiều thay đổi đó là sự bóc lột dã man của giai cấp tư sản đối với nông dân như: thuế khoá, nợ lãi... Mặt khác sự phát triển của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp đã dẫn đến nguy cơ làm phá sản nền sản xuất nhỏ của nông dân, chính vì vậy mà thái độ của người nông dân đã có sự thay đổi, sẵn sàng đi với giai cấp công nhân để tiến hành cuộc đấu tranh chống lại giai cấp tư sản giành chính quyền về tay nhân dân lao động.

+ Ăngghen đã phân tích những đặc điểm cơ bản của nông dân nói chung và tiểu nông nói riêng. Trước hết nông dân là một giai cấp không thuần nhất, nó có một cơ cấu phức tạp. nông dân chia ra thành ba tầng lớp chủ yếu: tiểu nông, trung nông và đại nông. Họ khác nhau về tài sản, về lợi ích do đó mỗi tầng lớp có chế độ chính trị khác nhau trong cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản.

Ăngghen đặc biệt đi sâu phân tích người tiểu nông. Đây là tầng lớp quan trọng nhất trong tất cả các tầng lớp nông dân. Nó là trung tâm của các chính sách ruộng đất của Đảng ở nông thôn.

Đặc điểm thứ hai của nông dân là có bản chất hai mặt: là người lao động, đang có nguy cơ rơi xuống hàng ngũ giai cấp vô sản ở nông thôn. vì vậy họ có khả năng đi với giai cấp công nhân. Nhưng mặt khác là người tư hữu nhỏ, do đó họ không muốn chuyển giao sở hữu ruộng đất cho xã hội.

Bàn đến tương lai của tiểu nông, Ăngghen chỉ ra rằng, giống như mọi tàn dư của một phương thức sản xuất đã lỗi thời, tiểu nông không tránh khỏi bị tiêu vong.

+ Phương hướng cải tạo tiểu nông. Để giúp cho người tiểu nông tránh khỏi sự tiêu vong do phương thức sản xuất lớn tư bản chủ nghĩa làm phá sản. Điều đó ý nghĩa quyết định là phải cải tạo nông nghiệp sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Đưa nông dân đi lên chủ nghĩa xã hội bằng con đường hợp tác xã nông nghiệp. Để thực hiện cải tạo nông nghiệp, nông dân, Ăngghen đã nêu lên một số nguyên tắc cơ bản là: không được dùng bạo lực đối với nông dân, phải thực hiện nguyên tắc "tự nguyện". Ngoài ra Ăngghen còn đề cập tới việc nhà nước phải giúp đỡ nông dân về vốn, kỹ thuật, thuốc trừ sâu và phân hoá học cho các hợp tác xã nông nghiệp.

Trong khi đề cập đến thái độ của những người xã hội chủ nghĩa đối với tiểu nông, thì Ăngghen cũng nói quan điểm của mình đối với các bộ phận khác của nông dân như trung nông và đại nông. Đặc biệt là đối với giai cấp địa chủ giai cấp có tham gia bóc lột thì cần phải thực hiện biện pháp tước đoạt tài sản của họ, có bồi thường hay không bồi thường là tùy thuộc vào thái độ của họ.

Thứ ba: Tác phẩm "Vấn đề nông dân ở Pháp và ở Đức" của Ăngghen nó là một tác phẩm chẳng những có ý nghĩa về mặt lý luận mà còn có ý nghĩa thực tiễn đối với quá trình cách mạng của nước ta. Do nhận thức đúng đắn của chủ nghĩa Mác-Lênin nói chung và tác phẩm "Vấn đề nông dân ở Pháp và ở Đức" nói riêng, Đảng ta đã vận dụng đúng đắn và sáng tạo vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể ở Việt Nam, nên chúng ta đã giành được những thắng lợi nhất định trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đặc biệt là trong mười năm đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo. Đảng ta đã có những tư duy mới đối với vai trò của nông dân, nông nghiệp trong chặng đường đầu của trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đại hội VIII của Đảng một lần nữa đã xác định: Nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, vai trò của nông nghiệp góp phần to lớn vào sự ổn định chính trị, xã hội, góp phần làm tăng trưởng kinh tế; đóng góp của nông nghiệp rất to lớn trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Nông dân chẳng những có vai trò to lớn trong sản xuất mà còn có vai trò rất quan trọng trong việc giữ chính quyền, nông dân cùng với công nhân và trí thức tạo thành lực lượng xã hội vững chắc để xây dựng và bảo vệ nhà nước mới xã hội chủ nghĩa.

Để làm rõ vai trò của nông dân, nông nghiệp trong thời kỳ đổi mới. Đảng ta đã có những chủ trương và giải pháp lớn để phát triển nông nghiệp,

nông thôn trong chặng đường đầu của trong thời kỳ quá độ. Đó là thực hiện cơ chế kinh tế nhiều thành phần, cơ chế thị trường có sự điều tiết của nhà nước. Chuyển đổi cơ cấu sản xuất ở nông thôn để giải phóng sức sản xuất tạo ra nhiều sản phẩm cho xã hội.

Chúng ta thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, mà trước hết công nghiệp hoá nông nghiệp, là để cho sản xuất nông nghiệp gắn với công nghiệp chế biến, xây dựng được cơ sở hạ tầng cho nông nghiệp nông thôn...

Cùng với sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương chính sách mới phù hợp với yêu cầu của nông dân như: chính sách đầu tư vốn, đầu tư kỹ thuật cho nông nghiệp; chính sách giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài cho nông dân, chính sách tín dụng, đặc biệt là chính sách giá cả đối với những sản phẩm nông nghiệp trong đó có chính sách trợ giá, đối với lương thực; chính sách thuế đối với nông dân... Ngoài ra, về mặt xã hội chúng ta đã và đang thực hiện tốt các chính sách xã hội đối với nông dân như: Đảm bảo công bằng xã hội, thực hiện chủ trương xoá đói giảm nghèo trong nông thôn, mà trước mắt nhà nước tập trung giải quyết hơn 1715 xã nghèo. Bên cạnh xoá đói giảm nghèo, chúng ta còn phải thực hiện tốt hơn nữa chính sách giải quyết việc làm cho nông dân. Làm thế nào để nông dân không còn cảnh thất nghiệp. Làm tốt được những chủ trương và giải pháp lớn đó, tức là chúng ta thực hiện đúng đắn và sáng tạo nội dung liên minh công nông và trí thức trong trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội mà tác phẩm "Vấn đề nông dân ở Pháp và ở Đức" của Ăngghen đã nêu ra

"HAI SÁCH LƯỢC CỦA ĐẢNG DÂN CHỦ- XÃ HỘI TRONG CÁCH MẠNG DÂN CHỦ"

V.I.Lênin

(Lênin : Toàn tập, Nxb. Tiến bộ, Matxcova, 1979, t.11.tr.3-168)

I- HOÀN CẢNH RA ĐỜI TÁC PHẨM

Tác phẩm được V.I.Lênin viết vào tháng 7 năm 1905.

Thế giới tư bản chủ nghĩa đã chuyển hẳn sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa và đã chấm dứt thời kỳ phát triển tương đối ổn định của mình sau Công xã Paris (1871)

Sau Công xã Paris, phong trào cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động đi vào thoái trào. Và nay, phong trào lại bắt đầu hồi phục và dấy lên ở nhiều nơi, trong đó, có nước Nga.

Nước Nga Sa hoàng mang hình thức nhà nước quân chủ chuyên chế, chậm phát triển hơn so với một số nước ở Tây Âu, nhưng đã mang tính chất một nước đế quốc. Nói chung, nước Nga lúc này phát triển "dở dang", cả giai cấp phong kiến và tư sản đều đã lỗi thời, phản động và xã hội vận động trong nhiều mâu thuẫn khác nhau.

Trước hết, đó là mâu thuẫn gay gắt giữa nông dân (lực lượng đông đảo trong dân cư) với đủ các tầng lớp phong kiến bóc lột (Nga hoàng, quý tộc, địa chủ...). Mặc dù chế độ nông nô được tuyên bố xóa bỏ từ năm 1861, nhưng Nga hoàng vẫn chiếm đến 1/5 đất đai phì nhiêu, người dân vẫn bị bóc lột nặng nề. Mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân và tư sản cũng đã lên cao. Cuộc khủng hoảng kinh tế (1900-1903) đã làm cho đông đảo công nhân rơi vào cảnh khó khăn, tiền lương ít ỏi, hàng nghìn công xưởng đóng cửa, hàng vạn công nhân thất nghiệp. Nước Nga được mệnh danh là "Nhà tù của các dân tộc", đã tạo ra mâu thuẫn sâu sắc giữa chế độ Nga hoàng, bộ phận tư sản lớn và các dân tộc lệ thuộc. Sự xung đột giữa đế quốc Nga và đế quốc Nhật đã nhiều năm, do tranh giành thống trị ở Thái Bình Dương đã bùng lên thành chiến tranh (1-1904) và để lại nhiều hậu quả.

Nước Nga ngột ngạt về chính trị, căng thẳng về kinh tế. Phong trào đấu tranh của công nhân, nông dân và cả trí thức tiến bộ lên cao. Ngày 9-1-1905 được gọi là "Ngày chủ nhật đẫm máu" bởi cuộc biểu tình của 14 vạn

công nhân chống Nga hoàng bị đàn áp nặng nề. Tháng 6-1905 các binh lính và sĩ quan chiến hạm Pôtenkin cũng đã binh biến, khởi nghĩa...

Trung tâm cách mạng thế giới đã chuyển sang nước Nga. Tình thế cách mạng dân chủ tư sản đang đến. Trước tình hình ấy, Nga hoàng cấu kết với đại địa chủ và tư sản lớn đàn áp, lừa bịp quần chúng. Trong khi đó thì các đảng phái đủ loại với các khuynh hướng phản động khác nhau đang ngăn cản phong trào cách mạng. "Đảng Liên hiệp công nhân Nga" (bọn "Trâu đen"- địa chủ quý tộc) thì công khai ủng hộ Nga hoàng. "Đảng Thẳng Mươi" (tư sản hoá và địa chủ tư sản hoá) ra sức chống lại cách mạng. "Đảng dân chủ lập hiến" ("KĐ", tổ chức của tư sản vừa và nhỏ, trí thức tư sản) thoả hiệp với Nga hoàng, tuyên truyền cho con đường ôn hoà để cải tạo xã hội. "Đảng xã hội chủ nghĩa cách mạng" (của tiểu tư sản) muốn xoá bỏ đặc quyền đặc lợi phong kiến, nhưng lại ngả theo lập trường của Đảng dân chủ lập hiến...

"Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga" (Đảng dân chủ - xã hội) là đảng tiến bộ duy nhất, đại biểu cho phong trào công- nông. Đảng được thành lập tháng 3-1898 ở Mincơ (lúc này V.I.Lênin còn đang bị đày ở Xibêri). Nhưng do Đảng bị những kẻ cơ hội trong "Phái kinh tế" chi phối nên chưa thực sự được thành lập, chưa ngang tầm với đòi hỏi của thực tiễn cách mạng. Do vậy, cần phải tiến tới thành lập một Đảng mác-xít thực sự, có tư tưởng thống nhất, tổ chức chặt chẽ, chính trị rõ ràng.

Tháng 3 năm 1902, V.I.Lênin đã viết tác phẩm "Làm gì" để phê phán tư tưởng cơ hội của "Phái kinh tế" - sùng bái đấu tranh tự phát, coi nhẹ vai trò lý luận của Đảng. Người chỉ ra rằng, không có lý luận thì không có phong trào cách mạng, chỉ có những đảng nào có lý luận tiên phong hướng dẫn thì mới làm tròn được vai trò tiên phong. Đến tháng 8-1903, Đảng công nhân dân chủ-xã hội Nga tổ chức Đại hội lần thứ II nhằm thông qua cương lĩnh chính trị của Đảng. Nhưng trong Đại hội, quan điểm về mặt tổ chức lại bất đồng và Đảng đã chia thành hai phái mensevích và bônsevích. Nước Nga lúc này vẫn chưa có một Đảng- một tổ chức mạnh để "đảo lộn nước Nga" như Lênin nói trong "Làm gì".

Tháng 5 - 1904, V.I.Lênin viết tác phẩm "Một bước tiến, hai bước lùi", trong đó phê phán quan điểm sai trái của phái mensevích và nêu nên những nguyên tắc xây dựng một Đảng cách mạng. Trước đó, tháng 4 - 1905, Đảng dân

chủ - xã hội lại đã tổ chức Đại hội III (ở Luân đôn), hy vọng giải quyết bất đồng trong Đảng và bàn về chiến lược, sách lược của Đảng trước tình thế cách mạng dân chủ đang đến gần. Nhưng, đại biểu mensevích không đến dự mà họp Hội nghị riêng ở Gionevơ (Thụy Sĩ). Tại hai nơi họp ấy, nảy sinh sự bất đồng mới về chính trị. Đó là hai quan điểm khác nhau về sách lược đối với cách mạng dân chủ tư sản. Sách lược mà Đại hội nêu ra ở Luân Đôn là mang tính cách mạng, còn sách lược mà Hội nghị nêu ra ở Gionevơ là mang tính cải lương.

Tháng 7-1905, Lênin đã viết "Hai sách lược của Đảng dân chủ - xã hội trong cách mạng xã hội dân chủ" với mục đích làm rõ sách lược cách mạng trong Đại hội III, phê phán sách lược thoát ly khỏi chủ nghĩa Mác của Hội nghị. Từ đó, làm cho giai cấp công nhân lãnh hội được những nhiệm vụ của mình trong cách mạng dân chủ [7]

Trong tác phẩm này, Lênin cho thấy khái niệm sách lược, cụ thể ở đây, là thái độ chính trị của một đảng hay là tính chất, phương hướng, phương pháp hoạt động chính trị của Đảng.

II- NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA TÁC PHẨM

1- Cách mạng dân chủ tư sản trong thời đại đế quốc chủ nghĩa

Từ lý luận chung về cách mạng của chủ nghĩa Mác, Lênin phân tích đến cách mạng ở Nga. Người viết: "...theo quan điểm chủ nghĩa Mác, cách mạng là gì? Là dùng bạo lực để phá đổ một kiến trúc thượng tầng chính trị lỗi thời mà đến một thời kỳ nhất định thì mâu thuẫn giữa nó với những quan hệ sản xuất mới đã đưa nó đến chỗ sụp đổ" [152]. Như vậy, thì ở Nga cũng đã bắt đầu có cách mạng, nhưng là cách mạng dân chủ tư sản và nhiệm vụ đặt ra thế nào, Lênin viết tiếp: "Hiện nay, mâu thuẫn giữa chế độ chuyên chế với toàn bộ chế độ của nước Nga tư bản chủ nghĩa, với tất cả những nhu cầu của sự phát triển dân chủ - tư sản của nước Nga tư bản chủ nghĩa, đã gây ra một sự sụp đổ càng mạnh mẽ khi mâu thuẫn ấy càng được duy trì lâu một cách giả tạo. Kiến trúc thượng tầng đang rung chuyển khắp mọi phía, không chịu nổi sức ép và suy yếu đi. Chính ngay bản thân nhân dân phải thông qua những đại biểu các giai cấp và tập đoàn rất khác nhau mà xây dựng nên một kiến trúc thượng tầng mới. Đến một lúc nhất định trong quá trình phát triển, thì sự vô dụng của cái kiến trúc thượng tầng cũ đã trở thành điều mà ai cũng thấy rõ. Mọi người đều

thừa nhận cách mạng, nhiệm vụ hiện nay là xác định chính những giai cấp nào, phải xây dựng kiến trúc thượng tầng mới, và phải xây dựng kiến trúc thượng tầng mới ấy cụ thể như thế nào"[152]

Trong khi đó ở Nga lại có những quan điểm sai lầm. Những người Dân tụy và phái vô chính phủ không nhận thấy sự phát triển tư bản chủ nghĩa ở Nga và do đó phủ nhận cách mạng dân chủ. Còn quan điểm khác nữa rất phi lý lại đòi thực hiện ngay cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Nga. Phê phán các quan điểm này, Lênin viết: "Trình độ phát triển kinh tế của nước Nga (điều kiện khách quan) và trình độ giác ngộ và trình độ tổ chức của quần đại quần chúng vô sản (điều kiện chủ quan) khiến không thể thực hiện được ngay tức khắc việc giải phóng hoàn toàn giai cấp công nhân. Chỉ có những kẻ dốt nát nhất mới có thể không thấy tính chất tư sản của cuộc cách mạng dân chủ hiện nay; chỉ có những kẻ lạc quan ngây thơ nhất mới có thể quên rằng quần chúng công nhân còn chưa biết gì mấy về những mục tiêu của chủ nghĩa xã hội và về những phương pháp để thực hiện chủ nghĩa xã hội. [18]

Cách mạng tư sản Nga là tất yếu. Nhưng bản thân cuộc cách mạng ấy sẽ có hai khả năng (như Đại hội III Đảng dân chủ - xã hội Nga đã nêu ra). Cách mạng sẽ triệt để nếu sự việc kết thúc bằng "thắng lợi quyết định của cách mạng đối với Nga hoàng". Và không triệt để nếu sự việc kết thúc bằng sự thoả hiệp giữa Nga hoàng và các phần tử "không triệt để nhất" và "vụ lợi nhất của giai cấp tư sản"[59-60]

Cách mạng tư sản thắng lợi, trước hết là "dọn đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển", có lợi cho giai cấp tư sản và đồng thời cũng đem lại lợi ích cho nông dân, công nhân: "Xét về mặt lợi ích của giai cấp vô sản thì cách mạng tư sản là tuyệt đối cần thiết. Cuộc đấu tranh ấy càng đầy đủ và kiên quyết bao nhiêu thì cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản cho chủ nghĩa xã hội, chống lại giai cấp tư sản càng được bảo đảm bấy nhiêu. Kết luận ấy chỉ có những kẻ không biết những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học mới có thể cho là mới mẻ, lạ lẫm, hoặc ngược đời. Nhưng do kết luận ấy mà người ta còn rút ra được nguyên lý như sau: Trong một ý nghĩa nhất định cách mạng tư sản có lợi cho giai cấp vô sản hơn là cho giai cấp tư sản"[46]

Cụ thể hơn, trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, nền cách mạng dân chủ diễn ra triệt để sẽ có nhiều cái lợi. Trước hết, làm cho giai cấp tư sản không

dựa vào tàn tích phong kiến để chống lại nhân dân [46]. Giai cấp vô sản không những được cải thiện đời sống, nâng cao sinh hoạt, mà còn lợi dụng được những thành quả của dân chủ cho cuộc đấu tranh của mình - "dùng ngay những vũ khí mà cách mạng tư sản đã cung cấp cho họ những tự do dân chủ, thiết chế dân chủ đã sinh ra trên mảnh đất đã được quét hết chế độ nông nô, mà quật ngay lại chính giai cấp tư sản" [54]. Nông dân được ruộng đất, được cải thiện đời sống và lợi ích hàng ngày [112]. Sau nữa, tất cả sẽ tạo thuận lợi cho sự thắng lợi hoàn toàn của cuộc đấu tranh tiếp theo của giai cấp vô sản và nhân dân lao động [78]

Cho nên, chủ nghĩa Mác yêu cầu giai cấp vô sản không được xa lánh cuộc cách mạng tư sản, mà phải tham gia một cách hết sức kiên quyết để đẩy cách mạng đó thắng lợi triệt để [48]. Trước đây giai cấp tư sản lãnh đạo cách mạng dân chủ đem lại nhiều thành quả, nhưng càng về sau càng thực hiện "dang dở" càng "phản bội chủ nghĩa dân chủ nói chung" [161-162]. Đến thời đại đế quốc thì điều này càng rõ ràng và lại càng đúng ở Nga vốn dĩ giai cấp tư sản vụ lợi, nói đến tự do một cách giả dối và "yếu ớt về mặt chính trị". Từ đó, Lênin đã đưa ra một kết luận quan trọng: "Đảng dân chủ- xã hội nói với giai cấp vô sản: Cuộc cách mạng của chúng ta là cuộc cách mạng của toàn dân. Bởi vậy, với tư cách là giai cấp cách mạng tiên tiến nhất và duy nhất triệt để, anh không những phải hết sức tích cực tham gia cuộc cách mạng, mà còn phải cố giữ vai trò lãnh đạo trong cuộc cách mạng" [143].

Tất nhiên, để giữ được vai trò lãnh đạo trong cách mạng dân chủ và đẩy lên triệt để thì giai cấp vô sản phải liên minh được với nông dân "Vì trên thực tế chỉ khi nào giai cấp tư sản rời bỏ cách mạng và quần chúng nông dân, với tư cách là người làm cách mạng tích cực, càng hoạt động bên cạnh giai cấp vô sản thì quy mô cách mạng Nga mới thực sự bắt đầu phát triển" [114]. Phải thực hiện cách mạng bằng con đường bạo lực vũ trang của nhân dân, chứ không phải bằng hình thức cải lương, hoà bình chủ nghĩa [54, 57, 88, 152, 153, 157....]. Và khi cách mạng giành được chính quyền thì phải chuyển "qua tay nhân dân" tức nhân dân sẽ xây dựng nên kiến trúc thượng tầng mới, nhà nước mới, đó là chính quyền dân chủ cách mạng hay nhà nước dân chủ cách mạng công- nông có nhiệm vụ thực hiện mọi nội dung dân chủ, vì lợi ích dân chủ của nhân dân [158-160]

Cách mạng dân chủ diễn ra triệt để sẽ tạo ra triển vọng thực tế đẩy tới cách mạng xã hội chủ nghĩa. Điều mà những người mensevích không nhận thấy [127]

2- Quan hệ và sự chuyển biến của cách mạng dân chủ lên cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Đây chính là sự thể hiện rõ nhất về tư tưởng cách mạng không ngừng trong thời đại đế quốc chủ nghĩa. Như đã trình bày ở trên, cách mạng dân chủ tư sản là tất yếu đối với nước Nga, chứ không thể làm ngưng, bỏ qua hoặc làm ngay cách mạng xã hội chủ nghĩa, và giai cấp vô sản có thể giành lấy quyền lãnh đạo để cuộc cách mạng ấy thành triệt để. Nhưng tiếp sau đó, cuộc cách mạng mới- cách mạng xã hội chủ nghĩa, cũng là tất yếu và là mục đích, cương lĩnh tối đa của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Nga.

Bởi vì, sau khi đã thực hiện những đòi hỏi của cuộc cách mạng dân chủ thì xã hội sẽ lại rơi vào những mâu thuẫn mới sẵn có, trong đó trước hết là mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản và tư sản. Từ đó, Lênin nhắc nhở: "Là người đi đầu và lãnh đạo tất cả mọi người trong cuộc đấu tranh cho dân chủ, cho nên giai cấp vô sản không được một phút nào lãng quên những mâu thuẫn mới sẵn có trong lòng chế độ dân chủ tư sản cũng như không được lãng quên cuộc đấu tranh mới" [16]

Sự kế tiếp tất yếu của hai cuộc cách mạng dân chủ tư sản và cách mạng xã hội chủ nghĩa là hai quá trình phát triển biện chứng của lịch sử phát triển nhân loại: "Chuyên chính dân chủ cách mạng của giai cấp vô sản và nông dân cũng như mọi cái trên đời, đều có một quá khứ và một tương lai. Quá khứ của nó là chế độ chuyên chế, chế độ nông nô, chế độ quân chủ, những đặc quyền đặc lợi... Tương lai của nó là một cuộc đấu tranh chống chế độ tư hữu là một cuộc đấu tranh của công nhân làm thuê chống lại chủ, hai cuộc đấu tranh của chủ nghĩa xã hội" [93]

Nhưng vì đây là cách mạng dân chủ kiểu mới, cho nên, hai cuộc cách mạng đó gắn liền với nhau mang sắc thái mới. Chúng xen kẽ nhau (thể hiện tính liên tục của cách mạng không ngừng). Lênin viết: "Đương nhiên trong hoàn cảnh lịch sử cụ thể; những thành phần của quá khứ và của tương lai đều quện chặt vào với nhau, hai con đường lẫn lộn với nhau" [94]. Tất nhiên "Những cái đó không hề ngăn cản chúng ta phân biệt ra về mặt lôgic và lịch

sử những giai đoạn lớn của sự phát triển" [94]. Tức là mỗi cuộc cách mạng có nội dung và tính chất xác định, có thời điểm nhất định (đây là tính giai đoạn của cách mạng không ngừng). Diễn giải thêm về tính liên tục và giai đoạn của hai cuộc cách mạng, Lênin nói: "Giai cấp vô sản phải làm cách mạng dân chủ tới cùng, bằng cách lôi kéo đông đảo quần chúng nông dân theo mình để dùng sức mạnh đè bẹp sự phản kháng của chế độ chuyên chế và làm tê liệt tính không kiên định của giai cấp tư sản. Giai cấp vô sản phải làm cách mạng xã hội chủ nghĩa bằng cách kéo đông đảo những phần tử nửa vô sản trong nhân dân theo mình để dùng sức mạnh đập tan sự phản kháng của giai cấp tư sản và làm tê liệt tính không kiên định của nông dân và giai cấp tiểu tư sản" [114]. Người còn lưu ý "Phân biệt nghiêm ngặt giữa hai thứ cách mạng đó, nhưng phải chăng có thể phủ nhận được sự thật là trong lịch sử những thành phần riêng biệt cục bộ của hai thứ cách mạng đó quyền chặt vào nhau" [94].

Cuộc cách mạng trước (cách mạng tư sản kiểu mới) là cái "mở đầu" cho cuộc cách mạng sau và nội dung dân chủ càng thực hiện đầy đủ bao nhiêu thì cuộc đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội "càng diễn ra sớm, rộng lớn, rõ rệt và kiên quyết bấy nhiêu" [155]

Và sau nữa, nói về đặc điểm của bước chuyển biến, Lênin nói: "...phải vượt qua bước thứ nhất đó càng nhanh càng tốt, kết thúc bước đó càng nhanh càng tốt, giành lấy chế độ cộng hoà, tiêu diệt thẳng tay phe phản cách mạng và chuẩn bị cơ sở cho bước sau" [32]. Ở đây thể hiện rõ vai trò tự giác của nhân tố chủ quan con người, các đảng chính trị để đi tắt, rút ngắn đi nhanh hơn trong các quá trình cách mạng.

Qua phân tích trên về cách mạng dân chủ tư sản trong thời đại đế quốc chủ nghĩa và sự chuyển biến của cách mạng dân chủ tư sản theo kiểu mới lên cách mạng xã hội chủ nghĩa, nhận thấy, những cái "xuyên suốt" hai cuộc cách mạng ấy - hay chính là điều kiện cho hai quá trình cách mạng ấy, là sự nhận thức, và lãnh đạo của Đảng cộng sản; sự liên kết các lực lượng cách mạng, mà trước hết là liên minh công - nông; và chính quyền của nhân dân lao động, mà lúc đầu (trong cách mạng dân chủ) là chuyên chính công - nông, và sau đó (trong cách mạng xã hội chủ nghĩa) là chuyên chính vô sản.

3- Một số vấn đề lý luận khác.

a. Vấn đề bạo lực.

Ở nhiều trang, Lênin cho thấy, trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, con đường cách mạng bạo lực là phổ biến: "Những vấn đề to lớn trong đời sống của các dân tộc chỉ giải quyết bằng sức mạnh. Chính các giai cấp phản động thường là những kẻ đầu tiên hay dùng đến bạo lực, nội chiến, hay "đưa lưỡi lê vào chương trình nghị sự" [157]. Như vậy, bạo lực của giai cấp vô sản để thực hiện cách mạng là tất yếu do phía kẻ thù là những lực lượng bạo lực [53]. Theo định nghĩa chung nhất của chủ nghĩa Mác về cách mạng, thì bạo lực có nhiệm vụ phá đổ kiến trúc thượng tầng chính trị đã lỗi thời và đập tan sự phản kháng bằng bạo lực của những bộ phận cố gắng giữ lấy kiến trúc thượng tầng ấy. [153-154]

Bạo lực cách mạng ấy mang tính nhân dân, tức là "vũ trang cho giai cấp cách mạng trong nhân dân" [253]

Đỉnh cao của bạo lực cách mạng là khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền. Tất nhiên để tiến tới khởi nghĩa vũ trang là cả một quá trình: tuyên truyền, chuẩn bị lực lượng, vũ khí và nổ ra kết hợp với các hình thức đấu tranh khác [77 và 122]

Khi giữa giai cấp công nhân và nhân dân lao động giành được chính quyền, thì bạo lực vẫn cần thiết, nhưng đó là bạo lực chuyên ^{chính trị} - bạo lực của giai cấp vô sản đã được tổ chức thành nhà nước, làm chủ xã hội [53-54]

Mục đích của bạo lực lúc này là chống lại kẻ thù đã bị lật đổ xong chưa bị tiêu diệt hẳn, chống lại các lực lượng phản bội lại cách mạng, để "bảo vệ, củng cố và mở rộng những thành quả của cách mạng" [21-22]

Do đó, chuyên chính và dân chủ là hai mặt của quá trình giữ vững vai trò lãnh đạo của giai cấp vô sản cầm quyền. Những người cơ hội, cải lương không hiểu được điều này, họ tách rời dân chủ và chuyên chính, cho rằng chuyên chính và dân chủ loại trừ lẫn nhau.

b. Vấn đề cơ cấu xã hội và sắp xếp lực lượng

Xã hội là một cơ cấu bao gồm những giai cấp tầng lớp khác nhau. Bản thân nhân dân không phải là một khối đồng nhất thuần túy. Lênin viết: "Như chúng ta biết rằng Mác đã luôn luôn đấu tranh không khoan nhượng chống lại những ảo tưởng tiểu tư sản cho rằng "nhân dân" là thống nhất và không đấu tranh giai cấp trong nội bộ nhân dân. Khi dùng danh từ "nhân dân" Mác không thông qua danh từ ấy xoá mờ mất sự khác biệt về giai cấp; Mác đã gộp

vào danh từ ấy những thành phần nhất định có khả năng làm cách mạng đến cùng" [159]

Nhân dân- bộ phận "có khả năng làm cách mạng đến cùng" ở các cuộc cách mạng khác nhau thì khác nhau và ngay ở cùng một cuộc cách mạng nhưng ở thời điểm khác nhau thì cũng khác nhau. Thời Mác, trong cách mạng dân chủ, bộ phận này là "giai cấp công nhân và tư sản dân chủ" [160]; hiện thời ở Nga, đó là "giai cấp vô sản và nông dân" [53] trong ấy, vô sản là giai cấp kiên định và lãnh đạo cách mạng. Lênin viết: "Thế là chỉ còn nhân dân", nghĩa là giai cấp vô sản và nông dân: chỉ có một mình giai cấp vô sản mới có thể kiên quyết đi tới cùng, vì nó sẽ còn đi xa hơn cách mạng dân chủ rất nhiều. Bởi vậy giai cấp vô sản là kẻ đứng hàng đầu trong cuộc đấu tranh cho chế độ cộng hoà... [111], "Giai cấp tư sản ở Nga đứng trước cách mạng dân chủ thì "Nói chung đều tán thành cách mạng", nhưng "không kiên định và vụ lợi, chỉ nhận những khẩu hiệu tự do một cách không đầy đủ và giả nhân giả nghĩa mà thôi" [147]. Và xét về lâu dài, toàn bộ tiến trình cách mạng thì "Đại bộ phận giai cấp tư sản tất nhiên sẽ đứng về phe phản động, về phía chế độ chuyên chế, chống lại cách mạng, chống lại nhân dân" [111]

Còn giai cấp nông dân, "với tư cách là người làm cách mạng tích cực" [114], trước đây trong cách mạng tư sản ở các nước, họ là người bạn đồng minh "tự nhiên nhất" của giai cấp tư sản dân chủ. Nếu không có họ thì giai cấp tư sản không thể chiến thắng phong kiến [161]. Ngày nay, trong cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới, giai cấp vô sản phải lôi kéo được nông dân, làm cho cách mạng triệt để, và chuyển biến lên chủ nghĩa xã hội.

Nhưng bản thân nông dân lại là một cơ cấu, với các thành phần khác nhau: "nông dân gồm rất nhiều phần tử nửa vô sản, đồng thời có những phần tử tiểu tư sản. Điều đó làm cho chính ngay nông dân cũng không được kiên định" [111]. Tất nhiên không kiên định của nông dân khác với tính không kiên định của giai cấp tư sản. Tính không kiên định của tư sản là của con buôn, còn tính không kiên định của nông dân, người sản xuất nhỏ thì có thể giáo dục và khắc phục được [111,147].

Từ sự phân tích xã hội dưới góc độ cơ cấu như vậy, mới có thể tạo điều kiện để sắp xếp đúng các lực lượng trong các quá trình cách mạng. Theo Lênin, ở Nga, cách mạng dân chủ kiểu mới do giai cấp vô sản lãnh đạo phải

bằng mọi cách lôi kéo đông đảo quần chúng nông dân nhằm đánh đổ chế độ phong kiến và làm tê liệt tính không kiên định của giai cấp tư sản. Còn trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, giai cấp vô sản lãnh đạo phải bằng mọi cách lôi kéo đông đảo những phần tử nửa vô sản trong nông dân nhằm đập tan sự phản kháng của giai cấp tư sản và làm tê liệt tính không kiên định của nông dân và của giai cấp tiểu tư sản.

III- Ý NGHĨA CỦA TÁC PHẨM.

Tác phẩm "Hai sách lược của Đảng dân chủ - xã hội trong cách mạng dân chủ" (bàn về đường lối chính trị của Đảng) cùng với tác phẩm "Làm gì" (bàn về vai trò của lý luận tiên phong) và "Một bước tiến hai bước lùi" (bàn về công tác tổ chức) đã tạo nên một hệ thống hoàn chỉnh về lý luận xây dựng Đảng cả về tư tưởng, tổ chức, chính trị của V.I.Lênin. Và trực tiếp, qua đó những người cộng sản kiên định Nga đã xây dựng nên Đảng bôn-sê-vích chân chính, đại diện cho giai cấp vô sản và nhân dân lao động Nga trong cách mạng.

Các tác phẩm trên, trong đó có "Hai sách lược của Đảng dân chủ - xã hội trong cách mạng dân chủ", cùng với những tác phẩm khác nữa của Lênin đã góp phần quan trọng đấu tranh với đủ loại tư tưởng phản động, cơ hội ngăn cản phong trào cách mạng đang đến gần ở Nga.

Với tư tưởng chính trị về cách mạng dân chủ kiểu mới và cách mạng xã hội chủ nghĩa, Đảng Bôn-sê-vích đã lãnh đạo công nhân, nông dân đánh đổ Nga hoàng, đem lại thắng lợi cho cách mạng dân chủ tư sản tháng hai năm 1917. Sau nữa, đã lái con tàu cách mạng Nga vượt qua nhiều chông gai để làm cách mạng tháng Mười vĩ đại, xây dựng nên Nhà nước xô viết, thực hiện chủ nghĩa xã hội ở nước Nga.

Ngày nay, tác phẩm, nhất là mặt phương pháp luận, vẫn còn nhiều ý nghĩa lớn lao. Thế giới vẫn còn nhiều nước chậm phát triển, vẫn còn "dở dang" trong bước thực hiện chế độ dân chủ của mình. Cho nên với tinh thần cách mạng không ngừng, giai cấp vô sản và nhân dân lao động ở đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng cần dũng cảm giành lấy dân chủ, tạo lập nền chuyên chính cách mạng của công-nông để tiếp tục đi lên với nhiều các hình thức phong phú khác nhau. Thời đại ngày nay vẫn là thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế

giới, thì lý luận về cách mạng không ngừng vẫn là cơ sở, là sự thôi thúc mạnh mẽ hoạt động cách mạng của các Đảng cộng sản chân chính.

Ngay các Đảng đã nắm chính quyền, tư tưởng cách mạng không ngừng vẫn là một đòi hỏi thực tế, yêu cầu thực hiện đầy đủ những vấn đề dân chủ còn đặt ra nhưng trong tiến trình đi lên chủ nghĩa xã hội để đưa lại bước tiến nhanh và vững chắc cho sự nghiệp cách mạng chung.

Ở nước ta, do xuất phát thấp, nên nội dung trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội bao hàm nhiều nhiệm vụ khó khăn và phức tạp. Nhưng dù nội dung nào đi chăng nữa (thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần, đẩy mạnh công nghiệp hoá...) cũng đặt trong phương hướng đi lên chủ nghĩa xã hội. Do vậy những nội dung đó mang những sắc thái, những tinh thần mới của chủ nghĩa xã hội.

Chú ý đến tính cơ cấu của xã hội để tác động một cách phù hợp đến từng giai cấp, tầng lớp, xã hội... cũng là một yêu cầu lớn đối với lãnh đạo và quản lý xã hội của Đảng và Nhà nước ta hiện nay.

Bài học quan trọng của tác phẩm là xây dựng Đảng. Đảng chỉ thực sự lãnh đạo được phong trào nếu vững mạnh về tư tưởng, tổ chức và chính trị. Sự nghiệp đổi mới của đất nước, đi đúng hướng và đạt thành tựu to lớn là có nguyên nhân quan trọng từ sự lãnh đạo của Đảng ta. Đất nước bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đang đòi hỏi Đảng ta phải vươn lên tương xứng trong vị trí lãnh đạo của mình. Do vậy, vừa qua, Nghị quyết Trung ương lần thứ 6 (khoá VIII) của Đảng đã chuyên bàn "Về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay". Trong đó đã nêu lên 10 nhiệm vụ cần phải thực hiện nghiêm túc trong thời gian tới để xây dựng Đảng ta thực sự vững mạnh, xứng đáng với niềm tin tưởng của nhân dân ta.

Nội dung, tinh thần phương pháp luận của các vấn đề trong tác phẩm vẫn còn nguyên ý nghĩa thực tiễn. Tuy vậy, qua nghiên cứu nhận thấy, có những ý diễn đạt trong tác phẩm, nếu người đọc không có cách nhìn bao quát và biện chứng thì dễ hiểu sai và nếu vận dụng sẽ đem lại những tác hại lớn. Ở trang 95, khi nói về sự chuyển biến từ cách mạng tư sản kiểu mới sang cách mạng xã hội chủ nghĩa, có viết: "Cuộc đấu tranh chống chế độ chuyên chế là một nhiệm vụ tạm thời, chốc lát của những người xã hội chủ nghĩa, nhưng nếu

làm ngơ hay coi thường nhiệm vụ ấy ít nhiều thì chẳng khác gì phản lại chủ nghĩa xã hội và làm lợi cho phe phản động. Chuyên chính dân chủ- cách mạng của giai cấp vô sản và nông dân hoàn toàn chỉ là một nhiệm vụ tạm thời, chốc lát của những người xã hội chủ nghĩa, nhưng trong thời kỳ cách mạng dân chủ, làm ngơ trước nhiệm vụ ấy thì thật là phản động". Những từ "tạm thời", "chốc lát" (phải chăng là rất ngắn? Bao lâu?) có phải đó là "đốt cháy" giai đoạn không? Nhìn cả đoạn trích và toàn tác phẩm thì không phải như vậy. Tinh thần ấy của Lenin là theo ý phải chuyển nhanh trên cơ sở đã hoàn thành nhiệm vụ của cuộc cách mạng trước, là ngắn so với nhiệm vụ chính lâu dài là cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Ở trang 157 có viết: "Những vấn đề to lớn trong đời sống của các dân tộc chỉ giải quyết bằng sức mạnh". Nếu tách câu này riêng ra thì không hẳn có lý. Nhưng đặt nó trong bối cảnh tác giả đang nói về cách mạng bạo lực, như bài viết này vừa trình bày, thì thấy được tính hợp lý của câu này...

"VỀ QUYỀN DÂN TỘC TỰ QUYẾT"

V.I. Lênin

(Lênin: toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, tiến bộ, M, 1980, t. 25,
tr 299 - 376)

I/ Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm.

- Lênin viết tác phẩm vào năm 1914. Đây là tác phẩm chống chủ nghĩa cơ hội trong phong trào công nhân Nga và quốc tế, nhằm củng cố tư tưởng và tổ chức trong Đảng và chuẩn bị cho quần chúng bước vào cuộc cách mạng mới.

Thời điểm này, ở Nga, xuất hiện một cao trào cách mạng. Trong cao trào đó, vấn đề dân tộc nổi lên chiếm một vị trí quan trọng trong cương lĩnh của Đảng.

Nước Nga Sa hoàng là nhà tù của các dân tộc. Nga hoàng thống trị các dân tộc một cách tàn bạo, đồng hoá thậm chí thủ tiêu cả một dân tộc, kích động các dân tộc chống đối lẫn nhau.

Sau thất bại của phong trào cách mạng năm 1905, chủ nghĩa dân tộc Đại Nga phát triển, ách áp bức dân tộc tăng lên. Đồng thời nảy sinh các khuynh hướng dân tộc tư sản. Do cùng chung lợi ích, giai cấp tư sản và các tầng lớp phong kiến có tư tưởng Đại Nga đã ra sức bóc lột công nhân, gây chia rẽ, làm mất đoàn kết trong nội bộ giai cấp công nhân các dân tộc ở Nga.

Trong hàng ngũ những người xã hội chủ nghĩa ở các dân tộc không phải Đại Nga, do dao động về tư tưởng, đã dẫn tới việc theo đuổi chủ nghĩa tự do dân tộc tư sản. Rô-da-lúc-xăm-bua, một người mác xít đã phạm sai lầm nghiêm trọng về vấn đề dân tộc là đã đưa ra những quan điểm làm chỗ dựa cho những khuynh hướng dân tộc chủ nghĩa.

Lênin viết tác phẩm này vào lúc chủ nghĩa đế quốc đang xúc tiến mạnh mẽ cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất. Đây là cuộc chiến tranh đế quốc với đế quốc nhằm mục đích tàn sát, cướp bóc các dân tộc. Những kẻ gây chiến muốn sử dụng chủ nghĩa dân tộc để dọn đường cho chiến tranh, kích động chủ nghĩa dân tộc nước lớn, thôn tính dân tộc nhỏ. Ở nước Nga để thực hiện âm mưu đó, chúng sử dụng bọn men-sê-vích làm công cụ tuyên truyền cho chúng.

Trong lúc này, ở Quốc tế II những người cơ hội chủ nghĩa đã phản bội lại quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, bỏ phiếu tán thành ngân sách chiến tranh, tuyên truyền chủ nghĩa dân tộc, cổ vũ cho sự tự trị dân tộc về văn hoá, chông lại quyền dân tộc tự quyết mà Hội nghị quốc tế họp ở Luân Đôn, năm 1896, đã đề ra.

- Trước tình hình thế giới, tình hình nước Nga và cuộc đấu tranh trong Đảng, đã đặt ra cho Đảng bôn -sê-vích (b) nhiệm vụ: chống lại chủ nghĩa dân tộc Đại Nga, mặt khác phải khắc phục được thiên kiến hẹp hòi của vấn đề dân tộc.

Vấn đề dân tộc trở thành quan trọng hàng đầu trong đời sống chính trị nước Nga. Nước Nga đang đứng trước một cuộc khủng hoảng cách mạng lớn. Vì thế, cần phải củng cố tổ chức chặt chẽ, đảm bảo kỷ luật trong Đảng. Cần phải xây dựng một cương lĩnh cách mạng về dân tộc. Lênin viết tác phẩm "Quyền dân tộc tự quyết" có tính cương lĩnh của Đảng cộng sản (b) nhằm giải quyết vấn đề "quyền dân tộc tự quyết", phê phán những quan điểm sai lầm của Rô-da-lúc-xăm-bua và chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc.

** Vài nét về Rô-da-lúc-xăm-bua:*

Rô-da-lúc-xăm-bua (1871-1919) là người gốc Ba Lan, hoạt động xuất sắc trong phong trào công nhân Đức và thế giới, là một nhà lý luận cánh tả của Đảng xã hội - dân chủ Đức. Bà là một trong những người sáng lập ra Đảng cộng sản Đức.

Tham gia cách mạng từ lúc 15 tuổi, trước Đại chiến thế giới lần thứ I, bà chống Cau-xky, bị cầm tù suốt thời gian chiến tranh này.

10/1918 được ra tù cùng Líp-Nếch, Colava Détkin, bà tiếp tục lãnh đạo Đảng cộng sản Đức, song bà cũng mắc khá nhiều sai lầm về lý luận, quan điểm sách lược về chủ nghĩa đế quốc, vai trò của Đảng, dân tộc, nông dân... Những quan điểm của bà mang tính chất nửa "b" nửa "M". Tháng 1/1919 Rô-da-lúc-xăm-bua bị ám hại.

Tóm lại, trước tình hình quốc tế và của nước Nga vào những năm 1913 - 1914. Lênin viết tác phẩm này nhằm bảo vệ tư tưởng của Mác-Ăng ghen về quyền dân tộc tự quyết, phát triển và hoàn chỉnh lý luận về quyền dân tộc tự quyết trong thời kỳ đế quốc chủ nghĩa.

Lênin vận dụng những luận điểm của chủ nghĩa Mác về vấn đề dân tộc vào thực tiễn của nước Nga.

Lênin đã phân tích khái niệm quyền dân tộc tự quyết, nội dung cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác-Lênin, quan điểm của giai cấp vô sản thuộc dân tộc bị áp bức đối với tư sản nước mình, lập trường giải quyết cụ thể vấn đề dân tộc cho một nước nào đó, quan hệ giữa vấn đề giai cấp vô sản và vấn đề dân tộc.

II/ Nội dung tác phẩm.

1- Thế nào là quyền dân tộc tự quyết

Lênin xác định đây là vấn đề đặt ra trước tiên khi người ta muốn nghiên cứu theo quan điểm mác-xít, cái mà người ta gọi là "quyền dân tộc tự quyết". Để hiểu quyền dân tộc tự quyết là gì phải "nghiên cứu có tính chất lịch sử kinh tế về các phong trào dân tộc". Trong tác phẩm, Người cho thấy có 2 quan điểm về quyền dân tộc tự quyết:

- Quan điểm phi mác xít: tác phẩm vạch rõ Rô-da-lúc-xăm-bua. Xem-cốp-xki. Líp Man (phái Bun), I-ua-kê-vích (phái xã hội dân chủ Ukrai-na)... đã chống lại điểm 9 trong Cương lĩnh dân tộc mác xít của Đảng dân chủ - xã hội Nga vì họ không nghiên cứu kỹ bản chất vấn đề quyền dân tộc tự quyết là gì và không giải đáp nó bằng việc nghiên cứu có tính chất lịch sử kinh tế về các phong trào dân tộc.

Chính "đầu óc giản đơn" của họ đã dẫn tới việc chê bai Cương lĩnh là "thiếu rõ ràng", "trừu tượng", "siêu hình"... Họ đã không thấy ý nghĩa của cương lĩnh Nga năm 1903 và Nghị quyết Đại hội quốc tế ở Luân Đôn năm 1896.

Rô-da cho rằng quyền dân tộc tự quyết là không phù hợp với thực tế, là ảo tưởng đối với những dân tộc nhỏ bé. Bà cho rằng, mọi quốc gia nhỏ bé đều phụ thuộc về mặt kinh tế vào những quốc gia lớn. Giữa các quốc gia tư sản đang diễn ra cuộc đấu tranh đê bẹp và cướp bóc các dân tộc khác. Trong điều kiện ấy, quyền dân tộc tự quyết là không thể thực hiện được, là ảo tưởng.

- Quan điểm của Lênin: Lênin đã phê phán sự non yếu về chính trị và thiếu cơ sở khoa học về lý luận của Rô-da-lúc-xăm-bua. Người cho rằng chỉ cần đưa ra cơ sở khoa học của quyền dân tộc tự quyết đã đánh đổ 9/10 lý lẽ của Rô-da.

Lênin chỉ rõ, Rô-da đã không hiểu cơ sở kinh tế của phong trào dân tộc. Người nhấn mạnh, trên toàn thế giới, thời kỳ thắng lợi hoàn toàn của chủ nghĩa tư bản đối với chế độ phong kiến gắn liền với các phong trào dân tộc. "Cơ sở kinh tế của những phong trào ấy là ở chỗ muốn cho sản xuất hàng hoá hoàn toàn thắng lợi, thì giai cấp tư sản phải chiếm được thị trường trong nước, những lãnh thổ mà dân cư nói chung một ngôn ngữ phải được thống nhất thành một quốc gia..." [303]. Sự thống nhất về ngôn ngữ và sự phát triển tự do là một trong những điều kiện quan trọng nhất khiến cho việc lưu thông buôn bán được thật sự tự do, rộng rãi thành từng giai cấp riêng biệt; giữa thị trường người bán và người mua có mối liên hệ mật thiết. Như vậy, tất yếu dẫn tới hình thành quốc gia dân tộc. Đó là xu hướng là nguyện vọng vốn có của mọi phong trào dân tộc.

Lênin cho rằng quyền dân tộc tự quyết có nghĩa là quyền phân lập về mặt nhà nước của các dân tộc đó ra khỏi các tập thể dân tộc khác, có nghĩa là thành lập một quốc gia dân tộc độc lập, tức là quyền tự quyết về mặt chính trị [303].

Trong khi đó, Rô-da-lúc-xăm-bua lại cho rằng quyền tự quyết chỉ là lý luận trừu tượng, và trước sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc thì quyền tự quyết của các nước nhỏ chỉ là ảo tưởng. Bà cho rằng, việc tách Ba Lan ra khỏi Nga là ảo tưởng và Ba Lan là một nước phụ thuộc. Theo Lênin, *Tất cả các dân tộc đều có quyền tự quyết*. Sai lầm của Rô-da là bà đã lấy sự tự trị và độc lập về mặt kinh tế thay cho sự tự trị về mặt chính trị và độc lập quốc gia của các dân tộc. Lênin còn chỉ ra rằng không những chỉ các quốc gia nhỏ mà cả nước Nga nữa cũng đều hoàn toàn phụ thuộc về mặt kinh tế vào thế lực của tư bản tài chính đế quốc chủ nghĩa ở các nước tư bản giàu có. Rô-da cũng đã không nhận thấy rằng "... một phần rất lớn của châu Á, châu đông dân nhất, hiện đang ở vào địa vị hoặc là những thuộc địa của các "cường quốc lớn", hoặc là những quốc gia hết sức bị phụ thuộc và bị áp bức về mặt dân tộc"[306].

Thực tiễn châu Á đã chứng minh lập luận sai lầm của Rô-da cho rằng các dân tộc phụ thuộc về kinh tế nên không thể thực hiện quyền dân tộc tự quyết, chứng minh cái sai lầm của Rô-da trong việc lấy quyền tự quyết và độc lập về kinh tế thay cho quyền độc lập về chính trị.

Lênin đã phân tích rằng quyền dân tộc tự quyết đây là quyền tự quyết về chính trị, nhưng những người mác xít không thể bỏ qua những yếu tố kinh tế mạnh mẽ đang sản sinh ra những xu hướng thành lập các quốc gia dân tộc. "Điều đó có nghĩa là trong cương lĩnh của những người mác xít, "quyền dân tộc tự quyết", đứng trên quan điểm mặt lịch sử - kinh tế mà xét, không thể có nghĩa nào khác hơn là quyền tự quyết về chính trị, là quyền độc lập quốc gia, là sự thành lập quốc gia dân tộc"[308].

2- Quan điểm lịch sử cụ thể khi nghiên cứu và giải quyết vấn đề dân tộc.

- Lênin nhấn mạnh: "Lý luận mác xít tuyệt đối đòi hỏi người ta khi phân tích bất cứ vấn đề xã hội nào, phải đặt nó trong một bối cảnh lịch sử nhất định; rồi nếu chỉ nói về một nước thôi (chẳng hạn như nói về cương lĩnh dân tộc đối với một nước nhất định), thì cần phải chú trọng đến những đặc điểm cụ thể, phân biệt nước ấy với các nước khác trong phạm vi cùng một thời đại lịch sử"[308].

- Quan điểm đó được vận dụng vào để phân tích hai thời kỳ phát triển của chủ nghĩa tư bản mà theo phương diện phong trào dân tộc mà xét thì chúng khác nhau căn bản là:

+ *Thời kỳ thứ nhất là:* Sự sụp đổ của chế độ phong kiến, thiết lập một xã hội dân chủ - tư sản và một quốc gia dân chủ tư sản. Thời kỳ các phong trào dân tộc lần đầu tiên trở thành những phong trào quần chúng và lôi cuốn bằng cách này hay cách khác tất cả các giai cấp trong dân cư tham gia hoạt động chính trị bằng con đường báo chí, bằng cách tham gia các cơ quan đại biểu.

+ *Thời kỳ thứ hai là* thời kỳ các quốc gia tư bản chủ nghĩa đã hình thành, có một chế độ lập hiến được xác lập từ lâu và sự đối kháng đã phát triển mạnh mẽ giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản. Thời kỳ mà người ta có thể gọi là đem trước của sự sụp đổ của chủ nghĩa tư bản.

Đặc điểm của thời kỳ thứ nhất là sự thức tỉnh của phong trào dân tộc do cuộc đấu tranh cho quyền tự do chính trị nói chung và cho những quyền dân tộc nói riêng mà những phong trào này lôi cuốn được nông dân, các tầng lớp dân cư đông đảo nhất và khó phát động nhất.

Đặc điểm của thời kỳ thứ hai là không có những phong trào dân chủ tư sản có tính chất quần chúng trong khi chủ nghĩa tư bản phát triển làm cho các dân tộc đã hoàn toàn bị lôi cuốn vào chu chuyển thương mại và đưa lên sự đối kháng hàng đầu giữa tư sản và vô sản trên phạm vi quốc tế.

- Về mối quan hệ giữa hai thời kỳ đó của phong trào dân tộc, Lênin cho rằng: "Đương nhiên, hai thời kỳ đó không tách rời nhau bằng một bức tường thành nào cả; mà chúng gắn liền với nhau bằng rất nhiều mắt xích trung gian; hơn nữa, giữa các nước còn có sự khác nhau về tốc độ của sự phát triển dân tộc về thành phần dân tộc trong dân cư"..., về sự phân bố dân cư; v.v..., v.v... [309]. Việc khởi thảo cương lĩnh dân tộc của những người mác xít ở một nước nhất định phải tính đến điều kiện lịch sử chung và những điều kiện cụ thể của quốc gia đó.

- Sai lầm của Rô-da: là ở chỗ cho rằng dân tộc tự quyết có thể áp dụng chung cho tất cả các nước kể cả những nước tư bản phát triển đến các nước mà chủ nghĩa tư bản chưa phát triển. Rô-da đã không thấy được hoàn cảnh cụ thể của các nước Tây Âu khác với các nước Đông Âu.

Lênin đã phân tích, các nước Tây Âu đã hoàn thành cách mạng dân chủ tư sản từ năm 1789 tới năm 1871. Cuối thời kỳ ấy, ở Tây Âu đã hình thành hệ thống các quốc gia tư sản thuần nhất về mặt dân tộc. Vì vậy, nếu lúc đó mà đi tìm quyền dân tộc tự quyết trong các cương lĩnh của những người xã hội chủ nghĩa ở Tây Âu thì là một việc làm lố bịch [314].

Ở Đông Âu và châu Á, thời kỳ cách mạng dân chủ tư sản mới bắt đầu thì trong cương lĩnh của Đảng phải đặt vấn đề tự quyết dân tộc. Ở Nga, năm 1905 mới làm cách mạng dân chủ tư sản. Nước Nga là một quốc gia có dân tộc trung tâm đông nhất là dân tộc Đại Nga. Những "người dị tộc" (dân tộc ít người chiếm 57% dân số, sống ở vùng ngoại vi), họ bị chế độ Nga Hoàng áp bức nặng nề. Do đó phải nêu ra vấn đề quyền dân tộc tự quyết và điều này có ý nghĩa đặc biệt ở Nga.

3- Mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp

Dân tộc và giai cấp là hai phạm trù khác nhau, nhưng có mối quan hệ với nhau. Vấn đề này Mác đã nói nhiều ở thời kỳ tư bản chủ nghĩa, Lênin phát triển

thêm trong điều kiện mới, điều kiện chủ nghĩa tư bản phát triển thành chủ nghĩa đế quốc.

- Rô-da-lúc-xăm-bua cho rằng quyền dân tộc tự quyết không có ý nghĩa thực tiễn cho giai cấp công nhân và cho phong trào dân tộc. Theo Rô-da thì phải ủng hộ toàn bộ nguyện vọng của các dân tộc. Đòi Đảng cộng sản phải nói ngay đồng ý hay không đồng ý về quyền phân lập dân tộc, nói ngay những khả năng thực hiện các yêu sách dân tộc [318].

- Lênin phê phán, cách đặt vấn đề như vậy là sai lầm về lập trường giai cấp và phương pháp nghiên cứu. Giai cấp tư sản bao giờ cũng đặt yêu sách của dân tộc mình lên hàng đầu. "Trong vấn đề dân tộc, giai cấp tư sản nào cũng đều muốn dân tộc mình hoặc có những đặc quyền, hoặc có những đặc lợi; đó chính là cái mà người ta cho là "thực tiễn" đấy [319]. Trong tình hình ấy, Rô-da đòi hỏi phải trả lời đồng ý hay không đồng ý quyền phân lập của mỗi dân tộc thì đòi hỏi đó là siêu hình về mặt lý luận và thực tiễn, là sự áp đặt giai cấp vô sản phải phục tùng giai cấp tư sản.

Theo Lênin, lập trường của giai cấp vô sản là: bất cứ phong trào dân tộc nào nảy sinh thì giai cấp vô sản phải xem xét và chỉ ủng hộ khi nào có lợi cho giai cấp công nhân và các dân tộc bị áp bức. Để chống lại "chủ nghĩa thực tiễn" của giai cấp tư sản, những người vô sản đề ra một chính sách dân tộc có tính nguyên tắc là bao giờ cũng chỉ ủng hộ giai cấp tư sản một cách có điều kiện. Quan điểm của giai cấp vô sản là tuyệt đối xoá bỏ mọi đặc quyền và đấu tranh kiên quyết với chủ nghĩa dân tộc.

Lênin khẳng định: phải đứng trên phương diện đấu tranh giai cấp của công nhân mà đánh giá mọi yêu sách dân tộc, mọi sự phân lập có tính chất dân tộc; phải thực hiện liên kết giai cấp vô sản các dân tộc.

Vận dụng ở Nga: Người Đại Nga ở nước Nga là một dân tộc bị áp bức (chủ nghĩa dân tộc Đại Nga) là đáng sợ nhất, mặc dù nó có ít tính chất tư sản hơn nhưng lại có nhiều tính chất phong kiến hơn. Cần phải chống đặc quyền dân tộc Đại Nga, ủng hộ quyền phân lập của các dân tộc, giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp công nhân.

Tóm lại: Trong một quốc gia đa dân tộc, tuyệt đối phải chống mọi đặc quyền đặc lợi dân tộc, ủng hộ quyền bình đẳng của tất cả các dân tộc trong việc thành lập quốc gia dân tộc độc lập, thực hiện 3 mục tiêu lớn: dân chủ với các dân tộc, đoàn kết và bình đẳng dân tộc.

** Ở Nga, các giai cấp đã có những quan điểm khác nhau về quyền dân tộc tự quyết:*

- Bọn quan lại địa chủ phong kiến: tuyệt đối phủ nhận cả bình đẳng về quyền lợi của các dân tộc và quyền tự quyết.

- Giai cấp tư sản Nga được mời tham gia chính quyền thì lẫn tránh quyền tự quyết về chính trị nghĩa là quyền phân lập. Họ chỉ thừa nhận tự quyết về mặt văn hoá, phản đối việc các dân tộc tách khỏi quốc gia Nga [330]. Theo lập trường của bọn cơ hội đưa ra thì nếu thực hiện quyền tự quyết về chính trị sẽ có nguy cơ tan rã quốc gia [333].

Phê phán quan điểm đó, Lênin cho rằng: thực hiện sự phân lập chẳng những không làm cho nguy cơ tan rã một quốc gia mà làm cho quốc gia ngày càng được củng cố. Để minh chứng luận điểm đó Lênin đã lấy việc dân tộc U-crai-na làm ví dụ: Nếu U-crai-na càng được tự do thì mối quan hệ của nó với các nước càng được củng cố vững chắc.

- *Lập trường của giai cấp vô sản đối với vấn đề tự quyết:* không có quyền nào lớn hơn quyền tự do dân chủ, quyền tự do phân lập thành một quốc gia dân tộc độc lập, không phụ thuộc vào dân tộc khác, đó là quyền tự quyết về chính trị chứ không phải tự quyết về văn hoá. Nếu người nào phản đối quyền tự quyết thực chất là họ đứng trên lập trường chủ nghĩa dân tộc Đại Nga.

** Như vậy sai lầm của Rô-da-lúc-xăm-bua là phủ nhận tác dụng tích cực của Na Uy tách ra khỏi Thụy Điển. Khi chống chủ nghĩa dân tộc của phái "Phrác" (tên thường dùng để gọi "Đảng xã hội chủ nghĩa Ba Lan"), Rô-da lấy việc Na Uy tách khỏi Thụy Điển để trở thành một quốc gia riêng là không dân chủ, là biểu hiện của đầu óc địa phương của nông dân và tiểu tư sản, là phong trào không có chút gì tiến bộ cả.*

- Lênin phê phán Rô-da về quan điểm này: Na Uy tách khỏi Thụy Điển có nguồn gốc lịch sử và tính hợp lý của nó. Việc tách Na Uy khỏi Thụy Điển là đúng, vì rằng sự kết hợp Na Uy với Thụy Điển không phải tự nguyện mà là cưỡng bức, không phải là nguyện vọng của nhân dân, chính bọn vua chúa trong thời kỳ chiến tranh Napôlêông đã đem Na Uy dâng cho Thụy Điển trái với ý nguyện của người Na Uy. Việc Na Uy tách khỏi Thụy Điển là thực hiện một cuộc cách mạng bạo lực chứ không phải hoà bình. Nhân dân Na Uy đã giành được quyền phân lập tách khỏi Thụy Điển và Thụy Điển cần phải chấp nhận sự phân lập ấy [342].

- Lập trường của giai cấp vô sản Na Uy và Thụy Điển phải như thế nào trước sự phân lập đó?

Đối với giai cấp vô sản Na-uy: ủng hộ sự phân lập đó "Sau sự phân lập, dĩ nhiên là công nhân giác ngộ ở Na-uy bỏ phiếu tán thành chế độ cộng hoà" [342]. Trong khi đó đa số dân cư trong dân tộc Na Uy tán thành chế độ quân chủ. Giai cấp vô sản Na Uy đứng trước hai con đường: hoặc làm cách mạng nếu những điều kiện đã chín muồi, hoặc chịu theo đa số và tiến hành công tác tuyên truyền và cô động lâu dài.

Giai cấp vô sản Thụy Điển đã đấu tranh cho quyền dân tộc tự quyết, bảo vệ quyền tách ra của Na Uy. Điều đó có lợi cho sự đoàn kết và lợi ích hai dân tộc Na Uy và Thụy Điển, trước mắt và lâu dài trong đấu tranh chống giai cấp tư sản và quý tộc ở cả hai nước.

Việc tách Na-uy ra khỏi Thụy Điển là phá huy những mối liên hệ của bọn vua chúa châu Âu với quý tộc hòng buộc Thụy Điển vào Na-uy, là củng cố khối đoàn kết giai cấp vô sản Na-uy với giai cấp vô sản Thụy Điển. Đó là tác dụng tích cực của việc tách Na-uy ra khỏi Thụy Điển, mà Rô-da không thấy được, do quan điểm sai lầm của bà.

4- Vị trí vấn đề dân tộc

Thông qua việc phê phán quan điểm sai lầm của Rô-da-lúc-xăm-bua và những người cơ hội khác, Lênin đã bảo vệ và phát triển lý luận của chủ nghĩa Mác về vấn đề dân tộc.

Dân tộc và giai cấp là hai phạm trù khác nhau, nhưng có mối quan hệ với nhau, vấn đề này Mác đã nói nhiều ở thời kỳ tư bản chủ nghĩa, Lênin đã phát triển quan điểm đó trong điều kiện mới, điều kiện chủ nghĩa tư bản phát triển thành chủ nghĩa đế quốc.

Về *Vị trí của vấn đề dân tộc*, theo Lênin giai cấp và dân tộc là hai vấn đề có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, nhưng vấn đề giai cấp phải đặt lên hàng đầu, vấn đề dân tộc là thứ yếu. "Đối với Mác, thật không còn nghi ngờ gì cả là so với "vấn đề công nhân", thì vấn đề dân tộc chỉ có một ý nghĩa thứ yếu thôi. Nhưng lý luận của Mác thì xa việc coi thường các phong trào dân tộc, như trời xa đất vậy" [352, 353].

Như vậy, đặt vấn đề dân tộc trong tiến trình cách mạng vô sản, Lênin đã khẳng định: vấn đề dân tộc là vấn đề bộ phận, vấn đề phụ thuộc, vấn đề thứ yếu so với vấn đề giai cấp. Do vậy, không được tuyệt đối hoá vấn đề dân tộc, không được đặt vấn đề dân tộc lên trên vấn đề giai cấp và không được biến nó thành một thứ "bãi vật". Lênin dẫn ý kiến của Mác về vấn đề này: "giai cấp công nhân ít có thể coi vấn đề dân tộc là một bãi vật được, vì sự phát triển của chủ nghĩa tư bản không nhất thiết sẽ thức tỉnh tất cả các dân tộc giành lấy một đời sống độc lập. Nhưng một khi những phong trào dân tộc có tính chất quần chúng đã xuất hiện rồi mà bài xích các phong trào đó thì như vậy thực tế là rơi vào những thiên kiến dân tộc chủ nghĩa"[353-354].

Lênin chỉ rõ: "Mác không cho các phong trào dân tộc là một cái gì tuyệt đối, vì rằng chỉ có thắng lợi của giai cấp công nhân mới có thể hoàn toàn giải phóng được tất cả các dân tộc" [357]. Do vậy, những người mác xít phải biết gắn việc giải phóng dân tộc với quá trình đấu tranh giải phóng giai cấp. Lênin còn chỉ rõ: "Giai cấp vô sản coi trọng và đặt sự liên hợp của những người vô sản tất cả các dân tộc lên trên hết, và nó đứng về phương diện đấu tranh của giai cấp công nhân mà đánh giá mọi yêu sách dân tộc, mọi sự phân lập có tính dân tộc".

Tuy nhiên, lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin cũng không xem nhẹ vấn đề dân tộc và nhiệm vụ giải phóng dân tộc. Khi phong trào dân tộc phát triển mạnh có tính chất quần chúng mà giai cấp vô sản không nắm lấy, không ủng hộ mặt tiến

bộ của phong trào đó sẽ đi đến sai lầm. Mặt khác, dân tộc nào đi nô dịch dân tộc khác, chính dân tộc đó cũng mất tự do.

Đặt vấn đề dân tộc phụ thuộc vào vấn đề giai cấp, lập trường của giai cấp vô sản đối với vấn đề dân tộc là thừa nhận quyền tự quyết của tất cả mọi dân tộc, gạt bỏ mọi đặc quyền, đặc lợi, mọi chủ nghĩa biệt lập, mọi sự bất bình đẳng dân tộc. Điều đó thực sự tạo điều kiện thuận lợi cho dân chủ, tự do, bình đẳng và liên hiệp những người vô sản thuộc tất cả các dân tộc. Đối với phong trào dân tộc do giai cấp tư sản lãnh đạo, dù là giai cấp tư sản của dân tộc bị áp bức, giai cấp vô sản không thể ủng hộ tất cả mọi yêu sách của giai cấp họ vì giai cấp tư sản nào cũng muốn dân tộc mình có đặc quyền đặc lợi mà không đếm xỉa gì đến lợi ích của dân tộc khác. Họ sẵn sàng thoả hiệp với giai cấp bóc lột khác làm tổn hại đến giai cấp vô sản và nhân dân lao động. Do vậy, giai cấp vô sản chỉ ủng hộ phong trào dân tộc tư sản có điều kiện.

Chủ nghĩa Mác khẳng định: lợi ích dân tộc phải gắn với lợi ích giai cấp công nhân: giai cấp công nhân hãy thực hiện sự thống nhất quốc tế trong cuộc đấu tranh của mình.

* *Qua tác phẩm, nhận thấy*, Lênin uốn nắn những sai lầm về nhận thức lý luận và tư tưởng cho đồng chí của mình. Đó là mẫu mực tuyệt vời của tinh thần đấu tranh bảo vệ chân lý, của sự kết hợp giữa đấu tranh không khoan nhượng về nguyên tắc với tình cảm của người cách mạng và biểu hiện cao đẹp của chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Dù phê phán song Lênin vẫn không đánh giá thấp Rô-da-lúc-xăm-bua. Người cho rằng: Rô-da-lúc-xăm-bua đã lầm lẫn trong vấn đề độc lập của người Ba Lan. Năm 1903, bà đã lầm lẫn trong việc đánh giá bọn men-sê-vích. Tháng 7/1904 bà cũng đã lầm lẫn khi tán thành sự thống nhất giữa những người "b" và bọn "m" (cùng với Plê-kha-nốp, Cauxky và những người khác...). Nhưng mặc dầu tất cả những sai lầm đó, Rô-da-lúc-xăm-bua, (theo Lênin) vẫn, "đã và mãi mãi là phương hoàng". Như vậy, trong khi đánh giá cao Rô-da-lúc-xăm-bua, Lênin đã nhiều lần phê bình những sai lầm của bà, do đó giúp bà sửa chữa để giữ vững được lập trường cách mạng của giai cấp vô sản.

5- Kết luận:

Trong phần kết luận, Lênin đã chỉ ra những vấn đề sau:

- Giai cấp vô sản của tất cả các dân tộc đi áp bức và bị áp bức đều phải đoàn kết với nhau chống chủ nghĩa tư bản.

- Chủ nghĩa dân tộc ở Nga biến đổi từng thời kỳ, tùy theo những giai cấp khác nhau chiếm ưu thế trong mỗi thời kỳ đó. (Trước 1905 ở Nga hầu như chỉ có bọn dân tộc chủ nghĩa phản động mà thôi. Sau 1905 xuất hiện bọn tự do chủ nghĩa, tức là lập trường của giai cấp tư sản hiện đại. Sau nữa là phái dân chủ - dân tộc Đại Nga).

- Sự thức tỉnh của các dân tộc bị áp bức trải qua từng thời kỳ, công cuộc cải tạo dân chủ nước Nga càng chậm chạp thì sự ngược đãi dân tộc và sự cạnh tranh của giai cấp tư sản càng dai dẳng, tàn nhẫn và ác liệt.

- Tình hình nước Nga đặt ra cho giai cấp vô sản Nga một nhiệm vụ song trùng: Đấu tranh chống mọi biểu hiện chủ nghĩa dân tộc trước hết là chống chủ nghĩa dân tộc Đại Nga và thừa nhận quyền bình đẳng hoàn toàn của các dân tộc, quyền tự quyết của các dân tộc, sự liên kết giai cấp công nhân các dân tộc.

6- Nội dung cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác-Lênin

Nội dung Cương lĩnh dân tộc của Lênin gồm có 3 điểm lớn:

- *Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng* là nguyên tắc đầu tiên của Cương lĩnh dân tộc của Lênin. Nguyên tắc đó được xuất phát từ mục tiêu của cách mạng vô sản. Giai cấp vô sản phản đối mọi tình trạng bất bình đẳng giữa các dân tộc, phản đối mọi đặc quyền đặc lợi và áp bức dân tộc. Giai cấp vô sản chỉ có thể thực hiện được sứ mệnh lịch sử của mình cùng với việc thực hiện sự bình đẳng giữa các dân tộc. Đó là sự bình đẳng giữa các dân tộc trong một quốc gia và bình đẳng giữa các dân tộc, kể cả thừa nhận quyền bình đẳng phân lập thành quốc gia dân tộc độc lập.

Khi phản đối việc chạy theo "chủ nghĩa thực tiễn" của Rô-da-lúc-xăm-bua, Lênin đề ra nhiệm vụ thực tiễn chủ yếu của giai cấp vô sản ở Đại Nga cũng như

của giai cấp vô sản ở các dân tộc khác là: "... hàng ngày làm công tác cổ động và tuyên truyền chống mọi đặc quyền dân tộc trong quốc gia, ủng hộ quyền bình đẳng của tất cả các dân tộc trong việc thành lập quốc gia dân tộc riêng của họ; đó là nhiệm vụ chủ yếu của chúng ta (hiện giờ) trong vấn đề dân tộc, vì chỉ có làm như thế, chúng ta mới bảo toàn được những lợi ích của dân chủ và của sự liên hợp dựa trên sự bình đẳng về quyền lợi của toàn thể những người vô sản thuộc tất cả các dân tộc"[324].

- *Các dân tộc được quyền tự quyết* là quyền phân lập của các dân tộc, lấy tư cách là quốc gia tách ra khỏi các tập thể dân tộc khác, có nghĩa là sự thành lập các quốc gia dân tộc độc lập.

Trong tác phẩm này, khi phê phán những người cơ hội và Rô-da đã công kích điểm 9 trong Cương lĩnh dân tộc mác xít của Đảng dân chủ - xã hội Nga, Lênin vạch rõ hoàn cảnh lịch sử và điều kiện cụ thể trong mối quan hệ dân tộc ở nước Nga. Đảng dân chủ - xã hội Nga nếu không muốn phản bội lại sự nghiệp của mình thì phải đề cập đến việc thừa nhận quyền dân tộc tự quyết trong Cương lĩnh của Đảng mình.

- *Liên hợp công nhân tất cả các dân tộc lại* là nguyên tắc quan trọng nhất của Cương lĩnh dân tộc mác xít. Đây chính là nguyên tắc phản ánh sự thống nhất về bản chất phong trào đấu tranh nhằm giải phóng giai cấp và dân tộc.

Cơ sở khách quan của nguyên tắc đó là khi chủ nghĩa tư bản đã trở thành lực lượng quốc tế thì giai cấp vô sản muốn chiến thắng phải có sự liên hiệp trên phạm vi quốc tế. Nếu không có sự đoàn kết của giai cấp vô sản các nước đi áp bức và dân tộc bị áp bức thì phong trào cách mạng vô sản ở các nước đế quốc chủ nghĩa và phong trào giải phóng dân tộc nhất định sẽ bị hạn chế. Nghị quyết năm 1896 của Quốc tế đã nêu rõ: Một mặt là hoàn toàn thừa nhận quyền tự quyết cho tất cả các dân tộc, mặt khác phải liên minh chặt chẽ giữa những người vô sản ở tất cả các dân tộc [350].

Cả ba nội dung của cương lĩnh đều rất quan trọng và nó có mối quan hệ biện chứng với nhau. Nếu thiếu bất kỳ một nội dung nào cũng tạo nên sự không hoàn chỉnh của Cương lĩnh. Chẳng hạn nếu tuyệt đối hoá quyền tự quyết, không

đặt nó trên cơ sở bình đẳng dân tộc và xu thế đoàn kết, hợp tác giữa giai cấp công nhân các dân tộc, sẽ biến Cương lĩnh thành một đường lối cực đoan dân tộc chủ nghĩa và đẩy các dân tộc vào tình trạng xung đột dân tộc.

III- Ý nghĩa của tác phẩm

Tác phẩm "Về quyền dân tộc tự quyết" của Lênin đã chống lại những quan điểm phản mác xít về vấn đề tự quyết của các dân tộc. Người đã kiên quyết phản đối yêu sách "tự trị dân tộc về văn hoá" mà những kẻ thuộc phái Bun, bọn thủ tiêu và phái Xã hội chủ nghĩa - cách mạng đưa ra nhằm bảo vệ và muốn kéo dài vĩnh viễn sự thống trị, áp bức dân tộc. Lênin khẳng định quyền tự quyết của các dân tộc phải là quyền độc lập về chính trị, kinh tế, văn hoá của các dân tộc.

Với tác phẩm này, Lênin đã giáng một đòn mạnh mẽ vào chủ nghĩa tự do - dân tộc Đại Nga, thứ chủ nghĩa này sinh sau cuộc cách mạng 1905 - 1907, mà đại diện là giai cấp tư sản. Quan điểm của chúng là bảo vệ những đặc quyền, đặc lợi của giai cấp tư sản nên kiên quyết chống lại quyền chính đáng của các dân tộc được tách khỏi nước Nga. Do đó, tác phẩm này Lênin không chỉ nhằm uốn nắn tư tưởng, nhận thức cho đồng chí của mình mà còn giác ngộ đảng viên và quần chúng đấu tranh chống chủ nghĩa dân tộc, nhất là chủ nghĩa dân tộc Đại Nga, thừa nhận quyền bình đẳng hoàn toàn của các dân tộc, quyền tự quyết và quyền dân tộc phân lập. Giác ngộ giai cấp công nhân các dân tộc muốn đấu tranh thắng lợi phải đoàn kết, thống nhất thành một chỉnh thể quốc tế "bất chấp những khát vọng của giai cấp tư sản muốn tách biệt về mặt dân tộc" (Lời tựa). Chính vì vậy "Quyền dân tộc tự quyết" đã trở thành Cương lĩnh Mác-Lênin về vấn đề dân tộc, giúp cho các Đảng cộng sản có một vũ khí lý luận sắc bén kịp thời chống lại những luận điệu tuyên truyền của chủ nghĩa dân tộc trong cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa (1914 - 1918).

"Về quyền dân tộc tự quyết" của Lênin là một cống hiến xuất sắc vào kho tàng chủ nghĩa Mác-Lênin về vấn đề dân tộc, đoàn kết quốc tế của giai cấp vô sản, mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc với vấn đề giai cấp, các xu hướng của phong trào dân tộc...

Quyền dân tộc tự quyết còn được Lênin thể hiện rõ nét trong "Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa" (năm 1920). Đó là những tác phẩm giữ vị trí đặc biệt quan trọng trong quá trình tìm đường cứu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tạo ra bước ngoặt căn bản trong tiến trình phát triển tư tưởng yêu nước của Người.

Lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin trong đó quyền tự quyết dân tộc, giúp Hồ Chí Minh tìm thấy con đường giải phóng dân tộc - Con đường kết hợp sự nghiệp giải phóng dân tộc với cách mạng vô sản thế giới, kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Ngày nay xu thế hợp tác, hội nhập đang chiếm ưu thế trong lịch sử của thế giới đương đại. Song thế giới cũng đang có nhiều các cuộc xung đột dân tộc, sắc tộc, tôn giáo, lãnh thổ nổ ra ở nhiều khu vực nhiều nước. Tác phẩm "Về quyền dân tộc tự quyết" của Lênin càng giúp ta xác định đúng đắn vị trí vấn đề dân tộc, những nhiệm vụ quan trọng, cấp bách để thực hiện bình đẳng, tự quyết trên thực tế và quan hệ hợp tác hữu nghị giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc trong một quốc gia đa dân tộc và các dân tộc trên phạm vi quốc tế. Quyền dân tộc tự quyết vẫn đang là một vũ khí sắc bén để chống lại chiến lược "diễn biến hoà bình" và âm mưu dùng vấn đề dân tộc và tôn giáo của các thế lực đế quốc chủ nghĩa nhằm gây chia rẽ hận thù dân tộc và phá vỡ tính định hướng xã hội chủ nghĩa ở các nước.

“NHÀ NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG”

V.I. LÊ-NIN

(V.I. Lênin: Toàn tập, Nxb Tiến bộ Matxcova, 1976, t.33, tr.1-148)

I. HOÀN CẢNH RA ĐỜI CỦA TÁC PHẨM

Vào đầu thế kỷ thứ XX, chủ nghĩa tư bản bước sang giai đoạn cuối cùng của nó - giai đoạn đế quốc chủ nghĩa - với những đặc điểm kinh tế hết sức cơ bản mà Lênin đã nhận ra trong tác phẩm “Chủ nghĩa đế quốc - giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản”. Trước hết, tập trung sản xuất cao dẫn đến hình thành các tổ chức độc quyền là đặc điểm kinh tế cơ bản nhất của chủ nghĩa đế quốc. Sự thống trị của các tổ chức độc quyền, sự tác động của quy luật lợi nhuận độc quyền cao làm cho mâu thuẫn cơ bản của CNTB, mâu thuẫn giữa tính chất xã hội hoá của lực lượng sản xuất và hình thức chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa càng thêm gay gắt. Do đó mà chu kỳ khủng hoảng kinh tế trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa rút ngắn lại¹ và có tính chất phá hoại nhiều hơn. Thế giới tư bản đã bước vào ngưỡng cửa của tổng khủng hoảng.

Gắn liền với khủng hoảng là nạn thất nghiệp, đói rét, bệnh tật. “Tự do kinh tế”, “tự do chính trị” của CNTB dần bị thủ tiêu. Không thoả mãn với sự thống trị trong nước, tư bản tài chính còn tham vọng xâm chiếm và thống trị các dân tộc, các quốc gia khác, mà trước hết với hình thức “xuất khẩu tư bản”. Thực chất đây là một phương pháp đấu tranh để giành giật thị trường thế giới của CNTB. Cuộc đấu tranh này dẫn đến kết quả cao hơn là sự phân chia thế giới thành những khu vực ảnh hưởng của các tổ chức độc quyền. Và tất nhiên, việc phân chia thế giới về mặt kinh tế được củng cố và tăng cường bằng việc phân chia thế giới về mặt lãnh thổ. Đó là bước xâm chiếm toàn diện hơn nữa của các nước tư bản phát triển đối với các nước chậm phát triển và lạc hậu về kinh tế. Tình hình này làm cho mâu thuẫn vốn có trong lòng xã hội tư bản: mâu thuẫn giữa tư bản và vô sản, giữa bọn tư bản độc quyền và bọn không độc quyền, giữa bọn tư bản độc quyền với nhau trong một nước và giữa các nước, giữa bọn tư bản độc quyền và nhân dân các nước bị nô dịch... ngày càng gay gắt. Nhưng tình hình đó cũng tạo điều kiện tăng cường liên minh giữa giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân

dân lao động ở chính quốc và ở thuộc địa, cũng như giữa nhân dân các nước thuộc địa với nhau trong cuộc đấu tranh chống áp bức thống trị của bọn phong kiến, tư bản. Một khí thế cách mạng mới đã dấy lên. Cách mạng Nga 1905 kết thúc thời kỳ đình trệ tạm thời trong phong trào công nhân quốc tế, kể từ sau thất bại của công xã Pari và mở đầu cho một loạt phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân thế giới. Đó là phong trào của công nhân Đức, Pháp, Rumani, Bungari, Mỹ, Áo, Hung... Ở Đức công nhân xác định phải đấu tranh cách mạng theo "phương hướng Nga". Ở Hung, Áo, Mỹ đều có bãi công chính trị rộng lớn. Ở phương Đông cuộc cách mạng Tân Hợi Trung Quốc bùng nổ (1911). Phong trào chống đế quốc Anh ở Ấn Độ dâng cao. I-răng, Thổ nhĩ - kỳ, Ap-ga-nixtăng, In-đô-nê-xia... phong trào đòi tự do, độc lập sôi nổi...

Sự phát triển không đều của CNTB thế giới tất yếu dẫn đến cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918) để chia lại thị trường thế giới. Tất nhiên cuộc chiến tranh có còn ý đồ khác của bọn đế quốc là nhân chiến tranh để hòng dập tắt phong trào cách mạng đang phát triển mạnh mẽ do ảnh hưởng của cách mạng Nga 1905. 28 nước với gần 1,5 tỷ người, trong đó có tới 74 triệu người bị đẩy vào chiến tranh. Chiến tranh tàn khốc, gây thiệt hại lớn lao về người, của... đã làm cho mâu thuẫn của CNTB gây gắt đến tột độ và thúc đẩy nhanh chóng quá trình chín mùi của khủng hoảng cách mạng trên phạm vi toàn thế giới. Đúng như Lênin chỉ rõ: chủ nghĩa đế quốc là đêm trước của cách mạng, cách mạng vô sản có thể nổ ra và thành công trước tiên ở một nước, thậm chí trong một nước mà CNTB mới ở mức phát triển trung bình. Khủng hoảng cách mạng ở các nước thuộc địa và phụ thuộc càng trầm trọng, phong trào dân tộc sẽ làm rung chuyển chủ nghĩa đế quốc, làm suy yếu lực lượng của nó, tạo cho giai cấp vô sản các nước tấn công vào CNTB.

Lịch sử đã đặt ra cho giai cấp vô sản và các đảng mác xít nhiệm vụ lật đổ ách thống trị của giai cấp tư sản và giành chính quyền về tay công nhân. Cách mạng đã trở thành vấn đề trực tiếp. Nhận thức đúng đắn và đầy đủ nhiệm vụ của mình trước đòi hỏi của cách mạng, trước vấn đề nhà nước đã trở thành cấp bách.

Trong khi đó, bọn cơ hội chủ nghĩa của Quốc tế II (E.Bec-stanh, C.Cau-xky...) đã không nắm bắt tình thế cách mạng, không phát động quần chúng đứng lên làm cách mạng lật đổ chính quyền của giai cấp tư sản, mà còn tìm cách ngăn cản quần chúng tiến theo con đường cách mạng. Chúng đã xuyên tạc học thuyết mác xít về nhà nước, phủ nhận sự tất yếu của cách mạng bạo lực, phủ nhận sự cần thiết phải đập tan bộ máy nhà nước cũ, tuyên truyền lý luận phát triển hoà bình của CNTB thành CNXH. Còn bọn vô chính phủ (đại diện là Bu-Kha-rin) chống lại bất kỳ một nhà nước nào, kể cả nền chuyên chính vô sản, bênh vực các quan điểm nửa vô chính phủ, phản mác xít trong vấn đề nhà nước.

Lênin từ lâu đã quan tâm đến vấn đề nhà nước và trước tình hình cách mạng thế giới, và tình hình tư tưởng nội bộ phong trào công nhân. Người thấy cần phải khôi phục và trình bày có hệ thống các quan điểm của các nhà sáng lập ra CNCS khoa học về vấn đề nhà nước, nhân đó phát triển hơn nữa lý luận về nhà nước cho phù hợp với hoàn cảnh lịch sử mới, giúp giai cấp vô sản hoàn thành nhiệm vụ của mình trước tình thế cách mạng đã xuất hiện ở Nga cũng như nhiều nơi trên thế giới.

Cuối năm 1916 - đầu năm 1917 khi ở nước ngoài, Lênin đã khẩn chương đọc rất nhiều tác phẩm, thư từ của Mác và Anghen, của Cau-xky, Bukharin... Người trích dẫn tỷ mỉ những đoạn tài liệu cần thiết cùng với nhận xét phê phán, kết luận của mình trong cuốn sổ tay với nhan đề "Chủ nghĩa Mác về vấn đề nhà nước". Tháng 4/1917 Lênin từ Thụy Sĩ trở về Nga. Vì bận hoạt động cách mạng thực tiễn nên Người không thể tiếp tục công trình đã đề ra. Nhưng Người vẫn luôn nghĩ đến công trình đó và tiếp tục bổ xung tư liệu.

Sau Sự kiện tháng Bảy năm 1917, Đảng Bôn sê vích phải rút vào bí mật. Lênin rời Pê - tô - grát đến hoạt động tại Ra-dơ-líp và Hen-xinh-po (Phân lan). Tại đây vào tháng 8, tháng 9 năm 1917, dựa vào tài liệu đã chuẩn bị, Người viết thành công tác phẩm nổi tiếng của mình: "Nhà nước và cách mạng".

Tác phẩm theo đề cương gồm 7 chương. Riêng chương cuối: "Kinh nghiệm các cuộc cách mạng Nga năm 1905 và 1917" thì Lênin chưa kịp viết vì người bận vào việc lãnh đạo cách mạng tháng Mười Nga (xem lời bạt xuất bản lần thứ nhất - tr. 148). Cuốn sách được xuất bản lần đầu năm 1918.

Lần thứ hai vào năm 1919 - lần này tác giả đã thêm một tiết mới: “Năm 1852 Mác đã đặt vấn đề như thế nào” vào chương II.

II. NỘI DUNG CỦA TÁC PHẨM

Nội dung cuốn sách rất phong phú, mà trước hết trong đó lần đầu tiên học thuyết mác xít về nhà nước được trình bày một cách có hệ thống và đầy đủ nhất. Bởi vì, qua tác phẩm, có thể thấy rõ được các quan điểm của Mác và Angghen về nhà nước được phát triển như thế nào, thấy rõ vấn đề nhà nước là một trong những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác. Nguồn gốc, thực chất, tính giai cấp, nhiệm vụ... của nhà nước là đối tượng đấu tranh tư tưởng gay gắt từ trước đến nay cũng được lý giải một cách rõ ràng, đầy tính thuyết phục. Tác phẩm còn nhấn mạnh nhiều đến nội dung chuyên chính vô sản - tư tưởng trọng yếu nhất về vấn đề nhà nước của chủ nghĩa Mác. Chuyên chính vô sản là nhà nước đang tiêu vong và nó nhất định tiêu vong trên những cơ sở nhất định của CNCS...

Từ vấn đề nhà nước - nội dung trung tâm của tác phẩm - Lênin sử dụng nó như sự “khởi điểm” để “bắt mối” trình bày và phát triển nhiều nội dung lý luận mác xít liên quan: con đường cách mạng bạo lực; nhà nước và chế độ dân chủ; nhà nước và tự do; nhà nước đối với vấn đề dân tộc, tôn giáo, vấn đề xây dựng Đảng, chống chủ nghĩa quan liêu; vấn đề kinh tế, chính trị - xã hội trong CNCS...

Tất cả những nội dung ấy mà Lênin nêu ra đều nhằm mục đích bảo vệ và phát triển kỷ luận cách mạng của chủ nghĩa Mác về nhà nước, chống lại những tư tưởng cơ hội và xét lại...; giúp giai cấp vô sản và nhân dân lao động xác định được nhiệm vụ của mình trong cách mạng để tiêu diệt nhà nước tư bản và thiết lập CCVS, xây dựng thành công CNCS. Cho nên, mục đích hay tư tưởng cơ bản của tác phẩm gói gọn trong chính nhan đề đầy đủ của cuốn sách: “Nhà nước và cách mạng

Học thuyết của chủ nghĩa Mác về nhà nước và những nhiệm vụ của giai cấp vô sản trong cách mạng” [1].

Với góc độ nghiên cứu lý luận xã hội - chính trị có tính chất chung nhất, gắn liền với sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp vô sản, chúng ta cần chú ý nhiều đến những nội dung sau đây của tác phẩm:

1. Cách mạng bạo lực và việc đập tan nhà nước cũ

Lịch sử đã cho thấy có một thời rất lâu dài con người không biết và không cần đến nhà nước. Chỉ đến khi giai cấp và đấu tranh giai cấp xuất hiện thì nhà nước mới theo đó mà hình thành. Về nguồn gốc, vai trò lịch sử của nhà nước Lênin chỉ rõ: “Nhà nước là sản phẩm và biểu hiện của những mâu thuẫn giai cấp không thể điều hoà được. Bất cứ ở đâu kể lúc nào và chừng nào mà về mặt khách quan những mâu thuẫn giai cấp không thể điều hoà được thì nhà nước xuất hiện. Và ngược lại: sự tồn tại của nhà nước chứng tỏ rằng những mâu thuẫn giai cấp là không thể điều hoà được” [9].

Như vậy nhà nước chính là lực lượng nảy sinh từ trong xã hội, để xã hội có thể tồn tại và phát triển trong điều kiện có những mâu thuẫn giai cấp về kinh tế, chính trị, xã hội không thể điều hoà. Để hoàn thành nhiệm vụ này Nhà nước phải có “cái gì đó”, phải tạo cho mình “thuộc tính gì đó” khác với các lực lượng xã hội nói chung. Cái đó Ăngghen gọi là hai đặc trưng của nhà nước: phân chia thân dân trong quốc gia theo sự phân chia lãnh thổ; thiết lập một quyền lực xã hội.

Các tổ chức thị tộc, hay bộ lạc trước kia cấu kết, hình thành, phân chia chủ yếu trên cơ sở huyết thống, tính toán thân tộc. Các tổ chức xã hội này nhiều khi có những đội vũ trang nhưng đó chỉ là “tổ chức vũ trang tự động” của dân cư, hoà trong dân cư, tan hợp dễ dàng nhanh chóng.... nhằm thực hiện những nhiệm vụ đơn thuần có tính tập tục, chống thú dữ tự vệ... Còn quyền lực xã hội của nhà nước lại khác hẳn, nó đã bao gồm những con người tách khỏi nhân dân, nằm trong những tổ chức nặng nề phức tạp (quân đội thường trực, cảnh sát, toà án, nhà tù...)... Tất nhiên, quyền lực xã hội ấy lúc đầu còn đơn giản, còn yếu. Nhưng càng ngày nó càng được tăng cường, “ngày càng mạnh mẽ thêm” [14] cùng với đà phát triển của mâu thuẫn giai cấp gay gắt trong quốc gia và sự uy hiếp của các nước bên cạnh.

Quyền lực xã hội của nhà nước được bảo đảm nhờ vào cơ sở kinh tế của nó. Nhà nước nào cũng chỉ của một giai cấp - giai cấp mạnh nhất giữ địa vị thống trị về kinh tế, và cũng chính nhờ nhà nước mà giai cấp đó trở thành giai cấp thống trị về mặt chính trị, dùng quyền lực chính trị mà đàn áp, bóc lột các giai cấp khác.

Đến chủ nghĩa tư bản, nhà nước đã phình to. Trên cơ sở kinh tế công nghiệp với tính tổ chức và ý thức chuyên chính giai cấp, giai cấp tư sản đi

đến hoàn chỉnh nhà nước: “Xây dựng quyền lực của mình một cách vững vàng và chắc chắn đến nỗi không một sự thay đổi nhân viên, hay cơ quan, hay chính đảng nào trong nước cộng hoà dân chủ tư sản lại có thể lung lay được quyền lực ấy” [18]. Khi CNTB chuyển thành chủ nghĩa đế quốc thì nhà nước tư sản lại càng được củng cố, như lời Lênin: “... tỏ rõ sự tăng cường khác thường của “bộ máy nhà nước”, sự phát triển chưa từng thấy bộ máy quan lại và quân sự của nó, đi liền với sự áp bức giai cấp vô sản ngày càng gay gắt, trong các nước quân chủ cũng như trong các nước cộng hoà tự do nhất” [40 - 41].

Hai cơ quan tiêu biểu nhất của bộ máy nhà nước tư sản là: tính chất quan lại và quân đội thường trực. Chúng đã trở nên ăn bám và phản động cũng chưa từng thấy trong cuộc bảo vệ cho giai cấp tư sản bóc lột vô hạn được giai cấp công nhân và nhân dân lao động, đàn áp mọi phong trào cách mạng, gây chiến tranh xâm lược, chia rẽ các dân tộc... Nhà nước chỉ còn là “ký sinh trùng” trên thân thể xã hội tư sản, là cái “ung nhọt” ngăn cản sự phát triển của lịch sử.

Tất cả những phân tích của Lênin về nguồn gốc, tính giai cấp và nhất là phân tích tính chất quyền lực xã hội của nhà nước là để đi đến nhấn mạnh quan điểm mác xít về con đường bạo lực cách mạng của giai cấp vô sản để giành chính quyền, tiến tới giải phóng các giai cấp bị áp bức bóc lột: “Không có cách mạng bạo lực thì không thể thay nhà nước tư sản bằng nhà nước vô sản được” [28] và “Tiến trình đó của những biến cố buộc cách mạng phải “tập trung mọi lực lượng phá hoại” chống chính quyền nhà nước, phải đề ra nhiệm vụ không phải là hoàn thiện bộ máy nhà nước mà là phá huỷ bộ máy đó đi, tiêu diệt bộ máy đó đi” [38].

Giai cấp vô sản không “say bạo lực” mà buộc phải thực hiện vì tính chất phản động và sức mạnh quyền lực của giai cấp tư sản. Việc hy vọng vào quyền lực đầu phiên phổ thông trong chế độ cộng hoà tư sản để có thể giành lấy chính quyền quả là không hiểu được tính chất vững vàng của quyền lực tư sản. Tất nhiên với quan điểm biện chứng, chủ nghĩa Mác - Lênin không chỉ coi bạo lực là con đường duy nhất của cách mạng. Con đường giành chính quyền một cách hoà bình đã được Mác và Ăngghen đề cập, nhưng trường hợp đó mang tính thời điểm, không phổ biến. Còn Lênin thì cho rằng, đến thời kỳ đế quốc chủ nghĩa, con đường bạo lực cách mạng

để giành chính quyền, đập tan bộ máy nhà nước tư sản là không thể tránh khỏi đối với một cuộc cách mạng triệt để, thực sự nhân dân.

Tư tưởng “đập tan” nhà nước quan liêu hình thành ở Mác từ năm 1852 trong tác phẩm “Ngày mười tám tháng sương mù của Lui-pô-na-pácơ”. Nhưng mãi đến sau công xã Pari, trong tác phẩm “Nội chiến ở Pháp”, Mác mới có thể trả lời tiếp việc đập tan nhà nước cụ thể như thế nào và giai cấp vô sản lấy gì để thay thế vào đó (xem chương III). Ở đây cần lưu ý là: khi giai cấp vô sản giành chính quyền, không những phải thủ tiêu những công cụ quyền lực vật chất của nhà nước cũ, mà còn phải đập tan các công cụ áp bức tinh thần nữa. Nhưng: “Không thể nói đến vấn đề thủ tiêu ngay lập tức, ở khắp mọi nơi và hoàn toàn bộ máy quan lại được. Nhưng đập tan ngay bộ máy quan lại cũ để bắt tay ngay vào việc xây dựng một bộ máy mới khiến có thể thủ tiêu dần bất cứ tổ chức quan lại nào, thì điều ấy không phải là không tưởng” [60].

Như vậy, nguyên tắc đập tan nhà nước cũ phải tiến hành linh hoạt trong thực tế. Những yếu tố, bộ phận thuận tụy áp bức cần thiết phải thủ tiêu ngay, còn những chức năng hợp lý của nó phải đoạt lấy, chuyển nó cho những đại biểu chính quyền thực sự của nhân dân - như Mác nói: “Cho các công bộc có trách nhiệm của xã hội”. Mặt khác, việc thủ tiêu nhà nước cũ phải dần dần còn do những hạn chế không thể tránh khỏi của giai cấp công nhân trong công việc mới mẻ: quản lý nhà nước. Xã hội mới cần thiết phải sử dụng những kiến thức quản lý nào đó, thu dụng những con người cụ thể nào đó... của giai cấp tư sản cho sự nghiệp chung của CNXH.

2. Vấn đề chuyên chính vô sản

Khi phân tích chủ đề nhà nước để đưa đến kết luận về tính quy luật của cách mạng bạo lực, của việc giai cấp vô sản phải đập tan nhà nước quan liêu thay vào đó một nhà nước của chính mình, là tác giả đã dẫn chúng ta vào vấn đề CCVS. Chuyên chính vô sản là một trong những tư tưởng đặc sắc và trọng yếu nhất của chủ nghĩa Mác về vấn đề nhà nước [30], là đỉnh cao của vai trò cách mạng của giai cấp vô sản trong lịch sử [33]. Ngoài việc nhấn mạnh tính tất yếu của chuyên chính vô sản, có thể nói, trong tác phẩm này tác giả đã nêu lên hầu hết các thuộc tính cơ bản của chuyên chính vô sản. Tổng hợp những thuộc tính ấy chúng ta sẽ có một định nghĩa, một bản chất, một “diện mạo” đầy đủ về chuyên chính vô sản.

Lênin trích dẫn một đoạn trong bức thư Mác gửi Vai-dờ-mai-e (năm 1852) để nhấn mạnh tính tất yếu của chuyên chính vô sản [41], để xác định sự khác nhau về chất của học thuyết về nhà nước giữa Mác và các lý luận gia tư sản. Vì vậy, CCVS đã trở thành “hòn đá thử vàng” để nhận ra những người mất xít và giả danh mác xít. “Chỉ những người đã hiểu rằng chuyên chính của một giai cấp là tất yếu không những cho mọi xã hội có giai cấp nói chung, không những giai cấp vô sản sau khi đã lật đổ giai cấp tư sản, mà còn cho suốt cả thời kỳ lịch sử từ chế độ TBCN đến “xã hội không có giai cấp”, đến chế độ cộng sản chủ nghĩa, chỉ những người đó mới thấm nhuần được thực chất của học thuyết của Mác về nhà nước” [44].

Khi trích dẫn một đoạn nữa nói về tính tất yếu của CCVS trong tác phẩm “Phê phán cương lĩnh Gô ta” của Mác [106], Lênin lưu ý rằng: kết luận đó của Mác là dựa vào sự phân tích “vai trò của giai cấp vô sản trong xã hội tư bản chủ nghĩa” (đại biểu cho lực lượng sản xuất mới, cho xu thế phát triển của lịch sử), và “những căn cứ phát triển của xã hội ấy” (mâu thuẫn nội tại và sự tất yếu phải thay thế nó), và vào “tính chất không thể điều hoà được giữa những quyền lợi đối lập của giai cấp vô sản và của giai cấp tư sản” (đấu tranh giai cấp và phục hồi giai cấp vẫn còn trong thời kỳ quá độ...).

Về những thuộc tính cơ bản của CCVS, trước hết, tác phẩm cho thấy chuyên chính vô sản là “nhà nước nửa nhà nước” - nhà nước không theo nghĩa đen - nhà nước kiểu mới - nhà nước đang “tự tiêu vong”... Nhà nước ấy không còn là lực lượng đặc biệt để trấn áp đa số nhân dân lao động mà để trấn áp thiểu số bọn bóc lột, mở rộng dân chủ cho nhân dân lao động trên mọi lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội. Chuyên chính vô sản là nền dân chủ cao nhất trong lịch sử. Lý luận về chuyên chính và dân chủ, được nhắc lại nhiều lần trong tác phẩm, làm chúng ta thấy rõ được tính quần chúng, tính sáng tạo và tính nhân đạo trong nền chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản.

Cần chú ý rằng, nhà nước CCVS là nhà nước đang “tự tiêu vong” và sẽ tiêu vong nhưng không phải vì thế mà phủ nhận bạo lực cách mạng. Nhà nước tư sản bị thay thế bởi nhà nước vô sản không phải bằng con đường “tiêu vong” được, mà nó vẫn phải tuân theo quy luật chung, bằng một cuộc cách mạng bạo lực. Và khi Lênin nói: “thành ngữ” “nhà nước tiêu vong” là một thành ngữ chọn rất đạt, vì nó nói lên được cả tính chất tuần tự, lẫn tính

chất tự phát của quá trình” [110] đã cho ta thấy để đạt đến mục đích nhà nước tiêu vong là một quá trình lâu dài, không phải một sớm một chiều như nhận định của những người vô chính phủ và sau nữa, cần đặc biệt lưu ý đến đến tính chất phong phú của sự phát triển là: để đi đến không còn quyền uy chính trị, không còn nhà nước, việc đầu tiên của cách mạng không những giai cấp vô sản không xoá bỏ quyền uy, xoá bỏ nhà nước nói chung mà chính lại thiết lập quyền uy, thiết lập nhà nước chuyên chính của mình và suốt thời kỳ quá độ quyền uy đó, nhà nước đó phải được tăng cường: “Từ nay cho đến khi giai đoạn cao của chủ nghĩa cộng sản xuất hiện, những người xã hội chủ nghĩa yêu cầu xã hội và nhà nước kiểm soát thật nghiêm ngặt mức độ lao động và mức độ tiêu dùng, nhưng việc kiểm soát ấy phải bắt đầu bằng việc tước đoạt bọn tư bản, bằng việc công nhân kiểm soát bọn tư bản, và kiểm soát này không phải do nhà nước của bọn quan lại thi hành, mà do nhà nước công nhân vũ trang thi hành” [119].

Một định nghĩa về nhà nước chuyên chính vô sản mà Lênin cho là “tuyệt hay” trong “Tuyên ngôn của Đảng cộng sản” của Mác và Ăngghen: “Nhà nước, tức là giai cấp vô sản được tổ chức thành giai cấp thống trị” [30]. Định nghĩa này đã toát lên tính giai cấp của nhà nước mới, toát lên thuộc tính cơ bản nhất của chuyên chính vô sản: chuyên chính vô sản là sự lãnh đạo hay sự thống trị về chính trị của giai cấp vô sản. Sự thống trị ấy không chia sẻ với ai, và trực tiếp dựa vào lực lượng vũ trang của quần chúng [32]. Trong thực tế giai cấp vô sản lãnh đạo thông qua đội tiên phong của giai cấp, thông qua đường lối chính trị, chiến lược, sách lược đấu tranh cách mạng và bằng chính cả tính gương mẫu mọi mặt của từng đảng viên. Cho nên, Lênin mới mệnh danh cho Đảng vô sản là: người thầy, người dẫn đường, người lãnh đạo của nhân dân lao động [33]. Và chính việc lôi kéo được đông đảo quần chúng nhân dân lao động, giai cấp vô sản mới trở thành lãnh tụ cách mạng, mới đem lại cho cách mạng tính chất nhân dân tính chất triệt để thực sự. Nghiên cứu vấn đề này Lênin cũng không quên liên hệ với quy luật cách mạng bạo lực. Việc đập tan nhà nước quan liêu cũ là “điều kiện tiên quyết của bất cứ cuộc cách mạng nhân dân nào” [48]. Cách mạng “nhân dân” phải lôi cuốn được tối đa nhân dân tham gia một cách tích cực. “họ đã để lại, trên tất cả tiến trình của cách mạng, dấu vết những yêu sách của họ, dấu vết những cố gắng của họ nhằm xây dựng theo cách thức của họ một xã hội mới thay cho xã hội cũ đang bị phá huỷ” (48).

Khi giai cấp tư sản lỗi thời phản động, nó không thể có khả năng phát động một phong trào nào có tính chất nhân dân. Lênin cho rằng vào năm 1871 trên lục địa châu Âu, ở bất cứ nước nào giai cấp vô sản cũng không phải là đa số trong nhân dân. Cách mạng chỉ có bao gồm được cả giai cấp vô sản và nông dân thì mới có thể là cách mạng “nhân dân”, mới thật sự lôi kéo được đa số nhân dân. Điều này đến nay vẫn còn mang tính phổ biến công - nông vẫn là lực lượng quyết định đến tính chất “nhân dân” của cách mạng. Khối liên minh công - nông có ý nghĩa chiến lược vô cùng quan trọng trong thời kỳ CCVS. Nhà nước CCVS nhưng công - nông là lực lượng “nắm chính quyền nhà nước” [66]: “Nếu không có sự liên minh ấy thì không thể có dân chủ vững bền, không thể có cải tạo xã hội chủ nghĩa được” [49].

Đến đây, chúng ta hiểu sâu thêm khái niệm “thống trị” của giai cấp vô sản trong thời kỳ CCVS. Nó bao hàm hai nội dung hay có thể nói hai chức năng cơ bản của chuyên chính vô sản trong quá trình tiêu diệt hoàn toàn giai cấp tư sản. Lênin viết: “Giai cấp tư sản chỉ có thể bị lật đổ, khi nào giai cấp vô sản trở thành giai cấp thống trị đủ sức trấn áp sự phản kháng không thể tránh khỏi, tuyệt vọng của giai cấp tư sản, và đủ sức tổ chức hết thảy quần chúng lao động và bị bóc lột để xây dựng một chế độ kinh tế mới” [32].

Lênin không đề cập nhiều đến mối liên hệ của hai chức năng trên của CCVS. Nhưng qua việc phân tích cơ sở kinh tế để nhà nước tiêu vong (chương V) đã toát lên tính chất quyết định và cơ bản hơn cả của công cuộc xây dựng sáng tạo chế độ mới để đưa xã hội tiến tới không còn giai cấp. Trong thời kỳ quá độ lên CNKH vì còn nhà nước nên còn chức năng bạo lực, nghĩa là cuộc đấu tranh giai cấp vẫn còn tiếp tục trong thời kỳ CCVS. Chủ nghĩa cơ hội chính là không nâng việc thừa nhận đấu tranh giai cấp đến thừa nhận đấu tranh giai cấp trong thời kỳ quá độ từ CNTB là CNCS, thời kỳ lật đổ và hoàn toàn thủ tiêu giai cấp tư sản. “Trên thực tế, thời kỳ ấy tất nhiên là thời kỳ đấu tranh giai cấp ác liệt chưa từng thấy mang những hình thức hết sức gay gắt” [43].

Và cuối cùng, khi khai thác nội dung chuyên chính vô sản trong tác phẩm, chúng ta cũng cần lưu ý đến sự tiên đoán của Lênin về những hình thức chính trị khác nhau của CCVS trong bước quá độ từ CNTB lên CNCS “Bước chuyển từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản, cố nhiên không

thể không đem lại rất nhiều hình thức chính trị khác nhau, nhưng thực chất của những hình thức ấy tất nhiên sẽ chỉ là một, tức là: chuyên chính vô sản"[44]. Lựa chọn hình thức nhà nước chuyên chính vô sản thích hợp cũng như sáng tạo ra những hình thức mới là trách nhiệm cao cả của giai cấp vô sản có chính quyền.

3. Lý luận về hai giai đoạn của CNCS

Thật ra, khi nói đến CCVS, đến nhà nước kiểu mới là ít nhiều nói đến nội dung, cơ sở lý luận về phân kỳ hoặc về hai giai đoạn của CNCS. Ở đây, tác giả vẫn đi từ vấn đề nhà nước để dẫn vào nội dung mới này. Riêng chương V của tác phẩm tập trung nhiều nhất lý luận về hai giai đoạn. Lênin đặc biệt lưu ý phân tích và phát triển những tư tưởng của Mác trong tác phẩm “Phê phán cương lĩnh Gôta”. “Phê phán cương lĩnh Gô ta” và “Nhà nước và cách mạng” là hai tác phẩm tập trung nhất tư tưởng của các nhà kinh điển lý luận về phân kỳ hình thái kinh tế - xã hội CSCN.

Trước hết, Lênin cho thấy những căn cứ xuất phát để Mác nghiên cứu sự phát triển và dự đoán các giai đoạn phát triển của CNCS tương lai. Về mặt hiện thực: “Xuất phát từ chỗ là chủ nghĩa cộng sản hình thành từ chủ nghĩa tư bản, phát triển lên, trong quá trình lịch sử, từ chủ nghĩa tư bản, là kết quả của sự tác động của một lực lượng xã hội do chủ nghĩa tư bản sinh ra” [104]. Về mặt phương pháp luận: “Mác đặt vấn đề chủ nghĩa cộng sản giống như một nhà tự nhiên học đặt, chẳng hạn, vấn đề tiến hoá của một giống sinh vật mới, một khi đã biết nguồn gốc của nó và định được rõ rệt hướng của những biến đổi của nó” [104]. Nghĩa là Người vẫn nhất quán với quan điểm của mình, mà nhiều lần đã khẳng định, là lịch sử xã hội là lịch sử phát triển tự nhiên. Sau nữa, Mác dựa vào những “căn cứ khoa học đã được xác định chắc chắn” [105] để nghiên cứu về xã hội cộng sản tương lai.

Lênin làm rõ một số ý trong tác phẩm Phê phán cương lĩnh Gô ta” của Mác về phân kỳ mà người đọc dễ nhầm lẫn. Trong, “Phê phán cương lĩnh Gô ta” Mác đặt câu hỏi “chế độ nhà nước sẽ biến đổi như thế nào trong xã hội cộng sản chủ nghĩa?”. Có người đọc quan niệm rằng như vậy là trong hình thái kinh tế - xã hội CSCN nói chung vẫn cần nhà nước. Còn Lênin, chỉ rõ: “Những quan niệm như vậy là sai lầm. Nghiên cứu kỹ hơn thì thấy ý kiến của Mác và Ăngghen về nhà nước và về sự tiêu vong của nhà nước hoàn toàn phù hợp với nhau, và câu hỏi của Mác trích dẫn ở trên chính là nói về

nhà nước đang tiêu vong” [103], tức nhà nước CCVS (như đã trình bày ở trên).

Trong “Phê phán cương lĩnh Gô ta” đoạn kết luận quan trọng là: “Giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa có một thời kỳ chuyển hoá cách mạng từ xã hội tư bản chủ nghĩa lên xã hội cộng sản chủ nghĩa, thích ứng với thời kỳ này là thời kỳ chính trị quá độ, và nhà nước trong thời kỳ này không phải là cái gì khác, ngoài nền chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản”. “Thời kỳ chính trị quá độ” (tức CCVS) dài bao lâu? và trong mối tương quan nào với hai giai đoạn (thấp, cao) của xã hội CSCN? Lênin, trong tác phẩm này, nhiều lần [116, 121...] nói rằng, trong giai đoạn thấp của CNCS vẫn còn nhà nước, nhà nước chỉ tiêu vong hẳn khi có CNCS hoàn toàn (giai đoạn cao). Người nói rõ hơn: “Từ nay cho đến giai đoạn cao của chủ nghĩa cộng sản xuất hiện” thì “do nhà nước của công nhân vũ trang thi hành”. Cho nên, chúng ta có thể hiểu rằng quá độ từ CNTB lên CNVS, về mặt thời gian là tương ứng với giai đoạn thấp của CNCS (xã hội XHCN), về mặt chính trị đó là CCVS (CCVS tồn tại suốt trong thời kỳ quá độ ấy).

Ở tiết 2 chương V, Lênin tập trung trình bày tính tất yếu của thời kỳ quá độ từ CNTB lên CNCS. Lịch sử xã hội phải trải qua thời kỳ quá độ này, tức giai đoạn thấp của CNCS, chứ không thể từ CNTB chuyển ngay lên giai đoạn cao được. Điều này do nội dung to lớn của sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản cần có một quá độ chính trị để thực hiện, đưa xã hội phát triển đến CNCS hoàn toàn [106], do phải xây dựng một nền dân chủ cao hơn hẳn nền dân chủ cất xén tư sản, để mở rộng dân chủ cho đại đa số nhân dân [106-112]. Đồng thời quá trình đó là việc giai cấp vô sản phải tổ chức thành giai cấp thống trị để trấn áp, đập tan sự phản kháng của kẻ thù giai cấp [106 - 112].

Lênin nhắc lại những nội dung lý luận về giai đoạn thấp của CNCS của Mác, qua đó Người nhấn mạnh nhiều đến ý nghĩa của việc xã hội hoá tự nhiên sản xuất. Việc xã hội nắm lấy tư liệu sản xuất dù chưa thật đảm bảo công bằng trong thực tế với phương thức phân phối theo lao động nhưng vẫn đưa lại những tiến bộ lớn lao, xoá được tình trạng người bóc lột người, tạo điều kiện để lực lượng sản xuất phát triển... [114 - 118]. Người lưu ý đến sự tồn tại của “pháp quyền tư sản” trong giai đoạn thấp là một tất yếu. Người làm rõ khái niệm quyền là gì [114] và nhấn mạnh rằng quyền cũng như bất cứ sự bất bình đẳng nào có trong thời kỳ quá độ là do trình độ phát

triển mới ở mức độ nhất định của kinh tế, văn hoá, xã hội... quy định. Nhưng pháp quyền ấy tồn tại với tư cách là yếu tố điều tiết đời sống xã hội, mà cụ thể là, đến phân phối sản phẩm và phân phối lao động giữa những thành viên trong xã hội [116].

Còn về giai đoạn cao của CNCS, Lênin đồng ý và nhắc lại những nội dung lý luận mà Mác nói đến trong “Phê phán cương lĩnh Gô ta”. Ở đây, người lưu ý đến yếu tố kinh tế - lực lượng sản xuất, phải phát triển phi thường mới đảm bảo cho các yếu tố khác của giai đoạn cao xuất hiện [118 - 121]. Còn chế độ phân phối theo nhu cầu, theo Người, ngoài yếu tố phát triển kinh tế cao, để thực hiện được phải có được yếu tố xã hội nữa. Lúc đó, Lênin nói, “Làm hết năng lực, hướng theo nhu cầu, nghĩa là khi người ta đã quen tôn trọng những nguyên tắc cơ bản của đời sống chung trong xã hội, và năng xuất lao động của người ta đã lên cao đến mức người ta sẽ tự nguyện làm hết năng lực” [118]. Lênin còn chú ý đến nội dung dân chủ, là chế độ dân chủ và đặt trong mối quan hệ với bình đẳng và tổ chức nhà nước. Để từ đó, đi đến kết luận rằng, trong CNCS giai đoạn cao sẽ có bình đẳng thực sự, khi ấy chế độ dân chủ hoàn bị nhất, nhà nước dân chủ nhất - cũng có nghĩa là chế độ dân chủ và nhà nước trở thành thừa - không còn nữa “Lúc bấy giờ cửa sẽ mở thật rộng khiến cho có thể bước được từ giai đoạn đầu lên giai đoạn cao của xã hội cộng sản chủ nghĩa và do đó nhà nước sẽ tiêu vong hẳn” [126].

Sau nữa, Lênin cho thấy mối quan hệ và sự chuyển biến từ giai đoạn thấp lên giai đoạn cao của xã hội CSCN. Hai giai đoạn ấy chỉ là sự khác nhau về trình độ, thời kỳ của cùng một hình thái kinh tế - xã hội CSCN [112]. Nghĩa là chúng cùng một “chất”. Nhưng có những nội dung cụ thể sẽ khác hẳn về chất (“chất cục bộ”). Ví dụ: “về mặt chính trị thì chắc chắn là sự khác nhau giữa giai đoạn đầu hay giai đoạn thấp và giai đoạn cao của chủ nghĩa cộng sản, sau này sẽ rất lớn” []. Chính vì vậy mà những từ “xã hội chủ nghĩa” “cộng sản chủ nghĩa” có lúc dùng thay thế cho nhau được. “Nhưng về mặt khoa học, thì sự khác nhau giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản thật rõ ràng. Cái mà người ta thường gọi là chủ nghĩa xã hội, thì Mác gọi là giai đoạn “đầu” hay giai đoạn thấp của xã hội cộng sản chủ nghĩa. Trong chừng mực tư liệu sản xuất đã biến thành sở hữu chung, thì danh từ “chủ nghĩa cộng sản” ở đây có thể dùng được, miễn là đừng quên rằng đó không phải là chủ nghĩa cộng sản hoàn toàn” [121].

Còn sự chuyển biến từ giai đoạn thấp lên giai đoạn cao là cả một quá trình cải biến cách mạng theo chiều hướng làm cho giai cấp, nhà nước, cũng như chế độ dân chủ đến tiêu vong. Nhưng quá trình thực tế để đi đến mục đích ấy, trong giai đoạn thấp của CNCS phải nắm vững chuyên chính vô sản - “một chính quyền không chia sẻ với ai hết”; phải xây dựng nhà nước vững mạnh - “nhà nước kiểm soát thật nghiêm ngặt mức độ lao động và mức độ tiêu dùng”; phải mở rộng dân chủ để đông đảo nhân dân tham gia và quản lý mọi mặt của đời sống xã hội...

4. Một số vấn đề khác

4.1. Vấn đề quản lý xã hội

Lênin cho rằng chế độ dân chủ là một hình thức nhà nước. Chế độ này một mặt thi hành có tổ chức, có hệ thống cưỡng bức đối với người ta, một mặt: “Chính thức thừa nhận quyền bình đẳng giữa những công dân, thừa nhận cho mọi người được quyền ngang nhau trong việc xác định cơ cấu nhà nước và quản lý nhà nước” [123]. Nhưng chế độ dân chủ tư bản bị cất xén, đầy mâu thuẫn vì nó phản ánh và bảo vệ cho một nền kinh tế tư bản chủ nghĩa đầy mâu thuẫn. Nhà nước đã trở thành thế lực ngăn cản sự phát triển của xã hội. Cho nên, cách mạng không phải là giai cấp mới dùng bộ máy nhà nước cũ để chỉ huy và quản lý, mà ở chỗ khi đã đập tan bộ máy ấy đi rồi thì giai cấp mới sẽ dùng một bộ máy mới để chỉ huy và quản lý. Lênin viết: “đó là tư tưởng cơ bản mà Can-xky đã im đi” [141]. Khi đập tan bộ máy nhà nước cũ về xây dựng nhà nước mới vô sản thì xã hội đã bước vào một giai đoạn được quản lý mới khác hẳn về chất so với chế độ quản lý cũ: “Đến đây lượng biến thành chất”: tiến đến trình độ ấy thì chế độ dân chủ vượt khỏi khuôn khổ xã hội tư sản, bắt đầu cải tạo theo chủ nghĩa xã hội. Nếu hết thấy mọi người đều thật sự tham gia quản lý nhà nước thì chủ nghĩa tư bản không thể đứng vững được nữa” [123].

Cơ sở kinh tế quan trọng nhất để quản lý xã hội trong xã hội XHCN khác về chất với quản lý trong xã hội TBCN là ngay sau khi ra đời nhà nước vô sản đã từng bước “hành động” nhân danh xã hội chiếm hữu các tư liệu sản xuất. Và cũng từ đó xã hội XHCN được quản lý một cách thống nhất trong toàn xã hội.

Nhà nước vô sản với các “công bộc” có trách nhiệm - thành viên của mình khác hẳn với các viên chức nhà nước cũ, trước hết ở chỗ họ không cần

và không dung thứ chủ nghĩa quan liêu. Việc tổ chức nhà nước thống nhất và những biện pháp cụ thể để loại trừ chủ nghĩa quan liêu [133, 134] đã làm tăng uy tín và năng lực của nhà nước CCVS trong quản lý xã hội.

Với quan điểm duy vật, Lênin cho rằng công nhân sẽ tổ chức nên nền sản xuất lớn xuất phát từ cái đã được CNTB tạo ra, do vậy phải dựa vào kinh nghiệm của công nhân, phải sử dụng những nhân viên, những nhà kỹ thuật... [60] cũng như khi thủ tiêu chế độ đại nghị không phải là phá huỷ các cơ quan đại diện và nguyên tắc bầu cử mà phải biến các cơ quan ấy từ chỗ là cái máy thành các cơ quan "hành động", thực sự quản lý xã hội. Đó chính là tư tưởng kế thừa trong quản lý xã hội của Lênin. Đặc biệt tư tưởng này được toát lên ở đoạn Lênin trích tác phẩm "vấn đề nhà ở" của Ăngghen (tiết 1 chương IV). Từ một vấn đề cụ thể đối với nhà ở, có thể thấy được giữa hai nhà nước tư sản và vô sản có những điểm giống nhau và khác nhau. Nhà nước vô sản vẫn sử dụng những hình thức nào đó trong quản lý xã hội như kiểu của nhà nước tư sản: trưng dụng, tước đoạt nhà ở... Nhưng nhằm mục đích gì và phục vụ ai thì lại khác với nhà nước tư sản rồi.

Và cuối cùng cần lưu ý đến việc tác giả vạch ra tương lai của vấn đề quản lý xã hội trong CNCS. Trong giai đoạn thấp của CNCS chế độ quản lý vẫn còn - tức thông qua nhà nước - mà Lênin nói một cách dễ hiểu: thông qua chức năng giám sát và kết toán của những "nhân viên đốc công và nhân viên kế toán". Quá trình phát triển của xã hội làm cho các chức năng đó càng ngày càng đơn giản để mọi người đều có thể làm được, thay nhau làm được, nó không còn là chức năng riêng biệt của một lớp người đặc biệt là nhà nước nữa. Trong khi bàn về quyền này Ăngghen cũng như Lênin cho thấy sự tất yếu phải có quyền uy, với tư cách là một "sự phục tùng nào đó", thì những tổ chức kỹ thuật phức tạp, dựa trên việc dùng máy móc và hợp tác có kế hoạch giữa nhiều người mới có thể hoạt động được. Đến giai đoạn cao của CNCS, kinh tế càng phát triển, việc sử dụng máy móc và lĩnh vực công nghiệp càng mở rộng, vì thế không thể nào thiếu được "sự phục tùng nào đó" để mọi hoạt động xã hội tiến hành bình thường. Chỉ có khác quyền uy - sự phục tùng nào đó, sẽ mất tính chính trị và sẽ biến thành chức năng quản lý đơn thuần. Chức năng quản lý đơn thuần này sẽ được mọi người thay nhau đảm nhiệm. Mọi chế độ quy tắc đơn giản và cơ bản của xã hội loài người được tuân thủ tự giác và rất mau trở thành tập quán.

4.2. Vấn đề dân tộc và tôn giáo.

Khi nhà nước tư sản là lực lượng cản trở xã hội phát triển thì nó cũng trở thành: “Cái bấu ký sinh trên thân thể dân tộc”. Giai cấp tư sản không còn là đại biểu cho sự thống nhất dân tộc nữa. Hơn nữa, còn đi đến chia rẽ và phân bội dân tộc.

Lịch sử những năm 1870 - 1871 ở Pháp đã chứng minh thêm sự phân bội ấy ở Chính phủ “vệ quốc” tư sản Pháp trước sự uy hiếp xâm lược của quân Phổ. Trong lúc đó giai cấp công nhân non trẻ Pháp tại thủ đô Pari, đã đứng lên khởi nghĩa, thành lập công xã - một kiểu nhà nước mới của mình. Quá trình đó giai cấp vô sản Pari đồng thời làm luôn nhiệm vụ dân tộc: chống phân Phổ bảo vệ tổ quốc. Đã đến lúc giai cấp vô sản mới là người đại biểu thật sự cho quyền lợi chân chính của dân tộc.

Khi nói đến bài học của Công xã Pari, Mác cho rằng Công xã phải tổ chức được sự thống nhất dân tộc chứ không được phá vỡ sự thống nhất dân tộc. Và sự thống nhất ấy trở thành hiện thực phải thông qua sự thủ tiêu chính quyền nhà nước quan liêu. Lênin phân tích thêm rằng, chính nhà nước mới đã tạo ra được cơ sở kinh tế mới vững chắc cho sự thống nhất dân tộc: “Tổ chức một cách hoàn toàn tự do trong các công xã và thống nhất hành động của tất cả các công xã để đả vào tư bản, để đè bẹp sự phản kháng của bọn tư bản để giao lại cho toàn dân tộc, cho toàn xã hội các tài sản tư hữu như đường sắt, công xưởng, đất đai...” [66].

Nhà nước quả là yếu tố quan trọng đối với sự phát triển dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc. Mối quan hệ dân tộc và các tổ chức nhà nước được đề cập đến nhiều ở tiết 4 chương IV tác phẩm. Giữa chế độ quân chủ, chế độ cộng hoà liên bang, chế độ cộng hoà tập trung thì chế độ cộng hoà tập trung có lợi hơn cho sự thống nhất dân tộc, phát triển dân tộc (tuy rằng nó vẫn còn hạn chế). Nhưng từ đó cũng không nên bác bỏ chế độ cộng hoà liên bang. Chế độ cộng hoà liên bang đôi khi trong hoàn hoàn cảnh cụ thể nó vẫn là một “bước tiến” cần thiết. Và ngược lại chế độ tập trung cũng không gạt bỏ nền tự trị rộng rãi của các địa phương nếu như nền tự trị này phù hợp với sự thống nhất của nhà nước, của dân tộc. Bài học trong vấn đề này nhắc nhở chúng ta khi giải quyết vấn đề dân tộc phải có quan điểm lịch sử cụ thể. Chỉ ủng hộ những quyền tự quyết dân tộc nào phù hợp và tiến bộ. Tự quyết dân tộc là một trong những nội dung quan trọng nhất của vấn đề dân tộc. Một số người mác xít đã mắc phải sai lầm: “Họ cho rằng dưới chế độ tư bản

chủ nghĩa quyền ấy không thể thực hiện được, nhưng dưới chế độ xã hội chủ nghĩa thì lại thừa" [96]. Thực ra cương lĩnh dân tộc mácxít, trong đó có nội dung quyền tự quyết dân tộc, là phương hướng đấu tranh để thực hiện suốt cả trong thời kỳ giai cấp vô sản chưa có chính quyền lẫn thời kỳ đã giành chính quyền. Mức độ kết quả thu được trong đấu tranh tùy thuộc vào hoàn cảnh cụ thể. Nhưng chắc chắn rằng trong CNXH nội dung của cương lĩnh dân tộc được thực hiện và vận dụng đầy đủ, phù hợp với sự phát triển chung của cách mạng

Tôn giáo là việc tư nhân đối với nhà nước đó là quan điểm rõ ràng của chủ nghĩa Mác. Có nghĩa là nhà nước phải thực sự độc lập với nhà thờ, thực sự công nhận quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân.

Khi giai cấp tư sản đứng lên, để tập hợp lực lượng, nó đã từng nêu ra khẩu hiệu "tự do tôn giáo", "tự do tín ngưỡng". Nó tạo ra tôn giáo mới, cải cách tôn giáo, đòi nhà thờ tách khỏi nhà nước... để nhằm đánh vào giai cấp phong kiến cùng với hệ tư tưởng tôn giáo cổ hủ. Nhưng đến khi đã giành được chính quyền, giai cấp tư sản dần dần cấu kết, thoả hiệp với mọi tôn giáo, lợi dụng tính phản động, phản khoa học của tôn giáo, đồng thời lại bóp nghẹt tự do tín ngưỡng. Cho nên, chỉ thông qua việc phủ định nhà nước quan liêu, xây dựng nhà nước chuyên chính vô sản thì tự do tín ngưỡng mới được thực hiện đầy đủ.

4.3. Vấn đề đấu tranh với các trào lưu tư tưởng phi mácxít trong phong trào công nhân

Đấu tranh với các trào lưu tư tưởng phi mácxít là quy luật phát triển của phong trào công nhân quốc tế. Các trào lưu này có xu hướng đi đến "cải biến" chủ nghĩa Mác bằng nhiều cách: lãng quyền, cắt xén, xuyên tạc những nội dung cách mạng nhất, thậm chí phủ nhận trắng trợn chủ nghĩa Mác và ca tụng những gì mà giai cấp tư sản có thể chấp nhận được... Các trào lưu tư tưởng phi mácxít trong phong trào công nhân biểu hiện thành nhiều "dạng" khác nhau. Dù tự phát hay tự giác, tất cả đều cản trở đến phong trào cách mạng trên nhưng mức độ khác nhau, trực tiếp hay gián tiếp đi đến theo đuổi giai cấp tư sản, ủng hộ chế độ TBCN và phản bội lại giai cấp cần lao. Cho nên trong lời tựa tác phẩm này Lênin nhấn mạnh: "Không đấu tranh chống những thiên kiến cơ hội chủ nghĩa về vấn đề "nhà nước" thì không thể đấu tranh giải phóng quần chúng cần lao khỏi ảnh hưởng của giai cấp tư sản nói chung và của giai cấp tư sản đế quốc nói riêng" [4].

Trong “Nhà nước và cách mạng” ta thấy có sự phê phán đến chủ nghĩa cải lương, cơ hội sô vanh, không tưởng tiểu tư sản (lấy mộng tưởng thay đấu tranh giai cấp, thay cải tạo xã hội, thừa nhận nhà nước đứng trên giai cấp...), “bọn Cau-xky” (những kẻ do dự giữa chủ nghĩa cải lương và chủ nghĩa mác), bọn phi-li-xtanh (những kẻ dân chủ tiểu tư sản phủ nhận CCVS)... Nhưng tác giả đi sâu vào vạch trần hai loại: chủ nghĩa cơ hội và chủ nghĩa vô chính phủ trên những vấn đề về nhà nước, về nhiệm vụ của giai cấp vô sản trong cách mạng.

Bản chất của chủ nghĩa cơ hội có thể tóm tắt là: “Sự lãng quên những mục tiêu vĩ đại, cơ bản vì những mục đích nhất thời trước mắt, sự săn đuổi những thắng lợi chốc lát và cuộc đấu tranh vì những cái đó không tính đến các hậu quả về sau, việc đem phong trào tương lai làm vật hy sinh cho hiện tại” [87]. Từ bản chất ấy, chủ nghĩa cơ hội đã lẩn tránh, thực tế là phủ nhận quy luật cách mạng bạo lực, thừa nhận việc giành chính quyền không cần đập tan bộ máy nhà nước cũ - có nghĩa là việc giành chính quyền “chỉ là nắm được đa số” - điều mà Mác đã cho là cũ trong “Tuyên ngôn của Đảng cộng sản”. Tiêu biểu là câu nói của Bec-stanh: “Chúng ta có thể hoàn toàn yên tâm phó cho tương lai giải quyết vấn đề chuyển chính vô sản” [131]. Chúng đi đến xuyên tạc những bài học của nền chuyển chính vô sản đầu tiên - công xã Pari. Cau-xky cho rằng chủ nghĩa xã hội còn và cần có chủ nghĩa quan liêu. Cau-xky tỏ ra “tòn sùng”, “mê tín” đối với nhà nước, đối với chế độ quan liêu.

Còn chủ nghĩa vô chính phủ tuy thừa nhận việc đập tan nhà nước cũ nhưng lại muốn thủ tiêu nhà nước nói chung ngay lập tức, không cần thiết và không để ý đến việc xây dựng một nhà nước kiểu mới. Như vậy chủ nghĩa vô chính phủ thực chất vẫn là phủ nhận CCVS.

Chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa vô chính phủ và chủ nghĩa xét lại nói chung có thể tồn tại công khai lâu dài, có thể lôi kéo được một bộ phận cách mạng, ngoài những mảnh lời mồi chài bằng lợi ích trước mắt, về hình thức vài điểm nào đó chúng có vẻ “trùng” với chủ nghĩa Mác, “tuân theo” chủ nghĩa Mác. Chủ nghĩa cơ hội cũng hô hào cách mạng nhưng chỉ trên đầu lưỡi thôi, thực tế thì rời bỏ cách mạng: chủ nghĩa vô chính phủ muốn xoá bỏ nhà nước cũ, xoá bỏ giai cấp nhưng lại đốt cháy giai đoạn, rơi vào không tưởng. Cho nên, phải đi sâu vào bản chất vấn đề để thấy rõ được bộ

mặt thật của các trào lưu phi mác xít, phân biệt được những người mác xít chân chính và những kẻ cơ hội xét lại.

III. Ý NGHĨA CỦA TÁC PHẨM

a) Đề cập đến chính quyền nhà nước, là vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng, đã đem lại cho tác phẩm ý nghĩa lớn lao cả về lý luận và thực tiễn. Hơn nữa, nội dung lại rất phong phú. Có thể nói: trong “Nhà nước và cách mạng” lần đầu tiên học thuyết Mác về nhà nước được trình bày một cách có hệ thống và đầy đủ nhất.

Qua tác phẩm, người đọc có thể thấy quan điểm về nhà nước của Mác và Anghen được phát triển thế nào qua các giai đoạn lịch sử; những yếu tố lý luận cơ bản nhất về nhà nước (nguồn gốc, tính giai cấp, đặc trưng, nhiệm vụ.... và cả tương lai của nó) được nêu ra: thái độ của đảng và giai cấp công nhân cùng nhân dân lao động đối với nhà nước cũ và việc xây dựng nhà nước mới như thế nào...

Tác phẩm như một tập kinh điển (Mác - Anghen - Lênin) rất quý báu cho việc nghiên cứu chuyên đề về nhà nước và liên quan.

b) Tác phẩm “Nhà nước và cách mạng” ngay từ lúc ra đời nó đã mang một ý nghĩa hết sức lớn lao. Nội dung lý luận trong tác phẩm đã trở thành kim chỉ nam cho Đảng Bôn - sê - vích Nga và nhân dân lao động Nga giành thắng lợi trong cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại. Lênin trong lời tựa cho lần xuất bản thứ nhất có viết: “... thái độ của cách mạng xã hội chủ nghĩa của giai cấp vô sản đối với nhà nước không những chỉ có ý nghĩa chính trị - thực tiễn, mà còn có tính chất nóng hổi nhất nữa, - vì đây là vấn đề làm cho quần chúng thấy rõ những việc họ sẽ phải làm trong một tương lai gần đây, để tự giải phóng khỏi ách tư bản” [5].

Nhân dân Nga đã làm được cách mạng, đập tan nhà nước tư sản và từng bước xây dựng chính quyền công nông đầu tiên trên thế giới. Cách mạng tháng Mười thực sự mở ra cho loài người một thời đại mới quá độ từ CNTB lên CNXH.

Với tính thuyết phục và chiến đấu cao trong nội dung lý luận của tác phẩm và nhất là với hiện thực thắng lợi của cách mạng Nga đã góp phần quyết định trong việc vạch trần và đánh bại chủ nghĩa cơ hội, xét lại... Lý luận về nhà nước của Mác và Ăngghen từ chỗ bị lãng quên, bị xoá nhoà và bị xuyên tạc đã được Lênin làm sống lại và phát triển phong phú hơn lên.

Sau này Lênin vẫn tiếp tục bàn về nhà nước trong các tác phẩm: “cách mạng vô sản và tên phản bội Cau-xky”, “sáng kiến vĩ đại”, “kinh tế chính trị trong thời kỳ CCSV”, “thà ít mà tốt”...

c) Ngày nay, những nội dung lý luận trong “Nhà nước và cách mạng” nói chung, vẫn còn ý nghĩa thực tiễn sát thực.

Cách mạng XHCN tuy đang ở bước thoái trào, nhưng chắc chắn bước vào thế kỷ mới sẽ xuất hiện những khả năng, những tình thế mới của cách mạng ở nhiều nước trên thế giới. Cho nên vấn đề con đường của cách mạng vẫn luôn đặt ra cho các Đảng tiên phong. Với bản chất không thay đổi của chủ nghĩa đề quốc, thì chắc chắn cách mạng bạo lực vẫn là phổ biến, đồng thời không quên tìm kiếm và kết hợp những phương thức không bạo lực khác có thể nảy sinh trong những điều kiện phong phú của thời đại.

Mấy năm gần đây trong lý luận chúng ta không dùng từ CCSV (do nhiều lý do). Những tinh thần về bản chất CCSV trong “Nhà nước và cách mạng” thì vẫn thể hiện đầy đủ với những nội dung phù hợp trong xây dựng nền dân chủ XHCN và nhà nước XHCN ở nước ta hiện nay.

Trong sự nghiệp đổi mới, lý luận về phân kỳ đã được Đảng ta rất chú ý đến biểu hiện trong việc xác định những giai đoạn cụ thể của thời kỳ quá độ lên CNXH ở nước ta để từ đó có những phương hướng, đường lối thích hợp. Đại hội VI của Đảng (1986) đã nêu rõ nước ta đang ở “chặng đường đầu tiên là một bước quá độ nhỏ trong bước quá độ lớn” (Văn kiện Đại hội V, tr.41) và nhiệm vụ chủ yếu là “xây dựng những tiền đề chính trị, kinh tế, xã hội cần thiết để triển khai công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa trên quy mô lớn” (sđd, tr.42). Sau 10 năm, đến Đại hội VIII (1996), Đảng ta nhận định, thắng lợi của công cuộc đổi mới rất to lớn, nhiệm vụ của chặng đường đầu của thời kỳ quá độ đã cơ bản hoàn thành và nước ta bắt đầu chuyển sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá với mục tiêu là “xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu nước mạnh xã hội công bằng, văn minh.

Từ nay đến năm 2020, ra sức phấn đấu đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp” (Văn kiện Đại hội VIII, tr.80).

Trong sự nghiệp đổi mới, Đảng ta đặc biệt chú trọng đến xây dựng và củng cố Nhà nước. Đã có những hội nghị trung ương chuyên đề về xây dựng và hoàn thiện nhà nước. Hội nghị Trung ương tám (khoá VII) (1995) đặt ra yêu cầu cấp thiết phải xây dựng, kiện toàn bộ máy nhà nước vững mạnh, trong sạch, có hiệu lực và hiệu quả: bài trừ quan liêu, tham nhũng, luôn giữ vững và phát huy bản chất cách mạng của một nhà nước. Nghị quyết này đã nêu ra những quan điểm cơ bản để xây dựng, hoàn thiện nhà nước: xây dựng nhà nước XHCN của dân tộc, do dân vì dân, lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng cộng sản lãnh đạo. Thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, giữ nghiêm kỷ cương xã hội, chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích của tổ quốc và của nhân dân. (trong quan điểm này, Nghị quyết xác định nhà nước ta có bản chất giai cấp công nhân gắn bó chặt chẽ với tính dân tộc, tính nhân dân); quyền lực Nhà nước là thống nhất, có sự phân công phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện ba quyền: lập pháp, hành pháp và tư pháp; Quán triệt nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước; Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam quản lý xã hội bằng pháp luật, đồng thời coi trọng giáo dục, nâng cao đạo đức XHCN; Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước.

Để đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao đối với việc xây dựng Nhà nước trong thời kỳ mới, Nghị quyết Hội nghị trung ương ba (khoá VIII - 1997) đã nhấn mạnh một số chủ trương để tiếp tục xây dựng nhà nước ta trong sạch, vững mạnh. Những chủ trương lớn là: Mở rộng dân chủ XHCN, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong xây dựng và quản lý Nhà nước; Nâng cao chất lượng hoạt động và kiện toàn tổ chức Quốc hội; Tiếp tục cải cách nền hành chính Nhà nước; Cải cách tư pháp; Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng với Nhà nước.

d) Tác phẩm được viết vào thời điểm trước cách mạng Tháng Mười, do vậy không thể đòi hỏi tác giả diễn giải, trình bày đầy đủ mọi vấn đề.

Lý luận về phân kỳ, đến lúc này, cả Mác, Ăngghen và Lênin, mới chỉ dự đoán về 2 giai đoạn lớn (thấp và cao) của xã hội CSCN và những nét lớn về nội dung hai giai đoạn đó mà thôi. Những bước quá độ nhỏ trong bước quá độ lớn chưa được đặt ra.

Do vậy, có những vấn đề, khái quát thì đúng, nhưng nếu phân kỳ nhỏ tiếp nữa thì lại không phù hợp. Ví dụ, ở giai đoạn thấp - xã hội XHCN - các nhà kinh điển đều cho rằng tư liệu sản xuất đã hoàn toàn thuộc về xã hội. Nhưng thực tế, quá trình xây dựng CNXH hiện thực, cho thấy thời kỳ đầu của CNXH vẫn còn sản xuất hàng hoá, với sự tồn tại của nhiều thành phần kinh tế, tất nhiên kinh tế nhà nước và tập thể dân giữ vai trò chủ đạo. Vì vậy, lời Lenin "Toàn xã hội chỉ còn là một phòng làm việc, một xưởng máy, với chế độ lao động ngang nhau và tiền lương ngang nhau" [125] là tương lai xa trong xã hội XHCN đã phát triển nhất định.

Về phân kỳ, tác phẩm có những chỗ đưa đến sự nhận thức khác nhau. Đó là kết cấu của chương V "Những cơ sở kinh tế để nhà nước tiêu vong" với 4 mục nhỏ:

- 1) Cách đặt vấn đề của Mác
- 2) Bước quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản
- 3) Giai đoạn đầu của xã hội cộng sản chủ nghĩa
- 4) Giai đoạn cao của xã hội cộng sản chủ nghĩa

Như vậy, có thể là hình thái kinh tế - xã hội CSCN gồm 3 giai đoạn: quá độ, thấp, cao; có thể: vẫn là 2 giai đoạn nhưng có một "quá độ" nằm giữa hai hình thái TBCN và CSCN; có thể: vẫn là hai giai đoạn, nhưng có "quá độ" lên CNXH (nằm trong giai đoạn thấp).

Theo chúng tôi, ý kiến sau là có lý hơn cả. Mục 2 chương V, Lenin tách ra để nhấn mạnh đến tính yếu của thời kỳ quá độ (cả quá độ nhỏ cũng như quá độ lớn - giai đoạn thấp, mà thôi).

Hà Nội, 10/1999

PTS. PHAN THANH KHÔI

"NHỮNG NHIỆM VỤ TRƯỚC MẮT CỦA CHÍNH QUYỀN XÔ VIẾT"

V.I.Lênin

(Lênin: Toàn tập, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, 1978, T.36, tr. 201 - 256)

I- HOÀN CẢNH RA ĐỜI TÁC PHẨM

Tác phẩm viết vào tháng 4 năm 1918. Lúc này Chính quyền Xô viết đã được thành lập ở khắp nước Nga. Nước Nga cũng vừa thoát khỏi chiến tranh do ký kết Hiệp ước Brét với nước Đức (3.3.1918). Một Hiệp ước, như Lênin nói là "vô cùng đau khổ" và "vô cùng nặng nề", nhưng là bắt buộc vì khi đó, nước Nga xô viết chưa có đầy đủ quân đội, và để tranh thủ hoà bình cho nhân dân đã bị kiệt quệ sau ba năm chiến tranh cướp bóc...

Tuy vậy, nền hoà bình đạt được ấy chưa thật vững chắc, còn rất "mỏng manh", "... là vì trong các nước đế quốc sát biên giới phía Tây và phía Đông nước Nga, tức là trong những nước có một lực lượng quân sự to lớn, phải chủ chiến bất cứ một lúc nào cũng có thể thắng thế; phái này có lòng thèm muốn trước tình trạng suy yếu tạm thời của nước Nga và được bọn tư bản đang căm ghét chủ nghĩa xã hội và hám cướp bóc, xúi dục" [204]

Cho nên, thời gian hoà bình có được là rất quý báu, phải nhất thiết tận dụng V.I.Lênin viết: "Chúng ta phải dốc hết sức lực ra để lợi dụng thời gian tạm ngừng chiến mà thời cơ đã đưa lại cho chúng ta, để hàn gắn những vết thương cực kỳ trầm trọng do chiến tranh gây ra cho toàn bộ cơ thể xã hội của nước Nga, và để phát triển kinh tế nước nhà, nếu không thì không thể nào nói đến tăng cường khả năng quốc phòng của nước Nga lên một mức tương đối được" [204]. Nghĩa là tập trung vào thực hiện những nhiệm vụ tổ chức và xây dựng của cách mạng XHCN.

Bản thân V.I.Lênin rất coi trọng việc trang bị cho Đảng và giai cấp công nhân sự hiểu biết rõ ràng về cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Nga, về kế hoạch thực hiện trong thực tế xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Vì thế, khi đất nước có thời kỳ tạm ngừng chiến, vào cuối tháng 3 năm 1918, Người đã bắt đầu viết bài báo về những nhiệm vụ của Chính quyền xô viết, thảo đề cương bài, đọc để ghi tốc ký một phần sơ thảo lần đầu của bài báo. Sau đó, vào tháng 4 cùng năm, Người viết "Luận cương

về những nhiệm vụ hiện nay của Chính quyền xô-viết", sau này đã được đăng dưới hình thức bài báo với nhan đề: "Những nhiệm vụ trước mắt của Chính quyền xô-viết". Đó là tác phẩm lớn đầu tiên của V.I.Lênin được viết sau Cách mạng tháng Mười và đã trở thành một trong những tác phẩm chủ yếu của chủ nghĩa Mác-Lênin.

II- NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TÁC PHẨM

Đúng như tên của tác phẩm, những vấn đề lý luận và thực tiễn của kế hoạch xây dựng chủ nghĩa xã hội, trong thời kỳ đầu ở Nga, được nêu lên dưới dạng các nhiệm vụ cấp bách sau đây:

1. Tổ chức quản lý đất nước.

Trước hết, V.I.Lênin đã khái quát những nhiệm vụ (các bước lớn) mà cách mạng Nga dưới sự lãnh đạo của Đảng bôn-sê-vích đã và đang trải qua. Nhiệm vụ thứ nhất là "... thuyết phục cho đa số nhân dân thấy được sự đúng đắn của cương lĩnh và sách lược của mình". Nhiệm vụ này được tiến hành dưới chế độ Nga hoàng. Nhiệm vụ thứ hai là "... giành lấy chính quyền và đập tan sự phản kháng của bọn bóc lột". Nhiệm vụ này đã cơ bản hoàn thành mà thôi. Nhiệm vụ thứ ba là "...nhiệm vụ tổ chức quản lý nước Nga - hiện đang được đề ra trước chúng ta, đó là nhiệm vụ trước mắt" [209]

Nhiệm vụ trước mắt trên là tiêu chí rõ nhất để phân biệt việc tiến hành hai cuộc cách mạng dân chủ tư sản và xã hội chủ nghĩa. V.I.Lênin viết: "Trong cách mạng tư sản, nhiệm vụ chủ yếu của quần chúng lao động là làm một công việc tiêu cực hoặc có tính chất phá hoại: xoá bỏ chế độ phong kiến, chế độ quân chủ, những quan hệ thời trung cổ. Còn công tác tích cực, hay là sáng tạo, tức là công tác tổ chức một xã hội mới, thì lại do thiểu số hữu sản, tức thiểu số tư sản trong nhân dân, hoàn thành... Trái lại, nhiệm vụ chủ yếu mà giai cấp vô sản và nông dân nghèo do giai cấp vô sản lãnh đạo, phải hoàn thành trong bất cứ cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa nào và, do đó, phải hoàn thành cả trong cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đã bắt đầu tiến hành ở Nga, ngày 25 tháng Mười 1917- nhiệm vụ chủ yếu đó là một công tác tích cực hay là sáng tạo nhằm thiết lập một màng lưới các quan hệ tổ chức mới, một màng lưới cực kỳ phức tạp và tinh tế, bao hàm sự sản xuất và phân

phối một cách có kế hoạch các sản phẩm cần thiết cho đời sống của hàng chục triệu người" [207]

Như vậy, nhiệm vụ tổ chức quản lý đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là do giai cấp công nhân và nhân dân lao động thực hiện, nó được bắt đầu ngay sau khi giành chính quyền, và với những nội dung hết sức phong phú. Đó là "nhiệm vụ chủ yếu và trung tâm" của thời kỳ quá độ [209]

Ở nước Nga nội dung ấy lại có thêm những vấn đề cụ thể và phức tạp. Đó là "Việc phục hồi lực lượng sản xuất bị chiến tranh và sự thống trị của giai cấp tư sản tàn phá; việc hàn gắn những vết thương do chiến tranh, do sự thất bại trong chiến tranh, do nạn đói cơ và những mưu toan của giai cấp tư sản muốn khôi phục chính quyền đã bị lật đổ của bọn bóc lột, gây ra; việc đẩy mạnh kinh tế trong nước; việc giữ vững một trật tự tối thiểu, - tất cả những công việc đó đang được đặt ra trước mắt" [210-211]

Ở nước Nga việc thực hiện tổ chức, quản lý đất nước thật khó khăn, bởi, lần đầu tiên, một Đảng giành chính quyền và trực tiếp bắt tay vào nhiệm vụ này [209]. Và "Đó cũng là nhiệm vụ cao cả nhất vì chỉ sau khi đã thực hiện được nhiệm vụ ấy (trên những nét chủ yếu và cơ bản của nó), thì mới có thể nói rằng nước Nga không những đã trở thành một nước cộng hoà xô-viết, mà còn là một nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa" [210]

2. Kiểm kê và kiểm soát phục vụ phát triển kinh tế

V.I.Lênin, xác định trong những nội dung tổ chức và quản lý thì vấn đề kinh tế phải đặt lên hàng đầu. Và để xây dựng nền kinh tế của chủ nghĩa xã hội, thì điều mấu chốt ở nước Nga bấy giờ là kiểm kê và kiểm soát có tính chất toàn diện và toàn dân đối với việc sản xuất và phân phối sản phẩm. [213]

Kiểm kê và kiểm soát còn được coi là "Trọng tâm của cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản" [221]. Bởi vì: "Chỉ có xuất phát từ chữ đó, mới có thể xác định được đúng đắn những nhiệm vụ trước mắt của chính sách kinh tế và tài chính trong việc quốc hữu hoá các ngân hàng, trong việc chiếm độc quyền ngoại thương, trong việc nhà nước kiểm soát sự lưu thông tiền tệ, trong việc thiết lập một thứ thuế thoả đáng, theo quan điểm của giai cấp vô sản, là đánh vào tư sản và mức thu nhập, trong việc áp dụng một chế độ nghĩa vụ lao động" [221-222]. Và quan trọng hơn, qua việc kiểm kê và kiểm soát mới có thể thực

hiện được một việc mấu chốt của xã hội mới là: "Nâng cao năng suất lao động trong phạm vi cả nước" [213]

Nếu lơ là, cầu thả trong kiểm kê và kiểm soát là tiếp tay cho bọn phản động, là tạo điều kiện cho bọn ăn cắp [225]. Từ đó, về mặt chính trị, "...nếu nhà nước không tiến hành kiểm kê và kiểm soát toàn diện đối với việc sản xuất và phân phối các sản phẩm, thì chính quyền của những người lao động, nền tự do của họ, sẽ không thể nào duy trì được và nhất định họ sẽ phải sống trở lại dưới ách của chủ nghĩa tư bản" [224].

Từ nội dung, ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác kiểm kê và kiểm soát, mà việc thực hiện công tác này cũng không phải là dễ dàng và chốc lát. V.I.Lênin nhắc rằng: "...đó là một trong những nhiệm vụ khó khăn nhất, và vì nền kinh tế bị chiến tranh tàn phá, cho nên phải một thời gian lâu dài mới giải quyết được nhiệm vụ đó; nhưng không nên quên rằng chính đó là chỗ mà giai cấp tư sản - nhất là giai cấp tiểu tư sản và giai cấp tư sản nông dân đông đảo - chống lại chúng ta quyết liệt nhất, bằng cách phá hoại công tác kiểm soát mà chúng ta đang tổ chức ..." [222]

3. Tăng cường kỷ luật và tăng năng suất lao động và tổ chức thi đua.

V.I.Lênin cho rằng, bước sang nhiệm vụ xây dựng đất nước, để củng cố thắng lợi thì phải tăng cường kỷ luật lao động [248], mới đảm bảo chiến thắng hoàn toàn giai cấp tư sản [231]. Tăng cường kỷ luật lao động, không chỉ là yêu cầu đối với toàn dân, mà còn với cả tổ chức Đảng [231]. Đây cũng là nhiệm vụ cấp bách và khó khăn. V.I.Lênin viết: "Chúng ta phải củng cố cái mà bản thân chúng ta đã giành được, cái mà chúng ta đã ban bố trong các sắc lệnh, đã biến thành đạo luật, đã thảo luận, đã vạch ra; chúng ta phải củng cố tất cả những cái đó dưới những hình thức vững bền của kỷ luật lao động hàng ngày. Đó là nhiệm vụ khó khăn nhất, nhưng cao cả nhất, vì chỉ có hoàn thành nhiệm vụ đó, chúng ta mới thiết lập được chế độ xã hội chủ nghĩa. Chúng ta phải học tập kết hợp tinh thần dân chủ sôi sục, tràn trề, tựa như nước lũ mùa xuân, của quần chúng lao động trong các cuộc mít tinh với một kỷ luật sắt trong lao động, với sự phục tùng tuyệt đối trong lao động với ý chí của một người duy nhất, của nhà lãnh đạo xô-viết" [248-249]

Thực hiện tổ chức về quản lý, kiểm kê và kiểm soát, tăng cường kỷ luật lao động... cũng là để dẫn đến nhiệm vụ tăng năng xuất lao động.

Năng suất lao động là dấu hiệu quan trọng nhất để xác định sự thắng thế của một chế độ xã hội của chủ nghĩa xã hội đối với chủ nghĩa tư bản. V.I.Lênin đã viết: "Trong bất cứ cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa nào, khi giai cấp vô sản đã làm xong nhiệm vụ giành được chính quyền rồi, và trong chừng mực và nhiệm vụ tước đoạt những kẻ đi tước đoạt và nhiệm vụ đập tan sự phản kháng của chúng đã được hoàn thành trên những nét chủ yếu và cơ bản, thì tất nhiên có một nhiệm vụ căn bản khác được đặt lên hàng đầu, đó là: Thiết lập một chế độ xã hội cao hơn chủ nghĩa tư bản, nghĩa là nâng cao năng suất lao động và do đó (và nhằm mục đích đó) phải tổ chức lao động theo một trình độ cao hơn" [228-229]

Nâng cao năng suất lao động là một nhiệm vụ trước mắt nhưng thực hiện được phải lâu dài. Để nhấn mạnh vấn đề này, V.I.Lênin so sánh rằng, chỉ cần vài ngày có thể giành được chính quyền, vài tuần có thể đập tan được sự phản kháng quân sự của giai cấp bóc lột, nhưng "...vô luận thế nào (nhất là sau một cuộc chiến tranh cực kỳ gian khổ và tàn khốc) cũng phải mất nhiều năm mới giải quyết được vững chắc nhiệm vụ nâng cao năng suất lao động. Ở đây, tính chất lâu dài của công tác này rõ ràng là do những hoàn cảnh hoàn toàn khách quan quyết định" [229]. Trong hoàn cảnh này, V.I.Lênin nhắc đến đại công nghiệp đối với việc nâng cao năng suất lao động (phải phát triển ngành sản xuất nhiên liệu và kim khí, máy móc, công nghiệp hoá chất), trình độ học vấn và văn hoá của quần chúng nhân dân, tinh thần kỷ luật lao động của lao động, kỹ năng lao động, cường độ lao động, tổ chức lao động tốt hơn, chế độ trả lương theo sản phẩm và tiền thưởng...[229-232]

Cũng từ phân tích các hoàn cảnh - điều kiện để nâng cao năng suất lao động, V.I.Lênin đã đưa ra một vấn đề lý luận và thực tiễn mới mẻ là sử dụng chuyên gia tư sản. Người có một luận điểm đáng lưu ý là: "Không có sự chỉ đạo của các chuyên gia am hiểu các lĩnh vực khoa học, kỹ thuật và có kinh nghiệm, thì không thể nào chuyển lên chủ nghĩa xã hội được, vì chủ nghĩa xã hội đòi hỏi một bước tiến có ý thức và có tính chất quần chúng để đi tới một năng suất lao động cao hơn năng suất của chủ nghĩa tư bản dựa trên cơ sở những kết quả mà chủ nghĩa tư bản đã đạt được" [217]

Nhưng giai cấp vô sản và nhân dân lao động Nga vừa mới giành chính quyền, chưa thể có tầng lớp trí thức, những chuyên gia của chính mình. Do

vậy, phải "thu phục được các chuyên gia tư sản" [217], nhất là "những người có tài", "những chuyên gia giỏi nhất" [218], bằng cách trả lương cao cho các chuyên gia tư sản ấy. Việc trả lương cao này như là "một bước lùi" so với phương thức phân phối của chủ nghĩa xã hội, nhưng là một bước lùi cần thiết, và "làm như thế là giáo dục quần chúng và quần chúng học tập qua kinh nghiệm để xây dựng chủ nghĩa xã hội" [219]

Tổ chức thi đua toàn dân cũng là một nhiệm vụ cấp bách của chính quyền xô-viết. Thi đua cũng là cuộc giải pháp để tăng năng suất lao động.

Theo V.I.Lênin, xã hội mới - xã hội XHCN và chính quyền mới - tổ chức xô - viết, lần đầu tiên mở đường "cho một cuộc thi đua thật sự có tính chất quần chúng", lần đầu tiên "tổ chức phong trào thi đua một cách rộng rãi" [232]

Nội dung thi đua ở mọi lĩnh vực hoạt động xã hội, nhưng theo V.I.Lênin: "Trong lĩnh vực chính trị, thi đua để thực hiện hơn rất nhiều so với trong lĩnh vực kinh tế, song muốn cho chủ nghĩa xã hội thắng lợi, thì chính thi đua trong lĩnh vực kinh tế là quan trọng" [232]

4. Thực hiện chuyên chính

Trong trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tình hình cụ thể ở Nga, thì chuyên chính vô sản không thể không có chức năng chuyên chính. "Thế mà cứ tưởng rằng bước chuyển từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội có thể thực hiện được, mà không cần đến cưỡng bách và chuyên chính, thì sẽ phạm một điều đại dột hết sức lớn và tỏ ra không tưởng một cách hết sức vô lý" [237]

V.I.Lênin còn nói rõ hơn về tính tất yếu của chuyên chính từ hai nguyên nhân chủ yếu: "Trước hết người ta không thể chiến thắng và diệt trừ được chủ nghĩa tư bản, nếu không thắng tay đập tan sự phản kháng của bọn bóc lột, là bọn mà người ta không thể nào tước hết ngay được tất cả của cải của chúng, những ụ thế của chúng về mặt tổ chức và mặt hiểu biết, và do đó trong một thời gian khá dài chúng không khỏi có những âm mưu lật đổ chính quyền của những người nghèo khổ, chính quyền mà chúng rất thù ghét. Hai là, nếu ngay như không có chiến tranh với nước ngoài, thì cũng không thể nào có được một cuộc đại cách mạng nào nói chung, và nhất là một cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, mà lại không có một cuộc chiến tranh trong nước, nghĩa là

một cuộc nội chiến gây ra một tình trạng tàn phá kinh tế còn to lớn hơn cả sự tàn phá của một cuộc chiến tranh với nước ngoài nữa, tình trạng hàng nghìn và hàng triệu trường hợp do dự và chạy từ phía này sang phía khác, tình trạng cực kỳ không ổn định, mất thăng bằng, hỗn loạn. Và hiển nhiên là tất cả những phần tử hủ bại của xã hội cũ- nhất định là chúng đang còn rất nhiều và chủ yếu đều có liên hệ với giai cấp tiểu tư sản (vì bất cứ cuộc chiến tranh hay cuộc khủng hoảng nào cũng đều trước hết đánh vào giai cấp này và làm cho nó phá sản) - đều không thể không "lộ chân tướng" ra trong một cuộc cách mạng sâu xa như thế. Và chúng không thể "lộ chân tướng" bằng cách nào khác hơn là qua việc tăng thêm những tội ác, những hành động lưu manh, hối lộ và đầu cơ, những hành vi xấu xa, ti tiện đủ loại. Để trừ bỏ hiện tượng đó, cần phải có thời gian và phải có một bàn tay sắt" [238-239]

Như vậy, đối tượng của chuyên chính trong thời kỳ quá độ không chỉ là giai cấp bóc lột ngoan cố mà có cả phần tử hủ bại của xã hội cũ không chịu cải tạo, và những phần tử tha hoá lưu manh, hối lộ, đầu cơ,... Thực hiện chuyên chính ấy là để giữ vững "nền dân chủ mới", là để nhân dân có thể tham gia rộng rãi vào quản lý đất nước [240]. Vì thế, chuyên chính vô sản khác với chuyên chính tư sản: "Sự khác nhau giữa chuyên chính vô sản và chuyên chính tư sản, trước hết, chính là ở chỗ, chuyên chính vô sản vì lợi ích của đa số những người bị bóc lột, đã đánh vào thiểu số đi bóc lột, và sau nữa là ở chỗ người thực hiện chuyên chính vô sản - cũng thông qua cả những cá nhân- không những chỉ là quần chúng lao động và bị bóc lột mà cả những tổ chức được xây dựng nên chính là để thức tỉnh số quần chúng đó, để nâng cao họ nên mức sáng tạo lịch sử (những tổ chức xô-viết thuộc loại các tổ chức đó)" [244]

III- Ý NGHĨA CỦA TÁC PHẨM

Tác phẩm chính là bản kế hoạch xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ ở Nga. Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội đến lúc đó, vẫn chưa có tiền lệ, rất mới mẻ. Do vậy, tác phẩm đã kịp thời định hướng hoạt động của Đảng, chính quyền và nhân dân xô-viết.

Thực tế, mấy năm sau, qua thực hiện những nhiệm vụ mà V.I.Lênin đề ra, nước Nga xã hội chủ nghĩa non trẻ đã dần vượt qua được khó khăn và đứng

vững trước những thử thách, gian khổ thời kỳ nội chiến sau đó, để đi lên, trở thành Liên Xô rộng lớn.

Tác phẩm đề ra những nhiệm vụ trong thời kỳ đầu đi lên chủ nghĩa xã hội ở Nga, nên đến nay, với điều kiện ở nước ta, những nội dung đó vẫn còn nhiều ý nghĩa lớn lao. Nhiệm vụ hàng đầu, tổ chức và quản lý đất nước của Đảng và nhà nước ta đã có bước chuyển đổi căn bản từ cơ chế kế hoạch hoá tập trung quan liêu sang quản lý kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Việc đổi mới kinh tế này đồng thời với sự đổi mới toàn diện đất nước và lại ở trong hoàn cảnh đối mặt với bốn nguy cơ lớn: là sự tụt hậu về kinh tế, âm mưu "diễn biến hoà bình", nguy cơ chênh lệch hướng, tham nhũng và quan liêu... Vì thế, vai trò lãnh đạo và quản lý của Đảng và nhà nước có ý nghĩa quyết định và cần được tăng cường. Nghị quyết Trung ương 8 (khoá VII) và Nghị quyết Trung ương 3 (khoá VIII) đã chỉ ra phương hướng và những nhiệm vụ cơ bản để tiếp tục xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa nước ta trong sạch và vững mạnh, đảm nhiệm được nhiệm vụ to lớn quản lý mọi mặt của đời sống xã hội Việt Nam. Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) (khoá VIII) đã nêu ra những vấn đề cơ bản và cấp bách để tiếp tục xây dựng Đảng ta xứng đáng là đội tiên phong của giai cấp, của dân tộc, đáp ứng được yêu cầu mới của cách mạng nước ta. Việc nhắc nhở của V.I.Lênin về kiểm kê và kiểm soát sản xuất và phân phối sản phẩm vẫn mang tính thời sự cho hôm nay ở nước ta. Chỉ cần nhắc lại tên những vụ án tham nhũng của một hai năm vừa qua (vụ án tại Công ty dệt Nam Định, vụ buôn lậu liên quan đến một số quan chức tỉnh Long An, vụ phá rừng ở Bình Thuận, vụ án Minh Phụng - Epcos, vụ án Tân Trường Sanh...) cũng đủ thấy sự khiếm khuyết lớn của chúng ta đối với việc kiểm kê và kiểm soát.

Do vậy, vấn đề kỷ luật lao động cũng đang đặt ra, cần lưu ý ở nước ta và rộng ra là kỷ cương phép nước không nghiêm là điều cần sớm được giải quyết. Điều này không chỉ do yêu cầu trước mắt để tăng năng suất lao động mà còn là yêu cầu cơ bản lâu dài của việc xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam.

Trước đây, đã có thời kỳ chúng ta rất chú trọng đến thi đua, nhưng trong cơ chế cũ cho nên động lực của các hoạt động này không được chú ý.

Khi bước nào thời kỳ đổi mới, yêu cầu của nền kinh tế nhiều thành phần, sản xuất hàng hoá, yếu tố cạnh tranh đã phát huy tác dụng thúc đẩy hoạt động của con người. Nhưng từ đó, nhiều nơi, nhiều lĩnh vực lại lãng quên vai trò của thi đua. Động viên sự cạnh tranh lành mạnh, đồng thời khuyến khích thi đua xã hội chủ nghĩa là yêu cầu mang tính bản chất của xã hội mới của thời kỳ quá độ ở nước ta.

Sau nữa, nội dung về lý luận chuyên chính và dân chủ trong tác phẩm vẫn có ý nghĩa sát thực đối với nước ta. Khi chỉ ra phương hướng tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước mới, Nghị quyết Đại hội VIII nêu rõ: "Xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân; lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng cộng sản lãnh đạo. Thực hiện đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân, giữ nghiêm kỷ cương xã hội, chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân"

Tóm lại, những nhiệm vụ trước mắt của Chính quyền xô-viết được nêu trong tác phẩm vẫn cơ bản mang những giá trị thời sự, nhất là về mặt phương pháp luận. Tuy vậy, do hạn chế của lịch sử, mà có những vấn đề chưa được giải quyết đầy đủ trong tác phẩm. Ví dụ, tác giả chưa có điều kiện bàn đến sự tồn tại tất yếu của các giai cấp, các thành phần kinh tế khác nhau trong thời kỳ quá độ cho nên khi nói về chủ nghĩa xã hội thì còn khái quát, dường như (hoặc ít nhất là làm người đọc hiểu như vậy) trong thời kỳ ngắn thời, là có thể xoá bỏ ngay được giai cấp.

"ĐẠI HỘI VIII ĐẢNG CỘNG SẢN (B) NGÀ"

V.I.Lênin

(V.I.Lênin: Toàn tập, Nxb Tiến bộ, M.1977, t.38, tr.151 - 269)

I- HOÀN CẢNH RA ĐỜI CỦA TÁC PHẨM

Sau Cách mạng Tháng Mười Nga, khoảng 1 năm, Lênin có nhận định về cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất - chiến tranh đế quốc 1914 - 1918, và về tình hình chung của đất nước Nga một số nét chủ yếu như sau:

- Những mâu thuẫn giữa các nước tư bản chủ nghĩa, các nước đế quốc đã là một trong những thời cơ và điều kiện cho cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga - cách mạng xã hội chủ nghĩa - nổ ra và thắng lợi. Chính phủ Nga hoàng (thời kỳ Miliucốp và Kê Renxki) đã không có khả năng giải quyết những vấn đề cơ bản, những mâu thuẫn xã hội ngay từ thời "Cách mạng Tháng Hai năm 1917. Thành ra: nhân dân "làm cách mạng", nhưng chính phủ lại mang bản chất tư sản.

- Sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất, tiếp tục có khủng hoảng nhiều mặt: khoảng năm 1919 - 1920, các nước thắng trận, (đồng minh Anh + Pháp + Mỹ) đã gây sức ép với nước bại trận (Đức + Áo).

- Cũng sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất, nước Nga xô viết trẻ tuổi bị tàn phá nặng nề (công nghiệp, giao thông vận tải, nông nghiệp... đều bị đình đốn, nạn thiếu hàng hoá, nạn đói khổ, nạn mù chữ, bệnh tật... nảy sinh rộng khắp; quân đội cũng có nguy cơ tan rã v.v...).

- 14 nước đế quốc bao vây nước Nga xô viết, âm mưu "bóp chết" nước Nga, ép về giải quyết hậu quả chiến tranh (nước Đức phải trả nợ Mỹ và đồng minh nên lại "nhòm ngó" và ép nước Nga - "bất chấp ông chủ Nga").

- Tình hình nước Nga càng thêm rối ren, đặc biệt là có sự hoang mang, dao động trong Đảng, trong giai cấp công nhân, *nhất là đông đảo nông dân* có khả năng bị mọi kẻ thù của chính quyền Xô viết lôi kéo...

Đồng thời bọn Bạch vệ, bọn tư sản phản động hoạt động phá hoại chính quyền xô viết, gây sức ép lớn và chúng rất hy vọng vào nước Đức sẽ xâm lược Nga, với ý đồ "sẵn sàng đón quân Đức vào duyệt binh tại Hồng trường" (Matxcova).

- Nước Nga xô viết còn ở trong tình cảnh sau khi kí hoà ước Brét (tháng 1/1918): sự nhượng bộ đau xót đối với Đức, nhưng duy nhất đúng vì là "bước lùi cần thiết". Điều này làm bất đồng ngay trong Đảng cộng sản (b) Nga.

- Quốc tế thứ III (Quốc tế Cộng sản) đã thành lập (12 tháng Ba năm 1919): vừa có phương hướng chung cho phong trào cộng sản - từ sau khi Ăngghen mất (1895) vừa cổ vũ phong trào công nhân các nước.

- Trước tình hình đó, Đảng cộng sản (b) Nga cần Đại hội VIII để giải quyết hai nhiệm vụ lớn: Bảo vệ chính quyền Xô viết, Hồng quân công nông và chuẩn bị điều kiện ban đầu để xây dựng chủ nghĩa xã hội (chuẩn bị cho "chính sách kinh tế mới", trong đó vấn đề nông dân, nông nghiệp là cấp bách).

II- NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TÁC PHẨM

Đại hội VIII Đảng cộng sản (b) Nga (18 đến 23 tháng 3 năm 1919) có 301 đại biểu chính thức, 102 đại biểu dự khuyết, đại diện cho 313.766 đảng viên toàn Đảng. Chương trình nghị sự chính thức của Đại hội gồm 7 nội dung: 1) Báo cáo của Ban chấp hành Trung ương cũ. 2) Cương lĩnh Đảng cộng sản (b) Nga. 3) Công bố thành lập Quốc tế Cộng sản (Quốc tế III). 4) Tình hình và chính sách quân sự. 5) Công tác nông thôn. 6) Vấn đề tổ chức. 7) Bầu Ban chấp hành Trung ương mới.

Đại hội VIII lập 3 tiểu ban về: ruộng đất, quân sự, tổ chức.

1- Một số vấn đề lý luận và phương pháp luận, trong quá trình soạn thảo và thực hiện cương lĩnh của Đảng cộng sản :

a. Muốn có cương lĩnh đúng đắn, trước hết phải xuất phát từ thực tế, thực tiễn (nhưng đó không phải là mô tả những gì thực tại, mà là những thực tế, thực tiễn đã được chọn lọc, khái quát, tiêu biểu và phổ biến nhất)

Về vấn đề này, Lênin đã phê phán bản báo cáo của Bukharin, trong đó có sự miêu tả một cách rất "sách vở" về tư bản tài chính, từ đó làm sai lệch thực tế tình hình chủ nghĩa tư bản ở nước Nga lúc đó. Lênin xác định lại rằng: ở Nga lúc này mới là thời đoạn đầu của chuyên chính vô sản, nhiều vùng của đất nước, chủ nghĩa tư bản cũ còn đang phục hồi như ở giai đoạn đầu của nó, chứ ở Nga chưa có tư bản tài chính kiểu bọn tài phiệt; chưa có chủ nghĩa đế quốc hoàn chỉnh như một số nước phát triển. Phải xác định đúng tình hình thì soạn thảo Cương lĩnh của Đảng

mới đúng. Lênin cho rằng khi đó, nước Nga Xô viết còn lâu mới thoát khỏi tình trạng "ô hợp" bởi cấu trúc xã hội hoàn toàn là những "mảnh vật liệu khác nhau". Đó mới là thực chất tình hình, cho dù điều đó rất đáng buồn chán (ví như: tình trạng cổ sơ nhất của kinh tế hàng hoá vẫn tồn tại, đất nước còn bị tàn phá, còn bọn đầu cơ lương thực khi nhiều người đang đói v.v...)

Lênin nhấn mạnh rằng: về tình hình đất nước, Cương lĩnh chỉ nên ghi vào những gì mà không thể tranh cãi được, vì đã được thực tế xác nhận. Có như vậy mới là Cương lĩnh mác-xít. Nếu muốn Cương lĩnh là những điều rất trơn tru, bóng bảy... thì đúng là sự ngông cuồng "trên mây xanh"!

Lênin còn nhấn mạnh thêm về kết cấu kinh tế của nước Nga xô viết khi đó là không tránh khỏi một thực tế rất phức tạp *do nhiều thành phần không thuần nhất tạo nên*; "không thể vứt bỏ nó đi đâu được, dù nó chẳng tốt đẹp gì". Cương lĩnh phải nêu thực chất đúng tình hình đất nước thì Đảng mới có chủ trương, chính sách đúng được (đặc biệt là đối với *nông thôn, với trung nông...*). Nếu Nga đã có chủ nghĩa tư bản tài chính, chủ nghĩa đế quốc thuần túy... (như Bukharin nêu) thì bao nhiêu trung nông để ở đâu? Mà trung nông đang rất nhiều ở Nga với tư cách những người sản xuất hàng hoá nhỏ

b. Cương lĩnh của Đảng cộng sản phải được xây dựng trên cơ sở khoa học thì mới có ý nghĩa quốc gia và quốc tế:

Lênin đặc biệt lưu ý những vấn đề rất cơ bản mà Cương lĩnh phải làm rõ, trả lời và giải thích cho quần chúng hiểu được. Đó là những vấn đề cơ bản sau đây:

- Cách mạng vô sản vì sao nhất định xảy ra?
- Cách mạng vô sản xảy ra như thế nào?
- Thực chất và sức mạnh của cách mạng vô sản?
- Cách mạng vô sản phải giải quyết những vấn đề gì?
- Ý nghĩa của cách mạng vô sản là gì?

Lênin khẳng định rằng: không thể có chủ nghĩa cộng sản trên thực tế nếu những con người hoạt động xây dựng nó lại không hiểu thế nào là chủ nghĩa cộng sản, và, hiện tại, không hiểu thế nào là kinh tế hàng hoá, thế nào là chủ nghĩa tư bản; chưa hiểu được rằng, ngay khi bước đầu xây dựng xã hội mới như nước Nga hiện nay còn nền kinh tế tiểu nông và thủ

công thì nhất thiết không tránh được việc nó vẫn có khả năng "đổ ra chủ nghĩa tư bản" một cách thường xuyên. Nếu không hiểu được những điều đó mà ai vỗ ngực là cộng sản có đến 100 lần để phò trợ chủ nghĩa cộng sản là cách mạng triệt để nhất... thì thứ chủ nghĩa cộng sản đó của anh ta không đáng 1 đồng xu.

Hãy chứng minh một cách khoa học rằng chúng ta đang có một cơ sở kinh tế như thế nào và xây dựng chế độ mới không phải là trên bãi cát!

Hơn nữa, muốn cho cương lĩnh có đủ cơ sở khoa học và do đó mới có ý nghĩa quốc tế thì Cương lĩnh còn phải chú trọng đến những yếu tố giai cấp đặc thù về mặt kinh tế ở mỗi nước. Bởi vì không thể "tuyên bố" thành lập "cộng hoà xô viết thế giới" hay "thủ tiêu các quốc gia" mà làm cho Cương lĩnh có tính chất quốc tế. Chắc chắn rằng ở rất nhiều nước, có các kết cấu giai cấp và kinh tế rất đặc thù và do đó "con đầu đẻ" còn dữ dội hơn ở Nga nhiều (ý nói theo hình tượng mà Mác dùng về "con đầu đẻ kéo dài...", tức là về "thời kỳ quá độ"... , nhất là "quá độ bỏ qua" chế độ tư bản chủ nghĩa ở những nước chậm phát triển mà đi lên chủ nghĩa xã hội).

Nhưng Lênin cũng vững tin và khẳng định một thành tựu to lớn mà Đảng cộng sản đã tìm ra được, trên thực tế: đó là kiểu "Chính quyền xô viết" - một hình thức có tính quốc tế của chuyên chính vô sản.

c. Cương lĩnh của Đảng cộng sản lãnh đạo một nước tiểu nông đi lên chủ nghĩa xã hội phải xác định rõ những giai đoạn cách mạng kế tiếp nhau (để từ đó đề ra một cách đúng đắn mục tiêu, nhiệm vụ, hình thức... cách mạng, nhất là đối với sự nghiệp xây dựng ở nông thôn...)

Điều Lênin lưu ý về nhân thức lý luận ở đây là: đề phòng sự hấp tấp, "sính lý luận" với những ý định cho rằng cái đang xây dựng chưa xong... đã hoàn chỉnh.

Lênin đề nghị Cương lĩnh Đảng cộng sản (b) Nga khi đó chia các giai đoạn cách mạng như sau:

- *Giai đoạn 1:* Cách mạng Tháng Mười, giai cấp vô sản, Đảng cộng sản cùng với toàn bộ nông dân giành chính quyền. Đó thực chất là cách mạng tư sản, vì cuộc đấu tranh giai cấp ở nông thôn chưa phát triển. Đến Hè năm 1918: ở nông thôn, cuộc cách mạng vô sản chân chính mới bắt đầu.

- *Giai đoạn 2:* giai đoạn phân hoá của những phần tử vô sản, nửa vô sản ở nông thôn cùng với sự đoàn kết của họ với vô sản thành thị, đấu

tranh chống bọn tư sản nông thôn: thành lập "Ủy ban nông dân nghèo"- xô viết nông thôn. Đây là kiểu cơ quan thống trị giai cấp, chính quyền vô sản ở nông thôn với những đạo luật về ruộng đất, về nông nghiệp... theo lối xã hội chủ nghĩa. (Đó là điều rất chủ yếu đối với tất cả những người xã hội chủ nghĩa cần nắm rõ; nếu không thì họ không phải là xã hội chủ nghĩa).

Khi nhiệm vụ thành lập chính quyền vô sản đã hoàn thành thì chuyển sang nhiệm vụ phức tạp hơn ở nông thôn hiện nay là: thái độ đối với trung nông như thế nào? (Kẻ nào nghĩ là làm như vậy sẽ "giảm tính chất của chính quyền xô viết", làm "lồng lẻo chuyên chính vô sản", là "thay đổi chính sách cơ bản" v.v... thì kẻ đó không hiểu gì về nhiệm vụ của giai cấp vô sản, về cách mạng vô sản).

d. Cương lĩnh của Đảng cộng sản lúc này phải đặc biệt chú ý phân tích lực lượng các giai cấp trong xã hội:

Lênin cho rằng: con đường đi của chúng ta, trước hết là do sự tính toán về các lực lượng giai cấp quyết định.

Nước Nga sau cách mạng Tháng Mười đang có nhiều thành phần. Lênin đã nêu và nhận định về các thành phần giai cấp đó như sau:

- Về giai cấp tư sản (thành thị)

+ Đang phục hồi sau chiến tranh, sau Cách mạng Tháng Mười, vì họ còn những điều kiện kinh tế - xã hội, mà cơ sở của nó là nền sản xuất hàng hoá tiểu nông và chủ nghĩa tư bản quốc tế (và trên phạm vi quốc tế, tiền của... họ mạnh hơn chúng ta hiện nay).

+ Phải thấy thực chất của dân chủ tư sản: nó chỉ hạn chế ở việc công bố những quyền có tính chất hình thức được áp dụng đồng đều với mọi công dân (quyền hội họp, lập hội, đi lại, cư trú v.v...). Nhưng vấn đề phổ biến lại là ở chỗ, trên thực tế, do địa vị nô lệ về kinh tế mà đa số người lao động lại không thể sử dụng được những quyền đó trong chủ nghĩa tư bản.

- Về giai cấp vô sản (thành thị):

+ Đã có vai trò lãnh đạo xã hội Nga hiện nay (được nhân dân và hiến pháp ghi nhận, bảo vệ...), đang bước đầu xây dựng chính quyền Xô viết.

+ Phải thấy thực chất của dân chủ vô sản (hay dân chủ xô viết) là dân chủ không giả dối với toàn dân; quyền dân chủ, tự do trước hết và

nhiều nhất cho những giai cấp, tầng lớp vốn đã bị chủ nghĩa tư bản áp bức bóc lột: Đó là giai cấp vô sản, nông dân và mọi người lao động. Chế độ dân chủ tước đoạt của giai cấp tư sản, đem lại cho đa số người lao động. Vì vậy Đảng cộng sản, Nhà nước vô sản có nhiệm vụ ngày càng lôi cuốn đông đảo hơn những người lao động vào việc xây dựng chính quyền thực hiện trên thực tế mọi quyền tự do dân chủ cho nhân dân, nhất là mở rộng những khả năng vật chất để thực hiện các quyền đó.

- Về nông dân:

Lênin nhấn mạnh một số tư tưởng của Ph.Ăngghen khi phân biệt: tiểu nông, trung nông, đại nông... và việc vận dụng, phát triển các tư tưởng ấy vào nước Nga hiện nay. Chính chúng ta, ở Nga hiện nay, do không vận dụng cụ thể, sáng tạo và thiếu kinh nghiệm cho nên nhiều khi "đánh bọ cu-lắc" lại đánh cả vào trung nông.

+ Trung nông là người sản xuất hàng hoá nhỏ - lực lượng đông đảo ở Nga, nhưng hiện nay đã kiệt sức vì chiến tranh, vì "chính sách cộng sản thời chiến".

+ Họ cũng là người tiểu tư sản nông thôn do dự, dễ dao động như "ngồi giữa hai ghè" (vô sản và tư sản), không đủ bản lĩnh: không đủ khả năng tự bảo vệ mình. Họ chỉ tin chủ nghĩa xã hội khi chắc chắn không còn con đường nào khác hơn - khi giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản bị đánh bại hoàn toàn.

+ Họ có "hai mặt": tư hữu và lao động. Vì vậy "đối xử" với nông dân sao cho đúng khi "qui thành phần" họ..., phải biết phân biệt lịch sử kinh tế của họ, do đó chúng ta phải có năng lực thực tiễn mới làm được đúng.

- Về giai cấp địa chủ - cu-lắc:

+ Họ còn tiềm lực kinh tế ở Nga.

+ Họ phản động về chính trị, hoạt động phục thù. Họ chờ và tạo điều kiện cho chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc có thể tiêu diệt chính quyền xô viết.

Từ những sự phân tích cơ cấu giai cấp - xã hội nêu trên, Lênin đề cập và phê phán một số quan điểm sai, mơ hồ, lừa bịp... về "dân chủ nói chung", về "chuyên chính của dân chủ".

Lênin chỉ rõ: cần nhận thấy, trên thực tế đang có sự đối lập giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản: dân chủ vô sản và chuyên chính tư

sản. Ai không đọc và không nhận thấy rõ những tư tưởng ấy trong chủ nghĩa Mác, mà cho đến nay vẫn hiển hiện trên thực tế, thì người đó không phải là người mác-xít, không phải là người xã hội chủ nghĩa. Rằng, giai cấp thống trị không bao giờ tự nhường chính quyền cho giai cấp bị thống trị.

Vì thế, trong chuyên chính vô sản, chúng ta không thừa nhận bình đẳng với giai cấp tư sản; vì không thể có cái đó giữa bọn bóc lột và những người bị bóc lột. Còn công nhân và nông dân, phải từng bước thực hiện bình đẳng với nhau. (Chính vì kinh tế, văn hoá còn thấp mà còn những bất bình đẳng...)

e. Cương lĩnh của Đảng cộng sản phải thể hiện phương pháp vận dụng những bài học kinh nghiệm đã có vào hoàn cảnh mới:

Lênin đặc biệt chú ý phân tích, vận dụng kinh nghiệm kí hoà ước Brét với phát xít Đức và Bạch vệ tháng 1 năm 1918. Đó là vấn đề sách lược và phương pháp cách mạng trong những tình thế cụ thể không còn cách nào tối ưu hơn: vừa để bảo vệ mình, vừa để có thời gian và điều kiện chuẩn bị lực lượng đạt mục tiêu cuối cùng.

Lênin cho rằng: Hoà ước Brét là một hoà ước có tính thù bạo, cướp đoạt, ô nhục, vì Nga buộc phải nhường một phần đất cho bọn Đức và Bạch vệ chiếm đóng. Nhưng trong tình thế đó phải kí ngay và công bố; vì kí hoà ước đó là sách lược và phương pháp cách mạng duy nhất đúng vì không bao giờ Đảng quên mục tiêu cuối cùng là bảo vệ Đảng, bảo vệ Tổ quốc và nhân dân để xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Vì vậy, hiện nay, Cương lĩnh không chú ý về ý nghĩa những bài học cũ, chỉ chú ý mô tả lịch sử, không vận dụng sáng tạo những bài học lịch sử cho hiện tại và tương lai thì không thể chấp nhận được. Bài học từ Brét cho hiện nay là: Thái độ, giải pháp của Đảng *đối với dân chủ tư sản, với các tầng lớp tiểu tư sản*, đặc biệt là *với trung nông*, với các quan hệ *kinh tế tư bản chủ nghĩa* ngay trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là thế nào? (Có phải là ngay từ đầu, vì mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà "vứt đi" tất cả để thể hiện lập trường mác-xít triệt để không?). Ngay sự dao động trong Đảng trước hoà ước Brét, thì đến nay cũng là một bài học trong các thái độ đối với *dân chủ tư sản, trung nông, kinh tế tư bản tư nhân...*

Theo Lênin, trong những vấn đề như vậy, kinh nghiệm Brét cũng đã cho Đảng thấy: Cần có sách lược, phương pháp cách mạng mềm dẻo, đúng đắn để đi tới mục tiêu cuối cùng là chủ nghĩa xã hội.

Nhưng không bao giờ áp dụng một cách máy móc rập khuôn những kinh nghiệm lịch sử. Lênin nêu cụ thể về thái độ, chính sách, của Đảng cộng sản đối với các đối tượng hiện nay:

- *Với trung nông:*

Trước đây chủ trương "trung lập hoá trung nông" thì trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội phải là "liên minh vững chắc với trung nông" (và nông dân lao động nói chung), với những quy tắc, phương châm, nhiệm vụ, hình thức rất tỉ mỉ. Đảng cộng sản phải đem lại dân chủ thực sự cho họ, chỉ như vậy nông dân mới đi theo và tin ở Đảng, ở giai cấp công nhân, ở chủ nghĩa xã hội.

- *Với các chuyên gia tư sản, văn hoá tư sản, dân chủ tư sản:*

Theo Lênin, xây dựng chủ nghĩa xã hội, khi trong nước có các chuyên gia tư sản mà không sử dụng họ,... là sự ngây thơ, dại dột của Đảng lãnh đạo. Phải sử dụng cả những *thành tựu* văn hoá của chủ nghĩa tư bản, bởi vì chúng ta xây dựng chủ nghĩa xã hội không thể từ cái gì khác là từ những cái mà chủ nghĩa tư bản (và nhân loại) đã để lại. Thậm chí phải thiết lập xã hội cộng sản bằng cả những "bàn tay vốn là kẻ thù của chúng ta". Điều đó có vẻ mâu thuẫn, nhưng lại phải bằng cả cách đó mới giải quyết được nhiều vấn đề để có chủ nghĩa cộng sản. Phải bảo tồn các chuyên gia tư sản với tư cách một lực lượng kinh tế, kỹ thuật và văn hoá (trong khi công, nông... văn hoá còn thấp do lịch sử để lại). Thậm chí phải "trả lương cao" (khoảng 3000 rúp/tháng) cho mỗi chuyên gia tư sản giỏi; bao quanh họ một không khí thân ái để họ không rời bỏ hoặc đối phó với chúng ta. Không thể "dùng dùi cui để buộc một tầng lớp xã hội làm việc"! Họ phải phục vụ ta cả *về mặt tinh thần* nữa.

Lênin còn nhấn mạnh cụ thể một số vấn đề khác như: phải có những *biện pháp thực tiễn* và *luôn đổi mới*. Lưu tâm vấn đề đoàn kết *các dân tộc*, tôn trọng tự quản, chống tư tưởng xôvanh. Lưu tâm vấn đề chiến lược, sách lược, phương pháp trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc v.v...

2- Một số vấn đề cụ thể, trọng tâm về "công tác nông thôn", trung nông và liên minh công nông trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội:

Trên tinh thần là "liên minh với nông dân", Lênin đã nhấn mạnh những nội dung chủ yếu sau đây:

a. *Hiện nay phải "đặc biệt chú ý gấp hai, gấp ba lần vấn đề trung nông"* (so với trước đây). Từ lý luận chung về liên minh, cần cụ thể hoá rất nhiều vấn đề. Bởi vì trên thực tế thì trung nông và nông dân Nga sau Cách mạng Tháng Mười và sau chiến tranh đã: kiệt sức; dao động; đang bị bọn Bạch vệ và phản động "bao bọc". Không những ta phải có thái độ nhân nhượng trung nông mà còn phải đem lại cho họ những quyền lợi cụ thể, trực tiếp, dù là nhỏ bé nhất. Vấn đề trung nông hiện nay Cương lĩnh của Đảng cộng sản phải đặt lên hàng đầu. Giai cấp công nhân đã khó khăn, nhưng giai cấp có "bản chất hai mặt" này càng khó và phức tạp hơn.

Hơn nữa, trung nông vốn có gốc rễ kinh tế hóa lâu đời, họ sẽ có thể đứng vững lâu dài trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Nhưng nông dân *vốn thành kiến cũ với công nghiệp* (họ sợ đưa máy móc vào, họ sẽ thất nghiệp và trở thành "cố nông"!).

Vì vậy, công tác nông thôn, nhất là với trung nông, phải là một công tác lâu dài.

b. *Lênin lưu ý rằng, phải có thái độ đúng đối với mặt tư hữu của trung nông*: vì trung nông không là người bóc lột, họ là người lao động sản xuất hàng hoá nhỏ ở nông thôn. Cần làm cho họ thấy rõ trên thực tế: họ không thiệt thòi gì, trái lại còn có lợi hơn khi đi theo chủ nghĩa xã hội (hơn là khi đi theo chủ nghĩa tư bản và bị bóc lột, chèn ép), chỉ như vậy mới có thể *liên minh* với họ.

Sách lược phải hết sức mềm dẻo trong vấn đề nông thôn, nông dân nói chung và trung nông nói riêng: chúng ta "cho" nông dân bằng "tay này", sẽ "lấy lại" được bằng "tay kia" (có nghĩa là giao lưu, trao đổi hàng hoá được và cái lớn nhất là được chủ nghĩa xã hội). Đó là nhờ kinh nghiệm Brét.

c. *Về vấn đề liên minh công nông, hợp tác xã và quản lý nhà nước ở nông thôn*:

- Lênin chỉ rõ: Nhà nước và giai cấp công nhân thành thị phải giúp đỡ nông dân, bởi vì chúng ta cũng đã có kinh nghiệm thực tiễn bước đầu chiến thắng chủ nghĩa tư bản ở một nước tiểu nông vì *có quan hệ đặc biệt giữa giai cấp vô sản và nông dân*. Tuy không thể mong nông dân đứng ngay về phía giai cấp công nhân, nhưng nếu Đảng của giai cấp công nhân

có chính sách đúng thì sau một thời gian, nông dân sẽ về với chúng ta trong một liên minh vững chắc. Thực tế là sau 6 tháng khủng hoảng (về lương thực, giao thông vận tải, chiến tranh...), giai cấp công nhân đã về nông thôn giải thích cho nông dân rõ. Đó là nhờ thực tiễn đấu óc minh mẫn và tình cảm của giai cấp công nhân, chứ không phải "nói như sách", "lên mặt lãnh tụ"... với nông dân.

Trung nông, nông dân chỉ "về với chúng ta" khi chúng ta cải thiện được điều kiện kinh tế và sinh hoạt của họ trên thực tế hàng ngày và họ sẽ tán thành chủ nghĩa xã hội. Vả lại, chính nông dân rất cần đến công nghiệp, thành thị, công nhân... Nhưng họ không tán thành khi chỉ thấy những "mệnh lệnh từ trên dội xuống". Nghị quyết, Cương lĩnh Đại hội phải làm được những điều mà chúng ta và nông dân trông đợi thì sẽ có chủ nghĩa xã hội.

- Về vấn đề hợp tác xã ở nông thôn:

Lênin chỉ rõ: đã vốn có các *hợp tác xã tư sản cũ*. Phải tranh thủ cái cũ đó, không phá bỏ nó, nhưng loại giai cấp tư sản ra khỏi địa vị chủ đạo các hợp tác xã đó. Phải duy trì, phát triển các hợp tác xã - bộ máy duy nhất có giá trị ở nông thôn mà chủ nghĩa tư bản để lại: cùng với việc xây dựng hợp tác xã mới.

Trong quá trình hợp tác xã hoá, "lôi kéo trung nông", cải tạo họ; không có gì nguy hại hơn là cưỡng ép, dùng bạo lực với trung nông, nông dân.

Phải chứng tỏ trên thực tế cho nông dân thấy: hợp tác xã là tốt hơn cả để chiếm *lòng tin của nông dân*.

Từ nay, chúng ta còn phải về nông thôn, làm học trò của nông dân về nhiều mặt. *Phải thử nghiệm thực tiễn hợp tác xã nhiều lần* để tìm ra những hình thức phù hợp cuối cùng. Phải thuyết phục nông dân một cách thực tiễn.

- Về vấn đề công tác nông thôn và quản lý nhà nước:

Lênin phân tích rõ: Đó là công tác rất nhiều mặt phức tạp. Đó là công tác văn hoá lâu dài. Không thể giải quyết tất cả một lúc, không giản đơn, nóng nực. Phải có trọng tâm, đặt lên hàng đầu khi vấn đề này, khi vấn đề khác cho sát hợp (những vấn đề bức thiết, phức tạp nhất). Phải xét riêng thực trạng của nông dân.

Nhà nước mới (chính quyền xô viết) phải xóa bỏ những cơ cấu, tàn tích nhà nước cũ ở nông thôn; tịch thu của bọn bóc lột. Nhà nước Xô viết phải chống quan liêu, tham nhũng, "hà lạm, ức hiếp" nông dân. Phải sửa chữa những sai sót trước nông dân... thì công tác nông thôn, công việc nhà nước ở nông thôn mới có kết quả tốt, mới được nông dân tin cậy và ủng hộ.

III- MẤY Ý NGHĨA CHỦ YẾU CỦA TÁC PHẨM

1. Giá trị về phương pháp luận trong việc soạn thảo và thực hiện Cương lĩnh của Đảng cộng sản trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

- Về lý luận, nhận thức
- Về tổ chức thực tiễn.

2. Phải xác định đúng thực trạng tình hình và biết khái quát về các giai đoạn cách mạng để có chủ trương, mục tiêu, chính sách, giải phóng đúng đắn, phù hợp.

3. Bước vào thời kỳ quá độ ở nước tiểu nông, càng phải nhấn mạnh liên minh với cộng nông với nội dung và hình thức mới. Cải tạo, giúp đỡ nông dân theo con đường hợp tác xã thì không được cưỡng ép. Phải có lợi ích thiết thân cho nông dân để nông dân có lòng tin, có bản lĩnh. Công tác nông thôn là nhiều mặt, phức tạp, lâu dài; không thể giản đơn, nóng vội, chủ quan; mệnh lệnh suông...

4. Phải biết tổng kết và vận dụng các kinh nghiệm cách mạng trong những điều kiện cụ thể mới một cách có hiệu quả thiết thực, không bao giờ xa rời mục tiêu cuối cùng là chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản.

PGS.PTS. Nguyễn Đức Bách

"KINH TẾ VÀ CHÍNH TRỊ TRONG THỜI ĐẠI CHUYÊN CHÍNH VÔ SẢN"

V.I.Lênin

(V.I.Lênin: Toàn tập, Nxb Tiến bộ, M.1977, t.39, tr.309)

I- HOÀN CẢNH RA ĐỜI CỦA TÁC PHẨM

Tháng 10-1919 nhân dịp kỷ niệm 2 năm thành lập Chính quyền xô viết, Lênin có ý định viết tác phẩm với cái tên nói trên. Nhưng vì công việc hàng ngày dồn dập bởi cuộc nội chiến và cuộc đấu tranh của Chính quyền xô viết và nhân dân lao động Nga chống lại sự can thiệp của các nước đế quốc, do đó, Lênin đã không thực hiện được ý định ấy. Song, Lênin cũng đã trình bày tác phẩm ấy dưới hình thức đề cương với những nét chính yếu của tác phẩm.

Tác phẩm được viết trong hoàn cảnh lịch sử đặc biệt. Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười thành công được 2 năm, nhưng vẫn đang trong tình trạng chiến tranh (nội chiến và sự can thiệp của chủ nghĩa đế quốc). Nhiều vấn đề trước khi có chính quyền chưa thể đặt ra được thì nay thực tiễn đang đặt ra và lại đặt ra trong điều kiện chiến tranh. Để giải quyết hàng loạt vấn đề đang đặt ra nhằm giữ vững thành quả Cách mạng Tháng Mười - quan trọng nhất là Chính quyền xô viết, chính quyền của đa số nhân dân lao động - Lênin đã viết nhiều tác phẩm như: "Bàn về Chính quyền xô viết", "Sáng kiến vĩ đại", "Những nhiệm vụ trước mắt của Chính quyền xô viết"... và "Kinh tế và chính trị trong thời đại chuyên chính vô sản".

Mục đích của tác phẩm là "Nêu vấn đề và đưa ra những nét chính để cho các đồng chí cộng sản ở các nước thảo luận"[309]

II- NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TÁC PHẨM

1- Lý luận về thời kỳ quá độ.

Một là: Lênin khẳng định tính tất yếu của một thời kỳ lịch sử đặc biệt - thời kỳ quá độ. Người viết: "Về lý luận, không thể nghi ngờ gì được rằng giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa cộng sản có một thời kỳ quá độ nhất định" [309]

Hai là: Lênin chỉ rõ đặc điểm chung về kinh tế và chính trị trong thời kỳ quá độ. Đó là thời kỳ: "Đan xen của cả hai kế cấu kinh tế xã hội của chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa cộng sản". Và do đó, thời kỳ quá độ là thời kỳ đấu

tranh giữa chủ nghĩa tư bản đã bị đánh bại nhưng chưa bị tiêu diệt hẳn và chủ nghĩa cộng sản đã phát sinh nhưng vẫn còn rất non yếu - Nghĩa là cuộc đấu tranh giai cấp giữa giai cấp công nhân đã giành thắng lợi cơ bản (giành chính quyền) nhưng chưa có kinh nghiệm và kiến thức khoa học về quản lý kinh tế, xã hội... với giai cấp tư sản đã bị đánh bại (mất chính quyền) những vẫn còn sức mạnh to lớn (tiềm lực kinh tế, kinh nghiệm quản lý kinh tế khoa học, quản lý nhà nước, và sự ủng hộ của tư sản quốc tế) luôn tìm cách chiếm lại nhà nước của giai cấp công nhân nhằm giành lại chính quyền, giành lại thiên đường đã mất.

Từ đó, Lênin phê phán dân chủ tiểu tư sản trong đó có đại biểu Quốc tế II (Mác-đonam, Cauxky...). Phái dân chủ này không thừa nhận thời kỳ quá độ với những nội dung nói trên. Họ tìm cách điều hoà, xoa dịu, mơ mộng về một quá trình không cần đấu tranh giai cấp.

Lênin viết "Những người dân chủ này... không thừa nhận cả một giai đoạn lịch sử quá độ và chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản.... Họ nghĩ ra một kế hoạch điều hoà hai lực lượng chứ không phải là lãnh đạo cuộc đấu tranh của hai lực lượng ấy" [310]

Ba là: Lênin chỉ ra tính phổ biến và tính đặc thù của thời kỳ quá độ ở nước Nga. Tính phổ biến thể hiện ở chỗ: Những lực lượng cơ bản và những hình thức cơ bản của kinh tế - xã hội ở Nga cũng giống như bất cứ một nước tư bản nào khác. Đó là: chủ nghĩa tư bản, tiểu sản xuất hàng hoá, chủ nghĩa cộng sản. Tương ứng là những lực lượng cơ bản: giai cấp tư sản, giai cấp tiểu tư sản và giai cấp vô sản. Tính đặc thù của nước Nga là nền sản xuất tiểu tư sản, rất lạc hậu do đó mâu thuẫn cơ bản và cuộc đấu tranh trong thời kỳ quá độ lại là "Bước đầu của lao động liên hiệp theo nguyên tắc cộng sản chủ nghĩa - trong phạm vi một quốc gia rộng lớn - chống lại nền tiểu sản xuất hàng hoá và chống lại chủ nghĩa tư bản đang còn được duy trì cũng như đang được phục hồi trên cơ sở nền tiểu sản xuất. Có thể mô hình hoá như sau:

chủ nghĩa tư bản

Lao động cộng sản >< sản xuất hàng hoá nhỏ + -----

sản xuất hàng hoá

Biểu hiện về mặt xã hội đó là tính tích cực của giai cấp công nhân > tính tự phát vô chính phủ tiểu tư sản.

Bốn là: Lênin đã giải thích vì sao lao động ở nước Nga đã có thể gọi là lao động cộng sản. Theo Người, vì: quyền tư hữu tư liệu sản xuất đã bị xoá bỏ; Chính quyền xô viết đã được tổ chức trên phạm vi cả nước; tổ chức nền sản xuất trong công nghiệp lớn, nông nghiệp lớn, thương nghiệp lớn và thực hiện phân phối tư liệu tiêu dùng cũng do Nhà nước xô viết thực hiện. Đồng thời Lênin cũng chỉ ra rằng chủ nghĩa cộng sản, ở đây, cũng chỉ mới là "bước đầu", trong những điều kiện của "giai đoạn đầu". Do đó, một số công việc trên lĩnh vực nông nghiệp như việc tổ chức hợp tác để đưa sản xuất tiểu nông lên nền nông nghiệp cộng sản chủ nghĩa "mới bắt đầu", cuộc đấu tranh trên lĩnh vực này là rất khó khăn. Đó là cuộc đấu tranh chống buôn lậu và đầu cơ. Ở đây nền sản xuất hàng hoá nhỏ chủ nghĩa tư bản có cội rễ rất sâu, rất bền và từ đó hàng ngày, hàng giờ đẻ ra tư bản chủ nghĩa.

2- Về chuyên chính vô sản:

Một là: Lênin nêu bật tính tất của chuyên chính vô sản. Tính tất yếu của chuyên chính vô sản bắt nguồn từ mối quan hệ biện chứng giữa trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản và chuyên chính vô sản. Thời kỳ quá độ ấy về bản chất là quá độ chính trị, là nhà nước chuyên chính cách mạng của giai cấp công nhân, như Mác đã chỉ ra trong tác phẩm "Phê phán Cương lĩnh Gôta", Lênin gọi thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản là thời đại chuyên chính vô sản.

Hai là: Lênin chỉ ra rằng "Chủ nghĩa xã hội là xoá bỏ giai cấp" [318]. Muốn xoá bỏ giai cấp thì cần một thời kỳ lịch sử lâu dài chứ không thể xoá bỏ giai cấp ngày một, ngày hai được. Thời kỳ lịch sử ấy chính là trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa cộng sản, cũng chính là thời kỳ của chuyên chính vô sản..

Như vậy các giai cấp vẫn tồn tại trong suốt thời kỳ quá độ, thời kỳ chuyên chính vô sản. Thông qua chuyên chính vô sản mới xoá bỏ được các giai cấp; các giai cấp sẽ không mất đi nếu không có chuyên chính vô sản.

Ba là: Trong thời đại chuyên chính vô sản các giai cấp vẫn tồn tại nhưng đã có sự thay đổi căn bản, quan hệ giữa các giai cấp cũng có sự thay đổi. Cuộc đấu tranh giai cấp vẫn tiếp diễn với những nội dung mới, hình thức mới.

Về giai cấp công nhân, sau khi lật đổ thống trị của giai cấp tư sản và giành được chính quyền, đã trở thành giai cấp thống trị. Có chính quyền nhà nước, giai cấp công nhân dùng nó để tước đoạt kẻ đi tước đoạt, nắm lấy tư liệu sản xuất và sử dụng những tư liệu sản xuất ấy phát triển lực lượng sản xuất đã được xã hội hoá; dùng nhà nước chuyên chính vô sản để trấn áp sự phản kháng của các giai cấp bóc lột: tư sản và địa chủ; lãnh đạo các tầng lớp trung gian đi vào xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa.

Về các giai cấp bóc lột (tư sản và địa chủ). Các giai cấp này không thể biến mất ngay lập tức. Vì tuy, đã bị đánh bại (mất chính quyền, vấn đề cơ bản) nhưng chúng chưa bị tiêu diệt hoàn toàn. Trái lại, chúng vẫn còn sức mạnh. Đó là một phần tư liệu sản xuất, tiền chưa bị tịch thu hết; chúng còn có những mối quan hệ rộng rãi nhất là trong tầng lớp những người sản xuất nhỏ kể cả nông dân. Chúng có nghệ thuật quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội, quản lý tư tưởng, quân đội... Và chúng còn một quan hệ với tư bản quốc tế. Với sức mạnh ấy giai cấp tư sản phản kháng một cách quyết liệt, nhằm giành lại chính quyền, giành lại tư liệu sản xuất... Giành lại cái gọi là "Thiên đường" của chúng. Cuộc đấu tranh giai cấp trong thời đại chuyên chính vô sản không hề giảm đi tính quyết liệt, trái lại còn trở nên ác liệt hơn.

Về nông dân và các tầng lớp tiểu tư sản khác, trong tác phẩm này, Lênin đã chỉ ra rằng, trong thời đại chuyên chính vô sản nông dân và mọi tầng lớp tiểu tư sản là những tầng lớp trung gian. Họ là tầng lớp những người lao động rất đông đảo trong hoàn cảnh lịch sử của một nước Nga chậm tiến ; đồng thời họ lại là những người tư hữu nhỏ (những tiểu nông buôn bán lúa mì, những tiểu chủ, tiểu thương...). Địa vị kinh tế, xã hội trung gian ấy luôn làm cho họ dao động, bấp bênh, ngả nghiêng, giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản. Đặc biệt là nông dân, cũng như Mác đã từng phân tích trong tác phẩm "Đấu tranh giai cấp ở Pháp 1848-1850", Lênin chỉ rõ họ có nhiều thói quen thủ cựu không dễ dàng thay đổi được. Chuyên chính vô sản cần thiết để lãnh đạo tầng lớp tiểu tư sản, làm triệt tính bấp bênh, dao động của họ:

Bốn là: Chủ nghĩa xã hội với vấn đề nông dân (giải quyết vấn đề nông dân trong thời đại chuyên chính vô sản). Lênin chỉ ra rằng mục tiêu của chủ nghĩa xã hội là xoá bỏ giai cấp. Để đi tới mục tiêu ấy, trước hết phải đánh đổ các giai cấp bóc lột tư sản và địa chủ. Đây là một nhiệm vụ khó nhưng chưa

phải là nhiệm vụ khó nhất. Muốn xóa bỏ giai cấp thì phải thực hiện nhiệm vụ thứ hai, và là nhiệm vụ vô cùng khó khăn hơn. Đó là xóa bỏ sự khác biệt giữa công nhân và nông dân, làm cho tất cả mọi tầng lớp, mọi giai cấp trở thành người lao động.

Con đường và giải pháp để giải quyết vấn đề này là cải tạo lại toàn bộ nền kinh tế. xã hội của người sản xuất nhỏ, lẻ sang một nền sản xuất tập thể lớn. Đây là một nhiệm vụ hết sức lâu dài và chỉ có thể bằng cách giúp đỡ nông dân cải tiến lại toàn bộ kỹ thuật canh tác. Lênin cũng cảnh báo rằng mọi sự thiếu thận trọng nóng vội, hấp tấp dùng các biện pháp hành chính đều chỉ có thể kéo dài hơn trong thời kỳ quá độ với những khó khăn tăng lên mà thôi.

Phải thuyết phục nông dân để họ thấy rằng: Chính nông dân là những người được hưởng lợi trước nhất, nhiều nhất, ngay từ đầu trong nền chuyên chính vô sản. Lần đầu tiên, trong thời đại chuyên chính vô sản, người nông dân đã được hưởng tự do thật sự: Tự do làm việc cho mình, tự do ăn chiếc bánh mì của mình, tự do thoát khỏi nạn đói...

Lênin cũng chỉ ra rằng, những người cộng sản phải phân định rõ: Người nông dân lao động với người dân tư hữu; người nông dân lao động với người nông dân con buôn; người nông dân cần lao với người nông dân đầu cơ. Lênin nhấn mạnh chủ nghĩa xã hội với nông dân tất cả thực chất là ở sự phân định ấy. Người còn cho thấy, sự phân định ấy là khó khăn vì "Trong đời sống thực tế, những đặc tính của nông dân dù khó khăn đến đâu, dù trái ngược nhau đến đâu chăng nữa, cũng vẫn hoà lẫn vào nhau trong một chỉnh thể". Nhưng như Lênin chỉ ra, "Vẫn có thể phân định được và chính những điều kiện kinh tế và đời sống của nông dân đưa tới sự phân định ấy". Người đã dẫn chứng để chứng minh [317]

3- Lênin phê phán phái dân chủ tư sản.

Lênin phê phán phái dân chủ tiểu tư sản từ Mác-đô-nan, Giăng-lông-phê đến Cauxky và At'-lơ. Bọn chúng phủ nhận sự cần thiết phải có một thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản, phủ nhận chuyên chính vô sản, phủ nhận cuộc đấu tranh giai cấp trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản, thời kỳ chuyên chính vô sản.

Lênin phê phán quan điểm tiểu tư sản muốn "kính qua con đường dân chủ" nói chung - thực chất là quan niệm dân chủ giai cấp tư sản - cho rằng "dân chủ" bao hàm một nội dung tuyệt đối, siêu giai cấp.

Lênin cũng phê phán những câu nói chung chung về bình đẳng, tự do, dân chủ theo lập trường của giai cấp tư sản. Người chỉ ra rằng phải phân định rõ: Tự do cho ai? Bình đẳng giữa giai cấp nào với giai cấp nào? dân chủ trên cơ sở quyền tư hữu hay trên cơ sở xoá bỏ quyền tư hữu và khẳng định quan điểm của chủ nghĩa xã hội khoa học "Bình đẳng theo nghĩa xoá bỏ các giai cấp" [521]

III- Ý NGHĨA CỦA TÁC PHẨM

Lênin viết tác phẩm này tháng 10-1919 đến nay (10-1999) nghĩa là vừa tròn 80 năm. 80 năm trôi qua những nhận của Lênin về thời kỳ quá độ về chuyên chính vô sản, về đấu tranh giai cấp và về giai cấp nông dân cũng như sự phê phán của Lênin đối với quan điểm dân chủ tiểu tư sản vẫn còn nguyên giá trị của nó.

Thực tiễn suốt 82 năm (1917 - 1999) tồn tại và biến động của thế giới nói chung và hệ thống xã hội chủ nghĩa nói riêng đã chứng minh đúng đắn của chủ nghĩa xã hội khoa học rằng: Không thể phủ nhận chuyên chính vô sản: không thể bằng con đường nào "dân chủ", "tự do" theo lập trường tư sản và tiểu tư sản để đi tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản được. "Tư duy chính trị mới" của Goóc-ba-chốp thực chất là tư duy chính trị cơ hội, xét lại; tư duy chính trị tư sản. Tất cả đảng nào cải tổ theo tư duy chính trị ấy đều đưa chủ nghĩa xã hội đến chỗ thất bại.

"BÀN VỀ THUẾ LƯƠNG THỰC"

V.I.Lênin

(V.I.Lênin: Toàn tập, Nxb Tiến bộ, M.1978, t.43, tr.244 - 298)

I- HOÀN CẢNH RA ĐỜI CỦA TÁC PHẨM

Nước Nga, năm 1921, có nhiều khó khăn dẫn đến tình hình cực kỳ nghiêm trọng. Sau 4 năm chiến tranh, do đế quốc gây ra và 3 năm nội chiến, nước Nga kiệt quệ về nhiều mặt. Chiến tranh và nội chiến tàn phá nặng nề nhiều cơ sở kinh tế, xã hội. Mất mùa năm 1920 làm phần đông nhân dân lạc động, nhất là công nhân và nông dân bị đói. Giai cấp công nhân bị phân tán rệu rã và một bộ phận đã "mất gốc" do những hành động tự phát vì đói khổ và thất nghiệp tạo ra. Giai cấp nông dân bị "chính sách cộng sản thời chiến" trưng thu hầu hết số lương thực tối thiểu - nên rất bất bình với Chính quyền xô viết, mất cảm tình với công nhân. Khối liên minh công - nông trong chiến tranh và nội chiến đã có nhiều thành tựu thì nay có nguy cơ bị tan vỡ. Bọn phản cách mạng như phái "dân chủ lập hiến", "xã hội chủ nghĩa - cách mạng" "men-sê-vích"; bọn vô chính phủ và dân tộc chủ nghĩa... lợi dụng, kích động nông dân chống phá cách mạng. Tầng lớp cu-lắc, cùng bọn phản cách mạng đã sử dụng nông dân nổi dậy ở nhiều nơi chống Chính quyền xô viết (như ở Côn-sắc, tháng ba năm 1921...). Nhiều cán bộ, đảng viên của Đảng cộng sản (b) Nga cũng hoang mang.

Trước tình hình đó, Lênin cùng Đảng cộng sản (b) Nga quyết định phải có chủ trương lớn về nhiều mặt để ổn định và chuyển biến căn bản tình hình của đất nước: chuẩn bị các văn kiện cho *Đại hội X* của Đảng - định rõ đường lối cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong đường lối đó, vấn đề *nông dân, liên minh công - nông* và việc áp dụng *chính sách kinh tế mới* (NEP) là nổi bật.

Một nội dung kinh tế trọng tâm và cụ thể là: để nông dân an tâm, phá khởi sản xuất nông nghiệp, cần thay đổi việc trưng thu lương thực thừa (trong "chính sách cộng sản thời chiến") bằng *thuế lương thực* (trong "chính sách kinh tế mới").

Tác phẩm "Bàn về thuế lương thực" Lênin viết và được xuất bản ngay vào ngày 21 tháng tư năm 1921. Thực ra, một phần khá lớn của tác phẩm

(phần đầu, rất quan trọng), Lênin trích lại một tác phẩm khác mà ông viết từ tháng năm năm 1918, nhan đề "Nhiệm vụ chủ yếu của thời đại chúng ta - về bệnh ấu trĩ "tả khuynh" và tính "tiểu tư sản". Đoạn trích lại chủ yếu là nói về "chủ nghĩa tư bản nhà nước" và những kết cấu kinh tế - xã hội của trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Phần sau của tác phẩm "Bàn về thuế lương thực", Lênin mới nói đến vấn đề thuế lương thực, tô nhượng, hợp tác xã... (cùng với tác phẩm này, còn một loạt bài viết và thu vào đĩa ghi những bài nói của Lênin về thuế lương thực, về NEP).

II- NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TÁC PHẨM

Tác phẩm có hai phần lớn (tổng cộng 52 trang):

I. Nền kinh tế hiện nay ở nước Nga

II. Về thuế lương thực, tự do buôn bán và tô nhượng

Có thể khái quát mấy nội dung cơ bản của tác phẩm (dưới góc độ chủ nghĩa xã hội khoa học) như sau:

1- Phương pháp luận khoa học của Lênin trong việc phân tích kết cấu kinh tế - xã hội của đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội:

Thứ nhất là, phải xác định xem "bước quá độ" là từ đâu đến đâu? Về vấn đề này, có thể tóm tắt mấy điểm là:

- Từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội (cần nhận rõ, việc hiện nay chúng ta gọi là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa chỉ có nghĩa định hướng "quyết tâm" theo mục tiêu xã hội chủ nghĩa chứ chưa phải đã có xã hội chủ nghĩa với cơ sở kinh tế xã hội chủ nghĩa đầy đủ).

- Từ việc thực hiện "chính sách cộng sản thời chiến," đến việc trao đổi bình thường các sản phẩm.

- Từ chủ nghĩa tư bản, nhưng ở một nước tiểu nông chiếm đa số để chủ nghĩa xã hội.

Thứ hai là, danh từ "quá độ" vận dụng vào kinh tế có nghĩa là: hiện nay đang có những bộ phận, những thành phần, những mảnh của chủ nghĩa tư bản và của chủ nghĩa xã hội đan xen nhau (tức là kết cấu kinh tế - xã hội nhiều thành phần). Trên thực tế, khi đó ở nước Nga có các kết cấu kinh tế - xã hội sau đây: 1) Kinh tế tự nhiên và gia trưởng; 2) Kinh tế cá thể (chủ yếu

của tiểu nông); 3) Kinh tế tư bản tư nhân; 4) Chủ nghĩa tư bản nhà nước và 5) Kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Thứ ba là, các giai cấp và tầng lớp xã hội chủ yếu trong thời kỳ quá độ ở một nước tiểu nông gồm: Nông dân (tiểu nông, trung nông) chiếm ưu thế là hiển nhiên; giai cấp vô sản (công nhân); giai cấp tư sản (đã thất bại nhưng chưa bị tiêu diệt hẳn); tầng lớp con buôn, tiểu thị dân...

Thứ tư là, xác định rõ những *mâu thuẫn* chủ yếu giữa các lực lượng xã hội trong kết cấu kinh tế - xã hội đó:

- *Tính tư* phát tiểu tư sản là kẻ thù *chính* (cơ sở cho chủ nghĩa tư bản và giai cấp tư sản phục hồi).

- Cuộc đấu tranh giữa một bên là chủ nghĩa tư bản và thế lực tư phát tiểu tư sản của tiểu nông, trung nông với một bên là chủ nghĩa tư bản nhà nước và chủ nghĩa xã hội. Như vậy, chủ nghĩa tư bản nhà nước chẳng những không phải là "kẻ thù" của chủ nghĩa xã hội mà còn là con đường trung gian - quá độ, đi lên chủ nghĩa xã hội.

Trong thời kỳ quá độ *lên chủ nghĩa xã hội* mà sử dụng hình thức kinh tế chủ nghĩa tư bản nhà nước không phải là "bước lùi" hay "thỏa hiệp" với chủ nghĩa tư bản. Bởi vì trong một nước tiểu nông chiếm đa số, đã có chính quyền của công - nông, khi thực hiện chính sách *thuế lương thực, tự do buôn bán...* cũng có nghĩa là để những quan hệ kinh tế - tư bản chủ nghĩa phục hồi... Đó là điều đương nhiên, không nên lo sợ. Thậm chí, trong tình hình công nghiệp kiệt quệ thì "chủ nghĩa tư bản tư nhân" ở nước Nga khi bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, còn là "trợ thủ cho chủ nghĩa xã hội". Lênin cho rằng, ngay cả khi còn là chế độ *dân chủ nhân dân* (chuyên chính dân chủ - cách mạng, chuyên chính công - nông), đã có thể sử dụng hình thức chủ nghĩa tư bản nhà nước (xem trong 256). Ông chỉ rõ, chúng ta càng "leo cao" trên nấc thang chính trị của ta thì càng không có lý do để lo sợ những quan hệ kinh tế tư bản chủ nghĩa nảy sinh ở nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

2- Những quan niệm mới của Lênin về thời kỳ quá độ và chủ nghĩa xã hội

Thứ nhất, về chính trị, trong thời kỳ quá độ và trong xã hội chủ nghĩa có sự thống trị về chính trị; sự lãnh đạo chính trị của giai cấp vô sản (giai cấp công nhân) đối với toàn xã hội. Chính quyền là của giai cấp vô sản và nhân

dân lao động. Phải tiếp tục củng cố liên minh công - nông với những cơ sở mới, nội dung và hình thức mới, đặc biệt là về kinh tế.

Thứ hai là, về kinh tế, xã hội xã hội chủ nghĩa là xã hội thoát thai từ xã hội cũ mà ra. Không thể không nhận rõ những cơ sở và những quan hệ kinh tế, xã hội khách quan của chủ nghĩa tư bản và của chủ nghĩa xã hội đang còn đan xen nhau. Hơn thế nữa, ở một nước tiểu nông, khi kinh tế còn lạc hậu, muốn xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa còn rất cần học hỏi ở kinh tế tư bản chủ nghĩa, học các chuyên gia tư sản tài giỏi về quản lý kinh tế; phải "trả học phí" một cách thoả đáng... mới có thể xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa lớn mạnh được. Xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa là phải sử dụng kinh tế tư bản chủ nghĩa được phát triển trên cơ sở áp dụng những thành tựu, những phát minh mới và hiện đại nhất. Nếu không như vậy thì không thể nói đến chủ nghĩa xã hội được.

Trong những người cộng sản, ai mà sợ học hỏi kinh tế tư bản chủ nghĩa, cho đó là "thoả hiệp" v.v..., thì người đó không hiểu biết về thời kỳ quá độ, là nói trống rỗng kiểu "tà khuynh" tiểu tư sản. Nếu nghe theo những quan điểm đó thì "không cứu vãn được chủ nghĩa xã hội".

Thứ ba là, chủ nghĩa xã hội cần một nhà nước được tổ chức và quản lý có kế hoạch trên qui mô xã hội để hướng dẫn hàng chục triệu người lao động... Không có nhà nước, như vậy cũng không có chủ nghĩa xã hội. Một trong những hình thức để hướng dẫn tổ chức đó cho giai cấp tư sản, cho giai cấp nông dân hoạt động kinh tế là hướng vào "chủ nghĩa tư bản nhà nước" (như hình thức "tô nhượng" và hình thức "hợp tác xã"). Từ một nước tiểu nông đi tới *chủ nghĩa tư bản nhà nước* và đi tới *chủ nghĩa xã hội* đều phải qua một cái cầu nối là "kiểm kê, kiểm soát" của toàn dân về sản xuất và phân phối sản phẩm.

Thứ tư là, Đảng của giai cấp vô sản (giai cấp công nhân) phải giữ vững vai trò lãnh đạo. Trong khi *lãnh đạo* phải xác định rõ: hiện nay "chúng ta" là ai mà lại đang xây dựng chủ nghĩa xã hội ở một nước tiểu nông?

"Chúng ta" đó là Đảng tiên phong - một bộ phận của giai cấp vô sản. Mà *giai cấp vô sản* lại chỉ là một bộ phận nhỏ của xã hội với đa số là *nông dân* tiểu nông, trung nông. Sau xác định rõ như vậy thì Đảng lãnh đạo phải biết *hướng* những quyết định, những chính sách vào những vấn đề *cấp bách nhất, máu chót nhất* của đất nước hiện nay. Sau khi đề ra những chủ trương, chính

sách đúng, Đảng phải lãnh đạo và *kiểm tra* việc tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách có tính mấu chốt đó. Vấn đề này là: phải bắt đầu từ nông dân. Phục hồi và phát triển lực lượng sản xuất và đời sống của nông dân thì mới cứu vãn được tình hình. Lúc này, quan điểm ấu trĩ "tả khuynh" của anh tiểu tư sản lại cho rằng: chú ý đến nông dân hơn công nhân trong khi xây dựng chủ nghĩa xã hội thì đó là phản lại lợi ích giai cấp công nhân, phản bội chủ nghĩa xã hội ! Lenin phân tích rõ rằng: để có công nghiệp hiện đại - lợi ích cơ bản, lâu dài của giai cấp vô sản, thì nhất thiết phải có dự trữ lương thực và nhiên liệu. Muốn vậy, *hiện nay* phải khôi phục *ngay* kinh tế nông dân. Nếu lo cho giai cấp công nhân trước thì đó là chỉ chú ý lợi ích trước mắt có tính phòng hộ của công nhân mà quên lợi ích cơ bản lâu dài của giai cấp công nhân. Vì vậy trước hết phải thay đổi ngay chính sách của đảng và nhà nước đối với *nông dân*, trong đó trọng tâm là dùng thuế lương thực thay cho việc trưng thu lương thực của nông dân. Sau khi *đóng thuế lương thực*, nông dân có quyền bán tự do số lương thực thừa (dù là trong phạm vi địa phương). Cần tăng cường *trao đổi* sản phẩm công nghiệp lấy lương thực thừa của nông dân. Đó là *cơ sở mới về kinh tế* của liên minh công - nông trong thời kỳ quá độ. Không thể ngăn cấm việc nông dân trao đổi và buôn bán như vậy. Nếu Đảng nào ngăn cấm điều đó là đại đột, là tự sát. Khi liên minh công - nông được củng cố, có nghĩa là chế độ chuyên chính vô sản được củng cố vững chắc để xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Thứ năm là, trong thời kỳ quá độ trong khi xây dựng chủ nghĩa xã hội phải luôn chú ý phát huy tính chủ động, sáng tạo của các địa phương và cơ sở, của mỗi cán bộ và mỗi người lao động. Cần tăng cường đào tạo, gây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất, năng lực, trẻ khỏe, gắn với địa phương và cơ sở Đảng lãnh đạo nhưng không phải cán bộ đảng làm đủ mọi thứ lật vật, bao biện đến mức "làm một lúc 20 công việc nhưng không việc nào có kết quả". Thường xuyên phát hiện và chống bệnh quan liêu (nhất là từ các cơ quan Trung ương và các thành phố lớn). Đồng thời cũng phải công bố cho toàn xã hội rõ: Nhà nước sẽ trừng phạt nghiêm khắc mọi hành vi buôn lậu, đầu cơ, trốn tránh nghĩa vụ và đối phó với sự kiểm soát đúng đắn của Nhà nước. Đồng thời, trong một nước *tiểu nông* bị tàn phá, Nhà nước cần chú ý giúp đỡ nông dân các vùng dân tộc ít người, xa xôi, hẻo lánh, giao thông khó khăn... để từng

bước ổn định sản xuất và đời sống. Chỉ khi nào có cơ sở về lương thực và nhiên liệu đầy đủ; công nghiệp hoá (trước hết là kế hoạch điện khí hoá toàn quốc) hoàn thành, khi đó mới có căn cứ vững chắc để tin rằng, xã hội xã hội chủ nghĩa đã được xây dựng. Đó còn là một quá trình tương đối lâu dài và phức tạp. Theo Lênin, dự báo về thời gian, chúng ta luôn bị thực tế bác bỏ, đặc biệt là dự báo đối với một nước từ nền kinh tế chậm phát triển mà bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội.

3 - Một số điểm cụ thể của chính sách kinh tế mới (vấn đề này các khoa kinh tế sẽ khai thác kỹ hơn, ở đây chỉ giới thiệu về đại thể).

Theo Lênin, "chính sách cộng sản thời chiến" đã buộc phải được áp dụng trong những năm chiến tranh, trong đó có việc *trung thu* lương thực thừa của nông dân để phục vụ quân đội và công nghiệp. Nếu tiếp tục áp dụng chính sách trong "thời bình" là không phù hợp, nhất là đối với nông dân. Cần khôi phục ngay kinh tế nông dân bằng việc kích thích lợi ích kinh tế thiết thân của họ. Chỉ có chấm dứt "chính sách cộng sản thời chiến", áp dụng "chính sách kinh tế mới" (NEP) là phù hợp với tình hình của giai đoạn mới. Trong chính sách kinh tế mới, các điểm nổi bật là:

- Thay việc trung thu lương thực thừa của nông dân bằng thuế lương thực.
- Sau khi nộp đủ thuế lương thực, nông dân được "tự do" bán lương thực thừa (trong phạm vi địa phương).
- Thực hiện việc trao đổi sản phẩm công nghiệp lấy lương thực thừa của nông dân.

- Từng bước cải tạo nông dân, hướng họ vào con đường chủ nghĩa tư bản nhà nước (hình thức *hợp tác xã*).

- Sử dụng thành phần kinh tế tư bản tư nhân, hướng họ vào con đường chủ nghĩa tư bản nhà nước, đặc biệt là hình thức *tổ nhượng*.

Lênin có phân tích và so sánh hai hình thức chủ yếu của chủ nghĩa tư bản nhà nước là *tổ nhượng* và *hợp tác xã*.

Tổ nhượng là bản giao kèo, hợp đồng mà nhà nước kí kết với cá nhân nhà tư bản. Nhà tư bản kinh doanh để lấy lợi nhuận. Nhà nước cũng có lợi vì sản xuất của xã hội từng bước phát triển. Nhà nước lại kiểm soát (bằng pháp luật) đối với các nhà tư bản tư nhân, hướng họ đi dần vào quỹ đạo chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội cũng từng bước có nền sản xuất lớn, hiện đại làm cơ sở.

Hợp tác xã là hình thức kinh tế để nông dân có thể tự nguyện tham gia theo nguyên tắc dân chủ, cùng có lợi, nhưng không có bản giao kèo, hợp đồng nào. Vì thế "hình thù" của chủ nghĩa tư bản nhà nước ở đây ít rõ ràng hơn. Nhà nước khó giám sát hơn. Nhưng khi thành công thì các hợp tác xã đã thu hút được khối lượng nông dân to lớn đi vào quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội. Đó là cơ sở vững chắc để củng cố liên minh công - nông và chính quyền nhà nước.

Lênin kết luận chung về ý nghĩa quan trọng của NEP trong đó có sử dụng và cải tạo được các nhà tư sản "văn minh" - chịu hợp tác với nhà nước. Đặc biệt là NEP đã khuyến khích lợi ích kinh tế thiết thân của *nông dân*, từ đó nông dân bắt tay vào sản xuất một cách *yên tâm* và *hăng hái hơn* và đó là điều chủ yếu trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở một nước tiểu nông chiếm đa số trong dân cư.

III- Ý NGHĨA CHỦ YẾU CỦA TÁC PHẨM.

- Trong một nước mà tiểu nông chiếm đa số, bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, thì Đảng lãnh đạo và Nhà nước phải xác định rõ và đúng về kết cấu kinh tế - xã hội. Chỉ có căn cứ thực tế đúng đắn và khoa học, mới có chủ trương, chính sách và giải pháp đúng đắn.

- Đặc điểm lớn nhất về kết cấu "kinh tế quá độ" là kinh tế - hàng hoá, nhiều thành phần. Trong đó, sự tồn tại và phát triển của các thành phần kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa, cá thể... là khách quan. Nếu có nền chuyên chính vô sản vững vàng thì không hề lo lắng về điều đó, trái lại, phải sử dụng, cải tạo các thành phần kinh tế ấy bằng những hình thức và bước đi phù hợp, có hiệu quả, nhất là hướng vào hình thức "chủ nghĩa tư bản nhà nước". Kinh tế xã hội chủ nghĩa mới hình thành, sẽ chỉ đạo đối với các thành phần kinh tế khác theo chủ nghĩa xã hội và nhiệm vụ đó là rất phức tạp, lâu dài.

- Sau khi có chính quyền, chưa thể có ngay xã hội xã hội chủ nghĩa hoàn chỉnh. Việc xác định tên nước là "xã hội chủ nghĩa" mới có nghĩa là xác định mục tiêu, bản chất và kiên định, quyết tâm... đi lên chủ nghĩa xã hội. Không thể chủ quan, giản đơn, nóng vội, "đốt cháy giai đoạn"... để áp dụng những chính sách, hình thức... như đã có chủ nghĩa xã hội hoàn chỉnh.

- Phải có quan niệm đúng đắn và luôn đổi mới, sáng tạo... về chủ nghĩa xã hội; gắn nhận thức đó với thực tế, thực tiễn.

- Phải phát huy tính chủ động sáng tạo của quần chúng và đặc biệt chú ý động lực lợi ích thiết thân hàng ngày, nhất là khi thực hiện liên minh công nông... trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội...

Đó là những vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn thiết thực đối với Việt Nam hiện nay.

PGS.PTS Nguyễn Đức Bách

"BÀN VỀ CHẾ ĐỘ HỢP TÁC XÃ"

V.I.Lênin

(V.I.Lênin: Toàn tập, Nxb Tiến bộ, M.1978, t.45, tr.421 - 429)

I- SO LƯỢC HOÀN CẢNH RA ĐỜI CỦA TÁC PHẨM

Đây là nội dung những bài báo cuối cùng của Lênin, viết vào tháng Giêng năm 1923, do bà Crup-xkai-a (vợ Lênin) chuyển cho Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản (b) Nga. Trung ương Đảng đã cho đăng, công bố gấp để thống nhất nhận thức toàn Đảng, Nhà nước và để cho nông dân, nông thôn được rõ quan điểm về chế độ hợp tác xã khi xây dựng chủ nghĩa xã hội, chuẩn bị cho nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII.

Đây cũng là những quan điểm mà Lênin nhắc lại và triển khai tiếp nhiều quan điểm trước đây mà Người đã công bố từ 1918, nhất là trong tác phẩm "Bệnh ấu trĩ" tả khuynh và tính "tiểu tư sản".

Thời gian này, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản và Lênin, nước Nga xô viết đang thực hiện "Chính sách kinh tế mới", mà hợp tác xã là một kiểu của hình thức đó ở nông thôn. Người nhấn mạnh ý nghĩa của "Chính sách kinh tế mới", nhưng thực ra là quay về những cái "cũ" (bởi vì "chúng ta đã quốc hữu hoá, đã tịch thu, đã đánh đổ, đã đập tan nhiều hơn là đã kịp tính toán (V.I.Lênin: Toàn tập, Nxb Tiến bộ, M.1977, t.36, tr.360 (bản tiếng Việt) trong những năm qua...)

II- NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TÁC PHẨM

1- Về vai trò, ý nghĩa, nguyên tắc và những hình thức của hợp tác xã:

Theo Lênin, trong "Chính sách kinh tế mới", thì chế độ hợp tác xã có vai trò quan trọng đặc biệt. Lênin gán việc xác định vai trò đặc biệt của hợp tác xã với việc phải hiểu ý nghĩa của vấn đề đó. Người viết rõ 3 điểm sau đây:

- Nếu không thấy được ý nghĩa cơ bản, chủ yếu của cuộc đấu tranh chính trị, lật đổ các giai cấp bóc lột thống trị, thì việc đề xuất vấn đề hợp tác xã sẽ có nhiều ảo tưởng, kì quặc, lãng mạn tầm thường.

- Khi giai cấp công nhân đã lãnh đạo chính quyền Nhà nước, khi các tư liệu sản xuất chủ yếu đã do Nhà nước quản lý, thì trên thực tế, việc đưa nông dân vào hợp tác xã một cách phổ biến (tức là một hình thức chủ nghĩa tư

bản nhà nước ở nông thôn), cũng có nghĩa là chủ nghĩa xã hội tự nó từng bước sẽ hình thành.

- Cần thấy ý nghĩa đặc biệt của hợp tác xã là: *thứ nhất*, về nguyên tắc, các tư liệu sản xuất chủ yếu đã do Nhà nước nắm; *thứ hai*, đây là "bước quá độ" lên chủ nghĩa xã hội bằng con đường giản đơn nhất, dễ dàng nhất, dễ tiếp thu nhất đối với nông dân; nhưng đó là sự tham gia tự giác của nông dân để xây dựng "hợp tác xã văn minh". Hợp tác xã và "Chính sách kinh tế mới" là một bước tiến mới mà ít dùng những biện pháp cao xa, hình thức mơ hồ; không đề ra cho nông dân những yêu cầu quá cao, mà thích hợp trình độ người nông dân bình thường.

Tóm lại là, do đặc điểm cơ bản của *chế độ chính trị của chúng ta* mà hợp tác xã đã có những ý nghĩa đặc biệt đó.

2- Những điều kiện cơ bản, đặc biệt để tổ chức chế độ hợp tác xã ở một nước tiểu nông:

- *Điều kiện cơ bản thứ nhất là:* giai cấp công nhân nắm và lãnh đạo chính quyền .

- *Điều kiện cơ bản thứ hai là:* Nhà nước nắm các tư liệu sản xuất chủ yếu.

- *Điều kiện thứ ba là:* giai cấp công nhân phải liên minh được với giai cấp nông dân, nắm vững quyền lãnh đạo nông dân.

Những vấn đề đó "chưa phải là chủ nghĩa xã hội" nhưng "là những điều kiện cần thiết để xây dựng xã hội chủ nghĩa". Trên thực tế, những điều đó còn bị nhiều người xem nhẹ.

- *Điều kiện thứ tư là:* Nhà nước có những chính sách phù hợp với nông dân, cho các hợp tác xã được hưởng những "*ưu đãi thuần túy vật chất*" (như tỉ suất lãi trả thấp cho ngân hàng; như cho vay vốn cao hơn mức cho tư nhân vay, thậm chí ngang với cho ngành công nghiệp nặng vay...). Bởi vì, theo Lênin thì: "mỗi chế độ xã hội chỉ nảy sinh ra nếu được một giai cấp nhất định vào đó giúp đỡ về tài chính".

- *Điều kiện thứ năm là:* thể hiện được nguyên tắc kết hợp lợi ích tư nhân... với những lợi ích chung, Nhà nước kiểm soát được những lợi ích ấy, làm cho lợi ích tư nhân được đảm bảo khi nó phục tùng lợi ích chung của xã hội mới. Điều này trước đây là vấn đề nan giải thì nay "Chính sách kinh tế mới" đã tìm được giải pháp.

Đó vừa là những điều kiện cơ bản, vừa có ý nghĩa nguyên tắc của việc tổ chức chế độ hợp tác xã ở nông thôn.

Đồng thời Lenin luôn nhắc nhở rằng: Nhà nước chỉ ủng hộ hợp tác xã vào những sự trao đổi của quần chúng nông dân *chân chính thực sự tham gia* một cách *tự giác*. Nông dân sẽ kiểm nghiệm về lợi ích của họ, khi có lợi thì họ càng tự giác tham gia tích cực. Chỉ khi đó mới tạo ra những xã viên có văn hoá, những hợp tác xã văn minh của chế độ chúng ta và mới có chủ nghĩa xã hội.

3- Trong sự phát triển chế độ hợp tác xã, "toàn bộ quan điểm của chúng ta về chủ nghĩa xã hội đã thay đổi về căn bản", ở chỗ:

- Trong giai đoạn trước, trọng tâm của nhiệm vụ cách mạng là giành chính quyền.

- Trong giai đoạn mới, trọng tâm nhiệm vụ cách mạng đã chuyển sang công tác hoà bình "tổ chức văn hoá", đặc biệt là nhiệm vụ giáo dục.

Ở giai đoạn mới này có hai nhiệm vụ chủ yếu với ý nghĩa "đánh dấu thời đại", đó là:

- + Cải tạo bộ máy quan liêu cũ

- + Ở một nước tiểu nông thì nhiệm vụ giáo dục, "tiến hành công tác văn hoá trong nông dân", nhưng lại "nhằm mục tiêu kinh tế", đó là thực hiện chế độ hợp tác xã.

Chỉ khi đó chúng ta mới "đứng vững" hai chân trên mảnh đất của chủ nghĩa xã hội.

Lenin đã phê phán một số quan điểm sai lệch, hữu khuynh, "tả khuynh", rằng: nước Nga chưa đủ điều kiện và trình độ kinh tế, trình độ văn hoá để bắt tay ngay vào xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đương nhiên, trong một nước tiểu nông còn lạc hậu thì việc chống mù chữ cho nông dân là một nhiệm vụ to lớn, nhưng hoàn toàn có thể bắt tay vào thực hiện nhiệm vụ đó ngay khi bắt đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội. Lenin cũng nhắc nhở rằng, muốn trở thành con người có văn hoá thật sự thì đương nhiên cần có cơ sở phát triển kinh tế ở một trình độ nào đó: tức là *phải có cơ sở vật chất nhất định*. Tuy vậy, chúng ta không ngồi chờ đến khi có cơ sở vật chất cao thì mới làm cho nhân dân có văn hoá. Điều đó chính sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội phải bắt tay vào giải quyết một cách chủ động sáng tạo ngay từ đầu, qua từng nấc thang "quá độ - trung gian" của sự phát triển. Chính

việc tổ chức chế độ hợp tác xã ở trong nông dân, nông thôn trong sự liên minh chặt chẽ với công nhân, được Nhà nước ưu đãi, giúp đỡ thiết thân, dưới sự lãnh đạo của Đảng tiên phong của giai cấp công nhân... chúng ta sẽ hoàn thành được những nhiệm vụ to lớn đó của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Lưu ý, khi nghiên cứu tác phẩm "*Bàn về chế độ hợp tác xã*", cần gắn chặt với hệ thống các tác phẩm khác của Lenin trong thời kỳ NEP. Ở đây gọi mở thêm về một số vấn đề trong tác phẩm: "Chính sách kinh tế mới và những nhiệm vụ của Ban Giáo dục chính trị" (V.I.Lenin: Toàn tập, Nxb Tiến bộ, M.1978, t.44, tr.194 - 219) - Báo cáo của Lenin tại Đại hội II toàn Nga các Ban Giáo dục chính trị ngày 17 - 19 tháng Mười năm 1921; gồm 16 mục. Cần đặc biệt chú ý mấy điểm sau đây:

1. Có một bước ngoặt đột ngột: từ chính sách "Chính sách thời chiến" chuyển sang "Chính sách kinh tế mới", dường như "trở lại chủ nghĩa tư bản". Nói là "mới", nhưng thực ra lại có nhiều cái "cũ" so với những chính sách vừa qua "của chúng ta". Trước đây vài năm, chúng ta chỉ thấy "quốc doanh", "phân phối kiểu cộng sản chủ nghĩa" - tức là qua vôi vàng. Nay phải "quay về với sự thật khách quan" là: nhiều thành phần kinh tế, tự do trao đổi... sau khi nộp thuế... thì đương nhiên những quan hệ tiểu tư sản và tư sản sẽ hồi phục, phát triển ngay trong thời đại chuyên chính vô sản. Chuyên chính vô sản càng vững thì càng không có lý do để "lo ngại" điều đó.

2. "Chính sách kinh tế mới" cần đặc biệt chú ý kinh tế nông dân, chủ nghĩa tư bản nhà nước (trong đó có chế độ hợp tác xã) để đi lên chủ nghĩa xã hội. Cần nhấn mạnh *trách nhiệm cá nhân* trong quản lý Nhà nước. "Chính sách kinh tế mới" và hợp tác xã là thừa nhận sự thất bại của chúng ta trong một số chính sách sai lầm trước đây; là "sự rút lui có tính chiến lược" sau khi xác định được bài học kinh nghiệm bổ ích.

3. Nhưng sự "rút lui" đó đã gây nhiều tranh cãi, nhiều hoang mang, nhiều nhận thức sai lệch mới và sự "mất trật tự mới". Nhưng điều đó là đương nhiên, là bình thường trong sự phát triển. Vấn đề là: nhiệm vụ của các Ban Giáo dục chính trị sẽ rất quan trọng và rất phức tạp, nặng nề với ý nghĩa hàng đầu. Ai sẽ nhanh hơn ai?, nông dân sẽ theo ai? (hay để họ bảo nhau "quay lại

(với tư sản) đi thôi. đi với mấy anh cộng sản này nguy hiểm lắm thì chúng ta sẽ mất hết")

Do vậy, bằng mọi cách phải lôi kéo, giáo dục được nông dân với sự thiết thực trong lợi ích hàng ngày: tức là phải cải thiện kinh tế nông dân, sinh hoạt của nông dân, nông thôn. Chỉ có vậy mới có giai cấp vô sản và nền công nghiệp vững mạnh trên cơ sở nông nghiệp, ở một nước tiểu nông đi lên chủ nghĩa xã hội.

4. Tình thế mới rất có triển vọng và tất thắng, nhưng có thể sẽ "ác liệt hơn": vì kẻ thù như bọn cơ hội Mác-tốp, bọn phản động và "kẻ thù" ngay trong hàng ngũ ta sẽ không dễ yên (thế chân bọn Đê-ni-kin, Côn-tsắc...). Nhưng nếu để nông dân mù chữ thì họ dễ bị chúng lôi kéo, dọa dẫm... và họ sẽ thể hiện sự hoang mang dao động, vô chính phủ. Đây là cuộc đấu tranh mới: "ai thắng ai" giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản. Nguồn lực cuối cùng của ta là công nông với trình độ giác ngộ của họ vì sự nghiệp của chúng ta.

Vì thế các Ban Giáo dục chính trị không thể "đứng ngoài cuộc", ba hoa tuyên truyền suông. Vì *"Chính sách kinh tế mới còn có ý nghĩa giáo dục nữa"*.

5. Đây là cuộc đấu tranh chưa từng có trong lịch sử nhân loại: đấu tranh giữa chính quyền nhà nước chống giai cấp tư sản nước mình và tư sản quốc tế. Nhân dân, giai cấp công nhân... chưa có kinh nghiệm. Phải qua thực tế mà tạo ra những kinh nghiệm đấu tranh và xây dựng... nhờ sự giác ngộ từng bước của quần chúng trong sự nghiệp này, "không còn chỗ cho những người không chịu học tập đến nơi đến chốn, cho dù rất gay go, gian khổ... Đến việc biết đọc, biết viết mà chưa làm được, lại nói về chính sách kinh tế mới thì thật tức cười"! Nhiệm vụ giáo dục lại càng to lớn, quan trọng và nặng nề.

6. Chú ý những nguyên tắc về lợi ích trong "Chính sách kinh tế mới":

- Phải lấy sự quan tâm thiết thân của cá nhân người nông dân làm cơ sở.
- Phải xây dựng mọi ngành kinh tế quốc dân quan trọng trên cơ sở sự quan tâm thiết thân của cá nhân.

- Có thảo luận chung, nhưng trách nhiệm cũng do từng cá nhân. Chính chúng ta không giải quyết được vấn đề đó mà mỗi bước đi lại "vấp phải những khốn đốn".

- Phải quản lý chặt chẽ, kiên quyết hơn trước; phải học cách buôn bán, sao cho công nhân thoả mãn nông dân, nông dân thoả mãn nhu cầu nhờ công nhân thương nghiệp. Từ những cơ sở kinh tế, văn hoá đang lên... mới chống được quan liêu, tham nhũng có hiệu quả... mới có chủ nghĩa xã hội.

III- Ý NGHĨA CHỦ YẾU CỦA TÁC PHẨM

- Phải thường xuyên giáo dục cho cán bộ, đảng viên và nhân dân (nhất là nông dân) về ý nghĩa chính trị rất to lớn của vấn đề căn bản là Đảng đã lãnh đạo nhân dân lật đổ các giai cấp thống trị bóc lột và xây dựng chính quyền mới của mình, khi nhà nước đã là chủ sở hữu tư liệu sản xuất... thì mới hiểu việc xây dựng chế độ hợp tác xã gắn với chủ nghĩa xã hội quan trọng và tất yếu như thế nào.

- Tổ chức cho nhân dân (nhất là nông dân) thực hiện chế độ hợp tác xã là hình thức để tiếp thu và thiết thực nhất có lợi nhất cho nhân dân lao động để đi lên chủ nghĩa xã hội. Đó là một trong những hình thức của chủ nghĩa tư bản nhà nước, cần áp dụng và phát triển.

- Đảng, Nhà nước phải ủng hộ, tổ chức, lãnh đạo và ưu tiên cho các hợp tác xã..., thì nó mới ra đời và phát triển vững vàng được, đồng thời yêu cầu từ thấp đến cao đối với các hợp tác xã, tránh hình thức chủ nghĩa, tránh gò ép, tránh buông lỏng...

- Qua chế độ hợp tác xã, quan niệm về chủ nghĩa xã hội cần có nhiều đổi mới một cách khoa học và thực tiễn.

- Thực hiện chế độ hợp tác xã là một công tác văn hoá để có chủ nghĩa xã hội.

Những điều đó vẫn luôn rất thiết thực đối với Việt Nam hiện nay, cả nhận thức lẫn thực tiễn.

PGS.PTS. Nguyễn Đức Bách

"THÀ ÍT MÀ TỐT"

V.I.Lênin

(V.I.Lênin: Toàn tập, Nxb Tiến bộ, M.1978, tập 45, tr.442 - 460)

I- HOÀN CẢNH RA ĐỜI CỦA TÁC PHẨM

Lênin viết xong tác phẩm "Thà ít mà tốt" vào ngày 2 tháng ba năm 1923. Đây là một trong nhiều tác phẩm mà Lênin viết khi Người đã ốm, sức khoẻ ngày càng nguy kịch. Do vậy, những tác phẩm này, nhiều người xem như là những tác phẩm mang ý nghĩa "di chúc" của Lênin.

Sau khi đã vạch ra những phương hướng về cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước Nga, Đảng cộng sản (b) Nga và Lênin phân tích rõ: Tuy tình hình thế giới phức tạp, kẻ thù là chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động trong nước vẫn có nhiều âm mưu và hoạt động hòng bóp chết nước Nga Xô viết, trong nước còn nhiều khó khăn, nhưng đã có những điều kiện cơ bản để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước Nga.

Sau hai năm thực hiện chính sách kinh tế mới (NEP), nước Nga đã có những tiến bộ, đặc biệt là *kinh tế nông dân* ổn định hơn, *liên minh công - nông*" được củng cố một bước mới.

Tuy thế, Lênin đã nhận thấy *những yếu kém* của bộ máy Nhà nước xô viết- thông qua một bộ phận tiêu biểu là "Bộ dân uỷ Thanh tra công - nông". Nhìn chung, bộ máy Nhà nước xô viết và cán bộ của nó chưa đủ những hiểu biết cần thiết để làm việc theo nhiệm vụ, chức năng của mình. Nhà nước của chế độ *mới*, của công - nông và nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản... mà vẫn làm việc theo phong cách cũ, thậm chí còn nhiều người ít am hiểu công việc nhà nước hơn cả công chức cũ. Trong khi đó, số lượng người trong bộ máy nhà nước lại quá nhiều, chất lượng và hiệu lực quản lý của nhà nước rất thấp. Đó là một nguy cơ, cần khắc phục kịp thời.

Tác phẩm "Thà ít mà tốt", Lênin viết cùng thời gian với nhiều tác phẩm nhò khác, nhất là các bức thư gửi Đại hội XII của Đảng và gửi các đồng chí, lãnh đạo khác về nhiều vấn đề, trong đó nhấn mạnh một trọng điểm là công tác *cải tổ bộ máy Nhà nước*, công tác xây dựng Đảng.

II- NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TÁC PHẨM

Tác phẩm 18 trang, tập trung nói về cải tổ "Bộ dân uỷ Thanh tra công - nông", nhưng lại là những vấn đề lý luận, phương hướng, nguyên tắc và giải pháp lớn chung về cải tổ bộ máy nhà nước Xô viết.

1- Tác phẩm phân tích và đánh giá chung về thực trạng bộ máy nhà nước xô viết Nga, thông qua "Bộ dân uỷ thanh tra công - nông".

Lênin phân tích tình hình thực tế về chất lượng, số lượng cán bộ, những hoạt động và vai trò của bộ máy nhà nước Nga lúc đó. Lênin nhận định rằng, trừ "Bộ máy uỷ ngoại giao" là có uy tín hơn cả, còn hầu hết bộ máy nhà nước là trì trệ, kém hiệu lực, đặc biệt là "Bộ uỷ Thanh tra công - nông" - một tổ chức quan trọng nhưng lại kém hiệu quả công tác thấp, mất uy tín...). Lênin nhấn mạnh: từ sau Cách mạng Tháng Mười đã cố công cải tổ bộ máy nhà nước... nhưng đến nay (năm 1922, đầu 1923) vẫn là "phí công vô ích", thậm chí nhiều cái còn có hại.

Lênin đã dùng hình tượng đầu óc chúng ta "bị đóng cửa lại" để nói về tính bảo thủ, trì trệ của nhà nước xô viết. Sự trì trệ đó nhiều người không thấy mà lại cho rằng, nhà nước của ta như thế là đủ rồi! Người kết luận: nhà nước khi đó ở tình trạng "rất tồi tệ". Lênin nêu hai yếu tố mà nhà nước Xô viết Nga lúc đó mới "có" là : 1) Những công nhân hăng hái đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội, nhưng lại chưa biết cách làm thế nào để xây dựng nhà nước của mình. 2) Ta có rất ít ỏi học thức, kiến thức và sự giáo dục so với nhiều nhà nước hiện nay trên thế giới.

Chính vì mới "có" hai yếu tố nêu trên, mà bấy lâu nay nhà nước xô viết đã phải "thay thế kiến thức bằng những sự hấp tấp, sốt sắng, vội vàng"; đã dùng những nguyên tắc quản lý quan liêu kiểu nhà nước cũ, đã bị quần chúng lên án.

Nhiều hoạt động nhà nước không phối hợp được với công tác Đảng (trong đó có "Bộ dân uỷ Thanh tra công - nông" yếu hơn nhiều so với hoạt động của "Ban kiểm tra Đảng").

Lênin đi tới một nhận định khái quát- như một nghịch lý trên thực tế: trong những vấn đề chính trị, kinh tế, xã hội... nhiều khi chúng ta tỏ ra cách mạng ghê gớm! Trong khi đó một số hình thức, thủ tục, thể lệ hành chính

"nhỏ nhất" trong quản lý nhà nước thì chúng ta lại rất lạc hậu, trì trệ và hủ bại nhất! Đặc biệt là một số vấn đề lý luận, chúng ta càng táo bạo và cách mạng... đến mức giản đơn, dễ dãi! v.v... Đó cũng là một điều thường xảy ra cùng những sự kiện lớn... Đó cũng là một biểu hiện xen kẽ giữa cái "cũ" và cái mới (nhưng cái mới còn giản đơn chưa vững chắc, chưa chín muồi).

Lênin phê phán việc nhà nước và Đảng còn ít nghiên ngẫm để hiểu biết thật sự những kinh nghiệm quản lý, để kiểm tra, để củng cố chính quyền. Trái lại, chúng ta thường cho thế là đủ, cứ "lao bừa lên, huênh hoang...". Thực ra một bộ máy nhà nước thật sự là chính quyền xô viết thì chúng ta *chưa có*. Nhân dân không thể tin nhiệm nhà nước nếu nó cứ như hiện nay.

Lênin cho rằng, trước tình hình và những yêu cầu của đất nước; trước tình hình và trách nhiệm quốc tế (mọi kẻ thù đang muốn xoá bỏ chế độ xô viết ở Nga; trong khi cách mạng ở phương Tây và nhất là phương Đông... đang chịu ảnh hưởng của nước Nga v.v...) thì nhất định phải cải tổ ngay bộ máy nhà nước của chúng ta.

2- Những phương hướng và giải pháp chủ yếu nhằm cải tổ bộ máy nhà nước xô viết

a- Phương hướng, yêu cầu và những quy tắc chung:

Lênin đã xuất phát từ thực trạng của nhà nước và những yêu cầu to lớn đối với nhà nước xô viết để nhấn mạnh rằng: "Phải tỉnh ngộ nhanh"; phải "chỉnh đốn nhà nước một cách nghiêm túc". Ít nhất phải làm cho nhà nước xô viết có bộ máy và những viên chức không thua kém bất kì nhà nước nào ở các nước Tây Âu. Đó là một hướng, một yêu cầu còn thấp so với bản chất nhà nước xô viết khi nó đã hoàn thiện.

Lênin đã nêu một phương châm hành động chung là "*chỉ hành động sau khi đã suy nghĩ chín chắn*" để khắc phục bệnh giản đơn, chủ quan, tự mãn mà thiếu hiểu biết bấy lâu nay của nhà nước Xô viết. Chấm dứt tình trạng chưa suy nghĩ, nghiên ngẫm để hiểu biết các vấn đề mà đã hành động tùy tiện, bừa bãi... kém hiệu quả. Đó là một trong những nguyên nhân cơ bản để nảy sinh sự trì trệ, quan liêu, công kênh... của bộ máy nhà nước.

Từ nay, cải tổ bộ máy nhà nước phải thể hiện tính cơ bản, có hệ thống, chặt chẽ, chính quy về các nguyên tắc, về tổ chức... đồng thời trên cơ sở ấy mà

phát huy *tính năng động sáng tạo* đúng đắn của mọi bộ phận và viên chức nhà nước trong các công việc thực tiễn hàng ngày.

Muốn vậy, để cải tổ bộ máy nhà nước có kết quả vững chắc, lâu dài và nâng uy tín của nó trước nhân dân, trước quốc tế... thì phải "*học tập, học tập và học tập mãi*" - như một phương châm cơ bản nhất trong suy nghĩ và hành động của chúng ta. Lênin cho rằng, chỉ có thực sự học tập thường xuyên ở trường lớp, ở các bậc thầy dù đó là những chuyên gia tư sản - học ở nhân dân, ở thực tiễn... để làm sao những hành động của chúng ta đều thể hiện sự am hiểu và có kết quả. Ông nhấn mạnh rằng, chỉ khi những am hiểu và hành động có hiểu biết chẳng những là hoạt động mà còn trở thành thói quen, *tập quán văn hoá*... thì nó mới vững chắc và lâu dài.

Lênin nêu phương hướng và cũng là phương châm và yêu cầu trong việc giải quyết mối quan hệ giữa số lượng và chất lượng các viên chức mà hiệu lực kém thì phải *chú trọng chất lượng*, phải "vứt bỏ những chỉ tiêu chung về số lượng", "*thà ít mà tốt*".

Phải chú ý tiết kiệm trong hoạt động của nhà nước. Tiết kiệm về thời gian, về tiền của, về lực lượng cán bộ... Như vậy, mới phù hợp tình hình của chúng ta đang hướng vào chuẩn bị hoàn thành sự nghiệp điện khí hoá, công nghiệp hoá.

Cũng cần nêu một phương hướng và yêu cầu chung là: Cải tổ bộ máy nhà nước *phải có thời gian*, nhưng đồng thời lại phải *làm ngay từng bước* có sự kiên quyết về tình chính qui, về các nguyên tắc. Chắc chắn là, với nhiều yêu cầu mới, nghiêm ngặt... thì *trước mắt* sẽ rất khó khăn (thậm chí không ít người còn "cười mỉa", cho là viễn vông; không thể làm theo mong muốn lý tưởng đó được v.v....!).

b- Những giải pháp chủ yếu và cụ thể để cải tổ bộ máy nhà nước theo phương châm "thà ít mà tốt".

Trước hết cần nắm chắc và đúng về thực trạng số lượng, chất lượng đội ngũ viên chức, cán bộ... trong các cơ quan nhà nước, gắn với các chức năng, nhiệm vụ của nó. Từ đó mà *tuyển chọn ngay* những công nhân, những nông dân, những cán bộ... thực sự trung thành với chế độ mới, có khả năng hoạt động thực tiễn và sẵn sàng học tập để vươn lên.

Phải chọn lựa một cách cơ bản và có hệ thống. Sau đó những người được chọn vừa làm việc, vừa học tập bằng nhiều cách.

Những người được chọn phải có *các tiêu chuẩn* sau đây: Phải được nhiều cán bộ, đảng viên giới thiệu; phải qua sát hạch, sự hiểu biết nhất định về nhà nước nói chung; phải sát hạch về một số hiểu biết trong công việc hành chính của nhà nước; phải biết chủ động phối hợp hành động với các nhân viên và các tổ chức khác trong bộ máy chính quyền...

Tóm lại, làm sao ta chọn và đào tạo được những nhân viên nhà nước theo hướng "*không chê vào đâu được*" thì nhân dân mới tín nhiệm họ. Nhà nước phải có "Ban tuyển chọn" xứng đáng.

Phải tạo điều kiện cho việc học tập, đào tạo cán bộ nhà nước: đầu tư thoả đáng cho các cơ quan khoa học chuyên nghiên cứu về lao động quản lý. Nếu các đề tài đó ứng dụng tốt trong thực tiễn thì cần có thù lao, lợi ích thoả đáng.

Phải huy động, sử dụng các cán bộ có kinh nghiệm tốt, các giáo sư ở các viện khoa học... để làm thầy dạy, đào tạo cán bộ nhà nước một cách cơ bản, hệ thống. Nhà nước tổ chức thi biên soạn sách giáo khoa về quản lý nhà nước (Lênin giới thiệu một số sách loại này đã có, cần tham khảo, làm cơ sở để biên soạn sách giáo khoa của Nhà nước xô viết về quản lý).

Phải gắn học lý thuyết cơ bản với việc huấn luyện nghiệp vụ, với công tác thực tiễn.

Cần cử một số người có khả năng học tập sang một số nước có kiến thức và kinh nghiệm quản lý nhà nước để học tập (như Đức, Anh, Mỹ, Canada...).

Khi cần thiết, có thể kết hợp hoặc sáp nhập một cơ quan nào đó của bộ máy nhà nước với cơ quan Đảng tương đương... nếu hiệu quả hoạt động tốt hơn (cụ thể ở đây, do "Bộ dân uỷ Thanh tra công - nông" quá kém, Lênin đề nghị sáp nhập với "Ban Kiểm tra của Đảng" và ông cho rằng điều đó chẳng có gì sai trái, không phải là không làm được... mà còn có lợi nữa...).

Chỉ có kiên quyết làm, biết cách và thật thận trọng, thật chín chắn... từng bước, chúng ta mới cải tổ được bộ máy nhà nước và mới có một nhà nước xô viết vững mạnh thật sự, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa và làm tốt vai trò quốc tế.

Chú ý tham khảo thêm ý mà Lênin khái quát rằng:

Chính quyền Xô viết + Đường sắt Phổ + Quản lý Mỹ + Giáo dục Mỹ = chủ nghĩa xã hội (V.I.Lênin. Toàn tập, Nxb Tiến bộ, M.1977, t.36, tr.864)

III- Ý NGHĨA CHỦ YẾU CỦA TÁC PHẨM

- Trong điều kiện Đảng cộng sản đã lãnh đạo chính quyền, phải thường xuyên quan tâm, nhận định, giám sát, đánh giá đúng thực trạng của nhà nước về mọi mặt (vai trò, tổ chức bộ máy, cán bộ, chức năng, nhiệm vụ, các mối quan hệ, phương pháp và phương thức hoạt động, số lượng, chất lượng, hiệu quả công việc quản lý nhà nước, uy tín trước xã hội v.v...)

- Cần khẳng định những kết quả đã đạt được của nhà nước một cách đúng mức.

- Đặc biệt là cần nhận rõ những yếu kém, sai sót của nhà nước về mọi mặt (thường là có một cách phổ biến), vì lần đầu tiên Đảng, giai cấp công nhân và nhân dân lao động... có nhà nước của mình thì khó tránh khỏi những yếu kém, sai sót. Phải thật nghiêm túc phân tích các sai sót đó, tìm rõ những nguyên nhân trong những điều kiện cụ thể.

- Chỉ có như vậy mới có thể và cần phải đề ra được phương hướng, giải pháp, hình thức, bước đi... cụ thể mà từng bước xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa vững mạnh, trong sạch.

- Cần mở rộng hợp tác giữa các cơ quan nhà nước và các cơ quan Đảng, đồng thời học hỏi các kinh nghiệm quý về quản lý nhà nước, đào tạo cán bộ, tổ chức bộ máy... của nhà nước khác, kể cả nhà nước tư sản.

- Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, vừa mở rộng dân chủ để nhân dân tham gia xây dựng và bảo vệ nhà nước, vừa giám sát, kiểm tra, nâng cao kỷ cương, kỷ luật... trong mọi công việc quản lý nhà nước sao cho hiệu lực quản lý kinh tế - xã hội ngày càng cao và bộ máy nhà nước ngày càng tinh giảm, chặt chẽ, hoạt động nhịp nhàng và nền nếp.

Tất cả... đều thiết thực đối với cải cách nhà nước và đổi mới hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay.

PGS.PTS Nguyễn Đức Bách